

Tin 37 Văn

Thông tin - nghị luận - sáng tác văn học nghệ thuật



Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ
Chủ Trương



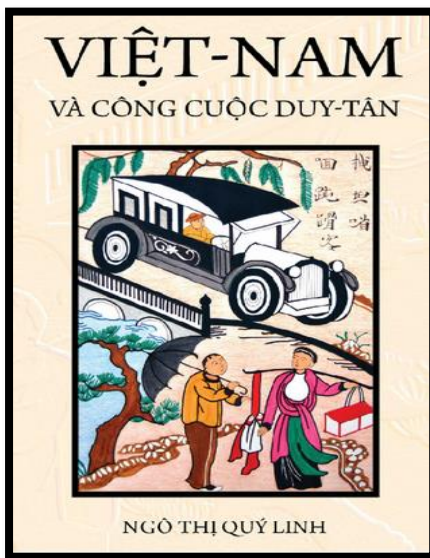
Tập San Tin Văn

**Trung Tâm
Văn Bút Nam Hoa Kỳ**



Tranh Vân Lan

Số Hè - Thu 2023



VIỆT-NAM VÀ CÔNG CUỘC DUY-TÂN

Tác giả:

NGÔ THỊ QUÝ LINH

Một nước Nhật Âu-hóa chiến thắng Trung-Hoa (1894) và Nga (1904-1905); việc bãi bỏ khoa cử nho-học ở Trung-Hoa (1905), tiến đến cuộc Cách-mạng Tân-Hợi (1911) đã khiến cho cả Á-châu bị

lôi cuốn mãnh liệt vào làn sóng Âu-hóa. Khoa cử nho-học ở Việt-Nam bị bãi bỏ với khoa thi cuối cùng năm 1918. Một thế hệ tân-học hoàn toàn Âu-hóa tốt nghiệp vào cuối thập niên 1920 và đầu thập niên 1930; những thế hệ tân-học kế tiếp thay phiên nhau đem đến những sự thay đổi cho xã hội Việt-Nam, từ phong tục, tập quán, tư tưởng cách sống, đến chế độ chính trị, học vấn, v.v...

Qua biên khảo này, chúng tôi cố gắng hình dung con đường duy-tân mà tiền nhân đã bắt đầu từ hơn một thế kỷ nay. Sách dày 230 trang, có nhiều tranh vẽ nghệ thuật, tranh khắc trên đá, tranh thêu, hình ảnh cổ vật, rất nhiều hình ảnh và tài liệu từ các sách báo xưa hơn 100 năm.

Hình bìa và các tranh trong sách đều in màu.

Khổ sách: 6 in. x 9 in.

Phát hành trên Amazon.

Cùng một tác giả:

- **PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM (2021)**

Tin₃₇Văn

Thông tin - nghị luận - sáng tác - văn học - nghệ thuật

Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ
7103 Plaza Del Sol Dr. Houston TX77083

Email:

tinvannhk2018@gmail.com

Email: vinhtuan@sbcglobal.net

Chủ biên: BCH/VBNHK

Tổng Thư Ký: Lê Thị Hoài Niệm

Biên tập & Trình bày: Yên Sơn

Linh Vang



Tác giả thường trực:

Vĩnh Tuấn – Huỳnh Công Ánh –

Huỳnh Quang Thế – Thu Nga – Lê Thị Hoài Niệm –

Nguyễn Đức Nhơn – Trương Sĩ Lương – Phạm Tương Như –

Lưu Nguyễn Từ Thức – Ngô Sỹ Hân – Vô Tình –

Long Điền – Dương Thượng Trúc – Như Phong –

Phạm Trần Anh – Mai Thanh Tuyết – Linh Vang –

Võ Thanh Văn – Lan Cao – Hoàng Thị Thanh Nga – Thiên Lý –

Cao Nguyên – Nhật Hồng Nguyễn Thanh Vân – Cao Trúc Giang –

Nguyễn Lập Đông – Phí Ngọc Hùng – Hoàng Lan – Bạch Cúc Trần

Túy Hà – Mây Ngàn – Ánh Nguyệt – Út Bạch Lan – Đào Kinh Doanh –

Đào Lê – Mỹ Nhung – Dương Phước Luyện – Nguyễn Đình Từ Lam

Songthy – Như Ly – Trường Sơn Lê Xuân Nhị – Yên Sơn –

Cộng tác viên trong số này:

Phạm Tín An Ninh – An Dân Nguyễn Kim Kiều – Quan Dương –

Nguyễn Giu Hùng – Trần Đông Khê – Minh Xuân538 –

Ngọc Tự – Lê Hữu – Đỗ Văn Phúc – Trần Quốc Bảo –

Phụ trách **trang Web** <http://vanbutnamhoaky.com>: Túy Hà

Hình Bìa: Túy Hà



<http://www.vanbutnamhoaky.com>

Trong Số Này:

Lời Ngỏ	Vĩnh Tuấn	3
Gửi Cù Minh Khánh/Cù Hoà Phong	Vĩnh Tuấn	5
Ánh Sáng Paris, Nước Mắt Saigon	Sơn Tùng	7
Chữ Quốc Ngữ Phần II -	Nguyễn Minh Triết	19
Cách Dùng Chữ Sai Trong Tiếng Việt	Đỗ Văn Phúc	41
Truyện: Nếu Để Chia Tay Thì Đừng	Phạm Ngũ Yên	59
Sungei Besi, Mười Bảy	Nguyễn Mạnh An Dân	75
Người Hàng Xóm	Lê Thị Hoài Niệm	88
Một Thoáng Hương Xưa	Linh Vang	105
Bồi Bồi Nhớ Thương	Nguyễn Đình Từ Lam	116
Một Ngày Hạnh Phúc	NDTL	126
Nước Mắt Ngà	Phạm Tương Như	126
Còn Đó Sông Hồ	Tuý Hà	141
Xuân Về Vắng Cha	Điệp Mỹ Linh	149
Nhất Bạch, Nhì Vàng, ...	Phí Ngọc Hùng	160
New Orleans Yêu Dấu	TS Lê Xuân Nhị	172
Anh Đừng Đợi Nữa	Hoàng Thị Thanh Nga	187
Lan Man Mùa Đông	Út Bạch Lan	197
Lưu Linh Phó Hội	Trương Văn Út	202
Tranh thơ: Niềm Riêng	Yên Sơn	206
Thơ : Nỗi Nhớ Muộn Màng	Vĩnh Tuấn	207
Thơ	Nguyễn Lập Đông	208

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Thơ: Uống Rượu Lính Say	Phạm Tương Như	210
Thơ: Câu Chuyện 10 Năm	Hoàng Lan	213
Thơ: Chiều Trên Đồi Khu F.	Nguyễn Kim Kiều	215
Thơ	Như Phong LVK	216
Thơ	Đông Khê	219
Thơ	Mỹ Nhung	221
Thơ: Giọt Nước Mắt Khô Cho Ukraine	Ngọc Tự	224
Thơ	Minh Quốc Cung Văn	226
Thơ: Cô Gái Việt Nam	Vô Tình	227
Thơ	Nhật Hồng Nguyễn Thanh Vân	228
Thơ	Quan Dương	229
Thơ	Ánh Nguyệt	230
Thơ	Mây Ngàn	232
Thơ	Minh Xuân⁵³⁸	234
Thơ	Đào Lê	236
Thơ	Trần Quốc Bảo	238
Thơ Văn	Nguyễn Hoàng Bảo Việt	241
Thơ	Songthy	247
Thơ	Thylanthao	249
Một Đoạn Đường Kể Lại.	Quan Dương	251
Từ Sương Biên Thủy đến LML...	Phạm Tín An Ninh	257
Mất – Qua Ca Do Tục Ngữ	Nguyễn Giụ Hùng	267
Sưu Tầm: 7 Bí Mật Về Người Việt Trong Nước		277
Email Liên Lạc BCH TT Văn Bút Nam Hoa Kỳ		278



Lời Ngỏ

Những cơn nóng mùa hè 2023 đã hiện diện trong đời sống của người dân Houston; Trung Tâm VBNHK cũng sắp sửa đến ngày bầu lại Ban Chấp Hành mới.

Qua 3 năm nhiệm kỳ của BCH đương nhiệm, Văn Bút Nam Hoa Kỳ đã thực hiện được một số sinh hoạt về Văn học. Ngoài những lần sinh hoạt định kỳ, tiệc họp mặt đầu xuân, trong năm qua TTVBNHK cũng đã tổ chức một buổi hội chợ triển lãm sách và một buổi họp mặt Hè Thu để các Văn Thi hữu có dịp gặp gỡ, tâm tình cùng quý độc giả, quý vị MTQ, và quý đồng hương. Thành viên BCH và hội viên thuộc TTVBNHK cũng vẫn luôn hiện diện trong các buổi sinh hoạt Cộng Đồng cũng như trong các sinh hoạt của hội đoàn, đoàn thể bạn để giữ sợi dây liên lạc thân tình và tương trợ lẫn nhau.

Một vấn đề quan trọng mà chúng tôi cũng đã liên tục nhắc nhở là hiện nay, trong Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Houston, có một tổ chức do ông Cù Hoà Phong/Cù Minh Khánh và đồng bọn đã lập lòe dùng danh xưng Văn Bút Nam Hoa Kỳ, còn đánh cắp cả LOGO của TTVBNHK vốn đã được thành lập và sinh hoạt liên tục kể từ năm 1991 đến nay. Một

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

lần nữa, chúng tôi mong quý độc giả và đồng hương đề cao cảnh giác sự giả trá mang ý đồ làm rối loạn và chia rẽ trong sinh hoạt chống Cộng của Cộng Đồng chúng ta.

Trong nội tình của quê hương thứ hai của chúng ta... Kể từ khi chính quyền của Tổng Thống Joe Biden lên cầm quyền, tình hình chính trị, xã hội, nhất là kinh tế nước Mỹ bị xuống dốc trầm trọng, thất nghiệp cao, lạm phát mỗi ngày mỗi tăng... Rất mong chúng ta có thể vượt qua cơn khủng hoảng này.

Nhìn ra thế giới, thì Nga vẫn duy trì sự tấn công xâm chiếm Ukraine một cách tàn bạo; trong khi đó, Cộng sản VN vẫn giữ im lặng, hèn nhát trước sự lộng hành của Tàu cộng tiếp tục hà hiếp ngư dân, lấn chiếm biển đảo ở Biển Đông.

Con đường tương lai của TTVBNHK vẫn còn nhiều gian nan. Đa số hội viên đương thời đều đã có tuổi mà những cây viết thế hệ trẻ vẫn còn rất khan hiếm! Chúng tôi rất mong các bạn trẻ mạnh dạn tiếp tay để duy trì được Văn hoá và truyền thống tốt đẹp của người Việt hải ngoại, nhất là giữ gìn được sự trong sáng của Tiếng Việt không bị xâm chiếm bởi thứ ngôn ngữ nghèo nàn, hỗn tạp từ trong nước càng ngày càng hiện diện trong sinh hoạt truyền thông báo chí hải ngoại.

Sau hết, chúng tôi xin chân thành cảm ơn những đóng góp của tất cả anh chị em thành viên Văn Bút Nam Hoa Kỳ, những cảm tình và yêu thương của quý đồng hương đã dành cho Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ. Xin thay mặt BCH/TTVBNHK, chúng tôi chân thành gửi đến quý vị lời chúc sức khỏe cùng sự an bình trong cuộc sống.

Vĩnh Tuấn,

Chủ tịch BCH Trung Tâm VBNHK

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ



TRUNG TÂM VĂN BÚT NAM HOA KỲ

Văn Phòng Ban Chấp hành

7103 Plaza Del Sol Dr. Houston TX 77083

Điện thoại: 713-448-9186

Email: vinhtuan@sbcglobal.net

Thư không niệm gửi Ông Cù Minh Khánh/Cù Hòa Phong

Chúng tôi đại diện Trung tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ tiếp tục gửi đến Ông và đồng bọn thư này trên tinh thần tương nhượng vì không muốn làm xáo trộn sinh hoạt của tập thể Văn Bút.

Chúng tôi đồng thanh yêu cầu ông và nhóm người của ông chấm dứt ngay việc sử dụng danh xưng và logo biểu tượng của chúng tôi trên mọi hình thức. Việc tiếm danh và trộm cắp này đã gây hoang mang dư luận, xáo trộn trong sinh hoạt của chúng tôi và gây bất lợi cho những người cầm bút chân chính.

Chúng tôi nhắc lại và nêu lên đây những điểm chính mà chính ông đã cố tình quên:

1- TTVBNHK đã được thành lập từ năm 1991 và hoạt động liên tục cho đến nay. Chúng tôi có giấy phép sinh hoạt hợp lệ mà không ai có thể tiếm danh. Chính ông là người biết rõ điều này vì ông từng xin gia nhập Trung tâm từ năm 2011; cho đến năm 2020, ông đã tự ý ngưng sinh hoạt vì tham vọng cá nhân. (hồ sơ về ông vẫn còn lưu giữ)

2- Logo biểu tượng và danh xưng văn bút dù là Vùng Nam Hoa Kỳ hay Trung Tâm Nam Hoa Kỳ mà chúng tôi đang sử dụng đều có cầu chứng và giấy phép hợp lệ của chính quyền địa phương.

3- TTVBNHK chưa bao giờ rời khỏi VBVNHN kể từ ngày thành lập. Cho đến năm 2017 vì BCH VBVNHN đã chà đạp Điều

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Lệ Nội Quy, tổ chức gian lận bầu cử, hành xử độc đoán trong những quyết định quan trọng mà đã không thông qua Đại Hội Đồng. Do đó, chúng tôi đã tổ chức họp khoáng đại để hội viên biểu quyết dứt khoát về thái độ của tập thể và đã đi đến đồng thuận TẠM NGỪNG SINH HOẠT VỚI BCH VBVNHN ĐƯƠNG NHIỆM với đa số phiếu, trong đó có phiếu của ông, theo biên bản vẫn còn lưu giữ.

4- Từ đó cho đến nay Trung Tâm chúng tôi vẫn không ngừng sinh hoạt. Tập chí Tin Văn vẫn được ấn hành mỗi ba tháng; website Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ vẫn cập nhật hàng tuần; vẫn họp hội viên định kỳ dù trong thời gian COVID 19. Nói riêng trong năm 2022, chúng tôi đã tổ chức mừng xuân nhân dịp kỷ niệm 31 năm thành lập, tổ chức tiệc Hè Thu. Cả hai lần đều có sự tham dự rất đông quan khách đồng hương, văn thi hữu, và tập thể văn nghệ sĩ địa phương với con số trên 300 người mỗi lần. Điều này chứng tỏ là Cộng Đồng đã nhiệt liệt ủng hộ và yểm trợ Trung Tâm chúng tôi là một thực thể của Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Tỵ Nạn Cộng Sản. Ngoài ra, hội viên của Trung Tâm đều là những người cầm bút chân chính trên văn đàn. Đặc biệt Trung Tâm chúng tôi luôn dựa theo Hiến Chương Văn Bút Quốc Tế trong mọi sinh hoạt. Và tất cả Ban Chấp Hành luôn được bầu chọn công khai qua các cuộc Đại Hội Bầu Cử.

5- Ở đất nước tự do, ông và phe nhóm muốn lập hội gì cũng không ai cấm cản, nhưng yêu cầu ông và đồng bọn chấm dứt ngay việc tiếm danh Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ và sử dụng trái phép biểu tượng cũng như lịch sử sinh hoạt của chúng tôi. Nếu sự việc còn tái diễn, chúng tôi buộc lòng sẽ làm điều ngoài ý muốn là nhờ pháp luật can thiệp.

Thay mặt Ban Chấp Hành

VĨNH TUẤN

Chủ Tịch BCH Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ.

Ánh sáng Paris, nước mắt Sài-gòn

Lịch sử của một mối tương quan bi thảm

Sơn Tùng: -Trong 2,000 năm qua, Âu Châu đã trải qua rất nhiều biến cố và đổi thay – từ các vương quyền thời Constantine của Đế quốc La-mã (306-377) đến triều đại Philip của Pháp vào Thế kỷ 13, 14, tiếp đó là thời Phục hưng rồi thời kỳ cách mạng khoa học, đến thời đại ánh sáng và sau cùng là các làn sóng cách mạng xã hội tại Pháp và cách mạng vô sản vào Thế kỷ 20 với hai trận đại chiến và cuộc Chiến tranh Lạnh.



Chính từ sau thời Phục hưng và kéo dài tới đầu thế kỷ 20, nền văn minh Ki-tô giáo của Âu Châu đã tỏa rộng ra nhiều lục địa khác. Sự bành trướng ảnh hưởng ấy đã đánh dấu thời kỳ huy hoàng nhất của Âu Châu cùng lúc với giai đoạn cực thịnh của chủ nghĩa thực dân.

Các nước Âu Châu thi nhau đi xâm chiếm thuộc địa, từ Phi Châu đến Mỹ Châu, Á Châu. Tại Á Châu, hầu hết các nước – kể cả Trung Hoa và Ấn Độ, hai nước rộng lớn với những nền văn minh lâu đời – đều bị các nước Tây Âu nhỏ hơn chinh phục, trừ Nhật Bản nhờ đã chọn con đường canh tân sớm.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Riêng Việt Nam, một nước ở Viễn Đông, không nhỏ hơn nước Pháp nhưng đã bị đánh bại và bị xâm chiếm vì yếu hơn về sức mạnh quân sự. Cùng với đoàn quân viễn chinh, người Pháp đã đem theo vào Việt Nam khẩu hiệu: ***“Tự do, Bình đẳng, Huynh đệ”***.

Những tư tưởng cao đẹp ấy đã thấm nhuần nhiều thế hệ người Việt qua các tác giả nổi danh như Rousseau, Voltaire, Montesquieu. Ảnh hưởng hàng ngàn năm của văn hóa Trung Hoa trong xã hội Việt Nam đã bị phai nhạt vì sự lấn áp và hấp dẫn của nền văn minh Tây phương rực rỡ cả về kỹ thuật, lẫn triết học.

Tuy nhiên, thật mỉa mai, cùng lúc ấy chế độ thuộc địa đã dùng bạo lực đàn áp những cuộc nổi dậy để mưu giành lại độc lập cho Việt Nam. Nhiều người yêu nước đã bị tù tội, lưu đày, và xử tử, nhưng sự đối kháng ít khi đình chỉ, kể cả lúc chế độ thuộc địa của Pháp tại Việt Nam phát triển tới mức huy hoàng nhất vào đầu thế kỷ 20.

Hiện tượng ấy đã cùng lúc phơi bày “hai nước Pháp” khác nhau. Một nước Pháp của những kẻ đi chinh phục đất đai, tàn bạo, và mặt khác là một nước Pháp của những triết gia, nhà văn, nhà thơ với những tư tưởng vĩ đại đã tạo ra một phong trào canh tân ở Việt Nam, hướng về nước Pháp như một trung tâm của văn minh Tây Âu. Nhiều người đã sang Pháp học hỏi về khoa học, kỹ thuật, triết học, kinh tế, chính trị, hay tìm phương cách giải phóng Việt Nam khỏi ách thực dân. Một trong những người này là Nguyễn Tất Thành, về sau đổi dưới một tên giả là Nguyễn Ái Quốc.

Sang Pháp năm 1911 với nghề làm bồi trên tàu biển, Nguyễn Ái Quốc đã học hỏi về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

cộng sản tại đất nước của “Tự do, Bình đẳng, Huynh đệ”, và trở thành một đảng viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp vào năm 1920, rồi sau đó được đưa sang Nga đào tạo thành một cán bộ cộng sản quốc tế để trở về Việt Nam năm 1945 với tên mới là Hồ Chí Minh, tìm cách nắm quyền lãnh đạo các lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày nay, ở Thế kỷ 21, hơn 80 triệu dân Việt Nam đang ăn cái trái đắng do Hồ Chí Minh đem từ Pháp về gieo trồng, trong lúc cái gốc cây già cỗi tại nước Pháp đã suy tàn cùng với phong trào cộng sản quốc tế sau sự sụp đổ của Liên Xô và khối Cộng sản Đông Âu. Trong những cuộc bầu cử gần đây tại Pháp, đảng Cộng sản chỉ chiếm được khoảng hai phần trăm tổng số phiếu bầu. Paris vẫn rực rỡ đèn hoa, trong lúc Sài-gòn – một thời từng được gọi là “Hòn ngọc Viễn đông” – đã bị mất tên và quần quai dưới bạo lực cộng sản.

Những gì đã xảy ra trong mối tương quan giữa Việt Nam và Pháp trong khoảng thời gian hơn nửa thế kỷ vừa qua rất đáng được nhắc tới trong lúc chúng ta thảo luận về đạo tặc của lịch sử và luân lý của các sử gia.

Mối tương quan giữa Việt Nam và Pháp là một liên hệ đáng buồn, đặc biệt là với những người Việt Nam đã trở thành nạn nhân trong cuộc tranh chấp vừa qua trên đất nước của họ. Thật vậy, khi chủ nghĩa thực dân bị suy sụp sau Thế Chiến II, chính sự tái chinh phục Việt Nam của người Pháp đã làm cho Hồ Chí Minh và các đảng viên cộng sản của ông ta trở thành “những kẻ giải phóng” chiến đấu để giành độc lập cho đất nước của họ.

Mĩa mai thay, ngay sau khi được giải phóng khỏi Đức Quốc-xã, Charles de Gaulle, người anh hùng của nước Pháp

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

tự do, đã đưa quân trở lại Việt Nam để toan tái lập chế độ thuộc địa. Cuộc phiêu lưu đầy tham vọng này đã gây ra một cuộc “chiến tranh giải phóng không cần thiết” (do cộng sản nhân danh) và một cuộc “chiến đấu chống cộng giả hiệu” (do người Pháp nài ra) kéo dài tám năm (1946-1954), chỉ chấm dứt sau khi quân đội Pháp bị đánh bại tại trận Điện Biên Phủ. Cuộc chiến tranh không cần thiết này đã có thể tránh được nếu chính phủ Pháp thời ấy cũng đối xử một cách khôn ngoan với cựu thuộc địa như người Anh đã làm với Ấn Độ, Mã Lai và Singapore nhờ đó các nước này đã không bị rơi vào gông cùm cộng sản.

Sau chiến thắng Điện Biên, Hồ Chí Minh được chia tặng quyền thống trị miền Bắc Việt Nam tại Hội nghị Genève năm 1954. Pháp còn ở lại Việt Nam thêm hai năm cho đến khi một chính thể dân chủ được thành lập tại miền Nam với sự trợ giúp của Hoa Kỳ.

“Cuộc Chiến tranh Việt Nam thứ hai” (1960-1975) là một cuộc xâm lăng của Cộng sản Bắc Việt vào miền Nam Việt Nam, nhưng vì tuyên truyền của cộng sản, khuynh hướng thiên tả của truyền thông Tây phương, thái độ ganh tị của giới cầm quyền Pháp mưu tìm lại một vai trò đã mất tại cựu thuộc địa – sự tham chiến của người Mỹ đã bị lên án, và cuộc chiến ấy đã được nhìn từ Tây phương như một cuộc “*chiến tranh giải phóng*”, và Hồ Chí Minh được tô vẽ như một “*lãnh tụ quốc gia*” vĩ đại.

Huyền thoại này chỉ đổ vỡ sau khi Cộng sản Bắc Việt xé bỏ Hiệp định Paris 1973, dốc toàn lực đánh chiếm miền Nam Việt Nam vào tháng 4 năm 1975, với viện trợ quân sự của Liên Xô và Trung Cộng. Sau khi chiến thắng, CSVN đã dựng ra

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

hàng trăm trại tập trung cải tạo trên khắp nước, nơi hàng trăm ngàn người đã bị đày ải nhiều năm trong tình trạng đói khổ. Chiến thắng của Cộng sản đã đẩy hàng triệu “thuyền nhân” ra biển khơi bất chấp nguy hiểm đi tìm tự do trên những con thuyền gỗ nhỏ, mà khoảng một phần ba đã bỏ thân trên biển.

Ngày nay, nhân dân Việt Nam đang sống dưới một chế độ tàn bạo mà tội ác đã được lược kê trong cuốn “Sách đen của Chủ nghĩa Cộng sản” của Stéphane Courtois



và năm tác giả khác, cùng với tội ác của những chế độ cộng sản khác đã tàn sát hơn một trăm triệu người vô tội trên thế giới. Ở Việt Nam hiện nay, đang có nhiều người bị cầm tù chỉ vì muốn sử dụng những quyền tự do căn bản mà người dân ở phương Tây đã được hưởng từ lâu – như tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, và tự do diễn đạt tư tưởng.

Từ nhiều năm nay, Ủy Ban các Nhà văn bị cầm tù thuộc Văn Bút Quốc Tế đã nỗ lực hoạt động để bảo vệ những nhà văn, nhà báo bị đàn áp một cách có hệ thống và bị giam cầm tại Việt Nam. Các tổ chức nhân quyền khác ở Âu Châu cũng đã không ngừng lên tiếng kết án sự đối xử bạo ngược của CSVN với chính người dân Việt Nam.

Âu Châu ngày nay đang biến đổi, và đối diện với những thử thách lớn vào đầu Thế kỷ 21. Để đối phó với những vấn đề trước mắt và tương lai, Âu Châu cần có cái nhìn chính xác và can đảm về những gì đã xảy ra trong quá khứ và những gì

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

đang diễn ra trong hiện tại, không phải chỉ ở Âu Châu mà ở cả thế giới bên ngoài, với đạo tặc của lịch sử và lương tâm của những nhà viết sử.

Các sử gia phương Tây trả lời thế nào về lời ta thán của Alan C. Kors, một giáo sư về môn lịch sử trí thức Âu Châu tại Đại Học Pennsylvania: *“Phương Tây chấp nhận một tiêu chuẩn kép kỳ quái về lịch sử không thể tha thứ được. Chúng ta nhắc lại tội ác của chủ nghĩa Quốc-xã gần như mỗi ngày; chúng ta đem những tội ác ấy để dạy cho con cháu chúng ta như là những bài học lịch sử và luân lý tuyệt đối; và chúng ta đem nhân chứng đến từng nạn nhân. Trừ một số rất ít ngoại lệ, chúng ta hầu như im lặng về những tội ác của chủ nghĩa Cộng sản.”* Và đây là tội ác của cộng sản mà ông ta đã vạch ra: *“Trong lịch sử loài người, chưa từng có cơ lý nào đã sản xuất nhiều bạo chúa máu lạnh, nhiều người vô tội bị tàn sát và nhiều trẻ mồ côi hơn là chủ nghĩa xã hội khi nắm quyền. Nó vượt qua với cấp số nhân tất cả các hệ thống khác trong việc sản xuất xác chết.”*

Đã tới lúc các sử gia Âu Châu và Mỹ cần nhìn nhận sự sai phạm trong quá khứ và nhận thức đầy đủ về sự tàn bạo hiện hữu tại Việt Nam. Không sử gia lương thiện nào có thể viết về tình trạng hiện nay tại Việt Nam mà không lên án sự vi phạm nhân quyền của chế độ cộng sản hiện tại và lên án giai cấp thống trị thối nát đã được tạo lập qua bạo lực, tù đầy và sát nhân. Chỉ khi nào “Tự do, Huynh đệ, và Bình đẳng” được thực thi tại Việt Nam thì người dân mới có tự do thực sự và sống trong hòa bình.

**(Chuyển ngữ từ bài tham luận bằng Anh ngữ “Lights of Paris, Tears of Saigon” phát biểu tại 40th International PEN Conference: “An Ethical Attitude to History as a Source of Peace”, Bled, Slovenia)*

(40th International PEN Conference: An Ethical Attitude to History as a Source of Peace)

Lights Of Paris, Tears of Saigon

History of a tragic relationship

By Son Tung (Vietnamese Abroad PEN)

In the past two thousand years, Europe witnessed several big events and a transformation – from the Roman empire’s Constantine (306-377) to the France monarchy’s Philip in 13th and 14th century, followed by the Renaissance and the scientific revolution, then the age of enlightenment and at last waves of socialist revolution in France and communist revolution in 20th century with two World Wars and the Cold War.

After the Renaissance and lasting until early 20th century, European Christian civilization spread toward many other continents. This expansion of influence marked the most splendid era of Europe, along with the flourishing of colonialism.

Several European countries rushed to colonize countries in other continents, from Africa to South America, to Asia. In Asia, most countries – including China and India, two vast countries with old civilization – were conquered by smaller countries from the West. Japan was an exception thanks to its early modernization.

As for Vietnam, a country in the Far East, she was defeated and occupied by France, a European country similar in size but outmatched Vietnamese military might. Along with the occupied forces and colonial rule, the French brought to Vietnam its slogan “Liberty, Equality, Fraternity”.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Consequently, those beautiful thoughts impregnated in many Vietnamese generations from French great authors such as Rousseau, Voltaire, and Montesquieu. Chinese thousand-year cultural influence in Vietnam society eventually faded due to the attraction of Western civilization with its glory both in technology and philosophy.



Ironically, it was the same French colonial rulers that blatantly suppressed the uprisings of Vietnamese trying to free their country. Many patriots were imprisoned, deported, and executed, but the resistance rarely ceased, even when French colonial development in Vietnam reached its zenith in the early 20th century.

Those phenomena in the same time exposed “two Frances”: one represented by the ruthless conquerors, and another for the philosophers, writers, poets with great thoughts who inspired a modernizing movement in Vietnam looking to France as a center of Western civilization. Several young Vietnamese went to France where they studied science, technology, philosophy, political economy, etc..., or sought a way to free Vietnam from the yoke of colonial rulers. Among them was Nguyen Tat Thanh, who later took a pseudonym as Nguyen Ai Quoc.

Traveling to France in 1911 as a janitor on a merchant ship, Nguyen Ai Quoc learned about socialism and

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

communism in the land of “Liberty, Equality, Fraternity”, and became a founding member of the French Communist Party in 1920. Shortly after, he went to Moscow to be trained as a professional communist revolutionary, and came back to Vietnam in 1945 under the new name as Ho Chi Minh. He then maneuvered to take control the resistance forces against French Colonialism.

Today, in the 21st century, more than 80 million Vietnamese are swallowing bitter fruits from a tree sowed by Ho Chi Minh who brought the seed from Paris. Now, however, the old communist tree in France is withered after the collapse of the Soviet and Eastern Europe communist bloc. In recent elections in France, the Communist Party got only about 2 percent of votes. Paris is still “the City of Light”, but Saigon – once “the Pearl of the Far East”- had its name changed and has been suffering under communist tyranny.

The relationship between Vietnam and France in the past over half century is worthy to be considered while we discuss the ethics of history and the morality of historians.

The history of the relationship between Vietnam and France is a sad one, especially for the Vietnamese who were victimized by the recent conflict in their fatherland. Indeed, after the World War II, when the colonialism disintegrated, it was the French re-conquest of Vietnam that made Ho Chi Minh and his communist followers the “liberators” in the fight for their country’s independence.

Ironically, soon after France was freed from Nazis occupation, Charles de Gaulle – French liberation hero – sent

troops to Vietnam in an attempt to reclaim the former colony. This ambitious adventure subsequently caused an unnecessary liberation war (as declared by Vietnamese communists) and a pseudo-anticommunist war (as French said) that lasted 8 years (1946-1954), ceased only when French army was defeated at Dien Bien Phu. This unnecessary war might have been avoided had French government at the time wisely dealt with its former colony as the Britons did with India, Malaysia and Singapore which saved those countries from falling under the communist yoke.

After the victory at Dien Bien Phu, Ho Chi Minh was rewarded sovereignty over North Vietnam by the Geneva conference in 1954. French stayed in Vietnam for two more years when a democratic regime was formed in the South with the support of the United States.

The “second Vietnam war” (1960-1975) was an invasion of South Vietnam by North Communists, but because of communist propaganda, liberal left bias of Western media, French ambition to retrieve a lost role in former colony – American participation was condemned and the war was seen from the West as a “liberation war” and Ho Chi Minh was painted as a great nationalist leader.

This myth was demolished only after the North Vietnamese Communists blatantly violated the Paris 1973 cease-fire agreement. With Soviet and China military aids, the communists launched an all-out offensive to overrun the South. After their victory in April 1975, they set up hundreds of “re-education camps” throughout the country, where thousands of hapless victims of their success languished in

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

near-starvation conditions for years. The communist victory caused millions of “boat people” to flee in small wooden boats in an unprecedented exodus to seek freedom. It has been estimated that one third of them perished on the high sea.

Today, Vietnamese people are suffering under a regime of brutal dictators whose crimes were summarized in the “Black Book of Communism” by



Stéphane Courtois and five other co-authors, along with the crimes of other communist regimes that caused the deaths of more than one hundred million innocents worldwide. In Vietnam today, many people are imprisoned just because of trying to practice the basic human rights that people in the West have been enjoying for so long – such as freedom of speech, freedom of religion, and freedom of expression.

For several years now, International PEN Writers in Prison Committee has been working hard in order to protect writers, journalists who were systematically repressed and imprisoned by the Vietnamese communist rulers. And for years other human rights organizations in Europe also condemned the Socialist Republic of Vietnam for its cruel treatment to its own people.

Europe faces big changes and challenge in the 21st century. To deal with current and future issues, Europe must have an accurate and courageous view of what happened in the past and what is happening now, not only in Europe but also in the

outside world, with an ethical attitude towards history and conscience of historians.

How can historians in the West response to Alan C. Kors, a professor of Europe intellectual history at the University of Pennsylvania (USA) when he complained: *“The West accepts an epochal, monstrous, unforgivable double standard. We rehearse the crimes of Nazism almost daily; we teach them to our children as ultimate historical and moral lessons; and we bear witness to every victim. We are, with so few exceptions, almost silent on the crimes of communism.”* And here is what he said about the crimes of communism: *“No cause, ever, in the history of mankind, has produced more cold-blooded tyrants, more slaughtered innocents and more orphans than socialism with power. It surpassed, exponentially, all other systems of production in turning out the dead.”*

It is time for European and American historians to recognize the abuses of the past and gain full awareness of the tyranny that exists in Vietnam today. No ethical historian can view the current situation in Vietnam without condemning the human rights violations of the current communist regime and its corrupt ruling class, which was created through violence, imprisonment and murder. It is only when “liberty, fraternity and equality” are truly practice in Vietnam that its people can truly be free and live in peace.

By Son Tung

Chữ Quốc Ngữ

Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển

Nguyễn Minh Triết

*Tiếng nước tôi! Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi
Thoắt nghìn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi! (P.D.)*

“Quốc ngữ” hay ngôn ngữ quốc gia là một dạng ngôn ngữ dùng chung cho cả nước, một hệ thống phức tạp bao gồm ngôn ngữ văn học, phương ngữ, biệt ngữ... Riêng tại Việt Nam “Quốc Ngữ” có một nghĩa riêng biệt. “Chữ Quốc ngữ” là hệ thống chữ viết thống nhất chánh thức hiện nay của tiếng Việt, được xây dựng dựa trên các chữ cái và dấu phụ vay mượn từ bảng chữ cái La-tinh. Do đó, cụm từ “Chữ Quốc ngữ” từ nghĩa chung là ngôn ngữ của một quốc gia đã trở thành nghĩa riêng để chỉ “loại chữ viết tiếng Việt dùng ký hiệu La-tinh” do các cố đạo Dòng Tên sáng tạo ra. Sở dĩ có sự dùng sai này là do lúc mới hình thành loại chữ viết này được gọi là ‘Chữ Quốc ngữ’, dùng riết rồi thành quen.

Phần 2... tiếp theo và hết.

C/. GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CHỮ QUỐC NGỮ

Bước sang thế kỷ 19, chữ Quốc ngữ có điều kiện để phát triển nhờ các giáo sĩ có công với chúa Nguyễn Ánh nên được triều đình nhà Nguyễn ưu ái. Chữ Quốc ngữ đã không còn loanh quanh trong khu vực các nhà thờ của các giáo sĩ nữa mà đã bắt đầu ra khỏi khuôn khổ nhà thờ để phổ biến trong dân

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

chúng. Nhưng đến thời Minh Mạng, các giáo sĩ không còn được trọng dụng nhiều nữa. Triều Nguyễn cũng không có thiện cảm với thứ ngôn ngữ “do các nhà truyền giáo sáng tạo ra” nên chữ Quốc ngữ có thời gian không có chỗ đứng trong xã hội Việt Nam. Phải cho tới khi người Pháp chiếm được Nam Kỳ vào cuối thế kỷ 19, thì tên gọi và vị trí chữ Quốc ngữ dùng mẫu tự La-tinh mới được xác lập, lúc đó chữ Quốc ngữ mới bắt đầu được bảo hộ để phổ biến ra toàn lãnh thổ Việt Nam.

Người Pháp sau khi chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ gồm Biên Hòa, Gia Định và Định Tường làm thuộc địa vào năm 1862, họ phải dùng rất nhiều giáo sĩ Ki-tô để làm thông ngôn trong việc giao tiếp với dân chúng. Song không phải giáo sĩ nào cũng tận tình vì công việc. Một số giáo sĩ-thông ngôn này đã lợi dụng công việc để truyền đạo. Để cải đổi tình hình chánh quyền Pháp thực dân thỏa thuận với giới giáo sĩ để thành lập Trường Thông ngôn. Phó Đô đốc Léonard Charner đã ra nghị định biến trường Collège d’Adran của các giáo sĩ thành lập trước đó vào năm 1859 thành Trường thông ngôn đầu tiên để dạy chữ Pháp cho người Việt và dạy chữ Quốc ngữ cho người Pháp, nhằm đào tạo thông ngôn cho quân đội viễn chinh.

Tiếp theo, do nhu cầu cần sử dụng chữ Quốc Ngữ làm phương tiện cai trị nên người Pháp đã ra sức phổ biến chữ Quốc Ngữ. Do chữ Quốc Ngữ rất là dễ học so với chữ Nôm hoặc chữ Hán, nên chữ Quốc Ngữ mặc dù bị coi là “thứ chữ của người ngoại quốc” đã dần dần dễ dàng vượt ra ngoài các khu vực nhà thờ và xứ đạo để trở nên thông dụng và trở thành đúng như tên của nó đã được đặt là “chữ của một quốc gia.” Đến năm 1869 khi nền cai trị tại Đông Dương được củng cố,

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

chánh quyền thực dân Pháp chánh thức ra nghị định bắt buộc Việt Nam phải dùng “tiếng An Nam bằng mẫu tự La-tinh” trong hệ thống hành chánh, với ý định tách người Việt hoàn toàn ra khỏi ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa. Cùng năm, chánh quyền Pháp đưa chữ Quốc ngữ vào ngành giáo dục để dạy cho học sinh từ cấp xã thôn trở lên. Để khuyến khích việc truyền bá chữ Quốc ngữ, nhà chức trách thuộc địa Nam Kỳ còn ra nghị định cho giảm hoặc miễn thuế thân và miễn sưu dịch cho thân hào, hương lý nếu họ biết viết chữ Quốc ngữ. Bắt đầu từ năm 1882, chữ Quốc ngữ được dùng làm văn tự chánh thức trong giao dịch, giấy tờ hành chánh, tư pháp và thương mại của nhà cầm quyền thuộc địa. Các quan địa phương phải học chữ Quốc ngữ và chỉ được thăng chức hay giảm thuế nếu biết đọc, biết viết loại chữ viết này. Mục đích chánh là nhằm đào tạo một thế hệ công chức người Việt tận tâm với nước Pháp, đồng thời cắt đứt ảnh hưởng của Nho giáo. Do đó, kỳ thi Hương cuối cùng diễn ra ở Bắc Kỳ vào năm 1915 và năm 1918 vua Khải Định đã ra dụ bãi bỏ tất cả các trường học chữ Hán để thay bằng các trường Pháp- Việt đánh dấu cột mốc đoạn tuyệt với chữ Hán và xoá bỏ nền giáo dục phong kiến để thiết lập nền giáo dục mới. Nhờ vậy, trong những thập niên đầu thế kỷ 20, chữ Quốc ngữ trở thành văn tự diễn đạt phổ biến ở Việt Nam. Khi chữ Quốc ngữ đã tiến vào các trường học thành công, nhiều tổ chức và cá nhân người Việt xuất hiện nhằm truyền bá chữ Quốc ngữ. Trong đó, phương tiện quan trọng để phổ biến và hoàn thiện chữ Quốc ngữ, chánh là sự xuất hiện và phát triển của báo chí Quốc ngữ mà những trí thức người Việt đã có nhiều đóng góp lớn lao trong việc phát triển chữ Quốc Ngữ phải kể là Trương Vĩnh

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Châu Trinh, Phạm Quỳnh, v.v...

1/. Trương Vĩnh Ký (1837 – 1898).

a/. Người Việt đầu tiên làm Thầy giáo dạy chữ Quốc ngữ: Ngay khi Trường Thông ngôn thành lập, ông Trương Vĩnh Ký được mời làm giáo sư. Ông là người Việt đầu tiên làm thầy giáo dạy chữ Quốc ngữ, một công việc không hề có trước đó cũng như không dễ dàng vào lúc bấy giờ vì cho tới thời điểm đó chưa bao giờ có giáo trình hay sách giáo khoa về chữ Quốc ngữ.

Vì nhận thấy chữ Quốc ngữ là loại chữ viết đơn giản, dễ học chỉ cần ba tháng là có thể biết đọc và viết chữ Quốc ngữ nên ông tin tưởng là *“Chữ Quốc ngữ phải trở thành chữ viết của nước nhà. Cần phải nắm vững nó cho điều tốt đẹp và cho sự tiến bộ. Vì thế, chúng ta phải tìm mọi cách để phổ biến chữ viết này”*. Do đó, ngay khi được trở thành giám đốc trường Thông ngôn rồi giám đốc trường Sư Phạm, ông Trương Vĩnh Ký đã tận dụng vị trí Giám đốc và dùng nó như công cụ giúp ông phổ biến rộng rãi chữ Quốc ngữ. Thái độ ủng hộ việc truyền bá học thuật bằng ký tự La-tinh này đã được ông thể hiện bằng việc tập trung vào việc viết nhiều cuốn sách giáo khoa trong đó quyển đầu tiên mang tên *Ngữ pháp tiếng Annam* (Abrégé de grammaire Annamite) được in năm 1867. Sau đó là ông viết hàng loạt sách giáo khoa khác như *Chuyện tiếng An Nam và tiếng Langsa*, *Sách tập nói chuyện tiếng An Nam và tiếng Langsa*, *Phép lịch sự An Nam*, *Văn phạm tiếng An Nam*, *Chữ quốc ngữ và lịch sử An Nam*... Riêng cuốn sách giáo khoa *Văn phạm tiếng An Nam* dày 304 trang được ông viết rất chi tiết, từ cách đánh vần cho tới những từ ngữ, các danh từ, động từ, tính từ... đều phân biệt chi tiết. Ví dụ "con ốc" là loài ốc nói

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

chung, khác với "con ốc vặn" mà ta gọi là ốc vít. Còn con cò thì khác với cò súng, con ngựa khác với ván ngựa (bộ ván), con ngựa của cây đòn... Không chỉ viết sách dạy chữ, ông còn viết cả sách lịch sử, chuyện âm truyền thơ *Lục Vân Tiên*, *Truyện Kiều*, *Trương Lương*... cho học trò có sách để đọc tham khảo.

Trong thời gian làm giám đốc Trường Thông ngôn (từ 1864-1869) và làm giám đốc Trường Sư phạm (từ 1872-1876) ông Trương Vĩnh Ký đã viết khoảng 25 cuốn sách giáo khoa dành cho học trò, trong tổng số gần 200 tác phẩm của ông. Nghiệp làm thầy của ông Trương Vĩnh Ký để lại khá nhiều dấu ấn tốt đẹp. Một số khá đông học trò của ông, về sau trở thành những công chức mẫn cán của guồng máy hành chánh hoặc là những người có công lớn đối với nền văn học, văn hóa của nước nhà mà nổi bật là các ông Trương Minh Ký (nhà báo, nhà văn, thầy giáo), Đặng Thúc Liêng (nhà báo, nhà văn), Nguyễn Khắc Huê (thầy giáo).v.v... Sau 22 năm làm thầy giáo, đến năm 1886 là thời điểm học giả Trương Vĩnh Ký rời Sài Gòn ra Huế làm cố vấn cho vua Đồng Khánh theo đề nghị của toàn quyền Đông Dương Paul Bert.

b/. Ông tổ của nghề báo viết bằng chữ Quốc ngữ:
Trong khi làm nhiệm vụ Giám đốc trường Sư Phạm đồng thời ông còn được chánh quyền Pháp bổ nhiệm làm Chủ biên tờ *Gia Định Báo* (1865 - 1897) là tờ báo in chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam được ra mắt vào năm 1865 tại Sài Gòn. Như vậy, ông Trương Vĩnh Ký, ngoài là người Thầy dạy chữ Quốc ngữ đầu tiên, còn là ông tổ của nghề báo viết bằng chữ Quốc ngữ tại Việt Nam và tờ *Gia Định báo* cũng đã mở đường cho một thời kỳ mới trong lịch sử nước ta, với việc dùng chữ Quốc ngữ cho hoạt động báo chí.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Lúc ban đầu tờ báo này chỉ là một công cụ thông tin của Pháp, nhưng từ khi được giao cho ông Trương Vĩnh Ký làm Giám đốc và ông Huỳnh Tịnh Của làm Chủ bút tờ *Gia Định Báo* mới thật sự khởi sắc, vì đã được phát triển thêm các mục biên khảo, lịch sử, thơ văn, nghệ thuật... Tờ báo này đã góp phần không nhỏ vào việc phát triển chữ Quốc ngữ, khuyến khích dân chúng theo tân học, mở đường cho sự sáng tác các thể loại thơ văn bằng chữ Quốc ngữ và tạo nền móng cho sự nở rộ của báo chí Việt Nam sau này. *Tờ Gia Định báo* đã thực hiện đúng phần nào nhiệm vụ giáo dục của báo chí, truyền tải nhiều kiến thức đến độc giả trước thực trạng dân ta còn quá lạc hậu so với thế giới lúc bấy giờ.

Giám đốc tờ *Gia Định Báo* là Trương Vĩnh Ký (1837-1898) còn có tên là Pétrus Ký là người xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Vĩnh Long. Ông mồ côi cha rất sớm, được các linh mục nuôi dạy và gởi đi học 3 năm ở một trường đạo ở Cam bốt, và 8 năm ở Trường viện Dulaima ở Penang, Mã lai. Với trí thông minh phi thường và tinh thần cần cù hiếm thấy ông luôn là một học sinh xuất sắc toàn diện, và ông đã biến thành một con người có kiến thức uyên bác về nhiều mặt, trong lãnh vực văn hóa lẫn trong lãnh vực xã hội, khoa học. Ngoài việc làm báo, ông chuyên tâm dạy học và viết sách. Ông dịch sách chữ Hán, phiên âm ra chữ Quốc ngữ những bản cổ văn Việt Nam như *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*, *Phan Trần*, *Lục Súc Tranh Công*, *Gia Huấn Ca*,... và biên soạn *Chuyện Khôi Hài*, *Chuyện Đời Xưa*,... Ông để lại cho hậu thế một gia tài khổng lồ với 118 tác phẩm, gồm những sách nghiên cứu, sưu tầm, phiên âm, dịch thuật trong đó có cả chục tác phẩm viết bằng Pháp Văn. Ông thông thạo 27 ngoại ngữ, được tấn phong làm Giáo Sư

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Viện Sĩ Pháp, được ghi tên trong Bách Khoa Tự Điển Larousse. Dù được mời mọc nhiều lần, ông vẫn không chịu nhập quốc tịch Pháp. Sự nghiệp của ông thật là phi thường và hiếm có như là trong giai đoạn giao thời giữa văn hóa Đông Tây ở cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Ông thường xuyên có bài trên tờ *Gia Định Báo* vận động cho việc học chữ Quốc Ngữ cũng như tìm cách cổ võ cho sự sử dụng chữ Quốc ngữ. Ông viết trên *Gia Định Báo* ngày 15.4.1867: “*Chữ ấy chẳng khó đâu, ra công học một đôi tháng thì thuộc hết.*”

Từ khi chữ quốc ngữ trở thành văn tự chánh thức tại Nam Kỳ vào năm 1882, ông chuyển ngữ ngay nền văn chương truyền khẩu bình dân từ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ gồm những áng văn vần và chuyện dân gian rất được ưa chuộng, như: *Phép Lịch Sử Annam (1881)*, *Thơ Dạy Làm Dân (1882)*, *Thơ Mẹ Dạy Con (1882)*, *Nữ Tắc (1882)*, *Thanh Suy Bĩ Thới Phú (1883)*, *Cờ Bạc Nha Phiến (1884)*, *Ngư Tiều Trường Diệt (1884)*...để dùng những chuyện phổ thông làm cái lợi khí cho chữ Quốc ngữ được lan rộng trong dân gian...

c/. Tờ Thông Loại Khóa Trình, tờ báo tư nhân đầu tiên.

Đến năm 1888, vì muốn thoát khỏi sự lệ thuộc tài chánh của Pháp, học giả Trương Vĩnh Ký đã tự thành lập một tờ báo riêng, là tờ *Thông Loại Khóa Trình*. Đến đây, ông tiếp tục đi vào lịch sử với tư cách là người sáng lập tờ báo tư nhân đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ, mặc dù tờ báo chỉ tồn tại được chưa đầy hai năm. *Thông Loại Khóa Trình* (Miscellannées) ra đời vào năm 1888, mỗi tháng một số, số đầu ra mắt tháng 5 năm 1888. Chủ quản và người sáng lập tờ báo là học giả Trương Vĩnh Ký, cũng là người viết hầu hết các bài, và trong số báo đầu đã ghi rõ nội dung và mục đích của tờ báo. Về sau tờ báo

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

có thêm sự đóng góp của các ông Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trần Chánh Chiếu.v.v... Ông Trương Vĩnh Ký phải bỏ tiền riêng ra để in tờ tạp chí này và vì chi phí quá tốn kém nên báo phải đình bản vào tháng 10 năm 1889 sau khi ra được 18 số. Báo *Thông Loại Khóa Trình* được coi là học báo và tờ báo văn học bằng Quốc ngữ đầu tiên tại Việt Nam, nhằm mục đích giáo dục trong nhiều lãnh vực như dạy chữ Hán, tiếng Pháp, luân lý, phong tục... Báo cũng có nhiều bài viết về văn hóa Việt Nam, văn chương dân gian, dân ca, tục ngữ và nhiều thể loại văn khác. Nội dung tờ báo được phân ra hai phần chánh là: văn chương bác học (về Nho học, v.v.) và văn chương dân gian (tục ngữ, bài hát chèo con nít, hát nói v.v...)

Sự nở rộ của báo chí, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của tờ *Gia Định Báo*, đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện nhiều nhà văn tài năng, nhiều tác phẩm giá trị. Đặc biệt là sự ra đời của cuốn từ điển **Đại Nam Quốc Âm Tự Vị** do ông Huỳnh Tịnh Của soạn năm 1895. Đây là cuốn tự điển đầu tiên do người Việt soạn cho người Việt, đến nay vẫn còn hữu dụng.

2/. Nguyễn Văn Vĩnh, chủ nhà in và chủ bút báo chữ Quốc ngữ.

Trong lịch sử phát triển chữ Quốc ngữ, ngoài Trương Vĩnh Ký không thể thiếu khuôn mặt của Nguyễn Văn Vĩnh (1882 – 1936). Con người tài ba Nguyễn Văn Vĩnh, quê gốc Hà Đông, là trí thức tân học, nhà báo, nhà văn tiêu biểu của miền Bắc Việt Nam đầu thế kỷ 20. Nguyễn Văn Vĩnh nguyên là một đứa trẻ chăn bò, được tuyển làm công việc kéo quạt để làm mát cho một lớp học của người Pháp dạy phiên dịch ở Hà-Nội. Trong khi làm việc, nhờ tài học lớn với bộ óc khác người, Nguyễn Văn Vĩnh đã được hiệu trưởng đặc cách nhận vào

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

trường. Khi tốt nghiệp lại đậu thủ khoa nên tuy mới 15 tuổi vẫn được đặc cách bổ làm phiên dịch cho Tòa sứ Lào Cai, rồi Hải Phòng và sau đó được chuyển về làm thư ký của Tòa Đốc Lý Hà Nội. Sau chuyến đi dự triển lãm ở Pháp về, ông xin thôi làm công chức để ra làm báo và nghề in.

Thông qua mối quan hệ với một viên chức người Pháp là *Schneider*, ông *Nguyễn Văn Vĩnh* được cử làm chủ bút *Đăng Cổ Tùng Báo* (1907), là tờ báo tiếng Việt đầu tiên ở miền Bắc. *Tờ Đăng Cổ Tùng Báo* gồm hai phần có nội dung riêng rẽ; một nửa là phần Hán văn và một nửa là phần chữ Quốc ngữ, ông *Nguyễn Văn Vĩnh* được cử làm Chủ bút phần chữ Quốc ngữ. Ông *Nguyễn Văn Vĩnh* nhận ra được sự lợi ích của chữ Quốc ngữ, một thứ chữ dễ đọc, dễ viết, và học rất dễ dàng vì “*sáng ý thì chỉ vài ngày, ngu dần thì trong một tháng cũng phải thông*” nên khi ông được giao cho phụ trách tờ báo chữ Quốc ngữ đầu tiên ở miền Bắc là ông đã dốc hết sức phổ biến chữ Quốc ngữ đến mọi tầng lớp dân chúng hầu mở mang dân trí, canh tân đất nước. Ông muốn từ đây, chữ Quốc ngữ sẽ trở nên gần gũi với tất cả mọi người, giúp người dân nhận thấy loại chữ Quốc ngữ hợp lý, và dễ học và khi đã đọc được, họ sẽ biết thêm được nhiều điều, nhận thức được nhiều thứ... Cho nên, hầu hết các chuyên mục trong *tờ Đăng Cổ Tùng Báo* các bài viết với các nội dung khác nhau từ xã hội, giao thương, chánh trị, y tế, giáo dục, văn hóa, an ninh, tin văn quốc tế và trong nước, rao vặt quảng cáo... đều do một mình ông *Nguyễn Văn Vĩnh* chế tác. Ông muốn chứng minh trước những tư tưởng bảo thủ và hủ nho trong xã hội Việt Nam biết rằng, chữ Quốc Ngữ đủ sức chuyển tải và mô tả những tinh hoa trí tuệ của nhân loại. Ngay trong số báo *Đăng Cổ Tùng Báo* đầu tiên

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

ra ngày 28-3-1907, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã xác định giá trị của chữ Quốc ngữ: ***“Nước nam ta mai sau này, hay hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ.”***

Tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* tuy hiện hữu không lâu nhưng đã đánh dấu một khúc quanh mới của báo chí Việt Nam, không chỉ đơn thuần hoạt động trong phạm vi văn hóa nghệ thuật mà còn đi vào trong lãnh vực chánh trị, kinh tế, xã hội và đã phản ảnh được cuộc sống thực tại ở Việt Nam thời đó, đặc biệt là tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Sau khi tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* bị đình bản, ông còn làm chủ bút của 4 tờ báo chữ Quốc ngữ và 3 tờ báo tiếng Pháp. Để phục vụ cho nội dung các tờ báo do mình làm chủ bút và phục vụ cho mục tiêu quảng bá và phổ cập chữ Quốc ngữ, ông tìm cách thay thế vai trò của chữ Hán và Pháp văn. Do đó, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã thực hiện việc dịch các tác phẩm văn học, triết học từ chữ Nôm ra Quốc ngữ, từ Hán văn ra Quốc ngữ, từ Pháp văn ra Quốc ngữ, từ Hán văn ra Pháp văn và từ Quốc ngữ ra Pháp văn. Qua các công trình dịch thuật này, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã chứng minh khả năng tiềm ẩn của chữ Quốc ngữ và ông cũng đích thân đóng góp vào việc hoàn thiện thứ chữ viết theo mẫu tự La-Tinh này.

Để theo đuổi mục đích quảng bá chữ Quốc ngữ, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã lần mò theo con đường báo chí nhằm “làm cho tiếng Việt ngày càng trở nên mạch lạc, khoa học, đủ sức sánh vai với bất kỳ một loại ngôn ngữ nào của các dân tộc trên thế giới...” Để thử thách điều đó, năm 1913 ông Nguyễn Văn Vĩnh được sự tài trợ của chánh quyền thuộc địa Pháp đã cho ra mắt tờ *“Đông Dương Tạp Chí”* hoàn toàn bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên tại Bắc Kỳ. Mỗi tuần ra một số có sự tham

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

gia của hầu hết những gương mặt ưu tú nhất, có học vấn nhất của cả Trung kỳ và Bắc kỳ.

Với vai trò Chủ bút, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã chứng minh khả năng tiềm ẩn cũng như đề biểu dương sức mạnh của thứ chữ viết theo mẫu tự La Tinh bằng việc dịch sang chữ Quốc Ngữ hàng loạt các tác phẩm văn học kinh điển, các tư tưởng triết học của các danh nhân văn hóa thế giới. Mở đầu, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã cùng với ông Phan Kế Bính dịch tác phẩm “*Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*” của nhà văn Trung Hoa La Quán Trung từ chữ Hán ra tiếng Việt lần đầu tiên vào năm 1909. Tiếp theo, từ năm 1900 đến 1920, ông cũng dốc lòng dịch các tác phẩm văn học kinh điển trong tủ sách tinh hoa của nhân loại ra tiếng Việt như các tác phẩm văn học Pháp của Victor Hugo, của La Fontaine, của Voltaire, của Charles Perrault, của Jean-Jacques Rousseau..., và các vở hài kịch của Molière ra chữ Quốc ngữ và dịch Truyện Kiều từ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ. Trên tờ *Đông Dương Tạp Chí* này, học giả Nguyễn Văn Vĩnh cũng đã thành công khi chứng minh với đồng bào mình rằng: nền văn hóa của dân tộc Việt Nam không thể không tự hào khi chúng ta có thi hào Nguyễn Du, có *Truyện Kiều*, mà qua cách quảng bá của ông Nguyễn Văn Vĩnh, dư luận đã đồng tình gọi Nguyễn Du là Đại Thi hào!

Tóm lại, “*Đông Dương Tạp Chí*” đã đóng một vai trò quan trọng bậc nhất trong tiến trình phổ biến và hiện đại hóa ngôn ngữ, cơ sở để hình thành nền văn học chữ Quốc Ngữ ở Việt Nam, tiến dần đến khả năng thay thế vai trò ngàn đời của chữ Hán và chữ Nôm.

Năm 1917, một trong những gương mặt quan trọng của Tòa soạn “*Đông Dương Tạp Chí*” là Phạm Quỳnh (1890-

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

1945) đã tách ra và tạo dựng tờ “*Nam Phong Tạp Chí*”. Tiếp theo, đến năm 1919, làng báo chí Việt Nam chứng kiến thêm sự ra đời của tờ nhật báo “*Trung Bắc tân văn*” do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút. Đây là tờ **nhật báo** đầu tiên trong lịch sử báo chí ở Việt Nam. Cùng năm này đã xuất hiện một tờ báo đầu tiên ở Việt Nam chuyên về giáo dục và có tên là “*Học Báo*”, do Nguyễn Văn Vĩnh là Chủ nhiệm và Chủ bút là Trần Trọng Kim (1883-1953).

Ngoài ra vào năm 1927, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã đặc biệt đề ra 2 việc cải tiến chữ Quốc ngữ thành công giúp chữ Quốc ngữ có thể được chuyển qua điện tín theo nguyên tắc dùng ký hiệu “aa” thay cho “â”, ký hiệu “aw” thay cho “ă” và ký hiệu “uw” thay cho “ư”. Ngoài ra, để nhằm thuận lợi hơn trong việc hòa nhập với công nghệ in ấn của thế giới, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã nghĩ ra một số mẫu chữ cải tiến để thay vì dùng năm dấu: *sắc, huyền, hỏi, ngã* và *nặng* được thay thế bằng các mẫu tự: **q, f, j, z, w** và được đặt phía sau của mỗi từ. Hai đề xuất này của ông Nguyễn Văn Vĩnh rất là hữu dụng trong những năm đầu của thế kỷ 20, vì nhờ đó nghề in ấn đã không bị trở ngại trong việc sử dụng các máy in của phương Tây. Ngày nay, kỹ thuật điện toán tiên bộ vượt bậc khiến những đề xuất đó của ông Nguyễn Văn Vĩnh không còn được sử dụng.

Tất cả việc làm của ông Nguyễn Văn Vĩnh, đặc biệt phần lớn nội dung các bài của ông trên các tờ báo do ông làm chủ bút là quảng bá và đề cao vai trò của chữ Quốc ngữ, hướng người đọc đến sự mở rộng sự hiểu biết để dần thay đổi tư duy và định hướng cho quần chúng hiểu về những khái niệm dân chủ, bình đẳng, tự do và tiến bộ. Tất cả các công việc khai dân trí đó đã theo thời gian thấm vào cuộc sống tinh thần của người

Việt và đã trở thành phần hồn của một dân tộc. Vì nhận thấy các việc làm của ông Nguyễn Văn Vĩnh đã đi ngược lại các chánh sách của chánh phủ thuộc địa nên họ đã cảnh báo ông nhiều lần để thay đổi đường lối. Tuy nhiên, các cuộc ‘đàm phán’ giữa nhà cầm quyền thực dân với ông Nguyễn Văn Vĩnh đều thất bại. Đến năm 1931, chánh phủ Bảo hộ quyết định “bẻ gãy ngòi bút” của ông bằng giải pháp xiết nợ. Để kiếm tiền trả nợ, ông mạo hiểm đi tìm vàng ở nước Lào và ông đã bỏ mình trên dòng sông Sê-Pôn (Lào) vào ngày 1 tháng 5 năm 1936 lúc ông được 54 tuổi đời.

3/. Phạm Quỳnh và Nam Phong tạp chí (1917)

Toàn quyền Đông Dương trong giai đoạn 1911 – 1919 là Albert Sarraut có chủ trương “khai hoá”, và “chinh phục bằng văn hoá” nên chánh quyền bảo hộ Pháp tại Việt Nam đã cho bầu Hội đồng dân biểu, đặt ra một Nha học chánh Đông Dương thuộc phủ Toàn quyền và bộ Học ở triều đình Huế, cũng như cho thành lập Hội đồng Học chánh bản xứ.

Trong giai đoạn này, cả chánh phủ Pháp và trí thức Việt Nam đều muốn tận dụng thời cơ để phổ biến chữ Quốc ngữ. Lợi dụng việc chánh quyền Pháp muốn «*muợn tay*» những công chức người Việt để tách rời dân chúng khỏi ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, các chí sĩ Việt Nam yêu nước muốn dùng sự tiện lợi của thứ chữ có mẫu tự La-Tinh để phổ biến rộng rãi chữ Quốc ngữ tới mọi tầng lớp dân chúng nhằm mở mang dân trí, khơi dậy tinh thần quốc gia dân tộc. Cho thấy trong việc truyền bá chữ Quốc ngữ, rõ ràng các bên, mặc dù mục đích chánh trị khác nhau, đều thấy phần lợi ích của mình nếu chữ Quốc Ngữ được phổ cập.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Để thi hành đường lối đó, vào năm 1917 tiếp sau *Đông Dương Tạp chí*, Thanh tra mật thám Đông Dương Louis Marty thu phục Phạm Quỳnh tách ra khỏi *Đông Dương Tạp chí* của Nguyễn Văn Vĩnh để thành lập tờ *Nam Phong Tạp chí* nhằm hướng trào lưu dân tộc đòi canh tân vào quỹ đạo của chánh quyền bảo hộ. Nhờ đó, *Nam Phong Tạp chí* được ra đời do Phạm Quỳnh làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút phụ trách về phần chữ Quốc ngữ, còn Nguyễn Bá Trác chịu trách nhiệm về phần chữ Hán. Đây là sự kiện quan trọng nhứt cho sự phát triển của Quốc ngữ.

Sau khi ra đời tờ *Nam Phong tạp chí* của Phạm Quỳnh đã trở thành diễn đàn uy tín dẫn đạo quốc dân trong “buổi giao thời”. Có được sự thể đó là nhờ vị Chủ nhiệm kiêm chủ bút Phạm Quỳnh có tinh thần tự chủ văn hóa và đã tuyên bố rõ ràng về đường lối tự chủ đó trong các bài viết trên *Nam Phong tạp chí*. Tuy biết ý đồ của nhà cầm quyền thực dân, Chủ bút Phạm Quỳnh không có ý định hạn chế sứ mạng của nhà báo vào mấy điều cải lương nhỏ giọt của “mẫu quốc Đại Pháp” mà nuôi hoài bão lợi dụng “cái chủ nghĩa khai hoá” của chánh quyền bảo hộ để làm đại sự. Một trong các việc trước mắt là phát triển chữ Quốc ngữ để dùng tiếng mẹ đẻ diễn tả mọi tư tưởng, khái niệm, để sáng tác mọi tác phẩm văn hóa, văn học hầu giúp cho việc xây dựng một nền văn hóa dân tộc độc lập. Nhà báo Phạm Quỳnh chủ trương để gây dựng nền văn hóa riêng, ta cần phải biết phân biệt và dung hòa hai nền văn hóa Đông và Tây, rồi chọn lấy các mặt tốt để xây dựng nền văn hóa dân tộc mình.

Về mặt chánh thức, mục đích của *Nam Phong tạp chí* là kế tục việc truyền bá chữ Quốc ngữ của *Đông Dương tạp chí*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

vừa mới bị đình bản 2 năm trước đó nên mau chóng được sự cộng tác của nhiều cây bút xuất sắc lúc bấy giờ như các ông Nguyễn Bá Học, Lê Dur, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Hữu Tiến... Trên Tạp chí *Nam Phong* các tác giả này tiếp tục nghiên cứu, biên soạn từ điển, dịch nhiều tác phẩm nước ngoài ra chữ Quốc ngữ, nhứt là mạnh dạn đề nghị việc sử dụng chữ Quốc ngữ trong công văn giấy tờ và đưa chữ Quốc ngữ vào giảng dạy trong trường học. Ngoài ra, *Nam Phong tạp chí* còn có công lớn trong việc xây dựng và hệ thống hóa, chuẩn hóa kho từ vựng, bổ sung các thuật ngữ khoa học, kỹ thuật hiện đại. Lần đầu tiên, các tư tưởng Đông Tây, kim cổ, lịch sử Việt Nam, Trung Hoa, việc cải cách của Minh Trị Thiên Hoàng ở Nhật Bản, hệ thống chánh trị Mỹ, Pháp, vấn đề triết học Đức, nữ quyền ở Đông Dương... được *Nam Phong Tạp chí* chuyển tải hoàn toàn bằng chữ Quốc ngữ đến độc giả người Việt.

Nhờ nhà báo, học giả Phạm Quỳnh (1892-1945) có viễn kiến coi Quốc ngữ là phương tiện để nâng dân tộc lên hàng văn minh nên *Nam Phong tạp chí* đóng vai trò đó hết sức xuất sắc. Nhà báo, Học giả, Phạm Quỳnh đồng thời còn là Quan đại thần triều Nguyễn, sinh quán Hà Nội, mất mẹ lúc mới sinh được 9 tháng, đến 9 tuổi lại mồ côi luôn cả cha. Tuy truyền thống gia đình Nho gia nhưng cậu thiếu niên Quỳnh đã sớm nhận ra thực tế “Nào có ra gì cái chữ Nho / Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co” nên không tha thiết học chữ Hán theo lối cử tử, nghĩa là học để đi thi, giật cái danh ông Cử, ông Nghè rồi ra làm quan. Do đó, từ nhỏ cậu Quỳnh được cha cho theo học trường không mất tiền Pháp- Việt dành cho con em bản xứ. Quỳnh học tiếng Pháp tiến bộ rất nhanh nên được tuyển vào Trường Thông ngôn. Năm 1908 trường được sáp nhập

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

thành trường Trung Học Bảo Hộ, tục gọi Trường Bưởi (tức Trường Chu Văn An ngày nay). Ngay năm ấy, Phạm Quỳnh tốt nghiệp thủ khoa Bằng Thành Chung lúc mới 15 tuổi nên lập tức được nhận vào làm chân phụ tá ở Viện Viễn Đông Bác Cổ, cơ quan sưu tầm, khảo cứu khoa học hàng đầu của đế quốc Pháp ở Viễn Đông, có cả một kho tàng thư tịch. Vừa làm chức thủ thư vừa thông ngôn, Phạm Quỳnh tận dụng điều kiện thuận lợi và tranh thủ thời gian quyết chí tự học bằng cách miệt mài trau dồi vốn Pháp ngữ và “ngôn” hầu hết sách cổ kim Đông Tây về triết học, sử học, văn học, khoa học tự nhiên... đến quên ăn, quên cả về nhà! Kết quả là chỉ 5 năm sau, trang thanh niên 20 tuổi đã trở thành một học giả có kiến văn sâu rộng về văn minh phương Tây và văn hóa phương Đông. Từ năm 1913, Phạm Quỳnh bắt đầu dịch từ Pháp văn, Hán văn và viết những bài khảo cứu sắc sảo trên *Đông Dương tạp chí* của Nguyễn Văn Vĩnh, đồng môn năm xưa ở Trường Thông ngôn. Sự xuất sắc của Phạm Quỳnh lập tức lọt mắt xanh của Giám đốc vụ Chánh trị kiêm Thanh tra mật thám ở phủ Toàn quyền Đông Dương Louis Marty. Do đó, Phạm Quỳnh được Louis Marty thu phục và cho làm chủ bút *Nam Phong Tạp chí*.

Với vai trò chủ bút nhà báo Phạm Quỳnh viết rất nhiều bài trên báo *Nam Phong*. Ngoài ra, ông còn đi khắp nơi diễn thuyết, giải thích, tuyên truyền cho việc xây dựng nền văn hóa độc lập của nước ta, kêu gọi toàn dân yêu quý và học chữ Quốc ngữ, khuyến khích viết báo, viết văn bằng chữ Quốc ngữ, sáng tạo từ ngữ tiếng Việt. Theo ông, độc lập văn hóa góp phần quan trọng giúp đất nước giữ gìn độc lập chánh trị. Học giả Phạm Quỳnh phân tích và giải thích rằng cả chữ Hán và chữ Pháp không thể dùng làm quốc văn được và ông khẳng định

“chỉ duy còn có chữ Quốc ngữ là là thứ chữ phù hợp với con người và văn hóa Việt, xứng đáng làm chữ viết chánh thức cho dân tộc Việt Nam vì chữ Quốc ngữ nói sao viết vậy, mà cách viết ấy học rất mau, chỉ sáu tháng một năm là biết được cả. Chữ Quốc ngữ là một thành tựu mới so với chữ Nôm, phải nắm lấy nó, củng cố vững chắc cho nó trong sự tồn tại và phát triển của dân tộc.” Ông xem chữ Quốc ngữ là một thứ chữ “màu nhiệm” cho người dân Việt Nam mở mang dân trí và tin rằng vận mệnh chữ Quốc ngữ sẽ gắn chặt với tiếng Việt, với người Việt và quốc văn cũng nhờ đó mà mỗi ngày một tiến lên rực rỡ.

Từ 1917 đến 1932, suốt 15 năm, tức hơn nửa cuộc đời hoạt động xã hội của mình ông Phạm Quỳnh đã toàn tâm toàn ý với *Nam Phong Tạp chí*, biến nó thành cơ quan ngôn luận uy tín nhất đương thời. Trong hơn 2.000 bài đăng trên tạp chí này của 164 tác giả, thì có đến gần 1/3 là của tác giả Phạm Quỳnh viết bằng chữ Quốc ngữ, Hán tự và Pháp văn thuộc đủ loại: khảo luận, dịch thuật, du ký... Trong đó, hơn 20.000 trang của 210 số *Nam Phong Tạp chí* có thể dùng làm tài liệu sống cho những ai muốn nghiên cứu quá trình hình thành chữ Quốc ngữ và văn hoá Việt Nam hiện đại. Nhà báo, Học giả Phạm Quỳnh không chỉ sử dụng hoạt động báo chí cho mục đích của mình mà ông còn tiếp tục một chủ trương quan trọng hơn, sâu sắc hơn của Đông Kinh nghĩa thực, đó là thông qua giáo dục, đặt chữ Quốc ngữ làm căn bản cho nền quốc học nhằm “*gây lấy cái hồn độc lập cho quốc dân*”. Tại lễ kỷ niệm ngày giỗ thi hào Nguyễn Du tại trụ sở Hội Khai trí Tiến Đức ở Hà-Nội, trước một cử tọa đông đảo, có nhiều quan ta và quan Tây tham dự, học giả Phạm Quỳnh đọc một bài diễn văn vừa thống thiết

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

vừa hùng hồn ca ngợi *Truyện Kiều*, rồi kết thúc bằng một câu nay đã trở nên bất hủ, “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn...*”

Nhưng rồi ngày 23 tháng 8 năm 1945 định mệnh đã đến viếng Phạm Quỳnh. Ngay khi Việt Minh cướp chánh quyền ở Huế thành công, học giả Phạm Quỳnh bị một tiểu đội vũ trang Cách mạng Huế trong chủ trương độc quyền làm cách mạng đến bắt đi và “Phạm Quỳnh lên xe đi và không bao giờ trở lại”!

Vì lý tưởng khai dân trí, chấp nhận cộng tác với chánh quyền thực dân Pháp để được công khai làm báo, phát triển ngôn ngữ văn hoá Việt, dần thân làm quan với chánh quyền thực dân để có cơ hội xây nền quốc học nhằm chủ đích cứu nước, học giả Phạm Quỳnh ý thức rõ thế hiểm nghèo chí mạng của con đường ông lựa chọn: đi giữa hai làn đạn. Điều đau xót khôn cùng là “*người chiến sĩ không gì lay chuyển nổi cho nền độc lập của Việt Nam*” đã hứng loạt đạn không phải của kẻ thù, mà là từ những người vừa mới tự xưng là khởi nghĩa để giành lại cái “*không có gì quý hơn độc lập tự do*” cho dân tộc!

Tiếc thay, con người tài ba, tiêu biểu cho giới trí thức làm văn hóa theo lập trường quốc gia bất bạo động đã vì một sai lầm của lịch sử đã đành phải “*suối vàng bác có dư dòng lệ / khóc hộ cho tôi nổi bất bình!*”

4/. Đông Kinh nghĩa thực và sự tự ý thức của giới Nho gia.

Từ những năm 1880, ông Trương Vĩnh Ký và người Pháp đã cộng tác thành lập Cơ quan Học chánh Nam kỳ và đã soạn sách giáo khoa dạy Quốc ngữ ở cấp tiểu học. Mãi đến năm

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

1907, cụ Phan Châu Trinh mới nhận ra được sự lợi ích của chữ Quốc ngữ, một thứ chữ dễ đọc dễ viết, nên đã ra Hà Nội cùng các thân hào nhân sĩ đất Bắc kêu gọi thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục để đẩy mạnh phong trào canh tân đất nước. Đây là phong trào tự thức tỉnh của các nhà Nho để không bị thời cuộc bỏ rơi. Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời với sự góp mặt của hầu hết các nhà Nho nổi danh đến từ miền Trung và miền Bắc Việt Nam như các cụ Lương văn Can, Nguyễn Quyền, Dương Bá Trạc.v.v... Tiêu chí của trường rất cụ thể, đó là: *Khai dân chí, chấn dân khí và hậu dân sinh*. Để phấn đấu cho mục đích mới mẻ này, việc dạy chữ Quốc Ngữ trở thành nhiệm vụ hàng đầu của trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

Trường Đông Kinh Nghĩa Thục có quy mô tổ chức rất lớn, có nhiều giáo viên xuất sắc, vang danh khắp nước. Trường dạy học miễn phí với mục đích chánh là khai trí cho dân. Trường nhanh chóng trở nên nổi tiếng và mau chóng trở thành một phong trào. Chủ trương của trường là bỏ lối học từ chương khoa cử, theo tân học thực tiễn, sử dụng chữ Quốc ngữ trong các hoạt động văn hóa và giáo dục như in sách giáo khoa, dịch thuật, báo chí. Trường cử người đi khắp nơi để diễn thuyết, cổ động cho cải cách, bài trừ hủ tục, và còn ra tờ báo *Đại Việt Tân báo* làm cơ quan ngôn luận cho trường.

Khi Đông Kinh Nghĩa Thục ngày càng lớn mạnh, khiến cầm quyền thuộc địa Pháp lo ngại tinh thần yêu nước và chống thực dân Pháp của đồng bào Việt Nam nên đã đóng cửa trường. Mặc dù chỉ hoạt động được một giai đoạn ngắn, từ tháng 3 năm 1907 đến tháng 11 năm 1907, trường Đông Kinh nghĩa thực đã tạo một tiếng vang lớn và một dấu ấn rõ nét trong giai đoạn lịch sử đương thời.

5/. Tự Lực Văn Đoàn

Trước sự phát triển vượt bậc của chữ Quốc ngữ vào thập niên đầu của thế kỷ 20, nền văn học Việt Nam vào những năm 1930 đã chuyển biến mạnh và xuất hiện một thể loại Văn mới, là Văn xuôi viết bằng chữ Quốc ngữ do các ông Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) cùng với Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ, Xuân Diệu... khởi xướng. Đây là một tổ chức văn học đầu tiên ở Việt Nam có tuyên ngôn và tôn chỉ rõ ràng (10 điều).

Trong khoảng chưa đầy một thập niên hoạt động ngắn ngủi nhưng sôi nổi, đa dạng của họ từ sáng tác đến hoạt động báo chí, nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã đưa chữ Quốc ngữ lên đỉnh cao của sự phát triển và khai sinh nên dòng văn học lãng mạn Việt Nam. Họ đã đưa loại mô hình văn học cũ lấy *văn-thơ-phú-lục* làm cơ sở lên mô hình văn học mới dựa trên các thể như *thơ, kịch nói, văn xuôi tiểu thuyết, tiểu luận, phê bình...* Đặc biệt Tự lực Văn Đoàn đã đi tiên phong trong lãnh vực tiểu thuyết mới và thơ mới. Tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn mặc dù mang tính chất lãng mạn nhưng luôn luôn chất chứa tinh thần đấu tranh chống lại lễ giáo phong kiến, đồng thời đòi tự do, bình đẳng cho con người. Đây là một loại tiểu thuyết luận đề, lấy một câu chuyện hư cấu để thể hiện nhân sinh quan của tác giả.

Ngoài hoạt động chủ yếu là viết văn, Tự Lực Văn Đoàn còn làm báo, in sách và tổ chức các giải thưởng văn học. Với cơ quan ngôn luận là báo *Phong Hóa*, họ làm một cuộc cải cách xã hội bằng tiếng cười trào phúng. Họ đã sáng tạo ra hai hình tượng Lý Toét, Xã Xệ và dùng những hình tượng này để

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

ché giấu những thói hư tật xấu và những hành vi đáng cười của những nhân vật "tai to mặt lớn" trong xã hội đương thời.

Dù phải nổi trôi trong những diễn biến lịch sử bất lợi, khó khăn của thời cuộc đất nước lúc bấy giờ, nhưng nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã cống hiến nhiều vào sự phát triển văn học của Việt Nam trong giai đoạn giao thời đầu thế kỷ 20. Toàn bộ những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn vẫn được lưu truyền tự do và được đưa vào trong chương trình giảng dạy văn học tại các trường trung học và đại học thời Việt Nam Cộng Hòa Nam từ năm 1954 mãi cho tới 1975. Trừ lãnh vực chánh trị, trong mọi lãnh vực họ hoạt động, nhóm Tự Lực Văn Đoàn đều đã thành công rực rỡ.

Tóm lại, trong buổi giao thời giữa văn hóa Đông Tây vào cuối thế kỷ 19, chữ Quốc ngữ đã đến kịp thời. Các trí thức Việt Nam như Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh,... đã biết nắm lấy cơ hội đó, mặc dầu lúc ban đầu phải dựa vào người Pháp để được viết văn, ra báo. Những tác phẩm biên khảo, bình luận, phóng sự, du ký, tiểu thuyết, thơ phú của *Gia Định Báo*, *Đông Dương Tạp Chí*, *Nam Phong Tạp Chí*, *Tự Lực Văn Đoàn*,... đã chứng minh được là chữ Quốc ngữ đã đảm nhiệm trọn vẹn được chức năng làm văn tự quốc gia cho người Việt.

Vậy là sau gần bốn thế kỷ, tính từ khi có cuốn từ điển đầu tiên *Việt-Bồ-La* năm 1651, chữ Quốc ngữ đã từng bước đi sâu vào mọi tầng lớp dân chúng để trở thành phương tiện hữu hiệu để truyền bá tư tưởng dân tộc, rồi cuối cùng thay thế hoàn toàn được chữ Hán, chữ Nôm và chánh thức trở thành chữ viết của dân tộc Việt. Chữ Quốc ngữ đã thật sự đi vào cuộc sống tinh thần và đã trở thành phần hồn của người Việt. Từ góc độ lịch sử, sự kiện này là thành quả văn hóa kỳ vĩ đối với một dân tộc. Ngày nay, gần 100 triệu người dân nước Việt trên khắp 5 châu sẽ mãi mãi không bao giờ quên ơn những người đã góp nhiều công sức

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

tạo ra chữ Quốc ngữ, một thứ chữ dễ học dễ viết. Công của họ rất to lớn trong việc chấm dứt 1000 năm tăm tối, 1000 năm khốn khó khi người Việt phải đi mượn chữ Tàu ghi lại tiếng Việt. Nhờ tất cả họ mà giờ đây người Việt chúng ta hãnh diện có được bảng chữ cái của riêng mình. Một bảng chữ cái dựa trên các ký tự La-tinh vô cùng uyển chuyển và dễ học đã giúp Việt Nam hội nhập hữu hiệu vào trào lưu tiến hóa trong thời đại điện toán của nhân loại./-

Nguyễn Minh Triết

Tài liệu tham khảo.

- 1/. Ai là người sáng tạo ra chữ Quốc ngữ? -
<http://chinhnghia.com/ai-sang-tao-ra-chu-quoc-ngu.asp>
- 2/. Francesco Buzomi -
https://vi.wikipedia.org/wiki/Francesco_Buzomi
- 3/. Lược sử hình thành chữ Quốc ngữ -
<https://hahoangkiem.com/van-hoa-xa-hoi/luoc-su-ngon-ngu-tieng-viet-3955.html>
- 4/. Lịch sử chữ Quốc ngữ -
<https://sites.google.com/site/bienkhao/bk-20>
- 5/. Vũ Thế Khôi, Nhà Văn Hóa Kiệt Xuất Phạm Quỳnh Với Sự Nghiệp Phát Triển Chữ Quốc Ngữ -
<http://vanviet.info/ngghien-cuu-phe-binh/nh-van-ha-kiet-xuat-pham-quynh-voi-su-nghiep-pht-trien-chu-quoc-ngu/>
- 6/. Lê Văn Phong, Phạm Quỳnh và Sự Phổ Biến Chữ Quốc ngữ trên Tạp chí Nam Phong -
<https://phamquynh.wordpress.com/2013/01/18/pham-quynh-va-su-pho-bien-chu-quoc-ngu-tren-tap-chi-nam-phong/>
- 7/.Hoàng Hương Trang, Philipphê Bình - Nhà văn hóa Quốc ngữ đầu tiên, bị lãng quên –
<http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c283/n11815/Philippe-Binh-Nha-van-hoa-quoc-ngu-dau-tien-bi-lang-quen.html>

Những Cách Dùng Chữ Sai Trong Tiếng Việt Nên Tránh

Đỗ Văn Phúc

*Cảnh giác trước sự xâm nhập ngôn từ sai trái du nhập từ
nước Việt Nam Cộng Sản.*

Ngôn từ, yếu tố giao tiếp căn bản của con người, là một phần quan trọng của văn hoá. Miền Nam chúng ta kế thừa một nền văn hoá cổ truyền, nhân bản và hữu lý. Ngôn từ dùng trong đại chúng hay văn học đều có lẽ luật, dù nó được thay đổi theo thời gian và hoàn cảnh sinh hoạt xã hội. Sau năm 1975, từ miền Bắc tràn vào miền Nam nhiều từ ngữ, cách dùng chữ, đặt câu quái dị. Những vị cao niên có giải thích rằng ở miền Bắc vào những thập niên 1950, khi sự thay đổi chính quyền đã tạo ra một lớp người lãnh đạo mới tuy thất học, nhưng nắm chức vụ đầy uy quyền tối thượng. Họ thường học đòi nói văn chương mà không hiểu biết nghĩa lý gì. Khổ một nỗi là không ai dám sửa cái sai của họ. Cứ thế, cái sai cứ nhân lên và đi đến nạn bát nháo chữ nghĩa ngày nay. Có những chế độ chỉ biết áp bức chứ không có khả năng xây dựng. Đặc biệt về văn hoá, họ như đoàn quân man rợ, đã triệt hạ cả một nền tảng văn hoá dân tộc mà ngôn từ cũng không là ngoại lệ.

Từ khi có việc giao thương, qua lại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, cùng sự phát triển truyền thông, những người từ Việt Nam mới qua sau này đã du nhập vào cộng đồng hải ngoại những ngôn từ quái dị mà đã có nhiều người Việt tỵ nạn bắt đầu tiêm nhiễm. Hiện nay, đọc trên đa số báo chí hải ngoại, chúng tôi

rất buồn khi thấy hiện tượng này tràn lan. Các bài báo trên các đài lớn như RFA, RFI, BBC, VOA không thiếu những từ ngữ lạ, do việc các đài này tuyển mộ các nhân viên từ Việt Nam qua.

Ngôn ngữ Việt Nam biến thể một cách đáng báo động. Nếu không ngăn chặn thì rồi đây, chúng ta sẽ nghe hàng ngày những cách nói quái dị đó. Thế là một lần chạy từ bắc vào nam, một lần nữa từ Việt Nam ra hải ngoại, nay chúng ta đang bị chúng đuổi theo đến tận xứ sở tự do. Vì thế, nhiệm vụ của bất cứ người Việt nào cũng là bảo tồn văn hoá, ngôn ngữ truyền thống.

Khái niệm về Ngôn Ngữ và Từ Ngữ

Các nhà ngôn ngữ học phân biệt hai loại ngôn ngữ: sinh ngữ và tử ngữ.

Tử ngữ là những ngôn ngữ đã từng có, từng được sử dụng; nhưng nay không còn thịnh hành nữa mà chỉ còn trong các trang sử, các trang sách cổ; và coi như đã chết. Ví dụ: chữ Latin, chữ cổ Irish, chữ Nôm của Việt Nam...

Sinh ngữ, nói nôm na là ngôn ngữ sống, đang được sử dụng. Sinh ngữ cũng có những quy luật chung. Quy luật này có thể do một viện hàn lâm soạn thảo, có thể do các thành viên ưu tú như giới văn học, báo chí, và cũng có thể do người sử dụng nó mặc nhiên chấp nhận sau một thời gian thử thách. Sinh ngữ cũng thay đổi theo hoàn cảnh sống của con người trong xã hội; thay đổi theo sự tiến triển của khoa học kỹ thuật... Văn phạm, là quy luật trong ngôn từ, cũng không cố định mà có thể thay đổi theo hoàn cảnh.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Theo từ điển, ngôn hay ngữ, hay cả chữ ghép ngôn ngữ có nghĩa là nói năng.

Ngôn (nói) và từ (lời) có trước, tự (chữ) theo sau.

Người Việt Nam có mặt trên địa bàn Hoa Nam và đồng bằng sông Hồng đã hàng ngàn năm. Có lẽ cũng như các dân tộc khác trên trái đất vào thời sơ khai, tổ tiên chúng ta chỉ có Ngôn mà chưa có tự (chữ) hay từ (lời). Ngôn ngữ thời đó chắc nghèo nàn và đơn giản vì cuộc sống đơn sơ. Nhiều dân tộc, vì nhu cầu giao tiếp, truyền thông, đã phát minh ra chữ viết. Trước hết, là các dấu hiệu, những nét chữ dựa trên hình ảnh mà người ta gọi là tượng hình, hay dựa trên âm thanh (tượng thanh). Rồi đi xa hơn, bằng cách hội ý dùng những chữ khác nhau ghép thành một chữ mới mang ý nghĩa phối hợp. Xin đừng nhầm lẫn chữ “hội ý” Việt Cộng dùng với nghĩa là bàn bạc, thảo luận.

Chúng tôi xin đơn cử vài ví dụ về tượng hình, tượng thanh và hội ý trong từ ngữ của Trung Hoa; cũng là chữ viết có sớm thứ nhì của loài người (1200 BC) sau người Ai Cập (3100 BC):

Tượng hình: Chữ Sơn 山 (núi), người Trung Hoa dùng hình dạng ba trái núi liền nhau. Chữ điền 田 giống như một thửa ruộng. Chữ nhật 日, nguyệt 月 dựa theo hình dạng mặt trời, mặt trăng.

Tượng thanh: Chữ nữ 女 (đàn bà) và dùng âm thanh của chữ mã 馬 (ngựa) ghép thành chữ ma 媽 là mẹ, mẹ.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Hội ý: Ghép các chữ tạo thành một chữ khác và mang ý nghĩa của những chữ được ghép. Ví dụ:

Thị 市 (chợ) ghép với chữ môn 門 (cửa) thành chữ náo 鬧 (ồn ào). Ý rằng nơi chỗ chợ búa thì ồn ào (Thị tại môn tiền náo).

Nguyệt 月 (trăng) ghép chữ môn 門 (cửa) thành chữ nhàn 閒 (thảnh thơi, nhàn hạ). Nó mang ý nghĩa mảnh trăng treo nơi cửa tượng trưng sự nhàn hạ (Nguyệt lai môn hạ nhàn).

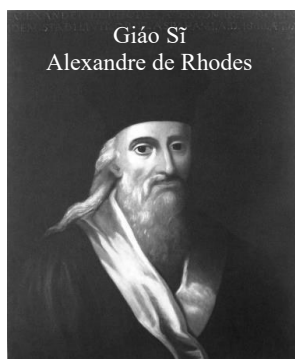
Minh 鳴 là tiếng chim kêu, ghép bằng hai chữ khẩu 口 (miệng) và điều 鳥 (chim). Minh 明 là sáng thì ghép bằng hai chữ nhật và nguyệt. Minh 冥 là tối thì có chữ mịch 冫 là cái nắp che đậy, nên tối tăm.

Ngôn từ càng ngày càng phong phú

Người Việt có tiếng nói riêng, nhưng qua hàng trăm năm chưa có chữ viết riêng. Dưới sự đô hộ của Trung Hoa, tổ tiên chúng ta dùng chữ Hán (Hán tự) để giao dịch việc triều chính. Trong dân gian rất ít người theo học chữ Hán, nên xem như đại đa số dân Việt ngày xưa không biết chữ. Vào khoảng thế kỷ thứ 10, tổ tiên ta bắt đầu phôi thai ra chữ Nôm, là cách viết tiếng Việt bằng các ký hiệu tương tự chữ Hán. Đến thời nhà Hồ và Tây Sơn, Vua Hồ Quý Ly và Vua Quang Trung khuyến khích dân chúng dùng chữ Nôm thay chữ Hán; bước đầu là áp dụng trong văn thư hành chánh. Từ đó, chữ Nôm thịnh hành rồi suy dần vào cuối thế kỷ 19 khi Pháp đặt ách đô hộ cùng sự phát triển của chữ Quốc Ngữ do một số Giáo Sĩ Tây Phương soạn ra.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Nhằm giúp cho việc giảng đạo được dễ dàng, Giáo Sĩ gốc Bồ Đào Nha là Francisco de Pina và vài vị khác đã nghiên cứu áp dụng mẫu tự Latin để viết tiếng Việt. Người có công lớn nhất là Giáo Sĩ người Pháp Alexandre de Rhodes vì ông đã bỏ nhiều công hoàn thiện và soạn ra cuốn tự vị và văn phạm đầu tiên của Việt Nam là cuốn *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* (Tự Điển Việt - Bồ - Latin) phát hành năm 1651 tại Roma. Giáo Sĩ Alexandre de Rhodes (1593 - 1660), được Hội Truyền Giáo Dòng Tên (The Society of Jesus) ở Roma cử đến Việt Nam năm 1624.



Năm 1869, nhà cầm quyền thuộc địa Pháp ra nghị định bắt buộc dùng chữ Quốc Ngữ thay hẳn chữ Hán trong công việc hành chánh; qua năm 1879, lại ra nghị định bắt buộc đưa chữ Quốc Ngữ vào ngành giáo dục. Thế là kết thúc số phận chữ Hán và Nôm một cách chính thức.

Khi du nhập văn hoá ngoại lai, cha ông chúng ta đã Việt hoá những từ ngữ các dân tộc khác trong quá trình giao tiếp mà trước hết, là đọc chữ của họ theo âm sắc Việt Nam. Hiện tượng này gọi là Việt hoá. Trong thời gian hàng ngàn năm bị đô hộ bởi Trung Hoa, người Việt thời đó chưa có nhiều từ ngữ, đã phải Việt hoá rất nhiều chữ Hán. Tức là đọc các chữ Hán theo âm Việt mà chúng ta gọi là chữ Hán Việt. Có thể nói chữ Hán Việt chiếm hết gần ba phần tư từ ngữ Việt của chúng ta dùng hiện nay. Việt Nam là quốc gia độc nhất và sớm nhất trong vùng Á Châu có chữ viết theo mẫu tự Latin mà chúng ta

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

gọi là chữ Quốc Ngữ. Khi đường hàng hải phát triển, người từ các lục địa khác đến buôn bán, thăm viếng và đã đem vào nước ta những điều mới lạ, từ tư tưởng cho đến những phẩm vật mà cha ông ta chưa hề biết đến. Sự tiếp xúc với văn hoá Tây phương đã đem góp vào kho tàng Việt Ngữ nhiều chữ mới.

Ví dụ: chữ “bích kê” để thay chữ briquet của Pháp. Sau đó ở miền bắc để ra chữ cái bật lửa, miền trung thì gọi là cái máy lửa, miền nam thì dùng chữ hộp quẹt máy (dù chữ hộp quẹt là nói về hộp diêm có động từ quẹt do động tác quẹt cây diêm vào bên hông cái hộp nhỏ để phát lửa). Chữ hộp quẹt thông dụng và được phân biệt bằng hộp quẹt cây, hộp quẹt ga, hộp quẹt máy.

Những chữ bơ, phô mai, xúc xích, ô tô, đường rầy, nhà ga, con tem, trái banh, là những chữ Tây đã Việt hoá từ chữ beurre, fromage, saucisse, auto, rail, gare, timbre, balle.

Chúng ta chấp nhận các từ ngữ Hán Việt vì chúng gọn gàng và dễ nghe hơn chữ đã dịch sang tiếng Việt thuần túy. Ví dụ: Quốc Trưởng (國長) là người đứng đầu một nước. Không thể có chữ Việt nào gọn hơn.

Nhất là trong lãnh vực chính trị, quân sự, kinh tế khó kiếm ra những chữ Việt thuần túy. Người ta nói hay viết “ông Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng,” thay vì nói/viết “ông Cầm Đầu Bộ Giữ Gìn Đất Nước.” Người ta nói/viết: Quốc Vương và Hoàng Hậu thay vì Ông Vua Nước và Vợ Vua.

Ai thay được những chữ Tổng Tư Lệnh, Tổng Tham Mưu Trưởng bằng chữ Việt thuần túy mà vừa ngắn vừa đủ ý, chúng tôi xin cúi đầu bái phục.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Nhưng cũng có rất nhiều từ ngữ Hán Việt có thể dùng từ ngữ Việt cũng gọn và rõ ràng. Ví dụ: phi cơ, tiềm thủy đình, toà Bạch Cung... Tại sao không dùng chữ Việt: máy bay, tàu ngầm, toà Nhà Trắng...? Chúng ta thường dị ứng với những chữ tàu sân bay, lính thủy đánh bộ, nhà trắng..., vì các chữ đó nghe lạ tai, nôm na, và nhất là do đối phương chúng ta sử dụng. Lấy trường hợp trong các quân binh chủng của quân đội, gần như hầu hết là chữ Hán Việt: Quân Cụ, Quân Nhu, Bộ Binh, Biệt Động Quân, Không Quân, Hải Quân, Địa Phương Quân... lại lọt vào chữ lính Nhảy Dù là chữ Việt thuần túy. Tại sao chấp nhận chữ lính Nhảy Dù, mà phản đối chữ Lính Thủy Đánh Bộ? Có phải đó là do tâm lý, thành kiến và thói quen không?

Người viết cũng thắc mắc, tại sao có thể dùng chữ Trưởng Ty, Trưởng Phòng, Trưởng Ban; mà không dùng chữ Trưởng Bộ, Trưởng Tiểu Đoàn... Chẳng qua là quen dùng thôi. Chẳng thấy có quy luật nào ràng buộc cả.

Ngôn từ mới do sự phát triển kinh tế, chính trị, khoa học kỹ thuật

Cũng thế, văn minh nhân loại tiến bộ, phát minh ra nhiều cái mới mà chúng ta chưa có một Viện Hàn Lâm Ngôn Ngữ hay ít nhất một tập thể ưu tú có kiến thức và thẩm quyền nào ngồi lại để dịch ra chữ Việt. Mà có dịch ra được thì cũng rắc rối lắm vì khó mà nói đủ ý nghĩa trong một vài từ ngữ. Hàn Lâm Viện của Pháp hàng trăm năm nay vẫn ngồi cãi nhau chí choé về chữ nghĩa đây.

Có những cách dịch mâu thuẫn nhau. Chiếc máy radio mà chúng ta nghe tin tức hàng ngày thì gọi là máy thu thanh.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Trong khi cái ti vi để xem hình ảnh thì lại gọi là máy truyền hình mà không là máy thu hình. Vì chữ máy thu hình dùng cho cái camera!

Cái máy computer, ngày nay chúng ta chấp nhận chữ máy điện toán. Nhưng còn hardware, software, input, output, download, upload, save, scan, malware, spyware, keyword... Chúng tôi đã thấy vài nơi dùng chữ “từ khoá” để dịch chữ keyword. Chúng ta thấy khó nghe vì chưa quen tai mà thôi!

Vậy thì có hai giải pháp

(1) Việt hoá nó như chúng ta từng Việt hoá chữ cà phê, xúc xích, nhà ga...

(2) Đặt cho những chữ đó những chữ Việt tương đối đủ nghĩa và dùng riết thì sẽ quen thuộc. Dĩ nhiên ban đầu sẽ có nhiều chống đối. Nhưng quy luật ngôn ngữ là thế, chúng ta phải có sự cảm thông, độ lượng để chấp nhận thôi. Nên nhớ rằng ngày xưa tiếng/chữ Việt thuần túy cũng từng bị các nhà hủ Nho kết án “nôm na là cha mách què”. Sự chống đối của họ cũng kéo dài cả hàng trăm năm cho đến mãi khi gần hết triều Nguyễn với sự kết thúc các kỳ thi Hương, thi Hội.

Tại sao không dùng chữ của “Việt Cộng”? Không có chữ Việt Cộng mà chỉ có việc Việt Cộng và dân trong nước dùng sai. Chúng tôi đã có viết một bài khẳng định rằng tất cả từ ngữ Việt đang được sử dụng hiện nay ở quốc nội hay hải ngoại đều là ngôn từ chung của dân tộc Việt. Việt Cộng chẳng đẻ ra chữ nào mới. Vấn đề là họ thay đổi, gán ghép, hoán chuyển và dùng sai nên trở thành lỗi bịch, sai nghĩa. Ngoài ra còn nhiều từ ngữ rất chính xác mà chúng ta né tránh, dị ứng vì lý do

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

chính trị, để cho họ độc quyền sử dụng. Ví dụ: các chữ giải phóng (liberation), đường cao tốc (high speed), kỹ thuật số (digital), nhu liệu (software).

Trong phần tiếp theo đây, chúng tôi dùng chữ nghiêng có gạch dưới cho những câu của Việt Cộng sử dụng (sai), và chữ nghiêng không gạch cho những câu mà chúng ta sử dụng (đúng). Chúng tôi chỉ nêu tượng trưng một số chữ.

Một vài thí dụ về những cách dùng nên tránh:

1.- Hiện nay bên Việt Nam, người ta thường bỏ bớt chữ trong một từ ngữ kép:

Căng: Không nên nói “Tình hình căng lắm.” Nên nói “tình hình căng thẳng lắm.”

Quyết: Không nên nói “Cấp trên đã quyết.” Nên nói “cấp trên đã quyết định.”

Quản: Không nên nói “Việc này để bên Bộ Nội vụ quản.” Nên nói “... để bộ Nội Vụ quản lý.”

Bèo: Không nên nói “Món này bèo lắm.” Nên nói “Món này rẻ như bèo.”

Điều (điều động): Không nên nói “Mỹ điều tàu ra Thái Bình Dương.” Nên nói “Mỹ điều động tàu ra Thái Bình Dương.”

Bang: Không nên nói “Tôi cư ngụ ở bang Texas.” Nên nói “Tôi cư ngụ ở Tiểu Bang Texas.”

Chất: Không nên nói “Ai cũng muốn sống chất.” Nên nói “Ai cũng muốn cuộc sống đầy đủ.”

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Đĩnh: Không nên nói “Cô ta hát đĩnh!” Nên nói “Cô ấy hát hay tuyệt!”

Vắt: Không nên nói “Nó làm ăn vất lắm.” Nên nói “Nó làm ăn vất vả lắm.”

Chuẩn: Không nên nói “Làm thế là chuẩn.” Nên nói “Làm thế là đúng tiêu chuẩn.”

2.- Nhiều chữ miền Bắc ít được dùng và chúng ta ít nghe, nên chúng ta dị ứng vì hiểu lầm là chữ có sau này:

Hoành Tráng là tĩnh từ dùng cho các để nói về bất cứ cảnh quan có quy mô to lớn, rộng rãi; không ai nói buổi tiệc hoành tráng được. Tiếng Việt phong phú; có rất nhiều tĩnh từ khác nhau để nói về từng trường hợp khác nhau: Lâu đài nguy nga, núi non hùng vĩ, cảnh diễm binh hùng tráng, căn phòng tráng lệ, công trình quy mô, khu vườn mỹ lệ, cảnh sắc huy hoàng, buổi tiệc linh đình...

Xiển Dương: Lan truyền rộng ra (promote, propagate). Ví dụ: Chúng ta cần xiển dương chính nghĩa quốc gia.

Mãn Cán: Làm việc siêng năng, lanh lẹ. Ví dụ: Ông B. là một công chức mãn cán.

Chỉnh Chu (chỉnh tề và chu đáo). Ví dụ: “Ông bà tiếp đãi chỉnh chu.” Người miền Nam có lẽ ít nghe hai chữ này. Cũng có thể là “Chín Chu” theo nghĩa chữ “Chín” là hàng hoàng, kỹ lưỡng.

Lễ Tân (Lễ: nghi lễ, phép tắc; Tân: khách). Nếu có đặt thành chữ mới, thì chỉ dùng trong trường hợp trang trọng như

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

“Ban Lễ Tân của bộ Nội Vụ...” nhưng không thể “cô lễ tân trong khách sạn,” mà nên nói “cô tiếp tân của khách sạn.”

Tinh tươm: thay cho chữ tinh xảo, tươm tất.

Quá độ: Theo Việt Nam Tự Điển của ông Lê Ngọc Trụ (nhà sách Khai Trí, trang 1186) và Việt Hán Tự Điển của ông Huỳnh Minh Xuân (nhà xuất bản Đại Nam, trang 649), quá độ có nghĩa là qua khỏi thời gian cũ để chuyển sang thời gian mới (transition/transitional). Ngày trước, chúng tôi không nghe chữ này nên thường dị ứng khi nghe dùng trong câu “Đây là thời kỳ quá độ đi lên Chủ nghĩa Xã hội.”

Có những chữ ghép một cách không đúng:

Vụ việc: Đã vụ thì không cần việc, và hai chữ này dùng trong trường hợp khác nhau: Một vụ án, một việc làm tốt. Vụ giết người khác nghĩa việc giết người.

Cặp đôi (vừa cặp vừa đôi!): Không thể nói “một cặp đôi nam nữ xứng hợp.” Nên nói “một đôi nam nữ xứng hợp.”

Cặp và đôi là hai chữ riêng biệt để nói về số lượng. Tuy cùng có nghĩa là hai, nhưng cách dùng thì lại khác. Người ta dùng chữ “đôi” khi nói về hai người, hai vật mà có sự gắn bó, không thể tách rời ra. Đôi vợ chồng, đôi tình nhân, đôi bạn, đôi đũa, đôi giày... Những thứ này gắn bó, bổ túc cho nhau để trở thành một “mình với ta tuy hai mà một; ta với mình tuy một mà hai.” Đôi bạn, đôi vợ chồng mất đi một thì đời sẽ là vô nghĩa. Một chiếc đũa, một chiếc giày thì trở thành vô dụng. Hãy nhớ lại tựa đề cuốn tiểu thuyết Đôi Bạn của Nhất Linh và câu “Miếng trâu cau nên đôi vợ chồng, đôi vợ chồng nghèo...” trong bản nhạc “Tình Nghèo” của Phạm Duy. Dĩ nhiên cũng

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

có các ngoại lệ. Ví dụ: người cụt một chân, cụt một tay, chột mắt, hay có tật chân cao chân thấp...

Chữ cặp dùng một cách chung cho những gì có hai cái mà không nhất thiết cần kết hợp. Ví dụ: cặp vịt, cặp bánh chưng... Ghép chung hai con vịt, hai cái bánh hay tách ra từng con vịt, một cái bánh cũng chỉ thay đổi số lượng mà không thay đổi tính cách. Vì thế, nên lựa chọn hoặc dùng chữ đôi, hoặc chữ cặp cho những điều mình muốn nói. Không thể tham lam dùng cả hai chữ “cặp đôi” vì như thế, nó có nghĩa là 4 thay vì muốn nói tới hai vật. Và nhất là nghe hai chữ “cặp đôi” nó kỳ quặc, chướng tai vô cùng.

Có khi họ ghép một chữ Hán vào với chữ Việt thuần túy cả hai chữ cùng một nghĩa như bên cạnh, in ấn...

Những thí dụ về việc dùng sai:

1.- Danh từ dùng như động từ hay tính từ.

Chất lượng (mức độ phẩm chất). Phải nói đủ “Hàng này có phẩm chất cao” thay vì nói trống không “Hàng này chất lượng.” Lượng nói về những gì có thể cân, đo, đong, đếm được.

Ấn tượng là danh từ (impression). Người bên Việt Nam ngày nay dùng thay tính từ (impressive) khi nói “Ca sĩ X ăn mặc ấn tượng” mà lẽ ra “Cách ăn mặc lố lăng của ca sĩ X gây ấn tượng xấu...”. Hoặc như động từ (impress): “Tôi ấn tượng điều anh nói.” Nên nói, “Lời anh nói cho tôi một ấn tượng tốt.” Trong Anh ngữ, có nhiều chữ cùng một gốc để dùng trong trường hợp khác nhau. Ví dụ: impression (danh từ), impress (động từ), impressive (tính từ).

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Tâm tư có nghĩa là sự suy nghĩ nặng về cảm tình. Một anh cao cấp Việt Cộng nói với nhân viên: “Tôi tâm tư hoàn cảnh của anh.” Lẽ ra phải nói: “Tôi ưu tư về hoàn cảnh của anh.”

Khả năng là danh từ, không thể dùng như động từ. Khả năng là điều kiện nội tại, là năng lực để làm một việc gì. Tiếng Anh nó là chữ able/capable, ability/capacity. Trong khi có thể (chữ “can” trong Anh ngữ) là còn do điều kiện khách quan tác động từ bên ngoài. Ví dụ: “Cô ấy có khả năng viết văn, nhưng cô không thể viết lúc này vì bận con nhỏ.” Vì thế, không thể nói “Trời khả năng mưa,” mà nên nói “trời có thể mưa.”

Trình độ là danh từ. Không thể dùng như tính từ. Không nên nói, “Anh này trình độ nhỉ!” Nên nói, “Anh này có trình độ nhỉ!” Có lần, chúng tôi còn nghe câu kỳ lạ: “Anh này trình thật!”

2.- Dùng sai nghĩa:

Vô tư (nghĩa đúng là không suy nghĩ). Không thể nói: “Cứ ăn uống vô tư!” Nên nói “Cứ ăn uống thoải mái.”

Chuyên trị (nghĩa đúng là dùng để trị một bệnh gì). Không thể nói: “Anh họa sĩ này chuyên trị tranh màu” mà phải là “Anh họa sĩ chuyên vẽ tranh màu.”

Tiếp cận là kế cạnh, sát bên, next to. Không thể dùng thay chữ đến gần (approach) hay tiếp xúc (contact). Không nên nói: “Cô ta tiếp cận ông X.” Nên nói “Cô ta tiếp xúc ông X.” Một thí dụ đúng về chữ tiếp cận: “Nhà nàng tiếp cận nhà tôi.”

Thể hiện là biểu lộ (express). Không thể viết “Cái bánh chưng khổng lồ do bà X thể hiện.” Nên nói “Cái bánh chưng

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

khổng lồ do bà X làm/ thực hiện.” Câu dùng chữ thể hiện đúng: “Cách ăn nói của anh thể hiện tư cách đứng đắn.”

Liệt sĩ là người có khí tiết mạnh mẽ. Dùng chữ liệt sĩ để nói về những người chết trận (Nghĩa trang Liệt Sĩ) là sai. Phải dùng chữ tử sĩ để nói về người lính đã hy sinh.

Tài khoản (chỉ dùng trong tài chánh). Không nên nói “Tài khoản Facebook, tài khoản Yahoo.” Chữ Account theo nghĩa này chưa thấy chữ Việt tương đương. Tại sao không Việt hoá nó?

Thông tin (không thể dùng thay chữ tin tức). Thay vì nói, “Anh cho tôi thông tin về vụ này,” nên nói “Anh cho tôi tin tức về vụ này.”

Tư liệu (trong Hán tự có 28 chữ Tư, trong đó ghép với chữ Văn thành Tư Văn là văn thư qua lại của các quan). Không nên viết “Tư liệu chiến tranh,” nên viết “Tài liệu chiến tranh.”

Thống nhất (hợp lại, unify). Không nên dùng chữ này theo nghĩa là đồng ý (agree). Thay vì viết “Các bác sĩ thống nhất trong việc giải phẫu,” nên sửa là “Các bác sĩ đồng ý việc giải phẫu.”

Thu hoạch (thường dùng trong nông nghiệp là gặt, hái, lượm). Không nên nói “Học sinh làm bài thu hoạch.” Nên nói “... bài thi tổng kết, cuối khoá.”

Thiếu đói (ý nói không có ăn). Nhưng nếu hiểu cho đúng, thiếu đói là không đói; tức là có ăn! Tại sao không chỉ nói họ bị đói, hay bị thiếu ăn?

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Tình huống (circumstance) tuy có vẻ gần gũi với chữ “tình hình” và “tình thế” (situation), nhưng cách dùng khác nhau. Tình huống xảy ra là hậu quả của hành vi nào đó. Ví dụ: Việc rút quân bất ngờ tại Afghanistan đã đưa đến một tình huống khó cứu vãn. Tình hình kinh tế có phần suy sút. Tình thế đã nghiêm trọng lắm rồi.

Linh tinh: Khi ở trong các trại tù cải tạo, công an quản lý rầy rà những người tù khi họ làm điều lộn xộn. Ví dụ: “Các anh này nấu nướng linh tinh.” Thật ra, linh tinh là các thứ vụn vặt (miscellaneous) không đủ số lượng để xếp vào một chủng loại nào. Ví dụ: Khi chúng ta xếp vào tủ các loại áo chemise, áo lạnh, quần ngắn, quần dài...; Còn lại vớ, khăn tay, bao tay... chúng ta liệt vào các thứ “linh tinh.”

Quá trình: Bên Việt Nam dùng chữ quá trình rất tùy tiện. Thật ra, nghĩa của nó là những điều, những diễn biến (process) đã xảy ra theo một trình tự. Ví dụ: “Chúng ta đã làm xong một quá trình xây dựng phức tạp.” Còn những gì chưa làm thì nên dùng chữ “tiến trình.” Ví dụ: “Anh cho biết tiến trình thực hiện việc này ra sao.” Cũng cần biết thêm chữ chu trình cũng là một tiến trình trọn vẹn để hoàn tất công việc.

Chúng ta nghe có những bài viết bên Việt Nam, và ngay ở hải ngoại, họ dùng những chữ một cách rất kỳ lạ.

Văn hóa: Có khuynh hướng ghép chữ văn hóa bừa bãi. Họ viết trong bài báo về du lịch “Tại Nhật không có văn hoá típ, văn hoá ẩm thực của người Phi.” Nên viết đơn giản “Nhật không có thói quen cho tiền típ,” hay “vấn đề ăn uống của người Phi.”

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Xử lý: Bên Việt Nam, làm gì cũng gọi là xử lý (xử lý rau, xử lý thịt...)

Xử lý là việc xét xử, xét đoán dựa trên lý lẽ (luật lệ, nguyên tắc...) Ví dụ: Vụ án giết người sẽ được đưa ra toà để xử lý. Nhẹ hơn thì gọi là xử trí, tức là giải quyết, phán xử dựa trên trí phán đoán. Ví dụ: Việc con trai anh làm con gái tôi mang bầu, tôi sẽ có cách xử trí.

Không nên nói “Rau được xử lý xong cho vào chảo luộc,” “Cầu thủ xử lý đường bóng.” Nên nói “Rau được nhặt rửa xong cho vào chảo luộc” và “Cầu thủ chuyền một đường banh.”

Ùn tắc (tắc nghẽn). Không nên nói “Cuối ngày Chủ nhật, lưu thông ùn tắc.” Nên nói “Cuối ngày Chủ nhật, việc lưu thông bị tắc nghẽn.”

Trần và Sàn (Ceiling hay Maximum, Threshold hay Minimum). Không nên nói “Giá trần của căn nhà.” Nên nói “Giá cao nhất của căn nhà.”

Chùm: Không nên nói Chùm ảnh, Chùm thơ. Sao không nói dễ nghe “tập ảnh, loạt thơ.”

Tốp ca: Không nên nói “Ban tốp ca nữ.” Nên nói “Ban hợp ca nữ.”

Cá thể (muốn nói một đơn vị): Báo chí bên Việt Nam viết “Cảnh sát bắt được hai cá thể vi phạm,” nên viết “Cảnh sát bắt được hai người vi phạm.”

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Tác nghiệp (ý muốn nói làm việc chuyên môn): Không nên nói “Các phóng viên đến tác nghiệp,” “Cảnh sát đến nơi tác nghiệp.” Nên dùng chữ “lấy tin” hay “làm việc/điều tra.”

Giao lưu: Không nên nói “Hai chị em giao lưu suốt buổi tối.” Nên nói “Hai chị em trò chuyện suốt buổi tối.”

Phản hồi: Việt Cộng viết trong bài báo “Không thấy phía Mỹ phản hồi.” Nên nói “Không thấy phía Mỹ phản ứng / trả lời.”

Khủng (ý nói khổng lồ): Không nên nói “Cái xe khủng này, giá khủng.” Nên nói “cái xe lớn, giá cao.”

Điều hành, diễu binh: Không nên nói “Đi điều hành ngày Quốc Khánh.” Lễ ra phải là “diễn hành, diễu binh,” vì diễu hành có nghĩa là đi vòng vòng có tính cách vui chơi, không trang trọng.

Những chữ không thấy trong các từ điển Việt Nam lẫn Hán Việt

Động thái (ý muốn nói đến động tác, hành động), giao lưu (ý muốn nói đến trao đổi), hò hời, hiệp đồng (tự điển có chữ hợp đồng có nghĩa giao kèo), lễ tân (ý muốn nói tiếp khách) ... Còn nhiều lắm!

Khuynh hướng ưa đảo thứ tự các chữ kép, nghe chường tai vô cùng: bảo đảm, đơn giản, họ đảo thành đảm bảo, giản đơn... Rồi lại có tình trạng đổi chữ “i” thành chữ “y” như bác sĩ, nghệ sĩ, liệt sĩ thành bác sỹ, nghệ sỹ, liệt sỹ; hay ngược lại, như vô lý thành vô lí, chia ly thành chia li. Nhiều người có khuynh hướng cải cách chữ “i” và “y” cho đơn giản nhưng

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

chưa được hưởng ứng rộng rãi vì có nhiều trường hợp không thể thay chữ y thành i được. Ví dụ: Thúi và thúi, may và mai.

Nói qua về cách dùng trạng từ

Cách dùng trạng từ. Trong khi tĩnh từ bổ nghĩa cho danh từ, thì trạng từ bổ nghĩa cho động từ, hay đôi khi cho tĩnh từ.

Ví dụ. Anh ta nói tiếng Anh một cách thành thục. Chị ta cư xử khôn khéo.

Như thế, vị trí của trạng từ là theo sát động từ, trước hay theo sau.

Ví dụ: Cô Ba nhanh nhẩu trả lời. Cô Ba trả lời một cách nhanh nhẩu.

Chỉ có khi cần nhấn mạnh, người ta mới đặt trạng từ ra trước, nhưng phải cách mệnh đề bằng một dấu phẩy.

Ví dụ: Đột nhiên, anh ta ngã xuống.

Chúng ta thấy bây giờ người bên Việt Nam viết báo, hầu hết cho trạng từ ra đầu câu.

Ví dụ: Choáng công thức pha chế sữa đậu nành “bẩn” của Việt nam. Kinh hoàng đứa cháu chém bà ngoại vì không xin được tiền.

Câu trước chữ choáng viết ngắn của choáng váng, nghe đã chướng tai, rồi lại đặt nó ở đầu câu, nghe càng khó chịu.

(tiếp theo kỳ sau)

Đỗ Văn Phúc

Nếu Để Chia Tay Thì Đừng

Phạm Ngũ Yên



Khi nàng bỏ đi rồi, trong suốt nhiều năm tôi mơ chỉ một giấc mơ. Là thấy nàng trở về. Những cơn mơ trông hoác nhưng chặt chội hình ảnh nàng và những giọt nước mắt rơi không thành tiếng. Làm sao để kiểm soát được việc nhớ tới một người. Lại cũng không thể ép bản thân thôi đừng nhớ về người đó. Tôi không biết phải bắt đầu câu chuyện như thế

nào, chỉ biết rằng để trải nghiệm một nỗi đau mà con tim đang chín đủ đau buồn, tôi đã phải thức trắng nhiều đêm. Trong căn nhà ba phòng, con gái tôi và đứa cháu ngoại chiếm hai phòng, còn tôi một phòng. Gần 3 giờ sáng, ai cũng ngủ chỉ mình tôi thức. Con chó ngủ bên cạnh sô-pha, lâu lâu nức lên, dường như nó cũng nằm thấy một giấc mơ? Ai đó nói rằng văn chương đi ra từ cuộc đời. Và như vậy thì tôi sẽ ghi lại một vết thương chưa kịp kéo da non và mới vừa đây mùa đông đã trở nên lạnh vô cùng. Tháng mười hai sắp bắt tay với tháng một. Nơi đầu hồi trước nhà, tiếng gió thổi lạnh căm như một hơi thở vừa rụng qua vai. Một phía của bình minh chưa đến.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Nhưng một phía kia là bóng tối và tình yêu muốn nhờ gió đêm gởi đến cho nàng. Người đàn bà đang ở thì quá khứ...

Góc đường 24 và Guadalupe, đối diện công ra vào trường Đại Học Austin, Texas (UT) là quán cà phê Medici. Hương vị không đậm đà bằng Starbucks, có mùi giống như cà phê Pháp, nhưng chỗ ngồi thoáng và nhìn được ra đường. Có wifi và giá cả thì vừa phải, vì khách uống đa số là sinh viên nghèo. Một điểm khiến tôi hài lòng là đối diện ngay với trạm lên xuống của nhiều chuyến xe buýt chạy về hướng nhà tôi. Nếu cần phải làm việc tại đây mà không bận tâm về phương tiện di chuyển, tôi có thể sử dụng xe buýt mỗi ngày. Trong cái góc êm ả nhìn ra con đường dập dềnh xe cộ và những thanh niên thiếu nữ qua lại từng phút giây, đời sống sẽ trở nên chật chội vì hạnh phúc là một điều có thật và lâu dài. Nó làm cho người ta có cảm tưởng không buồn và không một mình. Chỉ cần đứng lên khỏi chiếc bàn đang ngồi, và ly cà phê trước mặt, bước ra ngoài, là tôi đã chạm mặt với hạnh phúc. Một lần như vậy, tôi thấy nàng. Khi nàng quay đầu nhìn lại, từ một trạm xe, tôi thấy tôi băng khuông một góc đời thơ dại, nơi những tình yêu đuổi theo nhau miệt mài. Ánh nắng cuối ngày xao xuyến hơn bao giờ. Có những con đường mà người ta đi hoài không hết, nhưng bất chợt vừa dừng lại, đã chạm đến hoàng hôn... Nàng đứng đó, dáng điệu cũng lặng lẽ mơ hồ như trụ đèn đường và con phố chiều nay có mùa đông rất lạ. Bờ đường lác đác những chiếc lá vàng từ mùa thu. Một băng ghế ngồi bằng sắt uốn cong và một thùng rác công cộng lạnh như chưa từng. Vài hình vẽ bằng sơn xịt do những ai đó nổi loạn phá phách, đậm màu trên những viên gạch đầy rét lạnh căm.

Chiếc áo thun màu tro và chiếc jupe đen ôm sát. Một đôi giày da đen cao cổ gần đến đầu gối. Bên ngoài cùng là chiếc

áo jean bạc màu nhẹ tênh. Mái tóc nàng cột về phía sau và hai dây headphone cắm trong hai lỗ tai làm tôn vinh ngấn cổ trắng ngần. Dáng điệu vừa lơ đãng, vừa khép kín và đôi vai như chưa từng gánh tròn những bão giông. Những con đường đuổi theo nhau cùng những hàng cây phong trần bụi bặm. Vài người đứng chờ xe giống nàng, nhưng hình ảnh nàng vượt lên, nổi trội. Nàng giống như mới vừa từ trong khuôn viên trường đại học bước ra. Nhưng hình như dáng vẻ nàng phản lại điều đó. Nàng không như những sinh viên chung quanh vì vẻ bụi đời trên mặt, cùng đôi mắt trong suốt. Và những chiếc lá rơi bên đường chiều như giải thích về sự cô độc. Chiếc túi đeo lưng màu cà phê nhẹ tênh, đến nổi tiếng gió mùa vượt qua vai nàng mát hút. Tình yêu cũng chưa hề?

Những dấu giày chưa bao giờ biết nói, nhưng sao rộn ràng tín hiệu? Vạt nắng tự thuở nào vẫn giấu biệt trong nó hơi ấm một thời. Tôi thấy mình yếu đuối và hụt hẫng vì lát nữa đây sẽ mất nàng.

Lần đầu tiên gặp nàng như vậy và không có được một nụ cười. Những hình ảnh đó cứ mãi theo tôi trên đường về. Thì ra, giữa những âm điệu xô bồ, hỗn loạn của cuộc sống vẫn còn có những khoảng lặng đẹp đẽ và bình yên. Lần thứ nhì gặp nàng khi nàng đứng giơ tay mời mọc khách qua đường ghé thăm gian hàng bán hoa của nàng. Nói là gian hàng hoa cho có vẻ trịnh trọng, thực ra đó là những giỏ hoa đặt tạm bợ trên một ngách cửa từ một shop bán đồ trẻ em có tên là Fanny và Marius. Tôi ái ngại nhìn những đồ vật bày biện. Nhưng đôi mắt xanh của nàng ngăm nói với tôi là không cần ở ai lòng thương hại. Có vài chậu hoa màu sắc lạ lùng không biết nàng lấy từ đâu nhưng rất đặc biệt, giống như con người nàng. Một tay nàng đang cầm những xấp giấy màu có in hình một trang

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

trại, có vẻ như khu vườn thì đúng hơn. Những luống hoa mọc ngay hàng dưới ánh nắng nhấp nhô. Một ngôi nhà dường như hiện ra để cầu chứng sự hiện hữu của nó với cuộc đời vội vàng. Nàng nói, với một giọng tiếng Mỹ không lưu loát:

– Mời ghé lại xem, các bạn ơi...

Trong này quán cà phê, tôi tần ngần nhìn ra. Nàng mang dáng vẻ không lo âu, cũng không trì kéo. Nàng vừa hồn nhiên, vừa dạn dĩ bên phố đầy người ngược xuôi và ồn ào. Giống như một kẻ chào mời mùa xuân đồng thời cũng gõ vào trái tim người nghe những âm điệu buồn.

Không biết sao, những điều như vậy làm tôi chạnh lòng. Tôi thấy những tháng ngày cô độc không biết làm gì trước một vùng biển bao la tưởng như không phải là của mình, dù tôi đã lớn lên từ đó. Những năm tháng lang bạt và phiến muộn biết bao. Bây giờ, dù bình an trên xứ người, nhưng tôi không thể nào quên được ngày xưa. Nơi thành phố biển lớn lên mỗi ngày cùng những cơn mưa nhỏ xuống đời day dứt. Tiếng mưa làm trôi giạt mùa hè ra cửa. Trôi dạt những con thuyền ra khơi. Mặt nước rộng mênh mông và chất đầy nỗi sợ. Đằng sau lưng là bảy sắc cầu vồng.

Từ trên những góc đường của phố cũ, mỗi ngày, các chiếc loa phóng thanh phát đi những lời phù hư, làm ám ảnh tôi suốt nhiều năm như một ký ức sai lạc nảy mầm. Những giấc mơ xa lạ trên xứ người và những tháng ngày để rơi cơn tỉnh táo. Tôi giấu Việt Nam trong lòng như giấu một tình yêu ngỡ ngàng, bão gió. Mười tám năm sống buồn bã nơi quê nhà. Những tiếng ve kêu ran cả một mùa không ai hay. Tôi rời Việt Nam lúc chương trình định cư đang thành hình. Tôi mang những

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

tiếng ve ướm đầm như lệ đời sang Hoa Kỳ. Những bước đi không đành mà nhìn lui thì không muốn.

Bây giờ, trước mắt tôi là một hình dáng mong manh nhưng đậm màu một nỗi buồn thật sự. Tháng mười hai chạy đuổi theo mùa đông, cùng tiếng gió rít ngoài mặt cửa quán. Có đôi lúc vì công việc tôi phải về khu Downtown. Những đêm muộn màng lái xe trở về. Thêm đêm lấp lánh ánh đèn như những ảo giác. Lần gặp thứ ba, kể từ hai tuần trước, cũng vẫn chỗ cũ, nhưng lúc này nàng có thêm một chiếc mũ len trùm đầu. Trời lạnh đột ngột từ chiều qua. Dáng cô độc và bất cần vẫn còn. Nàng nói, sau khi quan sát tôi từ đầu đến chân:

– Rảnh nhỉ?

– Sao cơ?

– Làm ơn đừng bám theo tôi nữa để tôi bán có được không?

– Xin lỗi, tôi không thể...

– Tại sao?

– Vì cô là người giới thiệu hoa và tôi là người thương lắm. Vì tôi thích cái dáng vẻ của cô.

– Điên quá. Ông có hối tiếc cái thời gian phải bỏ ra như vậy không?

– Không bao giờ. Tôi chỉ hối tiếc nếu cô không chịu nói với tôi về cái gì đó. Một cái tên chẳng hạn...

– Ông biết gì về hoa và màu sắc của hoa? Nàng chớp chớp.

– Không nhiều lắm. Nhưng tôi biết cô chọn lựa hoa như một người vừa có một trải nghiệm buồn bã. Cái màu sắc dữ dội nhưng cuốn hút cuộc đời.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Nàng cười. Nụ cười không rõ rệt nhưng rất tươi, làm ấm lòng. Trời đổ mưa lất phất tinh cở. Chung quanh không có chỗ nào để núp tránh. Ngoại trừ quán cà phê tôi vừa ngồi. Một quán bán Pizza nằm kế.

– Tôi phân vân không biết có thể mời cô đi uống nước vào một ngày nào đây?

– Tại sao không hôm nay luôn?

Nàng giống như một người hà tiện lời nói. Nàng ôm xấp Program trước ngực, theo tôi chạy vào quán. May mắn còn chỗ trống. Quán cà phê nhưng cũng có bán bia, sau 3 giờ chiều. Tôi gọi cho tôi một chai bia còn nàng thì một ly Espresso nóng.

– Ông đang làm việc ở downtown hả?

– Chút ít thôi. Tôi vừa mất việc làm nhưng cũng vừa tìm thấy việc làm. Đang bàn luận giá cả và hợp đồng. Vì dù sao cũng đang trong 6 tháng relax.

– Đúng là dân miền Nam.

– Tại sao?

– Vì thất nghiệp mà còn chơi bảnh.

Nàng nhún vai.

– Đó là thói quen chớ không phải bốc đồng. Mà đã là thói quen thì không thể từ bỏ.

Mưa ít, nhưng pha trộn rất nhiều giá rét. Thời tiết lạ lùng vì mùa này rất ít khi mưa. Con đường trước mặt chùng xuống và buổi chiều âm đạm giống như sắp tối. Những dòng nước run run trên mặt kiếng rồi lăn thành từng dòng, tiếc nuối.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

– Có một màu hoa nơi những chậu hoa của cô tôi chưa từng biết tên. Nó ám ảnh tôi khi thấy nó.

– Nó màu gì và ra sao?

– Màu tím đậm. Và nhỏ bằng đầu ngón tay...

– Đó là mận lan.

– Chúng đơn giản nhưng đẹp. Giống cô.

– Coi chừng lắm. Tôi không có đơn giản.

Nàng nói, môi đang cong lại vì chạm vào ống hút. Đôi mắt xanh dường như ảo nhé, đêm nay tôi sẽ về tương tư.

– Quê của ông ở đâu? Việt Nam?

– Vũng Tàu.

– Còn tôi Đà Lạt. Hoa mận lan mà ông vừa nói, ở Đà Lạt tràn đầy.

– Tôi không biết ở Mỹ cũng có loài hoa này.

– Có chứ. Sao ông không hỏi tôi đã có gia đình hay chưa? Để khỏi hối hận khi lát nữa chia tay với tôi?

– Tôi định hỏi mà không dám. Tôi thích sự lảng mạn.

– Sự lảng mạn của ông vừa tàn phá buổi chiều như hôm nay. Tôi có chồng, và chồng tôi vừa qua đời.

– Xin lỗi.

– Trong hoàn cảnh này, lời nói tệ nhất là lời xin lỗi. Anh ấy chưa vào công dân Mỹ. Vừa mới mất vì uống rượu lái xe... Trong khi tôi cũng sắp hết hạn di trú tại đây...

Nàng nói về người bạn đời, như nói về một người qua đường nào đó. Nàng tóm gọn cuộc đời hiện tại của mình một

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

cách suôn sẻ, không vấp vấp, chông chênh. Bây giờ người hà tiện lời nói không phải là nàng, mà là tôi. Tôi nhìn mê đắm trên đôi môi màu phượng của nàng, cảm giác những đau đớn ủa về, không phải cho tôi mà là cho nàng.

Đâu đó có tiếng vang động của còi hụ ngoài kia. Tôi hay nàng tự huyễn hoặc về những ngôn từ? Và làm sao giải thích về một hoàn cảnh đi gần đến thảm kịch? Mưa ngớt và đường chiều đông người trở lại. Uống vừa dứt ly cà phê của mình nàng vội vàng đứng lên. Cảm ơn tôi ly cà phê và rón rén những bước chân như một người vừa đi trên những vũng lầy hấp hối. Tôi nghĩ nàng trên dưới ba mươi tuổi. Người đàn bà ba mươi tuổi không cần sự lãng mạn. Họ chỉ muốn sở hữu.

– Chúc ông sớm tìm thấy việc làm.

– Nhưng tôi chưa biết tên của cô.

– Đâu cần. Chúng ta qua đường, gặp gỡ. Cùng trú mưa và cùng uống cà phê. Bởi vì chung quanh đây không có ai và chỉ tôi và ông là Việt Nam. Cảm ơn những lời khen tặng về mấy chậu hoa.

Khi người đàn bà đi, điều gì đó còn ở lại. Chẳng hạn như mùi hương từ thân thể. Chẳng hạn như ánh mắt lấp lánh nhưng phẳng phất những mây trời. Mãi sau này, tôi mới biết không phải mây trời mà là... khói thuốc.

Nàng không đứng bán những chậu hoa sau ngày ngồi quán với tôi. Tôi không biết tung tích nàng. Giống như một cơn mưa rơi xuống tỉnh cờ, người đàn bà đó không còn hiện hữu? Nàng đi về đâu khi mắt vẫn nhìn lơ đãng phía trước? Tôi không tin nàng biến mất dễ dàng và nàng sẽ tồn tại trong một số phận

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

ấm áp. Sự gặp gỡ giữa tôi và nàng, dù là một giấc mơ, nhưng tôi muốn đó là một giấc mơ tỏa sáng.

Tôi vốn không để ý đến người khác. Nhưng càng ngày tôi càng tò mò về nàng. Một đêm, tôi về trễ hơn mọi lần vì gặp gỡ những người chủ hợp đồng và ăn tối cùng họ. Gần mười hai giờ khuya tôi còn lang thang trên đường Congress. Chỗ đậu xe cách nơi đây vài block đường. Những cảnh trí và màu sắc óng ả từ các cửa tiệm, hàng quán nổi tay nhau bất tận, khiến đêm dường như dài ra, cuốn hút từng bước chân bộ hành. Đêm lạnh như cả một thành phố được ủ bằng nước đá. Tôi biết tôi sẽ khó lòng quay lưng lại với thời tiết tuyệt diệu của một mùa lễ lạc. Những thêm đá nghe trên lưng nó tiếng gió và mưa bụi thắm thì. Một cây Giáng Sinh khổng lồ được đặt trước điện Capitol. Nó sẽ nằm yên và khoe vẻ diễm lệ của nó suốt nhiều tuần lễ, cho đến qua tết dương lịch. Những chiếc taxi quanh co thả những khách đêm xuống từng ngưỡng cửa tiệm đêm và ai đã thổi tiếng trompet nơi góc đường như một điệu kinh cầu hồn.

Tôi không muốn làm một đứa trẻ để vừa mới đụng tới cái cô đơn mà đã khóc. Cho đến khi tôi không còn hứng thú để thả bộ thì tôi thấy ai giống nàng. Lạ Chúa. Nàng không phải đang hòa nhập vào đêm và giá rét để hóa thân thành một sứ giả của đường phố, để khua khoắng một tình yêu ngoài trần thế? Nàng đang bé nhỏ và rất mong manh, giống như một người đang phê thuốc. Nàng nửa nằm nửa ngồi trên băng ghế chờ xe buýt. Rất mệt lả và tái xanh. Có lẽ mọi câu chuyện đều khởi đầu và kết thúc bằng những cơn đau? Và ai đó nói rằng mùa đông là mùa mà người ta cần yêu thương nhất. Nàng đang oằn oại và khốn đốn trong khi tôi không kinh nghiệm để giúp cho nàng. Có một lúc nàng nhìn tôi như không từng biết tôi

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

trên đồi. Tia nhìn giống như màu đêm ướt át đậu trên cành mận lan. Nó sâu và cuốn hút. Phải khó khăn lắm tôi mới làm cho nàng bình tĩnh lại. Nàng nhận ra tôi và lặng im như một người câm. Đêm tựa mình vì những cánh lá giã giữa trên đường.

– Nhìn đủ chưa? Nàng cảm cảm. Tiếng nói không muốn thoát ra hai hàm răng nghiến lạnh. Nếu đủ rồi thì biến đi.

Nếu có ngôn ngữ nào diễn tả sự sống sượng và trần trụi của một người đàn bà chắc là lúc này. Giọng điệu nàng lạnh lùng hơn như buổi chiều nào cùng tôi trú mưa. Giá mà có lỗ nào mọc ra bên đường để tôi chui vào trong đó. Tôi đứng chôn chân bên chiếc ghế nhìn đôi chân nàng co lên (có đôi giày bột đen làm chứng và là hình ảnh chưa biểu lộ sự thảm hại từ nàng). Hai tay ôm choàng đầu gối. Chiếc áo Jean bạc màu nửa mặc nửa đắp hờ lên chiếc ngực run. Không đủ đầu vào đầu. Mắt nàng xanh như biển của tôi ngày nào, chưa bão tố.

– Tôi sẽ không biến đi nếu cô không để tôi đưa về.

– Về đâu?

– Về nhà cô hay nơi nào cũng được. Vì tôi không muốn cô nằm đây. Cảnh sát họ sẽ tìm gặp cô và đưa cô vào một nơi, mà dù đêm có bao la cách mấy, cô cũng sẽ thấy chật chội. Cô chịu không?

Hơi thở nàng yếu ớt. Không phải là gió mùa nhưng đủ làm cho đôi môi run kia vỡ òa bao điều quen lạ? Tôi nghe tiếng gầm gừ trong miệng nàng. “Tôi không về nhà”.

Tôi không có thời gian để tìm đến bãi đậu xe của mình, vẫy vội một chiếc taxi trôi qua. Nói đại một tên của khách sạn nào đó. Dù sao tôi cũng không về nhà đêm nay. “Đồ điên”. Đó

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

là tiếng cuối cùng mà tôi nghe được trước khi đặt nàng gọn gàng trong xe. Những sợi tóc thấm đẫm sương mù, bện vào nhau ép sát hai bên thái dương. Nàng ngược mặt nhìn tôi. Tia nhìn trong suốt.

Mọi hoàn cảnh trên đời liên kết với nhau và không cần những thắc mắc. Đêm qua lâu trong vùng downtown nhưng tiếng bánh xe vẫn liên lạc đuổi theo dưới đường. Tôi nghĩ về một tình huống trở trêu khi tôi phải đối mặt với nàng trong lúc này. Trên chiếc giường mệnh mông nàng nằm yên như một nàng công chúa ngủ trong rừng. Tôi kéo chiếc chăn len dày đắp cho nàng và định bụng sẽ xuống quầy rượu kiếm vài ly bia uống, vừa chờ sáng. Vừa không muốn nhìn một người đàn bà ngủ.

Quầy rượu vẫn còn lác đác vài dân nhậu đêm. Chúng tôi không quen nhau nhưng mạnh dạn cùng ly và chúc nhau sức khỏe dù ai cũng biết lời chúc vô nghĩa và phù phiếm hơn bao giờ.

Càng uống, tôi lại càng không thể không nghĩ về nàng. Tôi nhớ lại dáng điệu vừa lơ đãng vừa khép kín của nàng. Và nỗi đau nào vừa qua? Tình yêu hay sự đau khổ đã làm nàng gục ngã? Trong khi lòng tôi dấy lên một cảm xúc không muốn rời xa nàng. Phải mất bao nhiêu lâu, bao nhiêu tháng ngày để người ta nuôi trồng nó? Vì nếu đã là cảm xúc thì khó tìm được kết thúc và bắt đầu... Khi hết vài bia thứ ba thì tôi cảm giác không yên tâm khi nghĩ nàng đang một mình. Tôi trở lên phòng. Có một chút bình minh mờ nhạt hiện ra sau một bức rèm nơi tiền sảnh. Một đêm không ngủ nhưng tôi không cảm giác mệt mỏi. Không thấy nàng nằm trên giường. Có ánh đèn dọi ra từ phòng tắm và tiếng nước chảy. Giống như tiếng đời

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

cầm trôi sóng lướt theo những cơn mưa mù lòa. Nàng hiện ra sau một thời gian dài dễ chừng làm tiêu hao mấy chục gallon nước của khách sạn. Rồi ngạc nhiên khi bước ra nhìn thấy tôi. Chiếc khăn tắm choàng sơ sài trên người làm nàng lúng túng. Trong một thoáng tôi cảm nhận mùi hoa Lavender trên tóc nàng.

– Thật là một đêm ngu ngốc phải không?

Nàng nói và ngồi yên ả trên giường. Hai tay nàng thủ trước bụng. “Mấy món quần áo của em đã lấm lem từ tối qua.” Nàng nói. “Anh phải đền cho em”. Lần đầu tiên từ lúc gặp nhau tôi nghe nàng xưng hô như vậy.

– Anh sẽ mua đền cho em bằng số lương thất nghiệp. Tôi cũng đổi cách xưng hô.

– Bởi vậy em mới nói anh bảnh.

Nàng không giống với người đàn bà hồi đêm. Với môi run và chân môi. Nhưng màu mắt nàng vẫn như hai hòn bi làm bằng đá xanh. Nàng ôm chiếc gối trong lòng.

– Em... hút từ bao giờ? Tôi hỏi mà sợ nàng giận dữ.

– Từ khi anh ấy loan báo cho em biết là không có khả năng bảo lãnh em ở lại đây.

– Em tuyệt vọng nhiều đến vậy sao?

Nàng không trả lời. Đôi mắt nhìn về hướng khác. Tôi thấy thực sự nổi đau của nàng. Như một sân ga không hề muốn gánh bảo giông nên phải cố nén lòng khi tàu đã rời đi khỏi.

– Không ngờ, bên ngoài, lúc nào em cũng tỏ ra rất mạnh mẽ, nhưng bên trong lại dễ tổn thương.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

– Em phải ồn ào như vậy để giấu đi nước mắt. Nàng cười cợt. Khi người ta ngã một lần thì người ta sẽ ngồi lại và không muốn đứng lên.

– Thật sự anh rất đau lòng khi nghĩ em cô đơn một mình.

– Có muốn em trả ơn anh không? Nàng rụt rè hỏi.

Tôi không ngờ nghe câu nói đó từ nàng. Nhưng đó không phải là câu nói tệ hại.

– Vì sao?

– Vì những gì anh làm cho em.

– Không cần. Anh chỉ muốn thấy em cười.

– Đơn giản thế sao?

– Vì như vậy thì anh mới có thể cười. Như vậy có tham lam quá không?

– Đúng là tham lam quá rồi.

Nàng ngồi xích vào phía trong nhường chỗ cho tôi ngồi.

– Ai nói với anh em đang cô đơn?

– Những việc làm của em. Và những đóa hoa của em. Đứng giữa phố phường mà sao hờ hững...

– Mai một anh sẽ không còn thấy những cảnh mặc lan...

Tôi nhìn nàng. Ở đó, đôi vai non yếu của nàng đang run. Không phải vì lạnh mà vì đang thôn thức.

– Anh ấy mất là một phần do em. Thời gian có vẻ như gấp rút để trở lại Việt Nam của em làm anh ấy căng thẳng.

– Bao giờ thì em phải trở về?

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

– Lúc đầu tưởng không còn cơ hội. Nhưng vừa may em có một người đàn ông hứa sẽ bảo lãnh em, nếu em chịu kết hôn với ông ta.

– Cho dù như thế nào, anh cũng muốn em hạnh phúc.

– Để coi. Tháng sau em sẽ về Florida. Em có một người bạn gái ở đó. Nó ghi tên em vào một lớp cai nghiện. Nó hứa sẽ giúp em.

Tôi thấy mệt mỏi. Những tia nắng đầu ngày xuyên qua màn cửa, dù vẫn chưa được mở ra để tôi thấy hết bình minh bên dưới. Căn phòng vuông vức như một hộp diêm mùa giáng sinh, chỉ thiếu có một que diêm thôi đủ làm bùng lên ngọn lửa. Nàng quay mình trở lại. Chiếc khăn tắm bây giờ không che kín hết thân thể và chỉ thêm một cử động nhẹ nữa thôi, người đàn bà sẽ phơi bày ra hết những quanh co khuất lánh. Như một dòng sông không giấu giếm những thác năm đi qua những bến bờ son trẻ. Còn những buồn bã nào làm nên những trầm tích? Khi dòng sông đó muốn chảy lui về thượng nguồn?

– Anh có ham muốn em không?

Tôi vuốt ve trên ngực nàng. Không có lời nói nào đủ trong hoàn cảnh này. Trong một ý nghĩa đơn giản nhất, là giữa một trong hai người, cơ hội để ngã vào nhau chính là sự yếu lòng của người kia.

Tôi thấy bàn tay mình ôm lưng nàng. Cái ôm chặt và cần cho một thân thể rã rời sau một đêm dài thức trắng. Nghe cánh tay nàng vòng trên cổ tôi, nặng nề... Thời gian dễ chừng phải đi qua nhiều chục năm.

– Nếu em muốn hôn anh thì sao?

– Nếu để chia tay thì đừng...

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

– Rồi phải như vậy thôi. Chúng ta sẽ trở về với vị trí của mình. Tiếng nói nàng nhỏ gần như một lời gió. Đôi mắt nhắm nghiền không đủ lấp kín một màu biển xanh.

Những ngày còn lại nàng bán lại “hành lang hoa” cho một người khác. Tờ Progam đổi mới và ghi lên đó một địa chỉ lạ. Những chậu hoa cũng thôi không còn nằm ké trên ngạch cửa tiệm bán đồ con nít. Hoa cũng giống như người. Điều không thích cô đơn. Chúng lớn lên mỗi ngày bằng cách nghe bước chân của người trồng nó. Trong thời gian này, tôi ít khi gặp nàng vì tôi đã vào công việc mới. Nhưng tôi không an lòng vì chưa biết rõ ngày nàng rời khỏi đây.

Sáng hôm nay, tôi đưa nàng ra phi trường về Florida. Trời mưa.

Muôn đời, mưa vẫn là cái có để người ta nhìn về nội tâm mình. Vì bên những tiếng rì rào của mưa, bao nhiêu người đã nối kết thành những trang tình yêu ướt đầm.

Tôi kéo giùm nàng túi hành lý có bánh xe. Nàng không còn mỏng manh mà rất mạnh mẽ trong bộ đồ đen có áo len chùng bên ngoài. Dây thắt cột hồ hững không ôm hết vòng lưng thon. Giày Vascara cũng màu đen và mái tóc bay ngược khi hồi hải chạy qua hành lang. Tình yêu đau nhói trong lòng tôi cũng chạy đuổi theo bước chân nàng. Tôi không biết tình yêu ấy- cái tình yêu trái mùa đó- tồn tại bao lâu. Nhưng với nàng chắc chắn là mãi mãi.

Chỉ còn nửa tiếng nữa là nàng sẽ rời khỏi phòng “check in” để bước vào cổng chánh. Bao lâu nữa sương sẽ phủ chặt đường về và gió qua đường vẫn cất vang tiếng hát? Sau lưng chúng tôi, qua một góc parking bằng xi măng có kẻ làn sơn trắng, những chiếc xe nằm nín thở. Có những hành khách vội

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

vàng xuôi ngược, giống như từng cuộc đời xuôi ngược không hề tìm thấy một trạm dừng? Trong giây phút đó, tôi cảm giác như nàng sẽ quay lưng lại với tôi, quay lưng lại với một quá khứ mà sự cô độc mỗi ngày đang đè nặng lên nàng. Tôi nhìn thấy bóng tôi và nàng dội lại trong bức tường gương phi trường. Nàng đang sửa lại áo khoác ngoài và khăn choàng cổ lắt phất. Còn tôi sáng mai sẽ là nỗi cô đơn như đã từng.

– Ngu ngốc.

– Em nói sao?

– Mấy tháng qua anh theo đuổi một người phụ nữ dù biết người đó có chồng?

– Phải. Ngu ngốc thật. Nhưng tình yêu mà em. Anh không thể bắt trái tim mình làm khác được.

– Hãy quên em. Hãy trao tình yêu của anh cho người xứng đáng nhận nó. Trước khi đứng xếp hàng để chờ gọi đến tên mình, nàng hôn tôi:

– Anh bảnh lắm. Thật đó...

Nụ hôn tê điếng đủ làm tôi liêu xiêu. Tôi vẫn chưa biết tên nàng. Có cần thiết hay không? Nếu nhớ nàng, tôi sẽ gọi thăm Mạc Lan. Người đàn bà có đôi mắt mở to, trong sáng luôn làm tôi thấy bình yên...

Phạm Ngũ Yên

Sungei Besi Mười Bảy Ngày Đêm Tự Thể Hiện Mình

Nguyễn Mạnh An Dân

Mười giờ hai mươi, sáng ngày 7.4.1993, cuộc biểu tình tuyệt thực toàn lực của Cộng Đồng người Việt tỵ nạn tại trại Sungei Besi để đòi quyền sống và quyền tỵ nạn bắt đầu. Cuộc đấu tranh quy mô, quyết liệt nhưng ôn hòa, bất bạo động này được tổ chức và hướng dẫn bởi Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh mà lực lượng nòng cốt là Phong Trào Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền, một tổ chức chính trị vững mạnh đã được hình thành từ hơn hai năm trước tại Pulau Bidong, và sự chung sức của tổ chức Tân Dân Chủ và các tổ chức tân lập khác như Hội Đồng Việt Nam Tự Do Sungei Besi, Đoàn Thanh Niên Chí Nguyễn...

Ba tháng trước đó, để chuẩn bị tài liệu đấu tranh, Phong Trào Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền, với sự yểm trợ của Hội Đồng Trại và Hội Đồng Liên Tôn, Đã thành lập một Ủy Ban Soạn Thảo Tài Liệu Về Hiện Trạng Thuyền Nhân Sau Thanh Lọc Tại Malaysia và ủy ban này đã hoàn thành một tập tài liệu dày 200 trang, chia thành 9 phụ lục, đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau để minh chứng cho những lập luận được đúc kết trong một Thỉnh Nguyên Thư chi tiết.

Cuộc biểu tình tuyệt thực tại Sungei Besi đặt nền tảng trên một Thỉnh Nguyên Thư gồm sáu nhận định về hoàn cảnh lịch sử và chính sách ngược đãi của chính quyền cộng sản dẫn đến việc hàng loạt người bỏ nước ra đi vì lý do chính trị, về tình hình chính trị không thay đổi và sự vi phạm nhân quyền trầm trọng ở Việt Nam, về những sai sót bất hợp lý trong tiếng trình thanh lọc, về việc hình thành một tập thể đối kháng với chế độ

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

cộng sản tại trại, về chính sách cưỡng bách hồi hương gián tiếp được áp dụng tại Malaysia và về tính chất nguy trá, bất khả tín của chính sách hòa hoãn và những lời tuyên bố không ngược đãi người trở về của chính quyền cộng sản. Từ đó dẫn đến 4 yêu cầu:

– Nhìn nhận Việt Nam không thay đổi chế độ chính trị, việc đàn áp và vi phạm nhân quyền vẫn ở mức độ cao và tái cứu xét tất cả các phán quyết dựa theo quan điểm trái với thực tế trên.

– Nhìn Nhận có nhiều sai lầm, thiếu sót trong tiến trình thanh lọc và tái cứu xét mọi trường hợp có liên quan.

– Nhìn Nhận có một tập thể đối kháng với chế độ cộng sản tại Sungei Besi, nhìn nhận có một số lớn những người không thể trở về khi chế độ cộng sản còn tồn tại và có giải pháp thoả đáng cho thành phần này.

– Chấm dứt mọi hình thức “cưỡng bách hồi hương gián tiếp”. Chấm dứt mọi việc bóp nghẹt đời sống tinh thần và vật chất, trả lại cuộc sống tốt đẹp có ý nghĩa cho Sungei Besi.

Cuộc đấu tranh toàn lực của cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Sungei Besi được tiến hành theo nguyên tắc bất bạo động tuyệt đối, kéo dài trong 17 ngày đêm và chia làm 3 giai đoạn chiến thuật:

– Giai đoạn một: biểu dương ý chí và lực lượng: ngay khi cuộc tuyệt thực vừa nổ ra, 80 biểu ngữ, có cái dài trên 50 mét, bằng bốn thứ tiếng Việt, Anh, Hoa và Á Rập Được treo ở khu vực tuyệt thực, ở khắp trại và ở các cao điểm có thể nhìn thấy từ bên ngoài vòng rào trại cấm để xác định lập trường, bày tỏ nguyện vọng và tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Malaysia; cùng lúc đó, 40 máy cassette phát tiếng nói đầu tiên của chương trình phát thanh “Chuông Tự Do” phổ biến nội dung Thịnh Nguyễn Thư, Lời Kêu Gọi số I gửi đồng bào toàn trại. Tuyên

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Bố số I giải thích đường lối đấu tranh, xác định thái độ hòa ái với các nhân viên cơ quan UN HCR - MRCS, Task Force trong trại và bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự và đời sống tốt đẹp trong trại. Tâm Thư số I gửi Quốc Vương, Chính phủ và nhân dân Malaysia để kêu gọi sự giúp đỡ.

Trong ngày, 6000 bản in các tài liệu ghi trên đã được trao tay trực tiếp cho tất cả các giới chức trong trại và gửi đến nhân dân Malaysia bằng một hình thức thả truyền đơn đặc biệt, sáng tạo và khoa học, tạo sự hứng thú và thích thú cho tất cả mọi người hiện diện: một cánh điều lớn được thả lên cao, sau đó, một con bướm nhỏ mang truyền đơn theo dây điều đi lên, bướm chạm vào điều, mở chốt khóa thả truyền đơn và xếp cánh trở về vị trí ban đầu tiếp tục chuyển đợt truyền đơn thứ hai.

Tuyên Bố số I xác định những chủ trương và đường lối đúng đắn của Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh đã tranh thủ trọn vẹn được sự tin cậy về những mỹ cảm của tất cả các giới chức thuộc mọi cơ quan trong trại; nhờ đó, các sinh hoạt trong toàn trại vẫn duy trì bình thường, tốt đẹp, làm sáng tỏ chính nghĩa của cuộc đấu tranh tố góp phần tạo nên những thành quả cuối cùng.

Giai đoạn một của cuộc đấu tranh kéo dài từ ngày 7.4.93 đến ngày 14.4.93. Có tất cả 7 Đợt tuyệt thực được gia tăng, nâng tổng số người tuyệt thực lên đến 96; trong số này có bảy phụ nữ và bốn đồng bào đã đậu thanh lọc. Các đợt tiếp nhận tuyệt thực được tổ chức long trọng bằng một cuộc tuần hành quanh trại với đội hầu cờ danh dự và đoàn Hưng Ca Việt Nam Tự Do Dẫn đầu cùng với nhiều ngàn đồng bào tiến đưa đến vị trí trung tâm trong khu vực cấm trước văn phòng Task Force và UNHCR. Tiếp giáp với khu vực này là hai điểm yểm trợ, một về hướng khu A3 và một thông với khu A5, với hàng ngàn đồng bào ngày đêm túc trực trong trật tự và kỉ luật để hỗ trợ tinh thần anh chị em tuyệt thực xung kích. Tinh thần đấu tranh

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

của toàn thể đồng bào rất cao. Trên 500 người đã điền đơn tình nguyện chờ được bố trí và tuyệt thực; nhiều thiếu niên nam nữ đã khóc nức nở vì nhu cầu chưa đòi hỏi để họ được trực tiếp tham gia.

Ngoài toán tuyệt thực xung kích, có 4 đồng bào gốc Hồi giáo, đã tình nguyện vượt trại làm công tác tuyên truyền, họ bị bắt và đã tuyệt thực tại phòng giam Monkey House. Thêm vào đó, còn có chiến dịch tuyệt thực gián tiếp với sự hưởng ứng của 560 đồng bào tình nguyện trả thê com, không nhận thực phẩm hằng ngày để thể hiện ý chí ủng hộ cuộc đấu tranh.

Vào ngày thứ ba của cuộc biểu tình, tuyệt thực, 600 lá quốc kỳ lớn được treo ở khắp tất cả các nhà trong trại và 5000 lá quốc kỳ cầm tay cùng với băng đầu trắng với hàng chữ “tự do hay là chết” có số lượng tương tự được đồng loạt thực hiện. Cả trại là một rừng cờ và biểu ngữ, đặc biệt là những lúc có các phái đoàn báo chí, truyền hình vào trại. Khắp nơi bùng lên khí thế đấu tranh và quang cảnh tung bùng, hùng tráng trong tiếng nhạc đấu tranh giống như một quốc lễ ngày quốc tổ chưa rơi vào tay quốc tặc.

Một cuộc biểu tình, mít-tinh qui tụ 7000 người, tập trung dưới danh hiệu của 21 đoàn thể, khối ban chính thức được long trọng tổ chức. Đặc biệt có sự hiện diện của đoàn tuần hành của cộng đồng người Việt gốc Hoa, cộng đồng người Việt gốc Miên và đoàn đại diện của đồng bào khu B, đấu thanh lọc. Riêng cộng đồng người Việt gốc Miên đã tuyên bố hủy bỏ việc tổ chức lễ tết cổ truyền để ủng hộ cuộc đấu tranh.

Hai đêm không ngủ toàn trại và một đêm báo động đặc biệt được tổ chức. Riêng đêm báo động, trước lời đe dọa sẽ dập tắt cuộc đấu tranh của Trung tướng Giám đốc cơ quan Task Force quốc gia Malaysia, sáu ngàn người Việt tỵ nạn nhiệt tâm và quyết chí tại Sungei Besi đã hợp thành bốn khối người, tay nắm chặt tay, tạo thành bốn bức tường thành vững

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

chắc ngồi án ngữ ở những trọng điểm có thể bị tấn công, sẵn sàng đương đầu với mọi bất trắc. Trong lúc đó đoàn Hưng Ca Việt Nam Tự Do và các đoàn văn nghệ đấu tranh hát vang các bản hùng ca tranh đấu và các đội xung kích bảo vệ, được tổ chức và chỉ huy chặt chẽ, liên tục tuần tra để canh giữ vòng đai trại.

Trên năm mươi đoàn thể với danh nghĩa và đồng phục của đơn vị đã đến thăm viếng, ủy lạo anh chị em tuyệt thực. Sự đoàn kết một lòng và ý chí đấu tranh thống nhất được thể hiện trọn vẹn chưa từng có trong lịch sử đấu tranh tị nạn.

Công tác trật tự, vệ sinh và bảo vệ đời sống ổn định, an lành trong toàn trại được thực hiện trong tinh thần hoàn toàn tự quản dưới sự điều động của Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh và sự cộng tác của Khối An Ninh, Khối Vệ Sinh Phòng Dịch, Hội Ái Hữu Quân Cán Chính, Các Tôn Giáo, Đoàn Thể, Khối Ban. Mọi sinh hoạt trong trại đều ổn cố, tốt đẹp. Việc đầu cơ tích trữ được chặn đứng, các mặt hàng cần yếu đều được bán theo giá được ấn định và niêm yết.

Đoàn Hưng Ca Việt Nam Tự Do, những người lính xung kích luôn luôn có mặt kịp lúc ở các điểm nóng, với 30 thành viên đã làm việc 36 giờ liên tục trong hai ngày đầu tiên; số thành viên tăng thành 60 trong ngày thứ ba và kể từ ngày thứ tư, có 11 đoàn văn nghệ phục vụ đấu tranh được cấp tốc thành lập dưới sự hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp nhạc phẩm và phân công nhiệm vụ của đoàn “Hưng Ca Mẹ” để đáp ứng nhu cầu phục vụ 24/24 tại các điểm yểm trợ đấu tranh. Anh chị em vừa hát, vừa hướng dẫn đồng bào cùng hát. Phong trào hát nhạc chiến đấu lan tràn khắp trại; từ em bé lên năm đến cụ già bảy mươi, và ngay cả nhiều police, cố vấn ngoại quốc cũng thuộc nằm lòng những ca khúc đấu tranh quen thuộc như Vùng Dậy Anh Em Oi, Tiếng Hát Từ Trại Cầm, Quyết Chiến Thắng, Việt Nam, Việt Nam, Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ và hàng

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

chục bài hùng ca khác. Đặc biệt, ca đoàn Đoàn Kết của cộng đồng người Hoa đã gây nhiều xúc động cho mọi người khi trình bày nhuần nhuyễn những nhạc phẩm đấu tranh và ca ngợi quê hương Việt Nam.

Trên 100 biểu ngữ được tăng cường, 16 chương trình phát thanh “Chuông Tự Do” được phổ biến, 5000 tờ truyền đơn với “Tâm Thư số Hai” gửi chính phủ và nhân dân Malaysia được thực hiện và chuyển ra ngoài trại.

Có tất cả ba buổi họp, kéo dài tổng cộng 15 giờ 30 phút giữa Trung tướng Giám đốc cơ quan

Task Force trung ương quốc gia Malaysia, Cao uỷ trưởng khu vực Malaysia, Brunei và đại diện của Uỷ Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh, thay mặt thuyền nhân Việt Nam tại Malaysia nhưng không đưa đến được một kết quả cụ thể nào.

Uỷ Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh nghiên cứu tình hình và quyết định chuyển hướng cuộc đấu tranh.

– Giai đoạn hai: tinh tâm cầu nguyện: sáng ngày 15.04.1993 sau lễ chào quốc kỳ và tưởng niệm các anh hùng liệt nữ, nhận biết ý đồ trì hoãn nhằm là mồi mòn ý chí đấu tranh, tạo khó khăn nội bộ và tự tan rã của phía có trách nhiệm. Uỷ Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh tuyên bố giai đoạn hai: tinh tâm cầu nguyện để củng cố hàng ngũ và thể hiện thiện chí cùng quyết tâm của mình. Hai bàn thờ tổ quốc với đèn hương nghi ngút được thiết lập tại hai khu vực yểm trợ hướng vào khu tuyệt thực.

Nhiều ngàn người ngồi ngay ngắn, hàng ngũ chỉnh tề từ 9 giờ sáng đến 7g chiều đề tinh tâm cầu nguyện bất kể nắng độc mưa hiem của thời tiết Mã Lai. Các chiến sĩ tuyệt thực, mặc dù đã nhịn ăn trên 10 ngày vẫn ngay ngắn trong hàng ngũ im lặng suốt giờ cầu nguyện giữa trời nắng chói chang hay mưa

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

dầm trút nước, trong số này có 4 thương phế binh tuyệt thực chiếc xe lăn.

Ý chí sắt đá, quyết tâm cao độ, sự hy sinh vô bờ và tinh thần trật tự, kỷ luật tuyệt đối của Cộng Đồng Người Việt tại Sungei Besi đã trở thành biểu tượng tuyệt vời của một khát vọng tự do chính đáng làm kinh ngạc và tạo sự ngưỡng mộ đặc biệt đối với tất cả các giới chức có liên quan và tạo được một tiếng vang thuận lợi về phía nhân dân Malaysia. Tất cả đều cảm thông, chia sẻ và mến mộ. Nhiều giới chức cao cấp của Hội Hồng Nguyệt Trung Ương và cơ sở cũng như nhiều giới chức của mọi cơ quan thiện nguyện đã khóc nức nở và bụm mặt quay đi nơi khác trước hình ảnh những chiến sĩ tuyệt thực ốm gầy nhưng kiên gan sắt đá phơi mình nhiều ngày rữa nắng mưa.

Trên 4000 người tham gia tĩnh tâm cầu nguyện mỗi ngày với tư cách cá nhân và nhiều đoàn thể ghi danh tham gia cầu nguyện và các đêm không ngủ tập thể như Liên Đoàn Giáo Chức Sungei Besi, Cộng Đồng Người Hoa, đồng bào khu B đậu thanh lọc, Đoàn thanh niên Công Giáo, Liên Đoàn Hướng Đạo Hướng Việt, Đoàn Phật Tử Long Hoa - Quảng Đức, Đoàn Tín Hữu Cao Đài - Hoà Hảo, Ban Thông Tin, Ban Nhân Lực và Cứu Hoả, Khối Vệ Sinh Phòng Dịch, Ban Thể Thao, Câu Lạc Bộ Khoẻ, Trung Tâm Âm Nhạc và Nghệ Thuật, Phòng Phát Triển Cộng Đồng...

Trong giai đoạn này, Đoàn Hưng Ca Việt Nam Tự Do, kết hợp với ba đoàn văn nghệ đấu tranh “Hát cho đồng bào Tôi” (ca đoàn Cecilia, nhà thờ Công Giáo), “Tuổi Trẻ Khát Vọng Tự Do” (ca Đoàn Thanh Niên, nhà thờ Công Giáo), và “Tiếng Hát Xây Đồi” (Liên đoàn Giáo Chức) gồm 300 ca viên, liên tục trong ba ngày đã thực hiện chiến dịch “Tiếng Vang” bằng hình thức tập trung trên hành lang hai dãy lầu một và lầu hai khu A3, hướng ra quốc lộ, phát quốc kỳ và hát vang những bài

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

hùng ca trong nhiều giờ mỗi ngày giữa rừng biểu ngữ kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân Malaysia. Sự việc này đã tạo được tiếng vang đáng kể. Nhiều ngàn người đã dừng xe chụp hình, quay phim và giơ hai ngón tay theo hình chữ V biểu tỏ sự đồng tình và ủng hộ.

Nhiều báo chí và đài truyền hình Malaysia đưa tin về cuộc biểu tình thuyền nhân Việt Nam tại Sungei Besi với nhiều thiện cảm. Thứ Trưởng Bộ Nội Vụ và Phó Thủ Tướng Malaysia đã đề cập đến vấn đề định cư người Việt tỵ nạn trên đất nước của họ. Nhiều đảng phái, tôn giáo chia sẻ, ủng hộ thuyền nhân Việt Nam. Tổng giám mục giáo phận Kuala Lumpur gửi lời thăm hỏi và cầu nguyện cho người tỵ nạn Sungei Besi.

Thêm một buổi họp căng thẳng giữa các đại diện có thẩm quyền và đại diện Ủy Ban Thông Nhất Hành Động Đấu Tranh nhưng vẫn không có một giải pháp nào được công bố.

- Giai đoạn ba: Hy sinh và quyết thắng.

Không khí đấu tranh sôi sục trong toàn trại, mọi người quên hết những việc riêng tư, bỏ qua mọi mâu thuẫn, tự nguyện đóng góp mọi công sức và tài vật cần thiết để yểm trợ đấu tranh: 40 bình ắc- quy được sạc mỗi ngày, 200 ram giấy được đóng góp, 300 biểu ngữ lớn nhỏ được thực hiện, hàng trăm băng thu thanh được ủng hộ, 20.000 trang tài liệu được đánh máy và quay roneo tự chế bằng hai thứ tiếng Anh, Hoa và hàng trăm những công việc khó khăn, phức tạp khác được hoàn thành với những trái tim, những bàn tay vô danh, tự nguyện.

Cuộc tuyệt thực đến xế ngày thứ 13, tinh thần quyết tâm tranh đấu của các chiến sĩ vẫn vững vàng nhưng thể chất của anh em đã hoàn toàn suy kiệt và các giới chức có thẩm quyền vẫn cố tình lập lờ, trì hoãn với hy vọng cuộc đấu tranh lâu dài sẽ tạo sự mỏi mòn, sẽ nảy sinh những khó khăn nội bộ và tự

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

tan rã. Trên nguyên tắc chung, suy luận trên có thể đúng. Tuy nhiên, tất cả đã đánh giá sai lầm về ý chí và quyết tâm của cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Sungei Besi. Khó khăn chỉ làm mọi người gắn bó với nhau hơn, đoàn kết và tin cậy lẫn nhau hơn. Nhiều tập thể nhỏ được tự động hình thành để nhập vào dòng thác lớn: nhóm thợ hớt tóc thiện nguyện góp toàn bộ thu nhập ủng hộ đấu tranh; tập thể anh chị em tàu 504; tập thể đồng bào kinh 5 Kiên Giang; tập thể khu khuyết tật và người bệnh; đặc biệt là tập thể nhân viên Hội Trường Cao Ủy và thông dịch viên cho Lực Lượng Task Force, mặc dù có một vai trò tế nhị vẫn uyển chuyển để đóng góp công sức cho cuộc đấu tranh chung.

Tình thế vô cùng khó khăn và phức tạp, 13 ngày gian khó và hào hùng đã trôi qua nhưng đích đến vẫn mù khơi bởi thái độ lạnh lùng, cứng rắn của những người có trách nhiệm và thẩm quyền. Không còn một lựa chọn nào khác, phải tiến tới và chiến thắng bằng mọi nỗ lực, mọi hy sinh. Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh quyết định tiến hành giai đoạn ba, giai đoạn quyết định sống còn.

Sáng ngày 20.4.1993, bàn thờ liệt sĩ Lâm Văn Hoàng và Nguyễn Ngọc Dũng (hai thuyền nhân đã tự sát để phản đối thanh lọc bất công) được thiết lập trong khu tuyệt thực. Chiến hữu Trần Văn T, chủ tịch Phong Trào Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền, thành viên Ban Lãnh Đạo Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh và là người chỉ huy toàn bộ cuộc tuyệt thực niệm hương trước bàn thờ và tuyên hứa với tất cả anh chị em tuyệt thực sự kiên trì đấu tranh đến hơi thở cuối cùng.

Thêm hai đợt tuyệt thực mới được tăng cường, nâng tổng số người tuyệt thực lên 126 người.

Nhiều sự kiện cảm động, bộc lộ trọn vẹn tình nghĩa đồng bào được ghi nhận: Chiến Hữu Mạch Van T, tuyệt thực ngày thứ 13, chỉ nhập viện 6 tiếng đồng hồ trước khi rời trại đi định

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

cư ở Canada; vợ chồng nhạc sĩ trẻ Nguyễn Thái D, Trương Hồng N, có mặt trong đoàn Hưng Ca Việt Nam Tự Do phục vụ đấu tranh và chỉ rời vị trí công tác 1 giờ trước khi rời trại đi Hoa Kỳ.

Ngày 21.4.1993, bắt đầu những giây phút quyết định. 800 chị em khu thanh nữ diễn hành quân trại với quốc kỳ cầm tay, khăn trắng quấn đầu. Chị em nghiêm chỉnh trở lại vị trí trung tâm làm lễ chào quốc kỳ rồi bất thần vượt rào cản tiến vào khu vực cấm trước văn phòng Task Force giữa sự ngỡ ngàng và thảng thốt của nhân viên an ninh. Chị em ngồi ngay ngắn đối diện với các anh chị em tuyệt thực quyết tử và tuyên bố tuyệt thực để hỗ trợ tinh thần các anh chị em đi trước. Chương trình phát thanh Chuông Tự Do phát chương trình đặc biệt “Ngày phụ nữ đấu tranh”. Nhiều đoàn đại biểu đến thăm viếng, ủy lạo và bày tỏ sự ngưỡng phục về lòng quả cảm của chị em thanh nữ. Chị em đã ngồi 17 giờ đồng hồ liên tục từ 9 giờ sáng ngày 21.4.1993 đến 2 giờ sáng ngày 22.4.1993 để chờ đợi kết quả buổi họp kéo dài 9 giờ 30 phút giữa các đại diện cao cấp của chính quyền Malaysia, Cao Ủy Ty Nạn Liên Hiệp Quốc và đại diện Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh.

Một rừng người tề tựu trong trật tự ở hai điểm yểm trợ tiếp giáp với khu tuyệt thực để hỗ trợ tinh thần anh chị em tuyệt thực, chị em thanh nữ và phái đoàn thương thảo. Trục thẳng của Lực Lượng Đặc Nhiệm quốc gia Malaysia được huy động bay sát trên bầu trời Sungei Besi nhưng tinh thần anh chị em vẫn rất mạnh mẽ, quyết liệt, khoa học nhưng nhịp nhàng và hoàn toàn trật tự, kỷ luật. Khắp trại vang lừng nhịp vỗ tay và tiếng hát đấu tranh rộn rã, thôi thúc.

Hai giờ sáng ngày 22.4.1993, cuộc thương thảo, dù đã kéo dài 9 giờ 30 phút vẫn hoàn toàn bế tắc. Chưa có một kết quả cụ thể nào được cam kết. Đại diện Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh tường trình diễn biến cuộc họp, nhận định và

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

phân tích thể tất thắng và kêu gọi toàn trại tham gia đêm không ngủ và sẵn sàng hỗ trợ cho những kế hoạch mạnh mẽ, quyết liệt hơn sẽ được áp dụng...

Đài BBC loan tin về cuộc biểu tình có màu sắc chính trị tại Sungei Besi.

Ngày 22.4.1993, đoàn đại diện khu thanh nữ tiếp tục vào tuyệt thực tại khu vực trung tâm. Hai biểu ngữ lớn “Không giải pháp: Hh sìn” và “Đừng biến Sungei Besi thành nấm mồ tập thể” Được treo lên như những thông điệp cuối cùng gửi đến các giới chức có trách nhiệm. 13 giờ 30 cùng ngày, đội quyết tử gồm 14 chiến sĩ được chọn trong số 60 người tình nguyện vào làm lễ trước bàn thờ hai liệt sĩ Lâm Văn Hoàng và Nguyễn Ngọc Dũng. Mọi người cuối đầu im lặng và kèn đồng cử bài chiêu hồn tử sĩ. Không khí trầm lắng và trang nghiêm, hàng ngàn người nhỏ lệ vì biết giờ quyết định sống còn đã đến. Hàng trăm chiến sĩ đã sẵn sàng hy sinh như một giải pháp cuối cùng nếu như cuộc đấu tranh thất bại.

15 giờ 30 Đoàn đại biểu của Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh vào phòng họp trong tiếng kèn thúc quân và tiếng nhạc Hùng Ca vang dội. Toàn thể anh chị em tuyệt thực quyết tử và 800 chị em thanh nữ trong khu trung tâm cũng như nhiều ngàn đồng bào ở hai điểm yểm trợ bên ngoài đang ngồi suốt bốn giờ dưới mưa và hát vang những nhạc khúc đấu tranh, chờ đợi kết quả phiên họp quyết định bên trong văn phòng Task Force. Khí thế và quyết tâm của toàn thể cộng đồng người Việt ty nạn tại Sungei Besi Đã góp phần thúc đẩy để sớm hình thành một chung cuộc tốt đẹp.

21 giờ đêm 22.4.1993, phiên họp dứt và đại diện Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh công bố và giải thích dự thảo thông cáo chung với nhiều thuận lợi cho toàn thể đồng bào trong trại. Toàn trại với sự dẫn đầu của đoàn Hùng ca và khu thanh nữ đã diễn hành khắp trại dưới trời mưa trong hai

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

tiếng đồng hồ để mừng thắng lợi đầu tiên. Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh phổ biến thông báo đặc biệt, kêu gọi mọi người giữ vững tinh thần đấu tranh và cảnh giác trước mọi bất trắc có thể có.

Mười chín giờ chiều ngày 23.4.1993, sau 17 ngày đêm đấu tranh gian khổ và quyết liệt. Mười một đại diện Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh, sau 4 giờ thảo luận cuối cùng, đã xuất hiện trước anh chị em tuyệt thực và toàn thể đồng bào cùng với chỉ huy trưởng Task Force và Giám Đốc cơ quan MRCS cũng như đại diện các tôn giáo, đoàn thể với một thông cáo chính thức được ký giữa Thiếu Tướng, Phó Giám Đốc Task Force Quốc Gia Malaysia, đại diện chính quyền Malaysia; Cao Ủy Trưởng khu vực Malaysia và Brunei và đại diện Ủy Ban Thống Nhất Hành Động Đấu Tranh, thay mặt cộng đồng tỵ nạn Việt Nam tại Sungei Besi. Thông cáo chung xác nhận những thành quả vượt bậc, chưa từng có trong bất cứ một cuộc đấu tranh nào, ở bất cứ trại tỵ nạn nào. Thông cáo có bốn điểm chính:

– Hủy bỏ tất cả các biện pháp o ép đời sống vật chất và tinh thần (Hình thức cưỡng bức hồi hương gián tiếp); mở cửa lại trường Anh Ngữ; cho người rút thanh lọc học huấn nghệ và tham gia các dự án sinh lợi bình đẳng như mọi người khác. Được nhận báo chí hải ngoại và xuất bản nội san giáo dục cộng đồng.

– Ấn Định thời gian công bố kết quả đợt một, chậm nhất là ngày 30.6.1993 (hiện còn trên 2000 trường hợp chưa có kết quả đợt 1, có trường hợp đã phải chờ gần hai năm). Thời gian chậm nhất để công bố kết quả toàn bộ là 11.30.1993 (còn 6000 trường hợp đợt kết quả đợt 2).

– Ghi nhận có những bất bình thường, sơ sót trong thanh lọc và đệ trình lên cấp cao hơn cứu xét về một chương trình tổng cứu xét.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

– Ghi nhận và chuyển đề nghị lên chính phủ để cứu xét về một chương trình cho định cư tại Malaysia.

Cuộc biểu tình tuyệt thực của cộng đồng tỵ nạn Việt Nam tại Sungei Besi chấm dứt lúc 22 giờ ngày 23.4.1993. Toàn bộ các chiến sĩ tuyệt thực được đưa vào bệnh viện chăm sóc, phẩm vật cứu trợ dồi dào gồm nửa tấn đường, 1000 hộp sữa, 500 bao thuốc lá và trên 2000 Mã kim chứng tỏ sự nhiệt tình ủng hộ và nổi hân hoan mừng vui của toàn thể đồng bào trong trại. Các lực lượng trừ bị đã được chuẩn bị trước và nỗ lực cộng tác để trả Sungei Besi về với tình trạng sạch sẽ, gọn đẹp nửa giờ sau khi cuộc biểu tình chấm dứt.

Năm tôn giáo đồng loạt tổ chức cầu nguyện để tạ ơn các đấng thiêng liêng. Chỉ Huy Trưởng Task Force gửi lời chúc mừng và nói rộng giờ giới nghiêm đến 1 giờ sáng để toàn trại sinh hoạt. Chương trình phát thanh “Chuông Tự Do” được sử dụng hệ thống phát thanh cộng đồng trong ba ngày để giải thích thành quả đấu tranh và hướng dẫn đồng bào xây dựng cộng đồng.

Người tỵ nạn Việt Nam tại Sungei Besi, với mục tiêu đấu tranh chính đáng, đường lối đấu tranh đúng đắn cùng sự đoàn kết, hy sinh và quyết tâm vượt bực, lần đầu tiên đã làm chuyển được bức tường thành CPA cứng nhắc và lạnh lùng, hé mở ra một hướng tương lai có nhiều cơ sở để lạc quan. Hy vọng thành quả này sẽ trở thành một mẫu mực chung cho các trại trong toàn vùng Đông Nam Á. Tuy nhiên, trên tất cả những điều đó, là những cái nhìn đầy mỹ cảm và những đánh giá nhiều tôn trọng hơn mà người tỵ nạn Việt Nam đã nhận được từ mọi phía nhờ vào trí tuệ, lòng quả cảm và sự hy sinh vô bờ bến của mình.

Nguyễn Mạnh An Dân

Người Hàng Xóm

Lê Thị Hoài Niệm

Tôi cảm thấy bứt rứt, khó chịu như vừa phạm phải một lỗi lầm lớn, còn tự trách mình sao lại cho hấn địa chỉ nhà làm chi, liệu hấn có làm phiền chúng tôi khi lại nhà thăm viếng? Tôi không ngờ hấn cũng về đây dự buổi họp mặt mừng xuân của hội đồng hương. Lần trong những tiếng reo vui mừng rỡ, những tiếng chào hỏi tíu tít, những lời hỏi thăm ân cần của những người bạn cũ gặp nhau, là tiếng hét gọi tên tôi thật lớn của hấn khi tôi vừa rời bàn đứng dậy. Phải mất mấy giây đồng hồ sau tôi mới nhận ra người đàn ông có khuôn mặt bành bạnh, dáng người phục phịch, cái bụng to phì như thùng nước lèo của mấy chú Ba Tàu Chợ Lớn kia là... hấn! Thấy hấn vồn vã hỏi lung tung mọi chuyện, mọi người, tôi cũng quên bẵng chuyện ngày xưa, dù gì hấn cũng từng là người hàng xóm.

Từ thuở nhỏ, Má tôi há chẳng thường hay nói: “Bà con xa không bằng xóm láng giềng gần” đó sao? Lại nữa từ ngày lưu lạc đến xứ Mỹ này, lâu lâu tìm gặp được một người quen sơ sơ ngày ấy cũng đã mừng lắm rồi, huống chi đối với tôi, hấn có quá nhiều chuyện để nhắc nhở, để ôn lại kỷ niệm một thời. Hy vọng lần gặp gỡ sau nhiều năm xa xứ, hấn sẽ có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn những ngày tháng cũ mà tôi biết.

Hấn là con trai lớn trong bốn người con của ông bà Mẫn, chuyên làm nghề thầu đổ xe rác Mỹ, nên trong xóm tôi, nhà hấn giàu nhất chẳng làm ai ngạc nhiên. Ông Mẫn cất một lúc hai căn nhà đúc, chiều dài đến cả ba chục thước, với hai tầng

lầu cao, để một khoảng rộng trên sân thượng trưng bày vô số cây kiểng quý, và cũng là chỗ cho ông quý tử chiều chiều ngồi trên đó nhìn xuống đường chọc phá bà con. Bởi nhà giàu nên hẳn đi học với chiếc Honda còn mới toanh, cứ tha hồ lạng lạng xuống, lạng tới lạng lui trước cổng trường con gái, và cũng bởi nhà hẳn ở đầu đường, còn nhà tôi ở cuối xóm, nên chỉ mỗi buổi đi học về, tôi đều phải đi ngang qua nhà hẳn, thỉnh thoảng tôi thấy hẳn ôm cây đàn Guitar ngồi ngất ngưỡng trên ban-công đập rầm rầm, như báo động cho bà con biết ta đây cũng biết đòn như ai. Còn thường thì hẳn tụ tập cả một đám con trai cỡ phá làng phá xóm như hẳn, bọn chúng núp trong cánh cửa sắt, chờ bọn học trò con gái chúng tôi đi qua, là bắt đầu đếm một-hai-ba, rồi tha hồ phát ngôn bậy bạ, chọc phá nhiều câu nham nhở, nên bọn con gái trong xóm tôi chẳng đứa nào ưa hẳn, nhất là nhỏ Thúy Diệp, con nhỏ đi học ưa mặc cái jupe ngắn, chỉ đến chừng đầu gối, hở cả đôi chân ra ngoài, thế là bọn chúng cứ khen con nhỏ có đôi chân “thảo bình” rồi cười một cách khả ố. Con nhỏ nghi ngờ về hỏi lại ba nó, được ông Chính giải thích, “Thảo là cỏ; bình là bằng, cỏ bằng là... cẳng bò chứ có đẹp để chi đâu.” Từ đó Thúy Diệp thù hẳn dữ lắm, hề có dịp là tìm cách trả thù... miệng. Cả nhỏ Hoa con bà Bảy Quới cũng vậy, nhà Hoa cách nhà hẳn độ mười căn, hẳn mê nhỏ Hoa hầu như cả xóm đều biết, nhưng nhỏ coi hẳn như pha. Có lần nhỏ tâm sự với tôi:

- Ngân à, bồ nghĩ sao về tên Lưu Manh, con ông Mẫn hả? Cái tên mặt gà mái đó coi thật khó ưa, vậy mà nó cứ đeo theo Hoa như đĩa, thật bức mình hết sức, nhưng không lẽ cứ chửi vào mặt nó hoài, xóm láng giềng gần mà cứ chửi rửa mãi bà con họ nghe được, lại nghĩ Hoa giống bà già thì kệt quá phải không bồ?

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Cũng lạ, không biết tự bao giờ người trong xóm tôi lại đổi tên cho hấn. Thật ra tên hấn là Lưu văn Minh mà! rồi còn gán cho hấn danh hiệu “mặt gà mái”. Trông tướng hấn cũng cao ráo, mặt mày sáng sủa, không mắt hí, mũi tẹt, môi dày, chỉ hơi bành ra ở hai bên gò má và cái trán trệt lét vậy thôi. Nhưng tại sao lại là mặt gà mái? Có lần bà Mười quán nổi sùng vì câu thắc mắc của tôi.

- Cái con Ngân này thiệt! Cái thằng đó mặt gà mái tại vì nó giống... gà mái chớ sao!

Ồ hay! Mặt gà mái là tại vì giống gà mái ưa bươi móc, không giống gà cồ? Phải chăng vì bản mặt của hấn như vậy nên tính tình cũng ảnh hưởng. Hấn ưa bươi móc chuyện người ta, dù gà mái... bươi móc để tìm thức ăn cho con, và cũng chưa bao giờ bà con ở xóm tôi thấy ở hấn có một cử chỉ hào hiệp, hay cái uy dũng của giống gà cồ.

Gần tới mùa bãi trường năm đó, vì nghĩ đến chuyện sau kỳ thi tú tài một sẽ có kẻ đạu người rớt, bạn bè sẽ phân tán, nên bọn con gái chúng tôi mới lằng xằng trao cho nhau cuốn tập để viết... lưu bút ngày xanh, tặng nhau tấm hình làm kỷ niệm, (...dù cho ảnh có phai màu, xin đừng xé bỏ mà đau lòng người (?)), không ngờ tên Minh mặt gà mái cũng bày trò như con gái. Hấn chặn tôi ngay trước cửa nhà hấn, vốn đã không ưa nên tôi hỏi gắt:

- Nè, làm gì chặn tôi ngay giữa đường vậy? Bộ bữa nay mới nghĩ ra trò chọc phá khác nữa hả?

Hấn cười cười, một tay đưa lên gãi tai, một tay cầm quyển vở bìa cứng đưa ra trước:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Tôi đâu có phá Ngân, Ngân làm ơn giúp giùm tôi một lần này đi! Tôi...

- Mà giúp cái gì mới được chứ? Tôi còn giọng găt gỏng tiếp:

- Đừng có biểu tôi trao gì cho Hoa nghe, tôi không làm đâu. Tôi nói vậy vì hấn vẫn chặn bọn trẻ trong xóm nhờ đem thư cho Hoa hoài đó.

- Không phải vậy đâu, tôi nhờ Ngân viết giùm trang đầu trong quyển lưu bút của tôi vậy mà! Tôi biết Ngân làm văn hay, lại viết báo ở trường bền nên tôi mới nhờ.

Tuy có ngạc nhiên, nhưng nhìn hấn nói năng chậm rãi, có vẻ quan trọng nên tôi hỏi trống:

- Viết cái gì bây giờ?

- Thì Ngân viết sao hay hay để bọn bạn tôi đọc rồi lấy ý viết cho tôi vậy mà. Chắc cuối năm nay tôi không còn có dịp đi học nữa, thi rớt phải đi lính là cái chắc rồi!

Tôi lại nhìn kỹ hấn lần nữa. Nét mặt hấn có vẻ trang nghiêm lại buồn buồn, chả bù với mọi lần, hấn ngồi vẹo nẻo trên chiếc Honda phóng một cái vút qua mặt bọn con gái chúng tôi đang đi bộ trên lề đường Nguyễn Hoàng, rồi thảng lại một cái rết, quay đầu bánh xe trước đủ 360 độ, lại rề rề chạy theo, nói năng vài ba câu chẳng ra hồn, rồi phóng vụt đi, vọng lại chuối cười ha hả khó ưa. Có khi tôi gặp hấn ngồi trên chiếc xe dzíp với ông Mỹ to tướng, chạy chậm chậm qua cổng trường của con gái lúc tan học, đã vậy hấn còn dạy ông Mỹ nói những câu tiếng Việt vô duyên, để hấn có dịp cười thích chí. Nhưng bữa nay, hấn có vẻ tội nghiệp thật, biết đâu lời hấn nói là đúng. Dù gì hấn cũng lớn tuổi quá rồi mà, học lại lớp

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

mãi được sao, dù là học trường tư thục “Kim Yến”. Thấy tôi còn do dự, hấn xuống giọng nài nỉ:

- Ngân nhận viết giùm đi, chắc mai mốt tôi không còn dịp phá các bạn nữa đâu!

Trao quyền sở cho tôi xong, hấn vui ra mặt. Nhưng khi tôi vừa quay lưng bỏ đi thì cùng lúc hấn cũng đi vào nhà, và cất giọng oang oang:

*“Rót tú tài anh đi... trung sĩ
Em ở nhà lấy Mỹ sinh con
Một mai tan việc nước non,
Anh về anh có... Mỹ con anh bồng!”*

Tôi khựng người lại, giận vô cùng, tôi muốn quăng trả lại quyền sở cho hấn, nhưng cánh cửa sắt sau lưng đã kéo kín lại rồi. Đứng một chập nghĩ kỹ hơn, tôi bỗng bật cười thành tiếng và bước vội về nhà, vì thật ra mấy câu hát vừa rồi đâu phải hấn là tác giả. Chẳng qua hấn cũng bắt chước mấy đứa con nít trong xóm tôi, chuyên môn chạy theo sau mấy cái xe nhà binh Mỹ, rồi hát chọc mấy “Chị Em ta” vậy mà.

Nhà tôi ở thuộc khóm “Phù Đồng Thiên Vương”, nhưng không hiểu có phải vì ngài Thánh Gióng đã bay mất về Trời (?) nên đám con cháu ở lại trần thế quên mất chuyện gìn nòi giữ giống? Hay vì đa số chạy theo đồng tiền nên kể từ ngày có phong trào lính ngoại bang tràn vào thành phố, thì tất cả những căn nhà hai bên đường phố đã đổi khác. Nhà trệt thì xây lên lầu cao, nhiều nhà có sân chơi rộng rãi, từng là “sân vũ cầu” của bọn trẻ, mỗi chiều rủ nhau ra quần thảo hơn thua, bỗng chốc mọc lên những căn phòng vuông vức như những chuồng cu, trước cổng rào bỏ thêm chữ Mỹ “Room For Rent”

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

hay “House For Rent” mà khách hàng không ai xa lạ, lại chính là chị Bảy gánh nước mướn, cô Chính người làm của Bà Tư v.v... và những người tình của các “Chị Em ta”, những người lính viễn chinh Mỹ, Đại hàn, Phi v.v... Bởi thế, chính tôi cũng nghe bọn con nít nhai đi nhai lại câu hát trên đến mòn cả lỗ nhĩ.

Nhưng rồi mùa Thu năm ấy, những người cùng tuổi hấn không có tên trên bảng vàng, đã phải vội vã xếp bút nghiên lên đường vào “Đồng Đế đêm ngày nghe sóng vỗ, dây tử thần không làm nhụt chí nam nhi...” thì hấn, dù không đậu, cũng chẳng thấy hấn buồn phiền, hay chuẩn bị đi lính tráng gì ráo, hấn vẫn phây phây, nhơn nhơ phóng xe Honda lạng tới lạng lui. Để rồi một hôm tình cờ tôi gặp hấn từ trong quân y viện Nguyễn Huệ đi ra, khi tôi vào thăm người nhà bị thương vừa đưa vào nhập viện.

Thấy tôi, hấn dừng xe cất tiếng:

- Ngân đi đâu vào đây vậy?

- Tôi đi thăm người cậu bị thương, còn ông đi đâu đây?

Do dự một chút, hấn nói nho nhỏ:

- Tôi đi tái khám để ra hội đồng giám định y khoa lấy giấy hoãn dịch!

- Cái gì? Ông bị gì mà xin giấy hoãn dịch?

Tôi ngạc nhiên ngó chăm chăm vào mặt hấn. Tượng tá hấn như con voi mà bị bệnh gì đây trời? Chả lẽ? Tôi thầm nghĩ và cười một mình.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Cái chân của tôi! Hấn vừa nói vừa đưa cao cái chân mặt phía bên kia chiếc xe. Lúc ấy tôi mới để ý đến cái bàn chân đang quấn băng trắng của hấn.

- Ủa! Bị thương hồi nào mà cả xóm mình không ai biết hết vậy? Có nặng lắm không?

- Cũng mới bị đây thôi, chả có gì nặng lắm, có điều phải đi tái khám hoài mới lấy giấy hoãn dịch được. Thôi tôi đi trước nghe!

Tôi tò mò muốn hỏi hấn về cái vụ giấy hoãn dịch gì đó, nhưng hấn đã phóng xe một cái vù, để lại cho tôi một lớp bụi mù và một lô thắc mắc về cái chân của hấn.

Tôi muốn hỏi bà Mười quán, trung tâm tin tức của cả xóm, về tai nạn của tên Minh, thời may Má tôi lại sai xách thùng đi mua dầu lửa.

- Dì Mười ơi! Con ông Mẫn bị thương hồi nào, mà sao phải vào quân y viện xin giấy hoãn dịch vậy? Dì có biết không?

- Sao mày biết? Dì Mười có vẻ ngạc nhiên.

- Cháu vừa gặp hấn trong quân y viện Nguyễn Huệ.

Dì Mười kể tai tôi hỏi nhỏ:

- Bộ nó nói gì cho mày nghe hả?

- Có nói sơ sơ, nhưng cháu chưa hiểu.

Bỗng dì Mười phát tay một cái, giọng chê bai:

- Ý dà! Cái thứ làm giấy tờ bệnh... giả để khỏi bị đi lính đó mà, mày để ý thắc mắc làm chi!

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Bộ Di biết tên đó định trốn lính thiệt hả?

- Chớ lớn tông ngồng rồi, hai-ba lần làm giấy khai sanh lại, đi thi tới thi lui, có cái bằng tú tài cũng không đậu. Năm nay ông Mẫn đổi cách, không làm khai sanh lại nữa, mà mua bằng cho nó (?), nếu có bị đi lính thì cũng làm được Sĩ quan như người ta, nhưng chạy sao đó lại trật chìa mầy ơi! Tiền mất mà... tạt mang, bởi vậy ổng mới nghĩ ra cách khác đó chớ!

- Vậy Di biết hấn bị thương làm sao mà khỏi phải đi lính vậy? Tôi lại tò mò thêm.

- Thì... chặt đại một ngón chân cái ở bàn chân phải đó, nghe mấy ông lính nói, mất ngón chân cái rồi thì làm sao mang giày lính mà chạy nhanh được! Mà lỡ có bị đi lính thì cũng khỏi ra trận quỳnh giặc như người ta (?) bởi vậy nó mới phải vào quân y viện. Đồ thứ tiền... rác Mỹ mà cháu, nghe nói ba má nó chạy chọt tốn đâu cỡ triệu mấy chớ có nhiều nhởi gì đâu cháu ơi! (Thời nào cũng có người làm việc... gian dối (?) chỉ là nhiều hay ít mà thôi). Bà Mười kéo dài giọng rồi xì một cái trong lúc đi đóng dầu cho tôi.

Tôi sững sờ trong nỗi kinh ngạc lẫn ghê sợ. Kể ra tên Minh cũng thuộc loại gan góc cùng mình, hay ai đó đã chặt giùm cho hấn cũng vậy. Eo ơi! Tôi lại nhắm mắt và tưởng tượng một ngón chân tự nhiên rời ra khỏi bàn chân năm ngón, máu chảy linh láng, rồi gì gì nữa..., chỉ vì không muốn đi lính cầm súng đánh giặc như muôn ngàn thanh niên khác khi đến tuổi. Tự nhiên tôi rùng mình, tự nghĩ: hóa ra hấn là một tên hèn, trốn tránh nghĩa vụ quân sự. Vốn đã ghét tôi lại càng khinh ghét thêm.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Cuối năm sau đó tôi phải đi học xa, cả năm tôi chỉ được về nhà vào dịp tết và nghỉ hè. Mùa hè năm đó, mỗi lần qua nhà hần, lỗ tai tôi như muốn nổ bùng ra vì tiếng nhạc, tiếng trống, tiếng kèn v.v... thật ồn ào từ trong nhà phát ra. Thì ra hần đã chiêu mộ được một đám đàn sĩ và lập ra ban nhạc “Sao Xẹt” mà không phải là sao băng, sao xanh, sao đỏ như những ban nhạc nổi tiếng khác, và hiện đang ra quân hàng đêm ở “Club Mỹ” trong thành phố (nhà hần quen với Mỹ nhiều lắm mà!) Không biết tài đàn địch hiện giờ của hần đã đạt tới mức nào rồi, cứ như cái giọng ếch nhái, ễnh ương của hần mà cất lên thì chỉ có người Mỹ mới nghe nổi, chứ người mình thì chắc phải đầu hàng. Ấy vậy mà tôi đã phải ngồi nghe hần hát một lúc mấy bài mới là đau.

Số là ông bà Bảy Quới gả cô Hoa cho chàng Trung úy Không Quân hào hoa, đám cưới tổ chức tại nhà, cũng rình rang xôm tụ lắm. Và muốn cho mọi người nể mặt, cũng để cho con-cháu, bạn bè, bà con cô bác có một đêm vui trọn vẹn. Ông Bảy Quới có ý nhờ một ban nhạc về giúp vui. Nghe được tin đó, hần liền ngỏ lời tình nguyện chơi nhạc mà không nhận thù lao, dù sao thì cũng là tình hàng xóm láng giềng mà. Ông bà Bảy sau khi suy nghĩ kỹ thấy cũng tiện và... lợi nên vui vẻ nhận lời và cảm ơn hần rối rít.

Sau cái mục ăn uống no nê là phần giúp vui của ban nhạc. Mở đầu ban nhạc chơi vài bản nhạc Mỹ rộn rã, vui tươi, bà con nghe lấy làm khoái chí lắm. Tiệc vui là phải vui chứ! Bỗng từ phía mi-cờ-rô, đồng đạc lời tuyên bố của hần:

- Mở đầu chương trình nhạc Việt để giúp vui đêm nay, tôi: ca sĩ Hùng Minh, trưởng ban nhạc Sao Xẹt, sẽ trình bày nhạc

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

phẩm... (Ngưng lại một chút để lấy giọng) kính thưa quý vị, đó là nhạc phẩm “Những Đồi Hoa Sim” của Dzũng Chinh!

- Chết! Sao đám cưới mà hát hò gì kỳ vậy? Nhiều người bắt đầu bàn tán khi nghe tên bản nhạc.

Điệu nhạc trôi lên, bà con bên dưới, ngay cả cô dâu chú rể, hầu như đều ngồi chết trân, có kẻ há mồm, trợn mắt ngó về phía sân khấu (nhà có sân rộng, làm lều có sân khấu đằng hoàng), hình như chưa bao giờ có một số đông khán giả ngồi im thin thít để nghe ca sĩ trình diễn đến như vậy, ngoại trừ một vài ca sĩ thượng thặng hát những bài độc đáo.

Thời gian trôi, bầu không khí bắt đầu xôn xao, lời qua tiếng lại:

- Sao đám cưới mà hát hò gì cà chớn vậy?

- Bộ nó... khùng hả?

- Hát tiếng Mỹ riết rồi quên hết ý nghĩa trong bài hát tiếng Việt sao?

- Nó tức con Hoa nên trù ẻo không chừng!

Thôi thì có muôn ngàn lý do thắc mắc nêu ra, nhưng tiếng nhạc vẫn cứ xập xình, và giọng hấn vẫn oang oang, “Nhưng không chết người trai khời lửa mà chết người gái nhỏ hậu phương...” Rồi hấn cũng phải chấm dứt bản nhạc. Có nhiều tiếng hét từ đám ăn cưới:

- Thôi đi cha nội! Hát gì kỳ vậy? Không chừng chả còn hát “Đồi thông hai mộ” nữa bây giờ.

- Thôi đi! Thôi đi!

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Nhưng nhạc lại trôi lên, và không hiểu vì không nghe được hết lời than phiền của người nghe, hay hẳn đã có chủ tâm, nên hẳn đồng dục nói tiếp:

Dạ cảm ơn quý vị, thế theo lời yêu cầu của quý vị, sau đây Hùng Minh xin trình bày nhạc phẩm “THÔI” của nhạc sĩ Y-Vân, “...Thôi em đừng khóc, em đừng khóc đừng khóc nữa, mà làm gì, giọt lệ sầu...” Hẳn rên rỉ trong khi ban nhạc cứ đập điệu cha-cha-cha rầm rầm nghe điếc cả lỗ tai. Có nhiều bà con tức cười quá, nhin không được bèn cười hô hô, hích hích...

Thấy hẳn hát hết bản nhạc, bà con thờ dài nhẹ nhõm, không ngờ hẳn ôm mi-cờ-rô hỏi vọng xuống:

- Bà con còn yêu cầu Hùng Minh hát bài gì nữa không?

- Không! Không! Không! Có quá nhiều tiếng phát ra cùng một lúc.

- Dạ! Xin đa tạ tấm thanh tình của quý vị, một lần nữa, thế theo lời yêu cầu tha thiết của quý vị, Hùng Minh xin hân hạnh trình bày bản “KHÔNG” của Nguyễn Ánh Chín, “Không! Không! Tôi không còn, tôi không còn yêu em nữa. Không! Không! Tôi không còn, tôi không còn yêu em nữa em ơi...” Thế là bà con bên dưới tha hồ cười, mạnh ai nấy cười, cười hô hô, cười ha ha, cười hích hích, cười ngả nghiêng, cười ngặt nghèo, cười chảy cả nước mắt, chỉ trừ có gia đình cô dâu chú rể là méo mặt.

Cũng may, đến ngày tan cuộc năm ‘75, con gái và chàng rể cưng của bà Bảy Quới không hề hấn gì, cả nhà bà ấy còn đeo được cánh trực thăng của chàng rời khỏi thành phố, rồi sang tận bên Mỹ. Nếu có chuyện gì xảy ra, bà già đã... cào nhà tên Minh lâu rồi, bà đã tuyên bố với cả xóm từ sau bữa đám

cười lặn. Ở trong xóm tôi ai mà không biết bà Bảy dữ như sư tử cái; bà chửi rủa được xếp hàng thượng thừa, mà mỗi khi bà sắp sửa xung trận, đôi phương vẫn thường nghe câu mào đầu, “Bữa nay tao mà không... ăn chay, tao sẽ đào mồ, cuốc mả ba đời, chín kiếp thằng cha con gái mẹ bay ra...” nghe hãi lắm.

Đầu năm ‘73, tên Minh đem ban nhạc ra làm ăn ngoài Đà Nẵng, và một thời gian ngắn đã thấy người nhà hắn đem trâu cau đi hỏi vợ cho hắn. Vợ hắn là cô giáo Tường Vi, giáo sư ban lý hóa trung học đệ nhất cấp. Nghe đầu tiệc cưới làm lớn lắm, có lọng che, kiệu rước cô dâu từ nhà gái về đến khách sạn hắn thuê. Còn mẹ của cô dâu thì vui mừng hơn hờ, khoe khoang cùng khắp bà con, làng nước chung quanh rằng thì là “Con rể bà là con nhà giàu, lại có nghề nghiệp hái ra tiền, và nhất là khỏi bị đi lính.” Sau đó ít lâu, hắn đem vợ con về lại xóm tôi, và mua lại căn nhà ông Năm Thìn cũng gần nhà hắn. Với chiếc La-Da-lat, hắn lái chạy ào ào, cũng là lúc bà con bắt đầu lo lắng, hốt hoảng vì có tin bọn giặc Cộng bắt đầu tấn công ở nhiều nơi...

Rồi việc gì đến cũng đã đến, không hiểu vì lý do gì, với phương tiện xe cộ sẵn có mà hắn lại không chịu chạy, mặc dù nguyên gia đình ông Mẫn đã di cư từ nửa tháng trước và ngày thành phố Nha-Trang bị bỏ ngõ, là ngày hắn bắt đầu lập công với “Chính Phủ Cách Mạng”. Hắn đem xe hơi có cấm cờ nửa xanh, nửa đỏ (cờ của bọn Giải Phóng Miền Nam), chạy tít ra tận đèo Rù-Rì để đón “đoàn quân chiến thắng” (theo hắn). Hắn hô hào, rồi hăm dọa, bắt dân xóm tôi phải đi cùng với hắn để đón tiếp “cách mạng”, vì đã “giải phóng” cho mọi người khỏi làm nô lệ cho Mỹ Ngụy (cha hắn làm nô lệ đi đổ rác Mỹ và hắn phải phục vụ cho Mỹ hàng đêm). Hắn “hò hởi, phấn khởi” tham gia mọi công tác của “ban quân quản” đề ra.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Mọi người trong xóm tôi bắt đầu sợ hấn ra mặt. Rồi hấn được giữ chức “Đoàn Trường Đoàn thanh niên” băng đỏ, có quyền sanh sát trong tay, hấn muốn xông vào nhà ai thì vào, muốn tịch thu tài sản của ai thì cứ tự tiện lấy. Hấn làm việc gắn bó với tên “Phường trưởng”, nguyên là trung sĩ Không Quân của Việt Nam Cộng Hòa và là một tên Cộng sản nằm vùng vừa... đứng dậy. Tên này ngày trước nghe nói chuyên môn đi biểu tình, xuống đường, đả đảo chính phủ, rồi trốn chui trốn nhủi, vô công rồi nghề, không biết cơ duyên nào, đã được một ngài Q.T. của một quận miền duyên hải bao che, rồi gả cho hấn nàng con gái đẹp như... Chung-Vô-Diệm. Tên đó lại về đầu quân làm lính Không Quân, được phân phối gác cổng Long Vân, lần mò cũng lên tới chức Trung Sĩ (trong dinh TT còn có cộng sản nằm vùng thì nơi nào không có). Giờ đây bọn hấn hợp tác chặt chẽ để làm khổ bà con trong xóm tôi. Bà Tuần có con chạy ra nước ngoài, bị gọi lên phường làm tờ khai báo hàng ngày... Con ông Tám Chơn là “cảnh sát chìm có tội với nhân dân,” nhà ông Thịnh là tư sản mại bản, nhà ông Tư Cầu làm tay sai cho Mỹ (ngoại trừ gia đình hấn). Và công to lớn nhất của hấn là đem bọn công an phường đến bắt trọn ổ nhà chị Thanh đem nhốt với tội danh giữ ‘lá cờ Ngụy’. Tội nghiệp anh Thanh, mới được thả về từ miền Bắc sau nhiều năm bị giam cầm, kể từ khi thất thủ trận Hạ Lào.

Thành tích hấn càng đầy, thì người dân trong xóm tôi càng khinh bỉ hấn, ghê tởm hấn. Họ chửi thảm, chửi lén, không dám chống đối công khai sợ cái đầu đi thẳng, rồi cũng đến tai cô Tường Vi, cô giáo rất bức mình nhưng không làm gì được hấn. Cho đến một ngày cách mạng của hấn giải phóng luôn cái xe hơi La-Da-Lat. Hấn làm chủ tập thể được, chứ không làm chủ

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

được cái xe hơi. Hấn bực mình, bắt mần và bỏ phường nhào ra chợ trời chạy mánh.

Trong khi mọi người khốn đốn, gia đình ly tán, bữa ăn chỉ là com độn, mì sợi thì hấn vẫn nhớn nhor ra vào nhà hàng... quốc doanh, quán nước (hình như có tiền Mỹ gửi về?). Và cô giáo Tường Vi vẫn phải bù đầu với mớ giáo án và những giờ lên lớp cực nhọc, kèm theo việc chăm lo ba đứa con gái sinh năm một. Thế nhưng lâu lâu hấn lại về nhà khảo tiền cô Vi, Cô không chịu đưa, thế là có một màn đấu khẩu, chửi bới thậm tệ. Nhiều lúc cô Vi bị hấn rượt đánh, bọn học trò núp hàng rào coi trộm, nhưng cũng chẳng giúp gì được cho Cô. Tin cô giáo bị chồng rượt đánh đi nhanh hơn gió, cả làng nước đều hay khiến cô Vi xấu hổ, ngượng ngùng và cuối cùng cô quyết định nạp đơn lên “tòa án nhân dân” tỉnh để xin ly dị hấn. Ba đứa con được mẹ nuôi, nên căn nhà cô Vi cũng được quyền giữ.

Người ta lại biết hấn trở nghề chạy mánh vượt biên. Thì ra người như hấn trở nghề như người ta trở bàn tay vậy. Những người xóm tôi thì không ai dại gì mà nghe theo lời hấn. Vậy mà hấn cũng lọt được sang đất Phi, dất theo cô dâu ngân quán nước ở đường Hoàng Tử Cảnh, cùng hai đứa con nhỏ của cô ta, trong khi ba đứa con của hấn không hề biết gì về chuyện cha chúng nó đã vượt biên.

Tôi cầu trời cho hấn làm rớt địa chỉ nhà tôi. Ở tiểu bang khác tới, hấn đâu dễ quen đường biết lối thành phố này, vậy mà hấn lại đến đúng lúc tôi chẳng mong chút nào.

- Ngân biết mà! Hồi đó qua tới đảo là phái đoàn Mỹ nhận tôi liền, vì tôi có thời gian làm việc cho Mỹ mà. Có mấy... thằng Mỹ quen, tôi còn giữ địa chỉ của nó nữa đó!

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Ủa, hồi Cộng sản mới vô, ông hô hào “chống Mỹ cứu nước” dữ lắm mà! Tôi không thể nào đổi cách xưng hô với hần.

Hần cười đều cang:

- Thì mình cũng phải tùy cơ ứng biến, gió chiều nào xoay theo chiều đó chứ!

- Nếu ai cũng như ông thì dân miền Nam có lẽ không còn ai sống sót đến ngày nay. À! Mà vụ bà Kim Hương, ông dẫn đi hồi đó nay ra sao rồi?

- Rõ là đồ đàn bà khốn nạn! Tôi lo cho nó đủ điều, vậy mà...

- Sao ông chửi dữ vậy? Bộ bà ta cho ông dze rồi hả?

- Vừa qua đến Mỹ, học nói bập bẹ được năm bảy tiếng Mỹ là nó đã phản bội tôi đi theo thằng khác!

- Kể ra bà ấy coi vậy mà khôn dữ há. Tôi nói móc.

- Thứ đàn bà cà chớn, chứ khôn... con mẹ gì!

- Rồi bao nhiêu năm nay chắc Ông đã làm ăn khá khá, có trở lại nghề đồn địch không? Xứ này nghệ sĩ nổi lắm mà. Chắc ông cũng đã có gia đình mới? Đã làm đơn bảo lãnh cho mấy đứa nhỏ sang chưa?

- Ôi! Chúng nó theo mẹ, đâu coi tôi ra gì, để cho chúng nó theo bà luôn đi, bảo lãnh làm gì? Hiện tôi cũng đang sống chung với một vài bà. Hề hề, vừa là một nghệ sĩ, lại làm thương mại giỏi như tôi, lại có tiếng sinh hoạt chống Cộng hăng say trong cộng đồng, nhiều người biết tiếng, có khối bà

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

muốn vô, nhưng kỳ này tôi quyết chí về Việt Nam kiếm bà trẻ thích hơn.

- Anh nói sao? Chồng tôi khó chịu hỏi giật ngược.

- Có khó gì đâu ông! Hề hề, sồn sồn cỡ như tụi mình bây giờ về bên là có gái mười mấy ‘hầu hạ’ ông ơi! Tôi đã về mấy lần rồi, nhưng bận làm áp phe, nên chỉ đi du hí thôi, chứ chưa có tính chuyện lâu dài được.

- Ủa, ông đã về Việt nam nhiều lần rồi hả? Tôi hỏi là hỏi vậy thôi, chứ người như hấn chắc là phải về trước hơn ai hết.

- Đại gì không về! “Nhà nước” đã mở cửa lâu rồi, ở bên bây giờ ăn chơi bạo lắm, gái ghieếc đầy dẫy, có tiền mua tiên cũng được, huống hồ gái tơ.

Chồng tôi đã bắt đầu nóng mặt:

- Tôi có nghe nhà tôi kể qua về anh, tôi cứ tưởng sau nhiều năm sống ở xứ sở này, học được văn minh xứ người, và thấm thía thân phận của người tỵ nạn, anh sẽ có ít nhiều thay đổi, nhưng...

- Ôi! Ông bà sao còn hủ lậu quá, mình sống là phải biết liệu gió phát cờ chớ! Gió chiều nào mình xoay theo chiều đó mới là kẻ thức thời. Ông bà coi, nhiều ông Tướng, ông Tá còn về bên ăn chơi hà rằm, hưởng gì tui. Nhưng ông nên về Việt Nam một chuyến đi, có quá nhiều cảnh “nhất dạ đế vương”, ăn uống còn có người ngồi cạnh... đút cho ăn nữa kìa, cái gì người ta cũng dành sẵn cho Việt kiều hồi hương hết đó ông ơi!

Mặt chồng tôi đỏ rần, có lẽ cơn giận dành cho người khách không chờ mà đến đã lên cao đến tột đỉnh:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Xin lỗi ông Minh! Nể tình ông là người hàng xóm ngày trước của vợ tôi, nên này giờ tôi cố gắng ngồi tiếp chuyện với ông. Nếu ông còn một chút liêm sỉ, còn một chút tư cách của một người «tỵ nạn Cộng sản», thì ông không nên tuyên truyền ba cái trò hưởng thụ tôi bại đó. Ai lại không có lòng tưởng nhớ quê hương, muốn về thăm lại một lần, nhất là thăm những thân tình, ruột thịt. Nhưng về để hưởng thụ, để giẫm đạp lên nỗi đau khổ của đồng bào mình, thì xin lỗi ông, may mà những người như ông trong cộng đồng người tỵ nạn ở đây không có là bao. Tôi mong rằng lần này là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng chúng tôi gặp mặt ông.

Và thật đúng như ý muốn chồng tôi, đó cũng là lần cuối cùng chúng tôi gặp hần. Tôi vừa nghe tin hần chết một cách thảm thương trong lần về thăm Việt Nam vào dịp Tết vừa rồi. Thư Ba tôi viết từ bên nhà sang, có đoạn, “...Thằng Minh con ông Mẫn bị bắn hai phát đạn vào đầu, rồi bị liệng xác sát đường rầy xe lửa, gần Khu Máy Nước. Khi người ta phát giác ra, thì một phần tay chân bị chó tha mất rồi. Nó mới về lại Nha-Trang đâu được tuần lễ, không biết ai giết nó? Nó chết cũng vừa rồi, chỉ tội con vợ cũ của nó và mấy đứa con, lúc nó sống sung sướng ở Mỹ không giúp gì cho tụi nhỏ hết, nay nó chết rồi, bọn nhỏ phải lãnh xác về chôn. Ba đứa nhỏ cứ hy vọng có ngày Ba nó hồi tâm làm đơn bảo lãnh sang Mỹ, nhưng bây giờ thì không còn gì để hy vọng nữa...”

Lê Thị Hoài Niệm

Một Thoáng Hương Xưa

Linh Vang



Hai người học cùng ngành. Thê Quỳnh xinh đẹp, học giỏi, lại thêm thuở ấy trong trường, con gái Việt hiếm nên Thê Quỳnh được nhiều anh sinh viên đeo đuổi, chiều chuộng, cũng không ít người âm thầm ái mộ, say mê; trong khi ấy, Tân lại không có điểm gì nổi bật, ăn nói vụng về, vóc dáng gầy gầy với cặp kính nặng, nên tuy là bạn khá thân của Thê Quỳnh, yêu say đắm Thê Quỳnh mà không dám nói. Ngay cả trong những buổi văn nghệ có nhảy đầm của trường, Tân cũng không dám mời Thê Quỳnh nhảy, chỉ ngồi nhìn Thê Quỳnh nhảy với các bạn khác. Rồi có một dạo, Thê Quỳnh cặp với Hoàn, là sinh viên Y Khoa, Tân lại lèo đèo theo sau họ.

Mấy năm trời đại học! Rồi ngày ra trường, Thê Quỳnh gặp Tân và nói:

"Quỳnh có hai tin - một tin buồn và một tin vui - muốn nói cho Tân nghe nha."

Tân nghĩ nhanh trong đầu, tin vui là lâu nay Quỳnh cũng thích Tân nữa, và rồi hình dung Thê Quỳnh sẽ ôm choàng lấy Tân mà hôn tới tấp. Còn tin buồn? Quỳnh sẽ trả lời là, À,

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Quỳnh chỉ nói nói đùa vậy thôi, chứ làm gì có tin buồn. Tân thấy mình rất hạnh phúc trong giây phút đó.

Chỉ giây phút ngắn ngủi thôi, bởi vì không phải như Tân ao ước và thầm nghĩ, Thẻ Quỳnh lại thần nhiên nói như thế này:

"Quỳnh sẽ không ở đây nữa, sẽ phải xa gia đình và bạn bè; đó là tin buồn. Còn tin vui là Quỳnh sẽ đi lấy chồng đó."

Tân nghe mà tưởng như bầu trời vừa “sụp đổ”. Mắt hoa lên!

Thẻ Quỳnh lấy chồng giàu, đúng ra là gia đình nhà chồng giàu. Họ qua Mỹ năm 1975 và Josh, chồng nàng sinh đẻ ở đây. Cha mẹ của Josh có một tài sản đồ sộ từ một công việc làm ăn mà không ai ngờ được là làm nghề rửa xe cho mấy đại lý bán xe hơi, xe cũ hay mới đều để ở ngoài trời, trừ năm bảy chiếc quá đặc biệt được bày trong *showroom*, và mỗi sáng sớm tinh sương dù là ngày nắng ráo hay mưa lạnh hay tuyết rơi trắng xóa, xe đều cần được rửa sạch, lau chùi bóng loáng trước khi tiệm mở cửa cho khách hàng vào coi mua xe. Nhiều năm cần cù. Từ một người rửa xe, được trả 25 xu cho một chiếc, ông lên làm chủ, trúng thầu nhiều mối, ông không còn rửa xe nữa mà mướn nhiều người làm công việc ấy với giá rẻ mạt. Mới đầu ông còn sáng sủa ngồi nhà điều động nhân viên rửa xe chỗ này chỗ nọ, sau này ông mướn hẳn một người coi công việc ấy, ông chỉ ra quán cà phê Starbucks ngồi tán dóc với mấy ông bạn hay ra sân gôn chơi gôn với họ. Khi dư dả ông cũng đầu tư vào đất đai, cao ốc nhà cửa cho thuê; tiền đẻ ra

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

tiền, của để ra của. Bà vợ của ông ngày xưa xinh đẹp, nhiều anh chàng có chữ nghĩa bằng cấp đi hỏi, nhưng bà lại chịu ông, mà thiên hạ hay đùa kêu ông là "người cày có ruộng" vì ít học, cục mịch... nhưng ai ngờ sau này biết cách làm ăn, giàu có. Họ lấy nhau từ Việt Nam.

Nghe nói cha mẹ Josh là người Việt thành công nhất ở thành phố này. Tờ báo Mỹ địa phương cũng từng có bài viết khá dài về họ. Ngoài hình hai người, được đăng lên báo là cái dinh thự đặc biệt của họ, nằm trên một đồi cao nhìn xuống vịnh Puget Sound, ngoài cổng có hai con sư tử lớn bằng đá trắng ngồi hai bên, có lối xe lên đồi dẫn vào nhà, trồng hai bên những cây phượng Mỹ, loại phượng chịu được thời tiết xứ lạnh, cành lá rũ xuống đất. Loại phượng có hoa đỏ thấy ở Việt Nam, mà học trò mỗi khi nhìn phượng nở thường buồn bã khóc than vì phải xa bạn bè mấy tháng hè, thì nơi đây không trồng được. Đồng hương người Việt có tò mò đi ngắm nhà của họ thì cũng dễ tìm; cứ đến Stevens Hill, thấy nơi nào có hai hàng phượng Mỹ là trúng phóc. Không thấy nhà người Mỹ nào có trồng loại cây này.

Josh, cậu con trai duy nhất của họ, học chưa xong ở trường đại học cộng đồng cũng theo nghề của cha; nhưng anh ta chưa từng đi rửa xe khổ cực như cha anh. Anh đấu thầu ở những khu vực khác, đấu với giá rẻ nên dĩ nhiên là trúng, vì anh cũng sẽ mướn mấy người dân Mễ ở lâu với giá rẻ, làm không một anh Mỹ bản xứ nào cạnh tranh, trúng thầu nổi. Anh cũng có tiền, tất nhiên là chưa nhiều bằng cha mẹ anh, và anh lấy vợ còn ngon hơn là ngày xưa cha anh lấy mẹ anh, vì vợ anh không

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

những chỉ đẹp mà còn có chữ - là cô cử nhân kế toán Thể Quỳnh.

Cứ tưởng sau khi tốt nghiệp, Thể Quỳnh sẽ mở văn phòng khai thuế, chỉ cần mượn thêm một cô một cậu có bằng CPA đứng tên là đủ (Thể Quỳnh thi rớt bằng này), nhưng rồi Thể Quỳnh cũng chỉ ở nhà chứ không muốn làm ăn gì cả. Josh có tiền, rồi sinh tật bỏ bịch, rồi cùng nhân tình lập không chính thức tổ ấm thứ hai; vợ chồng Thể Quỳnh lục đục, Thể Quỳnh làm đơn ly dị, hưởng một số tiền không nhỏ của Josh - mà một phần lớn là của cha mẹ Josh cho Josh. Cuộc hôn nhân chấm dứt sau 5 năm, trước khi có con như họ đã từng dự định.

Bây giờ, Thể Quỳnh trở về thành phố cũ, tìm đến Tân. Tân lại thay đổi vóc dáng quá nhiều. Quỳnh thấy Tân lúc này người nở nang nhờ tập tạ, hai cánh tay có chút bắp vừa đủ giúp Tân trông khỏe ra, cũng không còn mang cặp kính cận vì đã giải phẫu mắt, nên trông Tân đẹp trai hẳn lên, Quỳnh bèn có ý muốn cặp bồ với Tân. Thể Quỳnh chưa nói rõ với gia đình nàng là cô vừa ly dị chồng, sợ là một cái sốc mạnh cho cha mẹ, cô chỉ nói là cô về đây vì vừa nhận một công việc mới. Thể Quỳnh kể như vậy với Tân, và dùng tình bạn xin ở tạm nhà của Tân, lấy một phòng, vì thấy nhà rộng mà trong lúc lại không dám dọn về ở với cha mẹ; Tân nể tình bạn nên không nỡ từ chối, khi mà Tân vẫn chưa hiểu thâm ý của Thể Quỳnh.

Tân đang có người yêu là Dung. Hai người yêu nhau được hai năm, định là đầu năm sau làm lễ đính hôn, rồi mùa hè làm đám cưới. Dung ra trường đại học với bằng cử nhân về Anh Văn, có nhiều chọn lựa trong công việc, nhưng lại chọn mở một tiệm sách báo, đủ thứ tiếng, ngoài Anh và Việt. Lợi nhuận

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

từ tiệm sách vừa đủ cho nàng, đúng là “sống qua ngày”, nhưng nàng yêu công việc này. Nàng hay đùa, sách ế thì em đọc sách cũng hạnh phúc rồi. Tân có lần lo âu cho nàng:

"Làm sao em cạnh tranh nổi với Amazon, mấy tiệm sách lớn của Mỹ còn đóng cửa kia đó, em à."

Nhưng lạ là Dung vẫn có một số khách trung thành đều đặn lui tới ủng hộ cái tiệm sách bé bé của nàng. Có lẽ khách thích cái không khí ấm cúng của tiệm sách và cô chủ tiệm rất thân thiện, dễ thương? Chưa kể bình cà phê cô pha lúc nào cũng ngon, hơn... cả cà phê Starbucks, có khách đã nói như vậy. Khách cũng thích cái góc nhỏ trong tiệm làm chỗ ra mắt sách cho những tác giả nào có sách mới muốn chọn tiệm cô để gặp gỡ độc giả ái mộ họ. Và cũng nơi đây, hàng tuần có một Book Club của các bà, các ông đã về hưu, rảnh rang, tới đọc một quyển sách nào đó và cùng bàn luận với nhau. Một bình cà phê, một đĩa bánh cookies...cho họ lai rai thưởng thức. À, thì ra vậy!

Tân vô tình nên đã không bàn trước với Dung chuyện Thẻ Quỳnh xin ở nhờ, và Dung cũng chưa biết Thẻ Quỳnh là ai. Hình như Thẻ Quỳnh vẫn còn sức lôi cuốn Tân như ngày xưa, vì Thẻ Quỳnh nói gì, Tân cũng răm rắp nghe theo. Thẻ Quỳnh cũng không thắc mắc là Tân đã có người yêu chưa, và việc vô nhà Tân ở như vậy có khó coi lắm không, cũng không hề hỏi Tân có vợ hay có người yêu chưa. Thẻ Quỳnh cứ xem như sau những năm tháng đó thì mọi việc vẫn như cũ. Thẻ Quỳnh chỉ biết ngày còn đi học chung trường, chung ngành, Tân đã thầm yêu mình. Ngày đó, nhìn bề ngoài Tân không có sức lôi cuốn dù học hành rất giỏi, nhưng Thẻ Quỳnh cũng thi đầu đậu đó

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

có kém gì Tân - vì có nhiều anh do theo đuổi Quỳnh nên khi Quỳnh cần gì là họ giúp đỡ ngay, cho dù có học khác ngành, họ cũng rán tìm hiểu để tìm cái đáp số cho câu hỏi của nàng. Thử Quỳnh được cho là hoa khôi của trường. Chắc chắn vậy rồi, con gái Việt thời đó hiếm hoi, Thử Quỳnh lại xinh xắn hơn các cô kia mà.

Một tiệm sách nho nhỏ, ẩm cúng nằm ở góc đường số 5 và đường King. Mặt chính quay ra đường King, quanh cửa chính và cửa sổ đã trang trí đèn chớp chớp, lấp lánh những hình ngôi sao, hoa lá, trông đã có không khí của mùa lễ lộc. Cũng có một lô sách mới của một tác giả mà Tân yêu thích, được trưng bày. Tân mở cửa - có tiếng chuông báo là có khách. Mùi lavender nhẹ nhẹ tỏa hương. Hôm nay tiệm có nhiều khách nên Tân đi quanh tiệm rồi mà cũng chưa thấy bóng dáng Dung đâu. Cô bé học sinh làm bán thời gian, chỉ cuối tuần và những mùa lễ, nhận ra Tân, cho biết là cô chủ bận ở nhà kho - đang tìm một cuốn sách cũ mà có một ông khách quen vừa hỏi - và lễ phép hỏi Tân:

“Chú cần gì, cháu giúp được không?”

Tân lắc đầu, nói:

“Cảm ơn cháu.”

Tân dự tính sẽ cho Dung biết chuyện Thử Quỳnh đang ở nhờ nhà chàng, cũng sẽ giải thích Thử Quỳnh là ai. Tân không ngờ là vừa xin ở nhà Tân hôm trước thì Thử Quỳnh đã mang va-ly vào ngay hôm sau. Cũng bởi Tân tình thiết khuyên Thử Dung là đàn bà con gái không nên ở khách sạn lâu, mà nên về

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

nhà ở. Thở Dung lại nói lúc này về nhà cha mẹ nàng thì không được.

Nhưng gặp lúc tiệm đông khách, Tân thấy không tiện nói chuyện với Dung. Chàng đến cái kệ để bình cà phê cho khách, lấy một cái ly giấy, rót cà phê vào, đưa mắt về phía nhà kho, gặp lúc Dung trở lên, chàng nhìn Dung như có ý chào Dung để ra về, rồi bước ra khỏi tiệm.

Trời lác rác mưa phùn, mới vào đông mà đã lạnh tái tê.

Rồi việc này việc nọ, mãi một tuần sau Tân mới đề cập về Thở Quỳnh. Vừa nghe Tân kể chuyện Thở Quỳnh ở nhờ thì Dung lộ vẻ không bằng lòng, nhưng nàng chưa nói gì. Tân cũng áy náy, cảm thấy cần biện hộ cho chuyện chàng làm:

"Là bạn cùng lớp ngày trước, nên anh cũng khó chối từ."

"Em nghe anh nói là cổ ngại về nhà, nhưng còn những cô bạn học khác thì sao?"

"Thời đó chỉ có ba, bốn cô, mà chắc là Thở Quỳnh không liên lạc được. Anh đoán vậy."

"Thôi, tùy anh. Em... tin anh."

Lúc này, Dung không biết là Tân và Thở Quỳnh ngoài là bạn học cũ, như Tân đã cho biết, Tân còn là cây si cổ thụ của Thở Quỳnh ngày xưa.

Nhưng việc không đơn giản chút nào. Thở Quỳnh tỏ ra quá thân thiện qua cử chỉ và lời nói, làm Tân bắt đầu thấy luống

cuồng. Thê Quỳnh lại quá đẹp – nét đẹp của một người đã từng có chồng, chứ không phải nét đẹp khấp nép của một cô sinh viên ngày trước– cái thuở mà Thê Quỳnh còn là một đóa hoa mới vừa hé nhụy. Đúng là... cứ tự nhiên coi như nhà của mình, Thê Quỳnh ăn mặc mỏng manh như chỗ không có... Tân.

Trong khi có Thê Quỳnh ở chung nhà thì Tân cố tình lánh mặt – lúc thì trốn trong phòng riêng, lúc khác thì tá túc nhà bạn. Dù là nhà của mình mà lại cảm thấy không tự nhiên. Nhưng Thê Quỳnh cứ nhắn message nhờ Tân làm cái này cái nọ. Bóng đèn trong phòng bị cháy, cần thay. Quỳnh không biết cách sử dụng cái máy giặt. Có tiện đường thì mua giùm Quỳnh cục xà bông hiệu Coast, Quỳnh quen dùng loại ấy. Tan sở, về ăn cơm tối với Quỳnh đi nha – Quỳnh sẽ làm món mì Ý ăn với salad – Quỳnh đợi. Cuối tuần, Tân thích món phở không, Quỳnh nấu cho ăn.

Thê Quỳnh tình cờ thấy những quyển nhật ký của Tân, trong mấy học tủ. Quỳnh tìm những quyển của thời hai người còn học chung ở W (University of Washington) đọc, tò mò đọc những dòng chữ Tân ghi những cảm nghĩ của chàng đối với Thê Quỳnh. Quỳnh càng hiểu rõ ngày đó Tân mê nàng đến cỡ nào, dù nàng cũng đã đoán được, vì trời cho con gái có cái nhìn bén nhạy hơn con trai.

Một bữa Tân đã lấy cớ bận việc nên đã cùng với partner làm ăn ở lại văn phòng để giải quyết cho xong mớ thuế cho khách hàng, thì Thê Quỳnh gọi cho biết nhà bị cúp điện bất ngờ. Trong bóng tối, Thê Quỳnh đụng cái bàn làm rớt cái ly, Thê Quỳnh mò mẫm làm sao mà đập lên mảnh ly vỡ, cửa chân

chảy máu... Thế là gọi cho Tân khóc lóc trong phon, làm Tân đã phải vội vã chạy về. Vừa thấy Tân là Thể Quỳnh khóc òa lên, và khi Tân đến gần cúi nhìn vết thương như thế nào để băng bó thì ngay khi đó, Thể Quỳnh đã ôm choàng lấy Tân mà hôn lên môi lên mắt Tân tới tấp. Tân mê mẩn với những nụ hôn ngọt lịm ấy; rồi khi chợt tỉnh ra, Tân hốt hoảng, đẩy vội Thể Quỳnh ra, và nói nhanh, để Tân băng vết thương rồi sẽ đưa Quỳnh đi đến phòng cấp cứu. Quỳnh nói, Quỳnh thấy không cần đi đâu; Tân ở lại với Quỳnh cho Quỳnh an tâm là được rồi. Quỳnh không sao đâu!

Tân băng vết thương cho Quỳnh rồi hỏi hỏi nói, Tân cần phải trở lại văn phòng làm việc. Thể Quỳnh hẳn phải thắc mắc, còn làm gì giờ này? Không chờ Quỳnh nói, Tân đi như bay, chạy nhanh ra khỏi nhà chính căn nhà do mình làm chủ!

Đầu óc Tân lung tung ý nghĩ, “Dung đã tin mình, nếu Dung... biết được! Mình không thể để tình trạng này tiếp tục xảy ra nữa.”

Ngày hôm sau, Tân không về nhà, mà gọi cho Thể Quỳnh là Quỳnh cần mượn một căn nhà khác để ở nếu không muốn về với bố mẹ của Quỳnh – hỏi Thể Quỳnh mới về đây, Tân đã từng nghĩ là sẽ mời Thể Quỳnh làm chung với Tân ở văn phòng khai thuê! May mà chưa mời!

Tương Thể Quỳnh đã ra khỏi nhà mình, như Thể Quỳnh đã nói là sẽ để chìa khóa ở dưới cái thảm trước nhà. Hấp tấp, Tân dùng code mở cửa, bước vào. Hóa ra Thể Quỳnh còn ung dung ngồi uống cà phê ở cái breakfast bar!

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Thẻ Quỳnh lại vờ như không có vấn đề giữa hai người, còn đề nghị giúp vốn một trăm ngàn cho Tân để Tân mở thêm chi nhánh. Còn nói, Quỳnh có ý định đó lâu rồi mà chưa bàn với Tân. Tân nói ngay:

"Tân không thể dùng tiền của ai hết, tiền của Thẻ Quỳnh lại càng không nên - đây không phải là số tiền nhỏ. Tân không muốn dây nợ với Thẻ Quỳnh, làm cho Dung hiểu lầm, buồn phiền."

"Có gì mà Tân sợ Thẻ Quỳnh đến như vậy. Bạn bè giúp nhau thôi mà, trong lúc Thẻ Quỳnh có sẵn tiền mà không làm gì. Với lại, có gì mà hiểu lầm chứ. Tân sợ Dung đến như vậy sao?"

"Chuyện gì cũng có giới hạn của nó. Trong lòng Tân, chỉ có Dung. Tân không muốn đánh mất Dung nếu mà Dung không tiếp tục để cho Tân rộng lượng mãi với tình bạn cũ như thế này. Xin lỗi, tính tình Dung hiền lành, ngay thẳng, không... quanh co..."

"Nhưng Tân yêu Thẻ Quỳnh mà. Thẻ Quỳnh biết, vì có đọc nhật ký của Tân. Tân viết, không lúc nào là Tân không nghĩ tới Quỳnh."

"Không! Không! Chuyện xưa rồi! Hay... nếu có, chỉ là cái tình cảm nhất thời. Bây giờ, Tân không còn... nghĩ tới Thẻ Quỳnh nữa."

"Sao bao năm nay Tân không lập gia đình? Có phải vì mình không?"

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Gia đình Tân lâu nay cũng đã hỏi chàng sao không lập gia đình? Và bạn bè cũng hỏi có phải vì Thể Quỳnh không?

Dung từ tốn nói:

"Em cũng lo lắng, hồi hộp lắm; nhưng em không dám có ý kiến gì vì hóa ra là em đã không tin anh hay sao? Cô ấy lại là bạn cũ, nếu em cấm anh, nói này nói nọ, hóa ra em quá nhỏ mọn, nhưng mà nghĩ lại, em có thể mất anh. Em tin anh, nhưng sao tin được người khác? Và cũng có thể có những chuyện xảy ra ngoài tầm tay của mình. Sau chuyện này, em sẽ không cho anh từ tể với ai nữa đâu. Em phải giữ anh thật chặt chứ!" Nói tới đây, mắt nhìn Tân, Dung cười.

Một giây sau, nàng nói tiếp, "Có chuyện gì thì phải hỏi em trước. Em bằng lòng, anh mới được làm đó nha!"

Phải hỏi em trước, ...rồi anh mới được làm!

Tân cảm thấy mình rất hạnh phúc đã gặp được một người như Dung. Hiền lành, hiểu chuyện, nhưng không phải là ngây thơ, không biết chuyện. Không đắn đo, Tân hứa ngay, mà không ngờ là chàng sắp trao cả cuộc đời của mình cho Dung, ngay cả... sự "tự do" của mình sắp... mất hết mà chàng nào có hay!

Linh Vang



Bời Bời Nhớ Thương

Nguyễn Đình Từ Lam

“Đi vô nhà với mẹ! Chẳng bao lâu nữa anh Bốn con được nghỉ lễ, lại trở về vui chơi với con, chứ có chi mô mà buồn.”

Em theo mẹ tôi vào nhà, lại bộ phản nhà ngang đắp chiếu nằm suốt ngày, bỏ ăn luôn bữa cơm trưa hôm ấy.

Lúc tôi mười một tuổi, được cha mẹ gởi ra Đà Nẵng đi học. Khi có dịp nghỉ từ hai ngày trở lên, tôi liền đón xe đò về nhà. Có lần nghe tiếng xe ngừng trước ngõ, em trai tôi liền chạy vụt ra, thấy tôi vừa bước xuống xe, em chẳng nói chẳng rằng, vội đến giằng lấy cặp sách vở trên tay tôi mang choàng lên vai mình. Lúc ấy em còn nhỏ nhít, tánh hay mắc cỡ, dù là anh mình lâu ngày đi xa về; mới gặp nhau, em một mực làm thính, chẳng dám hỏi thăm tiếng nào nhưng gương mặt thì

rạng rỡ, miệng cười cười mím chi. Em nhường tôi bước trước lên ngõ, em lẻo đẽo theo sau cùng vào nhà. Những ngày tôi nghỉ học, sống gần gũi gia đình cha mẹ; em bày ra việc làm này, trò chơi nọ để anh em cùng làm cùng vui đùa.

Lần ấy, lúc cả nhà ăn cơm sáng vừa xong, thấy em chạy vụt ra phía sau vườn Đợi, một hồi sau quay trở về, tôi nắm tay tôi, em nói:

"Anh Bôn! Có ưng¹ đi bới dế với em đem về nướng ăn không?"

Tôi đưa mắt nhìn ra ngoài sân, nói:

"Buổi mai trời đang nắng chang. Hãy chờ đến chiều chiều rồi hai đứa cùng đi, cho mát."

Nghe vậy, em liền năn nỉ:

"Không răng mô.² Ở ngoài, trên trời có đám mây che rợp hơn nửa đám đất Lớn, lại có gió, mát đáo để."

Ngưng một lúc, như để tìm lời, em lại nói tiếp để cù rủ tôi:

"Ở ngoài em thấy nhiều hang dế lắm. Mau ra đào, không mấy đứa choai choai ở xóm sau biết được đến đào sạch, tiếc lắm."

"Ừ, thì đi." Tôi chiều ý em.

Tôi vác cuốc bàn, em vác cuốc vồ. Hai đứa đi thẳng ra đám đất Lớn ngoài vườn Đợi. Lúc ấy tôi đã lớn mề còn em thì mới lên sáu tuổi.

¹ Ưng: Thích, muốn.

² Không răng mô: Không sao đâu

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Tôi giành cầm cuốc đào hang bắt dế, bảo em cầm dục. Mỗi lần bắt được con nào, tôi đưa cho em xâu. Tôi có sức nên hì hục đào bới không biết mệt, còn em xách dục để chạy lon ton khắp cùng đám đất Lớn. Mỗi lần tìm thấy hang dế nào, em liền bẻ những cây nhơn trần dài khoảng vài ba gang tay, cắm bên cạnh hang; cứ hang mẹ bầu cắm hai cây, hang cha quăn một cây. Tôi không hiểu ý em, nên hỏi:

"Cớ sao làm dấu khác nhau như rứa?"

Thay vì trả lời, em lại ngâm nga giọng ngong ngọng hai câu thơ thần, em học lóm được ở đâu đó:

"Mẹ bầu đi sâu đất cái.

Cha quăn ở cạn lăm khi dể đào."

Ngâm nga xong, em lại nói tiếp:

"Anh Bốn biết không, dể mẹ bầu đào hang sâu dể ở, dể dể. Em làm dấu hai cây nhơn trần dể anh biết, anh cứ lấy cuốc vó cứng mạnh đào mới bắt được; còn hang cha quăn thì cạn nên cuốc bàn đào là được liền."

Mới chừng đó tuổi em đã có sáng kiến, tôi chẳng hề nghĩ ra. Tôi chỉ hơn cái sức lực, em nhỏ yếu mà lại sớm có trí khôn. Thế nên mới già nửa buổi mai, anh em đã đào bắt được ba dục dể dài; hầu hết là dể mẹ bầu ruột đầy trứng no nường mập ú ú, xen lẫn ít dể đực cha quăn đầu to, chân khỏe, bụng teo, ốm tong.

Tôi đang say sưa đào bới, bỗng nghe ở nhà có tiếng mẹ gọi:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

"Xin bơi! Tri bơi!³ Sắp sửa trưa rồi, về nhà lo tắm rửa đi con. Đừng ở lâu lác ngoài nứ."⁴

Người ta đồn khu vườn Đợi nhà tôi có nhiều ma cô. Mẹ lo sợ, lúc đứng bóng, hồn ma bóng quế hay hiện ra lảng vảng nên bắt chúng tôi phải về trước buổi đứng trưa.

Hai anh em rời vườn Đợi, men dọc theo mé vườn Ngoài về nhà. Lối đi này quang đãng, ít cây cối rậm rạp. Khi hai đứa đi ngang qua đám đậu gạo ông Bồn, một người chú họ của cha, nhà ở cận kề nhà tôi. Đám đậu của ông sai trái, dày đặc, xanh mơn, non mướt. Bọn tôi đang khi khát nước thèm đậu gạo non quá chừng, cầm lòng không đậu, nên vừa đưa mắt lảo liên ngó trước ngó sau, vừa lẹ làng đưa tay ngắt những trái đậu tơ ăn ngấu nghiến ngon lành, ngọt mát đến ruột. Chẳng ngờ, lúc ấy ông Bồn ra thăm vườn, ông núp kín sau bụi tre rậm, rình bắt quả tang anh em tôi hái trộm đậu. Ông giận dữ, mắt trợn trắng, miệng vừa nói vừa hét:

"Tụi bây⁵ ăn trộm đậu của tau, hai đứa bây bậy bạ⁶ quá chừng. Mau đi theo tau về, tau nói lại với cha tụi bây."

Cha tôi lấy dây thèo trâu⁷ trói hai anh em tôi, mỗi đứa vào một gốc cột cái ở nhà trên. Ông ra vườn bẻ hai nhánh dâu tằm làm roi, cứ mỗi lần cha đánh tụi tôi một roi, ông đều la to lên chỉ một câu một:

³ Xin bơi, Tri bơi: *Xin ơi, Tri ơi,*

⁴ Ngoài nứ: *Ngoài đó*

⁵ Tụi bây: *Bọn mày, bọn mày*

⁶ Bậy bạ: *Sai trái, sai quấy*

⁷ Dây thèo trâu: *Dây bện bằng dây mây hoặc dây núi, dùng để buộc (cột) trâu, bò*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

“Này! Tau đánh cho tui bây chừa thói hư tật xấu, đi ăn trộm đậu của người ta.”

Cả hai bị trói mãi cho đến xế trưa. Thấy thế mẹ can, xin cha mở trói, cho phép hai đứa xuống ăn cơm trưa, mẹ đã dọn sẵn để phần ở nhà dưới. Anh em tôi bụng chén cơm vừa ăn vừa khóc. Mẹ đứng bên, mắt mẹ cũng rung rung đỏ hoe. Mẹ đưa tay vò vò đầu tóc em, dỗ dành:

"Thôi nín đi, cha la rầy, đánh đòn các con là để hả lòng hả dạ ông Bồn, để ông hết giận. Các con từ nay trở đi chừa bỏ thói héo lánh của cái người ta, tánh đó xấu lắm. Các con có nghe không? "

Hai đứa tôi vội đưa tay áo quạt nước mắt. Em tôi đầu gật gật, không nói được lời; còn tôi cúi gằm, miệng mếu máo nói nho nhỏ vừa đủ mẹ nghe:

"Con biết rồi, hai đứa con lỡ dại quá mẹ ôi!"

Không biết tự lúc nào, cha từ nhà trên xuống ngồi ở bộ phản nhà ngang, lặng thinh hút thuốc. Ngồi một hồi lâu, ông xuống bếp rang mấy mẻ cá, xong, gọi hai anh em tôi theo cha xuống búng sông ở Vực Tròn gần dãy Đá Giăng, cát nhú⁸ cá găng.

Ba cha con ngồi trên bờ sông. Cha móc lưới nhử vào gong, bó cần nhử vào giữa hai gong. Xong xuôi đâu vào đấy, hai tay cha nhấc cần, bỏ nhử xuống nước. Lúc lưới đã chìm sâu hẳn dưới lòng sông, chờ đến khi mặt nước trở lại bình lặng, cha

⁸ Cái nhú: *Giống như cái rổ, cái chạp nhưng mắt lưới của nhú nhỏ hơn của rổ hay chạp*

bảo hai đứa tôi, bóc vài nắm cám rang vàng thơm phức đem trộn ít nước cho cám ẩm ẩm dẻo dẻo, vo lại thành những viên nhỏ, rồi quăng xuống nước khoảng giữa mặt như. Những viên cám nổi lên bề mặt một lúc rồi tan ra thành đám bụi vàng vàng, nổi dập dờn trên mặt nước. Cha con ngồi chờ. Chẳng bao lâu một bầy cá găng độ vài mươi con xúm tới, con nào con nấy to dài cỡ ngón tay trở, thân mình cá găng trắng trong. Chúng vừa bơi loạn xạ tứ tung vừa tranh nhau đớp bột cám. Chờ một lúc, cha liệng thêm vài viên cám nữa xuống nước ngay giữa mặt như, bầy cá tấp cả châu đầu vào tranh ăn. Thế là hai tay ông nắm chặt cần như, nhẹ nhàng và hết sức đều tay, cha cất gọng lên cao, mành như vừa nổi khỏi mặt nước, là đã tóm gọn được bầy cá găng, chúng rút nhanh xuống đáy như. Cha lấy vợt xúc sạch bầy cá, rồi bảo em trai tôi chia rổ như tới gần cho cha đổ cá vào. Cha lại tiếp tục bỏ như xuống sông, anh em tôi lo vãi cám xuống nước... Cứ làm thế, mãi đến khi già nửa buổi chiều, cá găng bắt được đầy lung lung một rổ như.

Lúc này mặt trời đã xuống gần kề đỉnh núi Hòn Nhón, bầu trời chong chất những vàng ráng chiều vàng hường, trôi cuộn cuộn bồng bồng trên trời dưới nước. Ánh chiều nhuộm vàng cảnh trời đất sông núi, nhuộm vàng lên tóc, lên chiếc áo thao của cha, lên chiếc áo lụa nu⁹ của em; ánh chiều vàng nhuộm luôn chiếc áo vải ta màu chàm phai của tôi mất đi màu buồn thảm. Cha con tôi chiều ấy tưởng chừng lạc vào cõi thần tiên như trong chuyện đời xưa "Ông quan huyện Từ Thức", mẹ nhiều lần kể cho chị em tôi nghe vào những lúc tiết trời đông giá, trong khi chúng tôi ngồi quây quần bên bếp lửa ấm nơi

⁹ Áo lụa nu: *Áo lụa màu nâu*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

ngôi nhà dưới. Ở thác Vực Tròn, hai chiếc ghe chài đã lên đèn đang ngược dòng thác bươn bả đi đánh cá đêm ở đâu trên vực sông Ba Nấc, Vực Dài hay Nà Cờ chi đó. Trời đã chiều lắm, sắp chạng vạng; cha vội thâu giàn nhứ lên bờ cột lại thành bó, rồi bảo anh em tôi:

"Hai con theo cha xuống bãi, cha tắm cho, để còn lo về kéo trời tối."

Ba cha con tắm tấp xong, mát mẻ. Trên đường về, cha vừa vác giàn nhứ vừa cõng em sau lưng còn tôi bung rỏ cá gắng nằng nặng leo đèo theo sau. Vừa về đến sân, mẹ đang ở nhà dưới nhìn ra thấy, mẹ mỉm cười hớn hờ nói:

"Cha con ông giờ đã làm lành lại được rồi. Chừ¹⁰, vô nhà, nghỉ một lát cho khỏe, để tôi lo kho cá gắng, xong, cả nhà ăn cơm luôn thể."

Trong lúc chờ mẹ và chị Hai lo sửa soạn bữa cơm tối, cha lại vồng nằm rồi bảo:

"Con Tri của cha lại đây, đưa vồng với cha cho mát."

Em chân chừ đến bên vồng, cha bèn vói hai tay bông em để nằm ngửa trên bụng, ông thả một chân chống đất lấy đà đưa vồng qua lại, một tay choàng qua em giữ để em khỏi té, tay kia cha ra điệu múa may, miệng ngâm nga bài "Lưu Biệt" của cụ Huỳnh Thúc Kháng, "*Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết. Người ở đời có khi thanh khi suy...*"

¹⁰ Chừ: lúc này, bây giờ

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Em tôi được cha đưa võng mát mẻ, lại được nghe cha hát ru êm tai làm em mắt lim dim, thiu thiu buồn ngủ...

Sau ngày anh em tôi ra vườn Đới đào dế và theo cha đi sông cáit như, tôi lại xa nhà ra Đà Nẵng tiếp tục đi học. Sáng ấy em dậy thật sớm, xuống ngồi ở bộ phận nhà ngang, dõi mắt nhìn hoài ra sân, ra ngõ, im lặng buồn xo. Mãi đến khi mẹ và chị Hai dọn xong bữa cơm sáng, gọi em xuống ăn, em lắc đầu từ chối. Lúc tôi xách cặp sách vở ra đầu ngõ đứng, em chạy vụt theo đến bên, đưa tay nắm chặt vạt áo tôi, trong lúc tôi chờ đón xe đồ ông Lý đi đường Tiên Phước - Đà Nẵng từ trên chợ huyện chạy xuống. Khi tôi vừa bước lên xe, em đứng dưới đường nói với lên:

"Nhớ, có bữa mô¹¹ nghỉ học, nhớ... về nghe!"

Nói vừa xong, em liền quay mặt sang hướng khác không dám nhìn tôi. Xe chạy khuất đã lâu, em vẫn ngồi mãi nơi hòn đá đen ở đầu ngõ, dõi mắt ngó dọc theo con lộ. Thấy vậy, mẹ ra nắm tay em dỗ dành:

"Đi vô nhà với mẹ. Chẳng bao lâu nữa, anh Bốn con được nghỉ lễ lại trở về vui chơi với con chứ có chi mô mà buồn."

Vào nhà, em lại bộ phận nhà ngang đắp chiếu nằm suốt ngày, bỏ ăn luôn bữa cơm trưa hôm ấy.

Năm 1968 em lên mười bốn tuổi. Tết năm ấy hai bên chiến tranh Quốc gia và Cộng sản đồng ý ngưng đánh nhau ba ngày, nên ban đêm em không tìm đến nơi an toàn để ngủ như thường

¹¹ Bữa mô: Ngày nào, hôm nào.

lệ, em ở lại cùng Thẩm người con gái em thân thương và bạn bè vui chơi Tết. Thành linh đêm mùng hai Tết, bộ đội cộng sản đánh chiếm quận lỵ, em bị bắt đem đi giam cầm ở các trại tù cải tạo. Độ sáu tháng sau em chết trong nhà tù kỷ luật, bỏ thây không biết ở đâu nơi trùng trùng núi rừng Tiên Lập, gia đình cố công mãi tìm kiếm nhưng chẳng thấy xác em.

"...Chẳng bao lâu nữa, anh Bốn con được nghỉ lễ lại về vui chơi với con, chứ có chi mô mà buồn." Nhưng tôi chưa trở lại nhà được để cùng em vui chơi, như lời mẹ dỗ dành em lúc trước, bởi vì cuộc nội chiến Nam Bắc đất nước, chiến trận Quốc-Cộng cắt đứt đường về. Tôi phải tha phương cầu thực, lang bạt kỳ hồ; rồi phải chịu cảnh tù tội, sau bao năm được thả ra khỏi trại giam, trở về thì cha mẹ già không còn nữa, thằng em chết đã lâu, chết oan ức không tìm được thân xác. Em mất trong cảnh tù đầy lúc mới mười bốn tuổi; cái tuổi mười bốn còn măng non trong sạch, em có tội tình chi, nữ nào lại đành đoạn xén đứt mạng em. Em lìa bỏ gia đình để lại cho người thân bao kỷ niệm yêu thương chẳng lúc nào nguôi ngoai. Em vĩnh biệt chúng tôi. Ôi! Có cảnh chia lìa nào đớn đau hơn không?

"...Chẳng bao lâu nữa, anh Bốn con được nghỉ lễ lại về vui chơi với con, chứ có chi mô mà buồn." Và, cuối cùng rồi tôi cũng về lại được nhà. Nhưng hỡi ôi! Em đã chết mất.

Tôi đành đoạn sống lây lất nơi quê xưa cổ quận gần tám năm trời, tôi muốn tránh không xuống búng sông Vực Tròn thêm một lần nào nữa. Thế mà tôi lại xuống. Số là vào một buổi chiều, hai thằng con nhỏ của tôi cứ nằng nặc đòi dẫn đi tắm sông Vực Tròn. Tính tôi hay nuông con nên phải chiều

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

chúng. Đứa nhỏ tôi cõng trên vai và dắt tay đứa lớn. Khi ba cha con vừa tới bãi sông, chúng liền cởi sạch quần áo, nhảy bùm xuống nước lặn xuống ngập tằm. Cũng nơi bến nước này, một buổi chiều năm xưa, tôi cùng cha và em trai sau một buổi cật như cá găng đã xuống tắm ở đây. Bây giờ tôi đang ngồi trên bờ nhìn hai con tung tăng dưới sông, trên trời rắng vàng buổi chiều chồng chất bay chậm chậm bỗng bênh. Bỗng dưng nước mắt tôi chảy trào ra, hai con tôi nhìn thấy, chúng liền chạy lên bờ, hỏi:

"Khi không, sao ba lại khóc, hả ba?"

Tôi vội đánh trống lảng:

"Không, không! Ba đâu có khóc. Vì lũ bộ mắt bay đầy, tấp vào mắt ba làm xốn xang nên nước mắt chảy ra, vậy thôi."

Nghe nói thế, chúng hớn hờ chạy ào xuống nước, lại cùng nhau đùa giỡn lặn ngập.

Nhìn cảnh hai con tắm sông lúc này, tôi chạnh nhớ cảnh cũ người xưa, bồi bồi thương cha nhớ mẹ, nhớ thương em trai tôi quá chừng. Tôi tâm nguyện nuôi nấng các con chu đáo để chúng chóng khôn lớn trưởng thành, hồng đôi xử được với cái cuộc trần thế ô trọc, và thẳm khẩn xin trời phật phò trợ cho chúng tránh gặp phải cảnh chia lìa đau lòng như hai anh em tôi ngày xưa./.

Nguyễn Đình Từ Lam

Một Ngày Hạnh Phúc

Nguyễn Đình Tì Lam

Năm Kha và Thu đang học lớp đệ nhất trung học, Kha học ở thị xã Tam Kỳ còn Thu ở thành phố Đà Nẵng. Thời buổi này, quốc lộ 1 đoạn Tam Kỳ đi Đà Nẵng bị cuộc nội chiến Quốc-Cộng phá hoại, chiến trận thường xảy ra ở đây nên đường sá xa xôi cách trở lắm.

Tết năm ấy hai đứa hẹn nhau, đánh liều cùng về quê Kha ăn tết sum họp một lần. Trót chóng vánh đã bảy năm trời mới nhìn thấy lại nhau; hai đứa mừng mừng tủi tủi, vui buồn hờn giận, trách móc nhau đủ điều.

Giờ đây đứa nào cũng lớn mẽ. Nhất là Thu con gái đang tuổi dậy thì, sao mà đẹp, một nét đẹp thanh thoát dịu dàng. Kha thì phổng chân trở mã, không còn xấu trai như khi nhỏ.

Sau ba ngày cúng lễ tết ông bà ở nhà Kha, nó cùng Thu rảo bước đi thăm chơi thắng cảnh Lò Thung của quê Kha.

Đến được nơi cảnh đẹp Lò Thung, hai đứa sánh vai đi theo con đường mòn chan hòa cát vàng mịn màng chen lẫn những lớp đá cuội đủ màu đủ sắc. Mé đường phía dưới giáp bờ sông Tiên, mọc toàn những loại cây bụi lúp xúp như rù rì, mua, bẻ ne, ổi sẻ, bàng nang, ngũ sắc, vừng... Bờ đường phía trên liền với đồi sim, đồi chà là, rẫy chăm toại; mọc hàng hàng cỏ thụ như cây bút, cây nánh, cây ban đại**, cây gạo, chà

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

niêng, xà cừ... đứng sừng sững, soi mình trên dòng sông Tiên trong vắt.

Trước mặt hai đũa, băng ngang dòng sông Tiên là một dãy đá giăng gồm đá là đá đủ dạng đủ cỡ, màu xám trơn láng mượt. Nhiều nơi đá dựng cao, có chỗ thủng sâu xuống tận dòng nước sông. Đá là đá chông chất, chen lán, chèn ép nhau tạo nên những hình thù, hang động, lò nước; vài nơi xuất hiện dăm ốc đảo, trên mặt trải một lớp cát mịn trộn những đá bãi mỏng dính, cây cối mọc thưa thớt nhưng xanh tốt... Dòng sông ào ào chảy đến đây đụng vào thành dãy đá, luồn lách vào những hang động lộ thiên, vọt bắn mạnh lên cao, bọt nước tung trắng xóa, vang vọng bao tiếng ì ầm, rì rào, róc rách... Đây chính là dãy đá Lùng Thùng trong quần thể cảnh đẹp Lò Thung. Từ bờ sông Tiên nhìn ra, Lùng Thùng giống như một thành lũy đứng sừng giữa trời mây sông nước.

Kha nắm tay Thư cùng leo lên đầu dãy đá Lùng Thùng, rồi đi ra một ốc đảo nhỏ cách bờ không xa. Hai đũa ngồi trên một khoảnh cát vàng; thả chân thư thái buông xuống gần chấm dòng nước sông; lưng cùng nhau dựa vào một cội chà là, trên ngọn cây có nhiều tàu lá đan dày vươn ra, che một vạt nắng trời, khảm mát cho cả hai.

Đầu mùa xuân, nắng mai ấm áp trải khắp đó đây, nháy chớp trên con nước trôi bồng bềnh, lấp lánh trên những tàng lá còn đọng sương đêm. Trên hàng hàng lớp ghềnh đá, trăm ngàn đoá thạch hoa đủ màu đủ dáng chen chúc nhau khoe sắc, hai bên bờ sông muôn bông hoa đua nở. Hai đũa ngồi bên nhau giữa một rừng hoa; hoa tràn ngập trên bờ, hoa chen chúc

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

dưới dòng nước, hoa rộn rã trên gành đá, bông bênh trên con thác.

Dưới sông, một chiếc đò ngang đang rẽ dòng sang bờ, sóng nước lẫn tăn chập chờn. Một đám hoa ban trôi tấp vào sườn đá dưới chỗ hai đũa đang ngồi. Kha cúi xuống với tay nhặt mấy cánh, Thư ngửa bàn tay, Kha trao nàng một cánh.

Thư ngắm cánh ban màu tím mịn màng óng mượt, miệng trầm trồ:

- Đẹp quá! Lần đầu tiên, Thư thấy được hoa ban, thích làm sao.

Kha nói:

- Màu hoa ban tím đẹp và đáng yêu là vậy. Thế mà từ xưa nay chỉ có mỗi một chuyện tình hoa tím tan tác của thi sĩ Hữu Loan; người đời lại nỡ gán ghép cho màu hoa tím là biểu tượng điềm gở trong tình yêu lứa đôi thì thật là bất công, oan uổng.

- Thế thì màu tím thể hiện điều gì? Thư hỏi.

- Theo ý nghĩ của Kha, màu tím là màu tượng trưng cho tình bạn, tình yêu đậm thắm, trong sáng và thủy chung của lứa tuổi học trò.

- Vì đâu Kha nghĩ vậy?

Kha chẳng biết trả lời làm sao nên nói vòng vo:

- Vì, như Thư biết đấy, màu tím là màu kết hợp của màu xanh và màu đỏ; mỗi cánh ban lại có nhụy hoa màu trắng tuyết. Xanh là màu hy vọng, đỏ là thành đạt toại nguyện và màu trắng là trinh bạch nguyên vẹn.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Đến đây Kha nhẹ nhàng đưa tay khẽ nắm tay Thư. Hai đứa thoáng nhìn nhau âu yếm. Cả hai im lặng đôi lâu, Thư mới lên tiếng:

- Thế, ở đời này có mối tình hoa tím nào đẹp và chung thủy, Kha kể cho Thư biết với được không?

Nghe vậy, Kha mừng vì đây là dịp để nói với Thư những gì mình từng giữ kín trong lòng bấy lâu nay. Kha hớn hở, bắt đầu câu chuyện:

- Trên thiên đường luôn có rất nhiều loài hoa đủ màu, đủ hương sắc. Ngọc Hoàng có bảy nàng công chúa xinh đẹp, tài sắc vẹn toàn. Một hôm vua cha phán cho các công chúa, được phép làm chủ một loài hoa mình thích. Tùy theo thứ bậc, hầu hết các nàng lần lượt chọn những loài hoa mỹ miều vương giả. Cuối cùng còn lại nàng tiên út, nàng chỉ xin vua cha được làm chủ loại ban tím có hương sắc khiêm nhường nhưng dịu dàng và đoan trang. Một hôm nàng út xuống chơi chốn trần gian; nàng đem theo hạt giống hoa ban, ươm trồng nơi ven bờ một con sông. Chẳng bao lâu cây lớn mau, trổ nhiều bông hoa tươi thắm. Ở một ngôi làng ven sông này, có cậu học trò ra bờ sông dạo chơi, thấy hoa ban đẹp e ấp nên đem lòng yêu thích vô cùng. Ngày nào không ra ngắm được hoa, cậu ta cảm thấy lòng mình buồn nhớ ray rứt khôn nguôi... Nhưng rồi mùa xuân qua, hè, đông lại về, hoa ban rụng tàn. Cậu học trò nhớ hoa mà lâm trọng bệnh, bỏ ăn bỏ học. Trên thiên đường, nàng tiên út cảm thương tấm lòng chân tình của cậu học trò, nên viện cố xin vua cha xuống trần gian du lãm vài hôm. Nàng hoá thân thành cô gái nhỏ nhắn kết làm bạn thân thiết với cậu học trò hết mực yêu hoa ban tím của mình. Rồi thời hạn bốn năm ở trần gian

qua nhanh, nàng đành từ giả người bạn học trở về trời. Đôi bạn xa cách, người ở tiên cảnh kẻ chốn trần gian nhớ nhau khôn xiết, cả hai đổ bệnh tương tư. May thay duyên phận xếp đặt, họ lại có dịp trùng phùng đoàn tụ: Số là, hôm ấy ở dưới trần xuất hiện một hung thần khổng lồ; gã dùng phù phép tàn phá làng mạc, dòng sông và cả hàng hàng cây hoa ban của nàng tiên út đứng trên bờ sông. Ngọc Hoàng thấy vậy, sai bảy nàng công chúa tiên nữ xuống trần gian, hợp sức đánh đuổi gã khổng lồ. Sau khi dẹp xong hung thần, chỉ có sáu nàng tiên bay về trời; còn nàng tiên út quyết ở lại, hoá thân làm người con gái trần gian để đoàn tụ với người bạn học trò hằng thương yêu mình hết lòng. Kể từ đó, hai người nguyện ở bên nhau, chia ngọt xẻ bùi, sống thác có nhau, trọn đời nương náu cạnh dòng Thất Tiên tức là con sông Tiên này đây. Và tình yêu tiên-tục ấy, bà con làng Kha thường gọi là mối tình hoa ban tím là vậy.

Thư im lặng chăm chú nghe Kha kể mối tình hoa ban; câu chuyện đượm ít nhiều huyền thoại nên Thư có phần nào ngạc nhiên. Ngồi im thần thờ một hồi, Thư vỗ hỏi Kha:

- Chuyện đã xưa, đến nay chắc đôi vợ chồng tiên tục hết đời mãn kiếp lâu rồi, phải không?

Kha nhìn Thư thân thiết, vừa cười vừa lắc lắc đầu, vui vẻ trả lời:

- Không, không đâu. Hai người còn sống, vẫn trẻ trung, nàng như ở tuổi đôi tám trắng tròn còn chàng như chưa đến đôi mươi.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- ...vẫn còn sống, vẫn trẻ trung... Chuyện lạ đời, khó hiểu quá!!!

- Chẳng có gì khó hiểu.

- Do đâu?

- Vì người học trò ấy học được phép tiên của người yêu nên cả hai đều không có tuổi, nghĩa là họ sống đời đời kiếp kiếp trẻ mãi không già.

- Thế bây giờ họ sống ở đâu?

- Ở đây. Muốn thấy họ, không cần đi đâu xa; ta chỉ cần nhắm mắt lại, lòng ta thành kính cầu xin là thấy liền.

Nhìn Thư mắt chớp chớp cảm động, Kha liền nói tiếp:

- Hai đứa mình bắt đầu cầu xin, phải không?... Nhớ thành tâm nghe Thư.

Kha vừa dứt lời, quay sang đã thấy Thư nhắm nghiền đôi mắt, chấp tay, miệng khấn lâm râm. Thế là Kha vội nhắm mắt làm theo; miệng khấn to nghe rõ mồn một. Một lúc sau Kha mở mắt ra, nói lớn:

- Kha thấy rồi Thư ạ.

- Kha thấy thế nào? Chứ Thư chưa thấy chi cả.

- Kha thấy người học trò hiện ra giây lát rồi hoá thành đám mây xanh nhập vào Kha, còn nàng tiên thì thành mây hồng nhập vào Thư. Cả hai mách bảo với Kha rằng, vì cảm thương hai ta mãi giữ được tình bạn gắn bó bền lâu, nên họ hoá thân vào hai đứa và luôn phò hộ chúng mình...

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Nói chưa trọn câu hết ý, Kha ngưng bật. Thư cúi đầu im lặng đôi lâu, rồi ngược lên e ấp nhìn Kha nhỏ nhẹ nói:

- Thư chưa thấy họ, hãy chờ Thư cầu nguyện tiếp.

Nói vừa xong, Thư liền chấp tay... Một lúc sau mở mắt ra, Thư vui cười nói như reo:

- Thư thấy rồi, thấy họ mách bảo với Thư như thể với Kha vậy.

Kha vui quá, nắm hai tay Thư, nhìn sâu vào mắt nàng, tươi cười nói:

- Thế đó, chẳng phải hoa ban là biểu tượng cho tình bạn, tình yêu trong sáng đậm thắm thủy chung của lứa tuổi học trò là gì.

Ngập ngừng một đôi, Kha tiếp lời:

- Chẳng hạn như mối tình của...

- Của ai vậy? Thư hỏi.

- Của Kha với...

- Của Kha với người nào thế?

Kha đỏ mặt tía tai, nói lên nỗi lòng thật thà của mình:

- Tình của Kha thương yêu người ngồi bên cạnh đó mà.

Nghe mấy lời Kha thổ lộ tình cảm. Thư ngồi im lặng cúi đầu, lòng dạ băng khuâng khôn tả, nghe tim mình đập hỗn loạn rối nhịp. Biết phải nói lại với Kha sao đây.

Thư thầm nhớ những năm tháng Thư còn nhỏ dại lắm, theo gia đình tản cư, sống ở miền quê trung du lạ lẫm, lắm khổ ải.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Thư chỉ có mỗi một mình Kha là đứa bạn thân thiết. Quãng thời gian ấy, có những lần Thư bị đám bạn học trò xéo xắt ăn hiếp ghét ghê vô cớ; có những lúc máy bay Pháp oanh tạc hoặc những khi gặp chuyện chi lo buồn đều có Kha ở cạnh, bên vực giúp đỡ an ủi Thư hết mình. Hai đứa sống trong cảnh nghèo khó, bom đạn chết chóc thường trực nên sớm khôn lớn, hết mực thương nhau và có biết bao kỷ niệm thân thương. Rồi phải xa cách, nhưng tình bạn tình thương đối với Kha vẫn nguyên vẹn trong lòng Thư mãi mãi và luôn mong đợi có ngày gặp lại Kha. Và bây giờ, ngày ấy là đây, là ngày hôm nay... Hãy nói lời thương yêu Kha lúc này, chứ biết đâu mai sau, sẽ không còn dịp nào khác...

Thấy Thư mãi trầm tư, Kha lại lên tiếng:

- Thư nghĩ gì thế?

Thư vừa cười vui, khẽ nói:

- Thư nghĩ, là phải hỏi, người ngồi bên cạnh Kha là cô nào và tên gì vậy. Nói cho em nghe với?

Kha mặt mày đỏ bừng, gượng bình tĩnh đưa tay chạm vào vai Thư, trấn tĩnh nỗi lòng mình:

- Là... là... cô Thanh Thư của anh ở đây.

Nghe vậy, nàng định nói lời tha thiết dành cho Kha, vậy mà không sao thốt lên được. Nhưng cuối cùng Thư cũng đơn sơ trải được lòng cho Kha rõ, Thư nhỏ nhẹ:

- À ra thế..., em thấy vui làm sao, Kha ơi!

Kha đưa tay nắm tay Thư áp lên ngực mình, một tay ôm choàng Thư vào lòng; Thư nghiêng đầu tựa vào vai Kha. Cả

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

hai ngồi sát bên nhau, cùng đưa mắt nhìn xuống, dòng nước sông đang vội vã cuộn cuộn chảy về phương nào, tưởng chừng xa thăm mù tăm.

Trời càng về trưa, nắng lên thêm rạng rỡ. Đâu đây tiếng chim hót, tiếng bầy vượn gọi đàn, tiếng con nước vang, lá cây xào xạc... tất cả hòa quyện vào nhau nghe sao mà yên bình, vui thú làm sao. Từng cơn gió cứ thay phiên đổi chiều thổi tới, làm se se lạnh. Hai đứa ngồi xích lại gần nhau thêm. Những lọn tóc Thư bay bay, vương vất vào mặt, vuốt nhẹ trên cổ Kha; hơi hám da thịt hai đứa, hương tóc Thư thoang thoang, hương của cây cối hoa lá, mùi của sông nước... quyện vào nhau. Hai đứa ngồi lặng im chờ đợi.

Lại một cơn gió mạnh đâu từ cánh đồng nà gần bờ sông thổi tạt tới, mấy tiếng súng nổ xa xa vọng về, làm hai đứa sợ hãi. Dưới sông, thêm một đám hoa ban rụng, trôi dạt vào phía gành đá, bị dòng nước nồm nả cuốn vào một hang động lộ thiên, khiến những cánh hoa xoay chuyển theo con nước, uốn vòng, uốn vòng... rồi mới thoát ra được vực dưới, từng cánh hoa cứ nối nhau quay tròn..., mãi đến lúc bị một dòng xoáy nhận chìm tức tức giữa con nước cuồn cuộn vội vã.

Thư ngắm những bông hoa chìm nổi dưới sông, không biết nghĩ sao, nàng bồn chồn sa sầm nét mặt, nước mắt đọng đầy, chực khóc.

Thấy Thư vậy, Kha cảm lòng không đau nhưng giả đò phớt tỉnh lo tìm cách giúp nàng khuây khỏa nỗi buồn. Kha nghĩ ngợi một lúc, đưa tay nắm chặt tay người thương, giọng nhỏ nhẹ:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Hãy đứng lên, chúng mình đi dạo xem, Kha chỉ Thư thấy những chỗ này đẹp và khác thường lắm.

Thư theo chân Kha dạo chơi dọc theo bờ con sông Tiên. Nào là đứng trên cao nhìn khắp thắng cảnh Lò Thung; rồi cùng đi nhau leo lên một bờ gành đá, ngắm dấu chân gã hung thần khổng lồ; nào là đi lên gần đầu con sông, đến bên thác Dốc, ngắm những dòng nước nổi nhau đổ ầm ầm đâm vào thành đá, tung bọt nước vút cao dưới ánh nắng mặt trời, tỏa sáng lấp lánh như bao chùm pháo bông nổ bung trong những đêm lễ hội lớn...

Được ngắm nhìn phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp, lại gần gũi bên người mình thương yêu, Thư quên đi nỗi buồn ray rứt vừa qua, niềm vui tươi yêu đời lại ủa về.

Bóng chiều chóng tà, ngày vui qua mau. Kha với Thư hôn hờ nắm tay nhau sánh bước đi về. Hai đứa đã trải qua một ngày hội ngộ đông đầy hạnh phúc.

Nguyễn Đình Tì Lam

**** Cây ban đại:** Một loại cây hoa, xưa kia rất hiếm, thỉnh thoảng thấy mọc tự nhiên ở ven đồi rẫy, sông suối... Cây này còn có tên khác là cây bằng lan đại.

***** Sông Tiên:** Một trong hai con sông của huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Sông Tiên có dòng nước chảy ngược, có thắng cảnh Lò Thung với những dấu chân gã khổng lồ huyền thoại... Nằm gần sông Tiên có làng cổ Lộc Yên thơ mộng, có phố huyện Tiên Kỳ, có nhà xưa của vị khoa bảng - tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng, ...



Nước Mắt Ngà

**tùy bút phạm tương như*

Mưa tháng tư nước mắt ngà, quê hương gãy đổ cửa nhà tan hoang. Từ Cà Mau đến Nam Quan, dân tình đói khổ lắm than mọi bề. Người hại người lắm nhiều khê. Nhà tù khắp nước, phu thê chia lìa. Đi đâu cũng thấy mộ bia, mồ chôn tập thể bên kia hận thù. Thông minh phải giả đui mù, thành phần trí thức viễn du xứ người. Dân liều chết vượt biển khơi, xuyên rừng tìm sống ở nơi thanh bình. Vượt về thành tạo điều linh, xã hội điên đảo niềm tin chết dần. Đảng cầm quyền chỉ hại dân, lũ giặc phương Bắc hiển dăng biển rừng.

Nước mắt ngà giọt rung rung, khóc thương vận nước muôn trùng nỗi đau. Bao gia đình phải xa nhau, bao người vô tội máu đào tuôn rơi. Tình duyên tan rã hai nơi, nhớ nhung tràn biển, đầy trời mây tan. Dân Việt Nam chạy tan hàng, miễn sao tránh khỏi làm đàn tù nhân. Người khôn bị kẻ ngu đàn biến thành bị trị hiện thân thú cầm. Tự Do là cõi bình an, nhưng phải trả giá bằng ngàn nhớ thương. “*Không đâu đẹp bằng quê hương*” mãi trong trí nhớ bình thường người ta. Những người

bỏ xứ đi xa, con đường Dân Chủ hóa ra trọn đời. Mai này lỡ bỏ cuộc chơi, hồn phi phách tán biết nơi đâu về. Tuổi già tìm lại chân quê, thấy nơi xa lắt hồn quê tình người. Con sông bên nước em ơi! Sân trường cửa lớp một thời thanh xuân. Áo dài nón lá băng khuâng, hoa bằng lăng, dáng phượng dâng tình hè. Nhớ lần em khóc tái tê, tiễn anh vào lính... đi về biệt tăm. Bây giờ em quá xa xăm, làm người dân Việt bao năm tủi sầu. Việt Nam nghèo nhất năm châu, Tự Do Dân Chủ càng thua mọi người. Đảng giàu dân nô lệ thôi! Bao giờ tuổi trẻ dựng cờ đấu tranh? Mùa hè sôi nắng mong manh, xé bao tờ lịch cũng đành đợi trông, ngày về quê với dòng sông, tắm sông tuổi trẻ như lòng khát khao. Chắc anh sẽ nhớ dạt dào người yêu năm ấy biết bao ân tình. Một Miền Nam rất thanh bình, như hồn đôi lứa, như tình đôi ta.

Chiều rơi giọt nước mắt ngà, rụng từ sương sớm đêm qua phủ sầu. Chùng như màu lá trở nâu, từng cơn mưa bụi mùa ngâu ướt tình, hay là vì ở một mình, nỗi lòng cô phụ trung trinh nhớ người. Làm sao nổi được nụ cười, từ màu son đỏ đôi môi cắn giòn. Người về hái nụ héo hon để con bướm đậu vẫn còn luyến lưu. Gió chiều thổi phien phù du, cuốn trôi dáng nắng rồi mù lòng ta. Nàng ngồi rót ấm châu sa, thương đôi mắt đỏ ngầu pha khói tình. Chắc gì cũng nhớ oằn mình từ câu nhẩn vội vô hình làm đau. Lòng chùng nhớ chuyện xưa sau, rồi bỗng ký ức vòng cầu lắt lay. Mùa thương cháy đốt ngón tay, thiêu bao khát vọng thả bay cuối trời.

Nàng ngồi đếm giọt sầu rơi, lòng lạnh phù phiếm còn ngời pha lê. Đếm chi câu hát, lời thề, tơ giăng lưới nhện làm thê thiết buồn. Con tim, ánh mắt là nguồn, ngọc ngà pha lệ sầu tuôn thấm đời. Tím bầm mây thăm chiều rơi, biết bao tâm sự

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

chưa rời vòng tay, nỗi lòng như bông cỏ may, chỉ chờ thoáng gió giải bày tâm tư, gió làm bay bông tờ thư, rồi tung ký ức nhuyễn như thịt da. Nhật từng chuỗi hạt sát na, kết bao nỗi nhớ ta bà uống công. Hôm qua mưa, thấy cầu vòng bắc ngang màu sắc tầng không sắc màu.

Một mình đứng dựa niền đau, chân chưa ngã quy xanh xao đáng hình. Gương soi thấp thoáng bóng mình, một thân xuống thấp gia đình trên cao. Cố ngăn giọt nước mắt trào, gói bao sai quấy cời trao cho người. Trời tình trăm ánh sao rơi, sao ơi chớ rụng toi bởi nỗi ta... Đêm chi giọt nước mắt ngà, thả theo sông suối chảy ra biển chờ. Một mình ngắm biển rồi mơ thuở xa xưa ấy nỗi thơ thành vắn, nỗi tình cột mối băng khuâng, ta và người ấy cũng cần có nhau, nhớ con trong dáng xuân đào, chạnh nghe cát bụi hư hao cuốn đời... Chiều rơi! Giọt lệ chiều rơi! Bài ca ai hát người ơi biết gì? Tìm đâu được nét xuân thì mà rao bán vội mỗi khi giận hờn!

Ai cần gác tía lầu son sao không là biển thề non hẹn cùng. Cũng đừng nói chuyện tình chung, mặt trời cách biệt mặt mừng khùng trắng. Đôi lòng núi cách sông ngăn, hắt hiu bạch lập bóng tràn đêm đen. Tím lòng buồn đã lên men, say cơn mộng my bon chen được gì? Đời người như cánh chim di, bay qua biển núi hồi đi lúc về. Cánh cò mấy dặm sơn khê, có nghe thời khắc mãi mê theo cùng. Chọn gì trong bóng đường cùn, hỏi tình còn có chân dung dễ nhìn... Hỏi ta chỉ biết lặng thinh và người như lá trở mình gheo trôi, gió nào hiểu ngọn đèn khêu mà mong thổi tắt tim yêu lửa bùng.

Nàng là tranh vẽ trong khung, áo may vạt hở vai chùng chi tơ; đâu rồi hoa dệt thêu thơ để bao phiền nặng rụng mơ xuống

chiều. Dáng nhìn trăm nỗi đắm chiều, thấy câu thơ lửng mỵ miều treo vai. Có gì tóc chảy rẽ hai, bên bồi bên lở ai bày trở trêu. Tim yêu còn gõ nhịp đều mà sao trong dạ pha nhiều đắng cay. Ngoài trời vạt nắng tàn phai, làm sao nhạt được cả hai mảnh sầu. Có gì mắt có mưa ngâu, giọt ngà rót muện rơi đầu cũng buồn.

Nàng vừa cắt đứt dây chuông, tiếng ngân điệu nhớ vỡ tuồng hát rong, đêm qua ai đốt lửa lòng, cháy loang cảm xúc giữa dòng châu sa, sương mù sụt mướt cỏ hoa còn nghe tiếng lá khóc và giọt rơi. Hương đêm vị đắng bờ môi, gọi khan lời gió nghe trời trở trăn. Bốn tường chấn rối chiều chẵn, nghe giun đẻ trách thở than muện phiền. Có gì nước mắt rơi điên, nỗi cô đơn đến dỗi hờn trách ai? Một mình góp nhặt u hoài, còn ai khóc mướn thương vay kiếp này. Người về gió thoảng mưa bay còn đây nắng bụi tháng ngày khát khao. Người đi ai đếm hư hao, giật mình tiếc tuổi tuổi nào đã qua... Chiều rơi giọt nước mắt ngà, rung rung lệ ứa nhạt nhòa khăn lau. Ước gì, được ước gì sao? Lau giùm nước mắt đau đầu giọt buồn...

Và ta gầy cánh chuồn chuồn rơi vào trứng ướm rách bướm áo đời. Bài thơ hát dạo không lời, thấy trong tâm nín một trời thơ bay. Mắt ngời lệ ngấn làm say, ta và nước mắt khói cay cũng đành. Giữa trong thời khắc mong manh, đôi vai ta đã sẵn dành riêng em, nghiêng đầu tựa gối ru êm, ta nghe nước mắt rơi mềm hai vai... Ừ thôi đừng có ngày mai, hôm nào rồi cũng chiều nay ngát chiều... Ừ thôi đừng có đắm chiều, đừng để dáng nhỏ liêu xiêu bước hờ... Ừ thôi đừng có mong chờ, bóng câu qua cửa ngu ngơ trở mình. Em cười chim hót bình minh, nghe nắng trải lụa rước tình sang chơi. Nghe thơ phổ nhạc gọi

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

mời, vòng tay rộng mở trùng khơi về gần. Dòng đời như áng phù vân, ta như đầu gió theo chân mây về.

Thơ em bến cũ hồn quê, ca dao ta hát vỗ về giấc đêm. Gối đầu lên cánh tay mềm, em rơi nước mắt bên thềm trăng tan. Lắng nghe cây hát trên ngàn, chừng như phấp phới gió khảy đàn ru em; nụ môi vừa đón bướm đêm, triệu muôn giọt nhớ qua tim bồi hồi. Mưa thay nước mắt một thời, ta vừa hứng được sao trời mắt em. Mở từng ngón tay ra xem, sao em lại khóc ướt rèm mi cong. Mắt tình đón nửa nụ hôn, nửa trên môi chín nửa hồn thương trao. Nửa xưa cùng với nửa sau, níu tay hạnh phúc trâu cau chung cùng.

Bài thơ nhật ký viết chung, chỉ là thơ thân chân dung đáng tình, tặng người đời vốn hữu hình, dù chân thật, có trăm nghìn nỗi đau. Trái tim chan chứa muôn màu, rằng đi rằng ở vẫn cao ý tình. Với tay hạnh phúc bên mình, nợ em vết xước trung trinh ngóng chờ. Nợ em nốt nhạc, hồn thơ. Người về phương nhớ bến bờ còn đây... Người về ru gió trên cây. Ta về hỏi lá còn say giấc đời. Lục bát tình, lục bát ơi! Gieo vắn câu sáu gọi mời câu sau, ý tình tám chữ đầu đầu vẫn còn câu sáu gói đầu vì nhau. Tim yêu sáu tám mặn đào, máu cùng nổi mạch khi vào vườn thơ. Ta, em kẻ đợi người chờ, mai sau duyên nợ ai ngờ mai sau... Thì xin chỉ một lần đầu, yêu là khổ lụy có sao vẫn chờ! Thì xin góp nhặt lời thơ, chiều nay sáu tám lững lờ bay xa...

Giọt chiều rơi nước mắt ngà, nghe đời ướt dột bóng tà huy xưa!

Phạm Tương Như

Còn Đó Sông Hồ

Túy hà

Lộ lạng lẽ bước qua vương sơn nhỏ, khi ánh nắng chiều như còn muốn níu lại hơi thở ngày trên màu vàng rực rỡ của hoa Vạn thọ đang mùa nở rộ. Bên bờ gậu đầy hoa dâm bụt đỏ, vẫn như thời con gái Lộ vẫn thường lấy hoa cài tóc, là một chút điểm trang quê mùa mộc mạc. Lu nước màu da lươn đặt ở đầu hồi, chân rêu phủ kín, mái tranh thấp toí tả, bạc màu vì mưa nắng vẫn che ngang hai cánh cửa mộc thô. Cây khế bên hông nhà đã cao hơn trước, cành nhánh vươn ra như che chở cho mái nhà nhỏ nhoi khiêm tốn mà một thời Lộ đã vào ra. Trong cái tĩnh mịch của chiều tà chỉ còn thiếu khói lam vờn ra từ chái bếp và tiếng chuông nhà Chung không còn ngân xa trong gió. Lộ thẩn thờ đẩy cửa bước vào cái thế giới của chính mình ngày xưa.

Ngày ấy, Lộ là một cô bé sinh ra trên sông nước, sống với gia đình trên một chiếc ghe, hai mùa xuôi ngược mua bán trái cây tươi từ Vĩnh Long, Nha Môn, Vàm Cống lên bến chợ Bình Tây trao đổi hàng hóa hai chiều. Năm lên tám, món quà Ba cho là một cuốn sách học vỡ lòng và chiếc kẹp tóc bằng nhựa chạm hình hoa dâm bụt đỏ.

Từ đó gia sư của Lộ là Cậu Tám Tàng, người duy nhất trên ghe có bằng Tiểu học, chuyên phụ trách việc giao hàng, tính sổ. Lộ thông minh, học một biết hai, thoáng một cái đã

biết đọc biết viết, trở thành niềm hãnh diện cho ba mẹ vì cả hai ông bà chưa qua khỏi lớp ba. Sau đó, không hiểu vì tương lai của Lựu hay vì một hoàn cảnh riêng, Ba mẹ Lựu quyết định già từ sông nước và mang cả gia đình trôi dạt vào Chợ Cầu - Bà Điểm Hóc Môn. Mua đất dựng nhà, theo nghề trồng hoa bán Tết. Từ đó là những ngày vui, trên là vườn cây ăn trái, dưới bến thuyền neo, Lựu nhớn nhoe cùng hoa trái và buồn vui với sông nước bên nhà. Lựu vào tiểu học năm lên mười.

Lê Thị Lựu bây giờ trên giấy Thế Vì Khai Sinh là Lê Thị Ngọc Liên, vừa lấy bằng Trung học Đệ nhất cấp. Huân là gã học sinh lười biếng vừa ghi danh vào trường Luật mộng mơ.

Liên và Huân quen nhau ở bánh mì Bưu Điện. Trước mắt Huân, Ngọc Liên là một thiếu nữ đồ sộ, vâng- cô ấy to quá khổ so với những người cùng tuổi. Hôm ấy Ngọc Liên đi cùng cô bạn, đeo nhau trên chiếc xe Velo Solex mới toanh. Thế nhưng, xe mới mà khi khởi động máy không nổ. Huân lại xuất thân từ Trường dạy máy nổ đường Cao Thắng (Thật ra gia đình Huân làm nghề ấy, riêng chàng thì lại chả biết gì).

Huân vốn thích những gì đồ sộ, chàng bèn làm một đường anh hùng cứu mỹ nhân. Quả thực là chó ngáp phải ruồi, khi Huân thử xem lại máy xe, thì hóa ra chỉ là sợi dây bugie bị sút. Huân chỉ cần cắm vào, đẩy một đoạn lấy trớn là máy nổ. Ngọc Liên cảm ơn Huân rồi rít và dĩ nhiên là đã có một hẹn hò.

Những chiều Thứ Bảy, áo muôn màu tung bay trong gió như riu rít gọi nhau trên vỉa hè Lê Lợi, tay trong tay ngậy ngát hương bay. Kem Hà Nội, nước mía Viễn Đông, bò bía lề đường là những niềm vui bất tận. Cinema Vĩnh Lợi thăm chớ che cho những nụ hôn ngọt hơn gấp bội mặt đường. Cứ thế tình yêu đến không lời bày tỏ mà vẫn là quán quít không thôi.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Những chủ nhật Huân mò lên Chợ Cầu - Bà Điểm chỉ để lên nhìn Liên theo Mẹ đi lễ nhà thờ, những tiếng chuông ngân như thúc giục Huân xưng tội- có tội gì đâu ngoài tội yêu Liên. Và khi Liên thấy Huân thập thò đầu đó, nàng vờ quay đi giấu một nụ cười.

Bên phía trái của Nhà thờ Đức Bà (đối diện Bưu Điện) là Trung Tâm Thánh Linh, một cơ sở giáo dục của Công Giáo. Ở đây có một sân cỏ lúc nào cũng xanh tươi được chăm sóc cẩn thận, có hàng ghế đá cho bộ hành dừng chân. Chiều chiều các cụ ông cụ bà thường rủ nhau ra đây ngồi cầu nguyện. Tượng Đức Mẹ đỡ quả địa cầu lúc nào cũng ngược mặt lên trời cao như cầu xin an bình cho nhân thế. Huân và Liên vẫn thường ra đây gọi là ôn bài luyện chữ, thật ra đó chỉ là cái cớ để được gặp nhau. Chàng và nàng thường chọn bãi cỏ sau hàng ghế đá để được kín đáo phần nào. Những nụ hôn tình yêu nở hoa trên thảm cỏ xanh biếc và sáng ngời ước vọng. Họ chia nhau từng ổ bánh mì buơu điện, từng ly cà phê từng cốc chanh đường dưới những tàn me dọc đường Nguyễn Du. Đôi lúc tay trong tay xuôi về đường Cường Để, hạnh phúc choáng ngợp cho một cặp bất xứng thường gọi sự tò mò cho khách nhàn du. Bởi lẽ Liên kém tuổi Huân nhưng lại to cao hơn chàng; bên cạnh nàng Huân như cậu em tinh nghịch lúc nào cũng thích bá cổ quàng vai. Sự tình cò lại trùng hợp với mơ ước của Huân, chàng vốn thích mẫu người đầy đà khoẻ mạnh. Liên không đẹp nhưng lại có cái duyên ngằm ở nước da màu bánh mật, nàng lại không hề mặc cảm khi cúi xuống đời Huân. Có lẽ do xuất thân từ sông nước giang hồ, qua nhiều bến bãi đã khiến nàng mạnh dạn hơn trong cuộc sống. Tình yêu của hai người chỉ dừng lại ở những nụ hôn thầm, những vòng tay siết chặt phủ ấm cho nhau, đôi khi Huân cũng muốn đi xa hơn

một tí và Liên dường như cũng sẵn lòng. Nhưng không hiểu sao Huân lại cứ lúng túng vụng về quá đỗi. Và cũng chính vì sự vụng về ấy mà dục tình đã không làm lem lấm đòi nhau. Thế nhưng với Huân là mãn nguyện còn Liên thì dường như không dần được những khát thèm.

Mùa đông năm ấy, tự dưng những cơn mưa nhiệt đới không còn là mưa rào chợt đến chợt đi mà là mưa dai dẳng thúi đất ngập sinh. Liên gõ cửa nhà Huân vào lúc trời đang mưa nặng hạt, mở cửa Huân không khỏi bàng hoàng, Liên như con mèo ướt run lên vì lạnh và quần áo ướt sũng dính chặt vào da thịt ở những chỗ lẽ ra phải được che kín. Thú thực Huân chỉ liếc qua và vội kéo nạng vào trong không kịp khép cửa cài then.

Liên ôm cứng lấy Huân và khóc ngất. Sau cơn mưa trời không sáng vì đã về đêm. Lúc ấy Liên cho Huân biết Ba nàng vừa bị bắt không hiểu vì lý do gì, mẹ nàng biệt tích đã hai ngày. Còn Liên như đang bị bó cứng trong bộ quần áo ngủ của Huân khi những giọt nước mắt vẫn lặng lẽ rơi xuống bờ ngực căng phồng không cài được cúc. Ngoài kia những giọt mưa còn sót lại từ chiều vẫn gõ nhịp trên mái tôn như một lời thúc giục. Đêm ấy Huân, gã trai tân được nếm mùi trái cấm từ Liên, bằng dăng hiến nhiệt tình và từ Huân với những vụng về non dại. Thực tình Huân đang sợ một điều gì không hiểu. Còn Liên nước mắt đã cạn khô và dường như không có việc gì xảy ra trước đó. Chuyện xảy ra hoàn toàn khác hẳn với những gì Huân biết về yêu đương qua những lời chỉ bảo của đàn anh.

Sáng hôm sau khi Huân thức dậy thì Liên không còn bên cạnh, trên bàn lưu lại một mảnh giấy ghi vồn vẹn mấy chữ: “Gởi Huân, e rằng chúng ta sẽ không gặp nhau nữa. Liên cảm

ơn và mãi mãi nhớ Huân, đừng bận tâm suy nghĩ điều gì. Đừng nhớ Liên và cố gắng trở thành Luật Sư để mai kia biết đâu còn có dịp giúp Liên. Nhớ đừng tìm Liên và đừng nói với ai Liên đã ở nhà Huân.” Chỉ có thế.

Huân đã ngất ngư những mây tháng trời, bình bông trong nỗi nhớ, khắc khoải trong kiếm tìm vô vọng. Sông nước giang hồ một lần nữa lại đưa Liên đến bến bờ nào.

Sài Gòn năm ấy, những ngày sôi động, sinh viên học sinh liên tục xuống đường với khẩu hiệu là chống độc tài quân phiệt. Một hôm, ở khuôn viên trường Luật đang có cuộc tranh luận về việc trách nhiệm lãnh đạo Tổng Hội sinh viên. Từ tranh luận đến xô xát, có tiếng súng nổ và một sinh viên ngã xuống. Phát súng ấy lẽ ra do chính Liên bắn ra nhưng nàng không bắn vì trên ban công Liên đã thấy Huân và ai đó đã bắn thay cho nàng. Như vậy nhiệm vụ không phải chỉ giao cho mình Liên. Dĩ nhiên trước tổ chức mà nàng đang tham gia, Liên đã bị khiển phạt nặng nề vì không chu toàn nhiệm vụ. Nàng bị khai trừ nhưng không hiểu do sự can thiệp nào Liên lại được bí mật đưa sang Đông Đức du học.

Khi bức tường ngăn cách Đông Tây Bá Linh sụp đổ, trong dòng người vượt thoát đầu tiên có Liên. Nàng trở thành con nuôi một nhà giáo hiền lành. Sau khi tốt nghiệp đại học, Liên lập gia đình với một kỹ sư cầu cống (cũng là sinh viên du học từ Đông Đức). Nhưng không lâu chồng nàng bị thủ tiêu trên đường phố, vì viên kỹ sư này lại là trùm một băng buôn thuốc lá lậu.

Phản Huân, cũng không khá gì hơn, chưa xong năm thứ nhất đại học thì phải lên đường nhập ngũ. Huân về đòi Tăng Nhơn Phú học đánh nhau. Từ đó đời lính đã đưa đẩy Huân đi

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

khắp bốn vùng chiến thuật cho đến ngày dứt phim. Gia đình Huân theo tàu Trường Xuân ra khơi, còn Huân vì nặng tình đồng đội nên vào tù.

Sài gòn 1985 Huân trở thành phu khuân vác tại bến Hàm Tử. Huân chọn nơi này vì vẫn thầm mong một ngày trên ghe lái trái cây biết đâu lại chẳng gặp Liên. Đó là chút hy vọng cuối cùng của người lính cũ.

Liên bước khá nhanh khi vượt tấm ván nổi ghe với bến khiến cậu Tám Tàng theo sau cũng phải hoảng hồn; và vì khá nhanh nên đã không kịp tránh người phu khuân vác đang oằn vai vì một cần xé dừa tươi. Liên loạng choạng, cậu Tám Tàng hốt hoảng nhưng một cánh tay đã kịp níu lấy Liên và cần xé dừa thì rơi xuống nước.

Hai người đối mặt nhau trong một quán lá bên bến sông Hàm Tử. Không ai nói được lời gì. Trong mắt Liên dường như có cát chạy, đầy lệ rơi một cách vô tư. Trong khi Huân thần thờ cúi mặt, những năm tháng tù đầy và trở về đời cơ cực, Huân đã biến dạng khá nhiều, râu tóc mọc đầy, nước da sạm đen và khét nắng, đôi mắt buồn lúc nào cũng nheo nheo như muốn tránh nhìn cảnh đời thay đổi. Chiếc áo nhà binh bạc phéch không cài cúc để lộ những thớ thịt đã săn lại thành gân vì ngày nối ngày phải gồng mình dưới sức nặng hàng hóa. Liên khẽ chạm tay vào ngực Huân, mồ hôi muối dính trên tay nằng. Huân đưa tay chặn lại và tay lại trong tay. Trong khi nước mắt Liên vẫn từng giọt vẫn dài.

* * *

Liên ạ! Em có biết là em vẫn mãi mãi trong anh, ngày xưa anh vào lính cũng chỉ vì nhớ em, không học được nữa và qua

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

được kiếp tội tù, vì anh vẫn tin có ngày sẽ lại gặp em. Về đời chấp nhận làm phu khuân vác ở bến hàng Bông vì anh vẫn luôn hy vọng sông hồ sẽ gọi em về. Bây giờ tái ngộ anh mãi nguyện lắm rồi, không mơ ước gì hơn. Nhưng khốn nạn thay chúng ta lại trở thành hai thế giới khác biệt, em vui sống ở trời Tây, còn anh đây thực tế là như vậy đây. Chỉ là người phu khuân vác trên bến sông buồn.

Điều thuốc trên môi Huân đã được Liên đưa tay nhẹ nhàng lấy xuống. Thay vào đó là bờ môi dày mọng nước, dường như tích lũy những khát khao nay có dịp giải tỏa những dồn nén. Môi tham lam, môi ngọt lịm, bờ môi thương nhớ vẫn như xưa. Đó là câu trả lời của Liên trước những ưu tư mà Huân vừa lên tiếng. Huân biết thế, và máu lính trong chàng trào dậy. Huân quay ngang người ôm chặt lấy hình hài Liên, đôi bầu vú như hỏa sơn căng lửa ép chặt lấy bờ ngực gân guốc của chàng. Môi lại tìm môi và Huân cúi xuống, giật tung tấm đắp để thấy rõ Liên lồ lộ rạng ngời, đam mê và dục vọng đã thay lời cho những ưu tư.

“Anh ạ, em muốn có con - Có con thật ư - Đúng thế để em dạy cho chúng cách nhổ râu cho Bố. Những cọng râu đang làm em nhột đây này.”

Dấu chỉ của hạnh phúc thật ra nằm trong những lời đơn giản, nhưng để có được e rằng phải kinh qua nhiều lắm gian nan. Huân nhủ thầm, “Đoạn đường chiến binh của chính mình sẽ còn tiếp tục.”

Anh đang nghĩ gì vậy? Liên hỏi khế.

- Anh đang nghĩ xem làm sao rồi em ra để đi mua bút chì về kẻ lông mày cho Triệu Minh đây.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Anh nè, ai dạy anh lẻo mép dzậy.

Là Đời Lính, đời Lính đã dạy anh đủ thứ, nhưng thứ quý nhất là:

- Anh phải yêu em, như người phải mãi biết thương người. Đó chính là lẽ sống là những sắc hoa rực rỡ của đời thường.

Cám ơn em, cám ơn đời, đã cho người gặp lại được người và để cho những con tim được vui trở lại. Hạnh phúc gần vẫn níu được tình xa.

Túy hà



Truyện ngắn

Xuân Về Vắng Cha

Diệp Mỹ Linh



Bà Năm đưa 3 cây nhang gần chạm trán, khấn, “*Lạy thổ thần đất đai và cô hồn các bác, hôm nay là 30 Tết, con cầu xin thổ thần đất đai và cô hồn các đẳng phù hộ cho con của con – tên Cúc – làm ăn phát đạt, gặp được người xứng đáng. Nếu lời nguyện của con được linh ứng, con sẽ xin cúng một con gà.*”

Cắm nhang xong, quay lại, thấy Bảo và Thảo đang nhìn bà chăm chăm, vì chưa bao giờ thấy ai cúng và lạy, Bà Năm nạt:

- Nhìn cái gì? Bộ lạ lắm sao?

Hai đứa bé sợ, vừa nhìn nhau vừa bước lui vào phòng, đóng cửa lại. Mẹ của Bảo và Thảo từ trên lầu đi xuống, bà Năm bảo:

- Cúc! Từ ngày tụi mày bảo lãnh tao qua đây tới giờ, đã mấy tháng rồi, mà hai đứa nhỏ cũng “ì” cái mặt tụi nó ra. Tao là bà Ngoại của tụi nó “chớ bộ” tao là... “cứt” sao!

Nhờ sống ở Mỹ khá lâu, ngôn từ và suy nghĩ của Cúc không còn như thời Cúc mới được sang Mỹ theo diện hôn phối, sau khi thành hôn với Đạm. Cúc đáp:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Tụi nó mới bốn năm tuổi, biết gì đâu mà Má nói thấy ghê!

Ghê gì! Mày không dạy tụi nó tiếng Việt thì tụi nó đâu biết Ông Bà của tụi nó là ai; bởi vậy, tụi nó cứ gọi tao là *you* rồi “trơ mắt” nhìn, coi tao như... “cút”!

- Tụi con đi làm suốt ngày, thì giờ đâu mà dạy tụi nó tiếng Việt. Tụi nó không hiểu tiếng Việt; Má không biết tiếng Anh thì chịu thôi.

- Thằng Đạm lấy mầy thì nó phải “cung phụng” mầy; “mắc mớ gì” mầy phải đi làm?

- Nếu con không đi làm, ai gửi tiền về cho Má và họ hàng suốt bao nhiêu năm qua?

- Mỗi tháng mầy “thí” cho tao có mấy trăm đô “chớ mầy”! Bà con xin, mầy cũng “thí” mỗi “hộ” 100 đô “chớ mầy”; trong khi đó vợ chồng mầy sống trong cái nhà “chần dản”!

- Bao nhiêu cũng “chớ mầy”, vậy tiền đâu tụi con trả tiền nhà, tiền xe, tiền bảo hiểm và nuôi hai đứa nhỏ?

Bà Năm trở lại đề tài mà bà lặp đi lặp lại với Cúc không biết bao nhiêu lần kể từ khi bà đến Mỹ:

- Nuôi con thì phải nghĩ đến tương lai cho con. Mày muốn hai đứa nó lớn lên học hành để làm ông kia bà nọ hay là mày muốn tụi nó làm thợ bạc như “thằng” Đạm?

- Con nói với Má hoài. “Nó” đem con qua đây, cho con đi học tiếng Anh rồi học nghề và tụi con có hai đứa con. Bây giờ Má biều con “đá nó cái rột”, ai nuôi con của con?

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Mày học được chữ nào là công khó của mày chứ “đính đắp” gì tới nó?

- “Nó” phải mua xe cho con, trả tiền học, tiền sách vở, tiền xăng, áo quần v.v... chứ sao không “đính đắp”?

Bà Năm nạt lớn:

- Đi học thì mượn hoặc xin tiền của chính phủ. Mua nhà, mua xe trả góp chứ đâu phải như bên mình, mua, trả “cái rột”. Mày qua đây chỉ có bốn phận ở nhà, đi chợ nấu ăn cho nó thôi. Nó phải có bốn phận chu cấp mọi thứ cho mày. Còn con, mày nuôi không nổi thì xin tiền chính phủ Mỹ mà nuôi. Ăn học như mày mà sao dốt quá vậy?

- Tùy theo *income* chứ không phải ai cũng mượn hoặc xin được tiền của chính phủ để đi học hoặc nuôi con.

- “In côm” là cái gì?

- Lợi tức cá nhân hằng năm.

- Mày là “kỹ sư dược sĩ”. Mày “thằng” dược sĩ cùng làm với mày sao mày không “chôm” một “thằng” mà mày cứ sống với “thằng” thợ bạc? Lương của “thằng” thợ bạc so với lương của “kỹ sư dược sĩ” như mày thì thấm vào đâu?

- Con nói với Má hoài. Con chỉ là người trợ giúp dược sĩ (*pharmacy technician*) chứ con không phải dược sĩ; vì con không có căn bản học vấn, làm sao học đến dược sĩ được! Hơn nữa, ở đây không có nghề nào là “kỹ sư dược sĩ” cả.

- Mày phụ giúp dược sĩ thì gọi là “kỹ sư dược sĩ” chứ còn gì nữa. Chỗ mày làm có nhiều dược sĩ, sao mày không “cùm

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

đại” một “thằng” để trở thành “bà được sĩ”? “Bà được sĩ” không danh giá hơn “bà thợ bạc” sao? Đồ ngu!

Vì mộng được làm “bà được sĩ”, Cúc đã “tấn công” và tự “hiến thân” cho một dược sĩ làm cùng công ty CVS. Cúc hy vọng dược sĩ này sẽ ly dị vợ để sống với Cúc.

Không ngờ, chuyện ngoại tình của Cúc và dược sĩ bị “đổ bể”. Vợ của dược sĩ đã khôn ngoan, dùng tình cảm chinh phục chồng, thuyết phục chồng dời đi tiểu bang khác.

Riêng Đạm, khi hay tin Cúc ngoại tình, Đạm âm thầm đau khổ, lên facebook tìm bạn gái.

Sau thời gian “lãng nhăng ảo” với vài cô bên Việt Nam, Đạm nhận ra đa số phụ nữ bên Việt Nam chỉ muốn tìm cuộc sống “đổi đời” – như Cúc – chứ không có tình yêu, Đạm thất vọng. Và, điều quan trọng hơn cả là, càng lớn Bảo càng giống Đạm và càng quyến luyến Đạm một cách rất thiết tha, đậm đà; vì thế Đạm quyết định tha thứ và vẫn sống với Cúc.

Sự thật là như thế. Nhưng, Cúc chỉ nói với mọi người về sự phản bội của Đạm trong chuyện “tình ảo” trên *facebook*; còn chuyện ngoại tình giữa Cúc và dược sĩ, Cúc “giấu biệt”.

Vì không hiểu rõ sự việc, bà Năm kể công:

- Mây là con một. Vì thương mây, Ba mây phải buôn lậu để gây dựng tương lai cho mây; “không dè” ông bị đồng bọn thanh toán vì “chia chác” không đều! Tao phải bán nhà, bán đất để tìm mai mối cho mây đổi đời. Bây giờ mây lỡ gặp thằng chồng “cà chớn” mà mây còn tiếc “cái nổi gì”?

- Má để từ từ, được không?

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Từ từ? Bộ mày tưởng mày trẻ đẹp “woài” sao?

- Con biết, nhưng “kẹt” hai đứa nhỏ.

- “Kẹt” cái gì! Tao đã hỏi người Việt quanh đây. Họ nói, tại tiểu bang này, nếu ly dị, Mẹ được nuôi con; hằng tháng Cha phải chu cấp tiền nuôi con cho đến khi con 18 tuổi; tài sản chia hai.

Sáng Chủ Nhật dậy trễ, thấy Đạm với nét mặt rất buồn, đang đem va-ly và nhiều vật dụng của Đạm chất vào xe *truck* màu đỏ, Bảo ngạc nhiên:

- *Daddy* đem va-ly và mấy thứ đó đi đâu?

Đạm bế Bảo lên, giọng nghẹn ngào:

- *Daddy* phải đi.

- Khi nào *daddy* về?

- *Daddy* sẽ không về.

Bảo tròn mắt nhìn Đạm:

- Cái gì?

Đạm lặp lại. Bảo vùng vằng:

- Tại sao? Con muốn *daddy* trở về.

Đạm siết chặt Bảo vào lòng. Vừa khi đó, hình ảnh những buổi chiều Đạm dẫn Bảo và Thảo đi bộ vòng quanh khu vực gia đình cư ngụ, nhiều người láng giềng vẫy tay, nói “*hi!*” và khen hai đứa bé dễ thương, hiện về trong cõi lòng tan nát của Đạm. Một trong những người thương hai đứa bé như cháu ruột

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

là bà Hồng; nhưng Bảo không biết bà tên gì. Nghe bà và Đạm thường nói chuyện bằng tiếng Việt, Bảo tự ý đặt tên cho bà là “bà Việt Nam”. Nhớ đến đây, Đạm thở dài:

- *Daddy* đâu muốn đi, con!

- Nếu *daddy* không muốn đi, ai bắt *daddy* đi được?

- Quan tòa! Nhưng Cha con mình vẫn sẽ gặp nhau.

- Bằng cách nào?

- Thỉnh thoảng, *daddy* sẽ đón hai đứa về sống với *daddy*.

- Tại sao lại thỉnh thoảng?

- Quan tòa đã phán quyết như vậy.

- Quan tòa là ai mà ác vậy?

- Lớn lên con sẽ hiểu. Bây giờ con nghe lời *daddy*, gắng học giỏi. Hè, *daddy* sẽ đưa con và Thảo đi *Disney World* chơi.

Bảo ôm cổ Đạm. Đạm dặn:

- Lúc nào *daddy* cũng thương nhớ các con. Con và Thảo phải gắng học và vâng lời Mẹ dạy, nha!

Đạm dặn Bảo phải vâng lời Mẹ dạy. Nhưng suốt thời gian dài sống với Cúc, Ngoại và Thảo, lúc nào Bảo cũng chỉ nghe Cúc nói Đạm là “thằng” đàn ông xấu xa, tồi tệ, đáng ghê tởm nhất thế giới; vì đã bỏ vợ con để theo mấy bà bên Việt Nam. Cúc bán nhà – Đạm đã ký giấy thỏa thuận tặng Cúc, Bảo và Thảo “nửa ngôi nhà” Đạm được hưởng khi ly dị – dời đến khu vực khác. Cúc đổi số điện thoại; cấm Bảo và Thảo liên lạc hoặc nhắc đến Đạm. Đứa nào cãi lời, Cúc sẽ đuổi ra khỏi nhà để mấy người *homeless* bắt đi.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Như thế tưởng chưa đủ, bà Năm còn lo xa:

- Mấy dọn nhà đi mà mây đã cho thằng Đạm địa chỉ mới để hằng tháng nó gửi tiền nuôi hai đứa nhỏ chưa?

- Hằng tháng “nó” gửi *check* đến luật sư của con; luật sư của con sẽ chuyển đến con.

Điện thoại reng, bà Hồng nhấc lên, *allo* và nghe:

- Hi, “bà Việt Nam”!

- Bảo! Trời ơi! Bà phải “ở trên điện thoại” từ sáng sớm đến chiều nay mới tìm được con!

- Con xin lỗi Bà. Nhưng làm thế nào Ba của con biết con đi lính mà nhờ Bà tìm?

- Ba của con kể rằng: Hector – ngày trước cùng làm tại tiệm kim hoàn với Ba con – gặp con tại phi trường. Thấy con giống Ba con “như đúc”, Hector hỏi thăm. Con xác nhận và cho Hector biết con lên gia đình, sang California trình diện, nhập ngũ. Sau khi con lên máy bay, Hector tìm trong điện thoại của Hector, thấy số điện thoại cũ của Ba con. Hector nghĩ, cứ gọi thử xem, nếu đúng, Hector sẽ báo cho Ba con biết tin con đi lính; nếu không đúng thì Hector cũng đã hết lòng với người bạn cũ. Không ngờ Ba của con không đổi số điện thoại. Thế là Ba của con điện thoại, nhờ Bà tìm con; vì Ba con và Hector không đủ khả năng sinh ngữ cũng như sự hiểu biết về các cơ quan công quyền.

- Hector quả là người tốt! Con xin lỗi đã làm phiền Bà.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Tìm được con, Bà vui chứ sao lại phiền. Con khỏe không? Con đang ở đâu?

- Con khỏe. Con đang ở trung tâm huấn luyện Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ.

- Cái gì? Trời! Ba của con nói với Bà rằng con cho Hector biết con sắp xong năm thứ hai đại học; nhưng vì buồn gia đình nên đi lính. Tại sao con không gắng thêm vài năm nữa cho xong đại học rồi xin vào trường sĩ quan?

- Sĩ quan hoặc lính cũng chỉ đánh giặc thôi, đâu khác biệt gì. Sự khác biệt quan trọng nhất trong đời người là một đứa có Cha và một đứa có Cha mà không được gặp, không được liên lạc với Cha!

- Bà hiểu.

- Biết bao nhiêu năm rồi con không được *hug*, không được nghe tiếng nói của Ba con, Bà biết không?

Dù đã nghe người Việt quanh khu vực này nói về việc Cúc ngoại tình với được sĩ làm cùng công ty, bà Hồng cũng nói khác đi; vì bà không muốn làm cho Bảo đau lòng thêm:

- Là phụ nữ, Bà hiểu tâm trạng của Mẹ con. Con đừng trách Mẹ con.

- Con không trách Mẹ con. Con hiểu Mẹ con có lý lẽ của Mẹ con. Nhưng trái tim của con cũng có lý lẽ của nó.

Ngưng một chốc để nén xúc động, Bảo tiếp:

- Làm thế nào Bà tìm ra con?

- Sau khi hứa với Ba con, Bà vào Google, tìm, rồi điện thoại đến các nơi tuyển mộ tại Houston. Không ai có thể giúp

Bà vì Bà không có tài liệu cá nhân của con. Bà gọi các văn phòng tuyển mộ tại Dallas và Austin cũng bị từ chối vì cùng lý do. Bà khóc, giải thích với nhân viên phòng tuyển mộ tại Austin rằng Bà không biết số điện thoại của Mẹ con. Lúc sáng Ba con gọi Bà trên số *desk phone* của Bà – mà *desk phone* của Bà không có máy để ghi lại số điện thoại hoặc lời nhắn – và Bà cũng quên hỏi Ba con số điện thoại của Ba con, do đó Bà không thể gọi lại Ba con để lấy tài liệu cá nhân của con. Bà nhờ văn phòng tuyển mộ tại Austin ghi tên họ, địa chỉ và hai số điện thoại của Bà rồi chuyển đến con với lời nhắn, “Nếu con nhận ra Bà là ‘bà Việt Nam’, hãy gọi Bà ngay, vì Ba con rất khổ tâm và lo lắng cho con!

- Cảm ơn Bà đã tìm con. Tụi con thương nhớ Ba con nhiều lắm. Nhưng Mẹ con cũng vẫn cấm tụi con liên lạc với Ba của tụi con! Mẹ con bảo, nếu tụi con liên lạc với Ba con thì Mẹ của con sẽ... tự tử chết!

Trong khung cảnh nhộn nhịp, vui tươi, nhìn Thảo rạng rỡ với chiếc áo cưới màu trắng, vương miện cũng màu trắng và bó hoa hồng trên tay, Bảo vẫn cảm nhận được sự trống vắng trong hồn chàng. Bảo thở dài, nhìn sang bạn gái, tự hỏi, “Nếu sau này, con mình lập gia đình mà mình không được tham dự, mình sẽ nghĩ như thế nào? Con của mình sẽ nghĩ gì? Nếu con gái của mình phải cầm tay một người đàn ông khác trong những bước *first dance* – vì mình không được nhận vinh dự đó – thì con gái của mình sẽ cảm nhận như thế nào? Mình có đủ can đảm để vượt qua nỗi đau quá lớn đó hay không? Nỗi buồn trong lòng mình sẽ sâu đến độ nào?...” Đang suy tư, Bảo chợt nghe giọng bạn gái:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Bảo, đứng lên! Đứng lên, đi ra với cô dâu.

Bảo nắm tay Thảo bước vào sân khấu trong tiếng vỗ tay rộn rã. Nhìn nụ cười rạng rỡ của Thảo, Bảo cảm thấy thương em vô cùng và cũng nhớ Ba vô vãn!

Ban nhạc dạo hết phân đoạn đầu tình khúc *She Walks With Me* của Michael W. Smith, ca sĩ “bắt” vào:

*“From the first breath of her life
She flew straight into my arms
I used to catch her from the swings
When she was five...
...And she walks with me
And she talks with me...”*

Lời ca gọi lại trong hồn Bảo hình ảnh những buổi chiều hạnh phúc xưa, khi Bảo và Thảo cùng Ba đi bộ quanh xóm... Kỷ niệm vừa sống lại trong hồn, Bảo đưa tay quệt nước mắt. Thảo vừa bước theo vòng tay đưa đẩy của Bảo vừa nhìn Bảo, khẽ nói:

- Bảo! Anh gắng vui trong ngày trọng đại của đời em. Em thương anh.

Bảo tự hỏi, “Ngày trọng đại của đời em mà Ba của em không được phép hiện diện! Có bất công cho em hay không? Sự bất hòa giữa Cha Mẹ là chuyện của Cha Mẹ, tại sao bắt con phải nhận lãnh hậu quả?” Với hai hàng nước mắt tuôn dài, Bảo quay nhanh về phía bàn gia đình và thấy “bà Việt Nam” đang nhìn chàng với ánh mắt đầy xót thương! Mũi lòng quá, Bảo rời sân khấu, bước vội ra cửa trong sự bàng hoàng và xúc động của mọi người!

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Bước chậm chậm trong khung trời rực rỡ của lồng đèn màu đỏ, chữ vàng, treo trước mỗi nhà hàng và tiếng trống của đoàn múa Lân, Bảo chợt nhớ những mùa xuân xưa, khi Bảo và Thảo được mặc quần áo mới, được Ba Mẹ đưa đi chúc Tết bà con và bạn hữu. Bảo và Thảo được “lì xì” tiền mới. Khi về nhà, Ba bày Bảo, Thảo và mấy đứa bé cùng xóm chơi “bầu, cua, cá, cộ”... Nhớ đến đây, Bảo tủi thân, tựa vào trụ đèn, gục đầu vào lòng bàn tay, đáng vẻ rất khổ sở.

Bất ngờ, một bàn tay nhẹ nhàng đặt lên vai của Bảo, giọng dịu dàng:

- Hi, Bảo!

Quay sang, nhận ra bà Hồng, Bảo hơi khom xuống, vừa *hug* Bà vừa thì thầm:

- “Bà Việt Nam”! Con buồn quá!

- Bà hiểu. Nhưng, con gắng vượt qua để niềm vui của em con được trọn vẹn.

- Con phải làm gì bây giờ?

Bà Hồng chưa kịp đáp thì chiếc *truck* màu đỏ của nhân viên an ninh tuần tiểu chạy chậm chậm ngang qua. Nhìn theo chiếc *truck*, niềm thương nhớ Ba lại cuộn cuộn trở về rồi òa vỡ trong lòng, Bảo không thể tự chủ được, gọi lớn: “*Truck! Bring my daddy back! I want my daddy to be here for my sister’s wedding!*”

Diệp Mỹ Linh

<https://www.diepmylinh.com/>



Nhất bạch, nhì vàng, tam khoang, tứ đốm

Rong chơi Hà Nội ba mươi sáu phố phường không hẳn chỉ nom dòm nhà cửa, đường sá và đầu hồi chuôi vồ, lỗ cửa mắt bò xa xưa còn lại. Một thoáng hương xưa của Hà thành với *trời đất hương hoa người ta com rượu* mà thiếu lá mơ, lát riềng... Thiếu vắng cái thi vị một ngày gió bắc mưa phùn, vì ở *ngõ Hàng Lược*, có một quán thịt chó không bảng hiệu, bốn đời cha truyền con nối. Trên gác khách ăn trái chiều ngồi mâm. Khách quen là *cụ Nguyễn Tuân với món móng chó lược* (xem *cụ Nguyễn Tuân*, xoi thịt chó, tr. 5). Ca dao ta có câu:

*Sống được miếng dồi chó
Chết được bó vàng tâm
Sống không ăn miếng dồi chó
Chết xuống âm phủ không có mà ăn*

Chết xuống âm phủ, không thể không nhắc tới *phố Lò Xũ* bán quan tài. Vào thập niên 20, tao nhân mặc khách là những

bác đô tỳ, đầu quần khăn đầu rìu, quần xắn móng lợn, chân đất võ bèn bệt ngự trên chõng tre, tì tì đánh chén. Ai quên bên lú mặc ai, cuối cùng tôi cũng có mặt ở đầu ngõ Hàng Lược, khúc gần *ngã tư Hàng Cá và Ngõ Gạch* trong một ngày cuối năm để xả xui. Xả xui đầu không thấy, chỉ thấy cửa hàng đóng cửa im ỉm từ chiều 30 đến mừng bốn. Thưa bạn già.

Vì gần đến ngày xuân Nam, mừng ba Tết, tôi xuất hành cầu âu đến khu Nhật Tân có bao nhiêu cây đào là có bấy nhiêu quán thịt chó. Nhưng quán xá cửa đóng then cài, chó ngáp phải ruồi, có một quán cửa he hé mở. Ấy vậy mà sĩ phu Bắc Hà đã có dăm móng. Ai tới trước thỉnh quan bác lên chõng. Chạm chân ư, thôi đành để quan anh an nhiên tự tại dưới đất, nhưng cũng chiếu cói như ai. Đầu năm đầu tháng, thôi thì thượng điền tích thủy, hạ điền khan, tôi nhấm cái “dựa mạn” trước đã. (xem cuối tr. 2)

Mặt mày bạn già nhăn nhúm, đúng là *chó thánh nhai ra chữ*, gì mà có chuyện chiếu trên, chiếu dưới ở đây. Đào! Bác cứ nói thế, thế nhưng như bài tạp bút đây, đâu phải ăn không ngồi rồi mà có, cũng tầm chương trích cú chuyện xưa tích cũ cả đấy. Vẫn chưa xong với *chó ỉa dấp*, tôi đây đưa thêm ngẫu sự của chính tôi.

Chuyện là ngày bảy, tám tuổi, ông bác sai thằng cháu đi mua thịt chó về làm một cử cho quên mưa phùn gió bắc. Trên đường về, một tay cầm đĩa thịt lược, một tay cầm cút rượu trắng. Nhóc tôi dò dẫm bầu năm đầu ngón chân xuống đất vì chỉ sợ vồ ếch thì rõ... trơ mắt ếch. Lum khum về đến nhà, chẳng hiểu ngẫu sự gì mỗi thứ chỉ còn một nửa. Vặn óc nghĩ không ra, đến gần cả đời người tôi vẫn chịu không hiểu nổi cái ngẫu sự có túc duyên với thịt chó.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Sau khoản rửa mặn, làm thêm dăm lát thịt chó luộc béo ngậy của ngày tháng cũ; bằng tuổi này, tôi vẫn nặng nợ với nó, như duyên nghiệp vậy thôi. Thì như nhà Bụt đã dạy, “Đi tu Phật bắt ăn chay, thịt chó ăn được thịt cây thì không,” mà ngàn đời mấy ai nhớ quên là vậy. Bác nheo mắt ra cái điều hoài nghi, hoài của làm gì có chuyện nhà chùa nuôi chó? Chẳng lẽ tôi lại mang câu các cụ ta xưa đã dạy *chó chùa bắt nạt chó làng*. Vậy bác để tôi quấy quá với cụ Nguyễn Tuân qua *Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh* nha...

“Tôi đưa Nguyễn Tuân về Thanh Hóa để diễn thuyết, pho viện làm tiệc lớn chiêu đãi, đưa ra một chai rượu ngoại để thù tiếp nhưng Nguyễn Tuân làm lơ, lôi gói cơm nắm trong ba lô, xắt mấy lát mỏng, ăn với ruốc, sau đó lấy bi đông rượu rót ra cái nắp uống. Nguyễn Tuân vừa ngó chai rượu nằm chổng chờ bên đĩa tiết canh và nhớn nha kể chuyện *tiết canh buộc lạt* treo lủng lẳng ngoài sân mới là tiết canh. Tiếp, ông kể chuyện từng được một ông sư chùa làng đãi một bữa thịt chó độc đáo. Thịt chó nhà chùa nuôi, ướp gia vị, đặt vào giữa lá sen, bó lại, đem đồ cho chín dừ. Món ăn vừa tục vừa thanh, vừa có hương thơm, có vị chát của nhựa sen. Tôi nhủ thầm, thịt chó mà dám cho vào tòa sen, ông sư nào mà hồn thể, có kẻ cũng chẳng ai tin.”

Phát phơ chuyện xưa chuyện nay với bác rồi. Tôi nhân sinh quý thích chí (cụ Tú Xương) với lát thịt chó luộc beo béo, chấm mắm tôm chanh ớt. Bèn đưa cay một hơi rượu làng Hoàng Mơ, Hà Đông, rượu hơi “mỏng”, “gợn” nhưng mà “lành”, cũng tạm được (theo cụ Văn Cao). Bỗng không thao thiết tới người Phạm Thái “Sống ở dương gian đánh ché nhè – Thác về âm phủ cấp kè kè, Diêm vương phán hỏi mang gì

đó – Be”. Trong khoảnh khắc hoài đồng vọng một thời với rượu làng Vân. Đành gọi thêm “be” rượu “bà Béo” ở phố Bà Triệu, rượu “nồng nhưng dễ uống”, nhưng cũng... “dễ gây chuyện”. Được thể tri giao quái ngã sâu đa mộng tới cụ Nguyễn Du (1765) mê mẩn thịt chó đến độ cứ có anh mực, chỉ vẹn là “hữu khuyển khả tu sát”, Nôm có *chó cứ làm thịt* trong bài cổ thi có tên gọi cảm *Hành lạc từ*: “Tội gì ngàn năm lo - Có chó cứ làm thịt - Có rượu cứ nghiêng bầu - Được thua trên đời chưa dễ biết”.

Thưa với bạn già là ngày đầu năm bà nhà hàng đơn đả ra chào khách, đông dài kẻ lẻ nghề nhà, mấy đời ở *chợ Canh, Hà Đông*. Bà mượn miếng trâu là đầu câu chuyện...

Chả giấu gì nhà bác, người ta bảo chỉ có chó *chợ Canh* mới ngon thịt. Những hàng thịt chó ở phố Hàng Than, Hàng Đồng đều người trong Canh. Khách sành ăn vẫn cho là chẳng đâu được với *thịt chó mọc*. Bởi vậy, xem ra ở Hà Nội, hầu như các quán thịt chó đều người làng Canh mở, *chó đen chợ Canh được tiếng ngon thịt*. Khốn khổ một nỗi, người ăn thịt chó nhưng dị đoan kiêng chó đen, không đụng đến *thịt chó đầu tháng, cuối tháng và ra đường tránh gặp chó đón ngõ*, là thế đấy nhà bác ạ.

À mà nhà bác hỏi thịt mọc là gì ấy hử. Khi gió cắn răng nhà bác nhá, vậy mà cũng không biết. Này nhá, thịt mọc là thịt chó luộc mà bác đang xơi ấy. Thịt mọc có cái ngon riêng, vì miếng thịt được cái ngon của miếng thịt sơ sài. Trong khi thịt chó nướng chả, lại trông vào tấm ướp gia vị: củ hành hoa phả nước hàng rồi lấy xiên nhôm thuôn thành gắp. Than hoa bốc

mùi chả thơm lừng. Nhưng đây là lối làm chả chó ngoài phố. Ở vùng quê, chả chỉ nướng trơn cốt khoe cái ngon như thịt mộc, không pha phách.

Thầy cháu vẫn thường nói, “*Chó tháng ba gà tháng bảy; gà lột đậu, chó sáu bát*, những anh chị chó đang tuổi hoa niên, lúc ấy đem ra thui mới ngon. Con chó thui, da nó vàng ươm, lớp bì mỏng tang, thật là ăn miếng nào rõ ra miếng ấy. Khi thui chó, đã đành thầy cháu kén rom mới, thầy cháu còn nhét vào bụng nó một nắm lá ổi. Nằm trong chảo mới biết chảo có rận, qua nghề nhà mới biết: Miếng nạc cắt ra ở đuôi ngon một kiểu, miếng thịt cắt ra ở lưng có nhiều bì, lại ngon một cách khác, *miếng nằm, tức phần có nhiều sụn ở ức thì nhất*. Cháu cũng chả biết chó có dây mơ rễ má gì với đậu xanh không, ta dùng hạt đậu để đắp vào vết thương bị chó cắn. Nhưng đòi chó thì nhất định phải làm bằng *hạt đậu xanh, rang lên, xiết vỡ, thêm ít búp ổi, lá mơ lông, trộn với tiết*. Luộc xong, thầy cháu phải hơ qua lửa cho se mịn lại, cắn nó ngậy, ăn nó bùi nghìn nghịt làm sao ấy.

Ấy, cũng như món... À mà nhà bác búi bán “dựa mạn”, “rượu mạn” gì đấy? Giời ạ, nói vô phép vô tắc chứ nhà bác ăn thịt chó mòn răng mà chả biết chó gì sất cả. Cứ theo các cụ ta nói lại “*rựa mạn*” là món nấu với *riềng*, mẻ, mắm tôm, lá mơ, nó sền sệt, màu nâu nâu như *nhựa cây mạn* nên các cụ gọi trại ra thế. Đúng ra rựa mạn, đúng cách nhất phải là miếng thịt có mỡ, bì. Cái bì tôn hẳn đặc tính rựa mạn. Thiếu bì như thịt bò thui chắm tương gừng không có da. Chả giấu gì, chứ lại món này nhiều khê lắm bác ấy ạ, nấu hao thịt và nhiều công, nào là phải bóp thịt kỹ với mắm tôm, mẻ và gừng già. Nhớ là *gừng* chứ không phải là *riềng* đâu bác ấy nhá, *gừng càng già càng*

cay là thể. Xong phải đun liu riu đều lửa trong nồi gang, người Bắc mình gọi là ninh ấy mà, đến khi các miếng thịt đều sậm màu như màu mận chín, nước quánh lại là đúng cỡ. Mấy cụ thường vẫn kháo nhau, món ăn với bún thì sướng âm sướng i cả ngày.

Ngẫm nguội một nhát, bà đùng đỉnh, không nói bác ấy cũng biết, đã nói đến thịt chó là phải nói đến riêng, mè và mắm tôm. Ấy đạo này già rồi nên hay lẫn, quên không nói cho bác ấy nghe, ăn thịt chó không bị độc là nhờ cái nhà anh riêng đấy, thuốc Nam người mình dùng để chữa chứng đau bụng, đầy hơi, đi lỏng, kiết. Còn được gọi là *cây gừng một lá*, “láng giềng”, láng tôi của gừng được gọi là *giềng*, rồi cũng lại bị gọi trại đi là... *riềng*. Đào! Quên khuấy đi mất bát mắm tôm chanh, cháu thả vào lưng chén rượu trắng cho bay mùi. Cháu chỉ quơ nhăm đùa là bát mắm tôm nổi bồng lên ngay, dậy thơm ngào ngạt. Thầy cháu bảo, chả hiểu có đúng không, đã mắm tôm phải gắt, nó là âm thanh chát chúa của tự nhiên. Nó giống như tiếng trống châu gõ vào tang trống gỗ, tiếng phách cật tre già trong đàn hát cô đầu, tiếng ngâm, tiếng hãm. Khi không bà buông một tiếng dài, “Rõ mấy cụ rồi chuyện”. Chêm tí vôi vào miếng trầu, bà đơng đầy, “Cụ Cừ làng Bưởi sau mấy cút còn bóc nhăng, thịt chó vẫn là âm thanh náo nức của cuộc đời, nó *biểu hiện sự xô bồ, tung hoành và tháo cởi*”. Rồi bà tặc lưỡi, “Giời ạ, rõ chán chữ với nghĩa của các cụ, cháu nghe cứ như dùi đục chাম mắm cáy ấy, chả ra làm sao sất cả.”

Đổi thế ngồi, bà lan man, ăn thịt chó uống rượu trắng Vân Điển, rượu thuốc hăng hắc mùi táo tàu, mùi cam thảo thì vút đi cho chó nó tha. Còn rượu nếp cẩm, nếp than thì chả ra cái thá gì, nhạt thèo lèo như nước ốc ngâm vôi ấy. Nhưng có *một*

thứ rất hợp với bia, ấy là món chả chó. Món này gây mùi nhất trong các thứ chả đây nhà bác ạ, hơn cả chả Nam Định quê cháu. Trước khi nướng được ướp riêng gia, mẻ, mắm tôm trộn đều với nhau. Thịt chó cắt từng miếng bằng đốt ngón tay, vừa nạc vừa mỡ, xiên vào từng xiên rồi nướng. Mà than tàu, than đá lắm khói nên thâm thịt. Vớ phải cái giống củi ẩm thì chỉ có mà đi tuốt. Mà phải là than quả bàng hay than hoa gì ấy và phải quạt liên tay cho đỡ đều, thịt xèo xèo cháy, mỡ giò xuống than bốc khói thơm quyện vào thịt và đợi chín vàng như nghệ mới tươm tất. Bày lên đĩa, thầy cháu còn cầu kỳ rắc lên ít sợi riêng khô. Rồi bà chếp miệng, bia và chả chó hợp nhau lạ lùng, thầy cháu vẫn nói vậy, nào cháu có biết mốc khô gì đâu, chắc ở đời này chẳng có thứ nào hợp với bia hơn là thứ chả chó, phải không bác.

Mà bác ấy ạ, lạ một nhẽ ăn thịt chó phải có húng, mà phải là... *húng chó* trồng ở làng Láng. Một đĩa húng chó, có thêm mấy cọng ngổ, mấy nhát riêng tươi. Chấm miếng thịt nướng vào bát mắm tôm, làm một hợp bia, nhâm nhi với miếng riêng, cọng húng, miếng bánh đa vùng thì... Thì giờ đất ạ, ngon... quên chết đi chứ lì. Bác ấy ời”.

Quán có khách, bà đi vào. Tôi ngẫm ngẫm gặp bà chủ quán mần chuyện, chuyện này đi nhẹ về nặng, có thêm một rắc rối để làm vốn. Mà lâu lắm rồi, tôi không gặp lại cái khăn mỏ quạ, răng hạt huyền, răng hạt na một thời vắng bóng. Bỗng dung u hoài về bà hàng thịt chó ven chợ, “Ăn rồi xách nón ra về - Thấy hàng chả chó lại lê chân vào - Chả này bà bán làm sao - Ba đồng một gấp lẽ nào chẳng không.”

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Từ “bà” thầy chủ quán, dây cà ra dây muống, tôi lây dây qua “ông” thầy thịt chó, là ông cậu “trẻ” lớn hơn tôi hai, ba tuổi. Mạn phép bạn già, tôi gọi bằng “nó”. Bởi chung tôi “mày, tao” với nó nhè ở cái tuổi nhằng nhằng. Ở quê bị thương hàn, trộm thấy nó sắp theo ông bà ông vải. Các cụ mang ra chuồng lợn ủ trấu lấy khí âm, khí dương. Nghe tiếng kêu eng éc, nó ngóc đầu dậy nhìn... và phều phào muốn ăn... thịt chó. Các cụ nghĩ vụng trước sau gì nó cũng về châu tổ tiên nên chiều thẳng ôn vật lần cuối. Nó ăn xong không chết cho mà sống nhả răng để thành... “ông” thầy thịt chó của tôi, thừa bạn già.

Với chó ba khoanh mới nằm, gà ba lần vỗ cánh mới gáy
nó gáy um lên mà rằng:

Rằng thời đồ đồng, đồ đất gì ấy, các cụ cổ ta xưa xách giáo, mác vào rừng săn, bắt gặp một con vật có bốn chân, đuôi cong, mũi nhọn là con cheo vừa ngọt thịt, vừa thơm. Thế là các cụ hè nhau ra mang về ngả thịt đánh chén. Chưa hết, nó *chó gio mèo mù* thêm: Sau đến màn cây nhà lá vườn ngả qua con *chấn bốn cho*. Các cụ ta nhập nhằng nói chữ... “con cầy” là thể.

Lạc đường nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu, tôi lêu bêu theo nó: Chú chó là con vật được loài người thuần hoá đầu tiên, *cách đây khoảng 40 ngàn năm*. Vì chú là con vật chủ chốt trong các cuộc đi săn, giữ hang động. Nhiều nơi thờ chú như vật tổ. Suốt từ Himalaya đến sông Dương Tử, nơi cộng đồng Bách Việt và nhiều sắc tộc khác, ngoài hệ Hán-Tạng sinh sống, người ta thờ chú như linh vật. (theo nhà khuyến học Lý Đợi)

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Từ tiếng Hán, nó sa đà với ông Tàu lảng giềng chiết tự chữ “nhiên” là *nhúm lửa* gồm 3 chữ “nhục” là *thịt*, “khuyển” là *chó*, “hỏa” là *lửa*. Bắt qua Hán-Tạng, nó đùn chữ theo *Càn Long hành phương Nam* được ném món “truyền kỳ chí quái” của người An Nam bèn tôn là “vương nhục”, tức vua của các loài thịt, cóc nhái vất đi. Tôi đồ xí ngẫu ăn thịt bò viên mòn rãng trong Chợ Lớn đã quen thói nên mỗ chữ theo người Tiều gọi là “xực tam lục”. Với đồ xí ngẫu thì tam, lục cộng lại là cửu. Từ... “cửu”, người Nam ta gọi chại chó là... “cẩu” chẳng? Dám lắm ă!

Được thể tôi vắt qua cụ Nguyễn Đăng Cảo là người đầu tiên có tên trong khuyển sử: Sau khi ăn bữa thịt chó cuối cùng ở chợ Cầu Lim, làng Nội Duệ rồi bay lên núi Lan Kha thành tiên (Bắc Ninh). Cụ quy tiên năm 1646 vào đời Khang Hy (1649), theo truyền kỳ chí quái Càn Long (1735) tìm ra vương nhục ở phương Nam. Cứ theo “khuyển sử niên biểu” thì thịt chó ta có cách đây khoảng 600 năm. Đất Nam Định, xứ Bùi Chu, thêm xứ Phát Diệm có thịt chó khoảng 100 năm. Thịt chó Nam Định vãng lai vào miền Nam thập niên 30-40, bến bãi đầu tiên là Đà Nẵng chứ chả phải Sài Gòn. Thế nhưng Đà Nẵng chỉ là đất tạm dung cho “chân bốn cho”. Vào đến Sài Gòn, thịt chó Bắc kỳ không được... “bản sắc” cho mấy vì người miền Nam chung sống với cộng đồng người Khmer, Phật giáo, Ấn Độ giáo nên không... “cảm khái” cho lắm với thịt chó. Khi Thiên Chúa giáo theo dân di cư tới ngã ba Ông Tạ, cộng đoàn giáo dân đầu tiên là Nam Thái (Nam Định, Thái Bình). Tiếp là Bùi Phát (Bùi Chu, Phát Diệm), gặp cảnh cũ người xưa, quán cây tơ mọc lên như nấm sau cơn mưa, chẳng

qua đây là biểu cảm... “bản sắc ngầm” của người Công giáo ấy thôi.

Bởi vọng văn sinh nghĩa với lá mơ, mà Tàu gọi là “*ngưu bì đông*”. Vì vậy lá mơ *tam thể* đi với tam khoang tứ đốm là đúng quá rồi. Tôi luận chữ theo sách *Bản thảo cương mục* đời Thanh tôn vinh “hoàng khuyến vi thượng, hắc khuyến, *bạch khuyến* thứ chi”, có sao không là “nhất trắng, nhì vàng, tam khoang, tứ đốm”. Nó lụng bụng nhìn trời ăn thịt chó với *trời nắng chó trắng, trời mưa chó vàng, mưa nắng làng nhàng, chó nào cũng được*. Theo nó ít ai ăn chó trắng vì *chó trắng cắn... ma*. Thấy người ta trồng khoai cũng vác mai đi đào, tôi đào xới Tàu kiêng ăn thịt chó vào tháng chín với “cửu nguyệt vật thực khuyến” bởi theo dịch lý tháng chín thuộc chi Tuất vì... kỵ húy. Riêng phần con này ngon hơn con kia là do mấy ông lái chó gọi cho có văn có điệu vậy thôi. Nghe thùng rồi, nó luận *chó nào chẳng ăn cứt, ốc nào chẳng ăn bùn*. Và tiếp, theo các cụ ta thịt chó ngon nhất là... chó ghê. Ngõ nó sữa bậy cho vui, nó dẫu mồm ấy là vì *chó ghê có mỡ đằng đuôi*. Tôi chưa kịp ư ơ, nó ghê thêm *chó chết bọ chó cũng chết*.

Chó chết hết cắn, nhưng vẫn chưa hết... Vì hột nhiên nó biệt tăm biệt tích, nghe hơi nôi chõ nó trốn lính ở trại “ri cư” Lạc Dương hẻo lánh. Bèn tới thăm. Hai thằng ngồi ở cái thềm đất cao, ngắm con đường đất đỏ ửng lạng đến ngáo người. Bỗng có bóng cô hàng quẩy gánh tự đằng xa... Nó ới, “Lại đây, chó”. Cô hàng cũng chẳng vừa, “Ai chó đấy”. Cô hàng quanh năm suốt tháng, “Đi gánh đau vai - Nằm dài nhịn đói - Một vác dao bầu - Một xâu thịt chó”, thêm món lòng. Nó làm thầy đời: làm lòng *đẽ như... chó ăn trứng luộc*, và phải chấm với nước mắm chanh mới đúng điệu. Cô hàng con mắt có đuôi,

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

cong cón “Trai tơ lấy phải nạ dòng - Như nước mắt thôi chắm lòng chó thiu”. *Chó chết hết chuyện*, chuyện có hậu nó gá nghĩa tào kang với cô hàng sáo chó ấy.

Vào đến Sài Gòn nhờ cái nắng oi ả bèn đánh một giấc. Trong khi bà chị tắt bật ra chợ Ông Tạ xách về đĩa thịt luộc. Làm nửa đĩa không thấy... “ngon ăn” như ở Nhật Tân. *Chó đen quen ngõ*, tôi mày mò tìm ra quán Lá mơ dưới chân cầu Thị Nghè. Bước vào quán đông nghẹt, đập chát vào mắt là một dàn rượu rắn thật bắt mắt, từ nhất xà đến tam xà, con nào con nấy cuộn mình nằm ngủ chèo queo, an giấc nghìn thu đến mắt người. Đảo mắt một vòng, bàn ghế thấp lè tè, bát đĩa cốc chai la liệt, ngổn ngang trên bàn dưới đất. Cái không khí xô bồ tuếch toạc ấy, tôi như lạc vào thế giới của Đồ Phồn, Chí Phèo, vậy mà nên thơ mới chết người. Thêm cái bát nháo của đám sĩ phu Bắc Hà hai nút, nồng nặc trong một cồi ta bà mù mịt qua khói thuốc, nói năng nổ trời. Lững lờ với *chó nhà quê đòi ăn mắm mực*, tôi tặc lưỡi một cái tách bắt đĩa thịt “mộc”. Lại ngu ngơ đến chuyện ngoài kia luộc, trong này hấp cách thủy, nhưng cũng đầm thắm ra phết. Bỗng buồn môi ngứa miệng vì những thớ thịt lẳng lẳng len vào khe răng, tê tê và ngứa ngứa. Nhưng lại... nghe thấy mùi riêng. Bèn ới một cái tam xà cho nó chui tuốt tuốt xuống cổ họng. Như *chó đái giắt*, lại tiếc nuôi *riêng giắt răng ba ngày vẫn còn thơm...*

Đang ở quán Lá mơ tôi để cái đầu lay lắt tới ông Tô Hoài, quê Hà Đông, gần làng Canh, làng Cầu Khâu bán thịt chó suốt sáng. Qua tạp bút *Lại thịt chó*, ông viết, “Ở Sài Gòn bây giờ, chỉ một quãng phố đã gặp quán thịt chó. Nhòm bảng hiệu có nơi viết lái tên hiệu: *quán Hạ cờ Tây* (hạ cây tơ) và *quán Mộc*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

tồn (mộc là cây, tồn là còn, là con cây). Nghe đâu ở ngã ba Ông Tạ có quán *Nai đồng quê* hay *Nai thêm*, tiếng Nam bộ gọi vậy. Nói theo người Hà Nội là thịt hươu thêm, con hươu nuôi trước thêm nhà. Được thể tôi lấy dây qua cụ Nguyễn Tuân lau lách với nhiều giai thoại. Nay rì mọ thêm ngoa truyền, cụ Nguyễn chỉ thích thị chả nướng ngồi quạt lò bên vỉa hè, cụ chỉ nhắm rượu với *thịt ba chỉ chấm mắm tép*. Cụ không thích mắm tôm, cũng không ăn tỏi. Ở ngoài đời, theo ông con của cụ thì cụ Nguyễn Tuân... *ngại thịt chó*. Hóa ra cụ Nguyễn *gặm móng chó ở ngõ Hàng Lược* chỉ là giai thoại.

Rồi ngày về cũng đến... *đưa người ta không đưa sang sông, sao có tiếng sóng ở trong lòng*. Từ xế chiều, họ hàng, bạn bè tới thăm hỏi, tiễn đưa. Chỉ tội nghiệp bà chị tôi, chị lẳng lẳng dắt chiếc xe đạp, tắt tười tới chân cầu Thị Nghè, thừa về mấy đĩa cho cậu em tiếp bạn. Chị tôi vẫn chân chất quê mùa của hương đồng cỏ nội, chị lẳng lẽ gói ghém cho cậu em làm quà mang về. Chị ngồi bệt xuống sàn nhà, đếm từng miếng riêng, nhặt từng lá mơ, gói ghém nhồi nhét vào hai lon “guigoz”, cúi đầu giấu nước mắt ngắn dài... *chị thà coi như là hạt bụi, em thà coi như hơi rượu say*.

Về đến phi trường Houston, nhìn thấy cái bảng dọa nạt này kia, kia nọ tôi cũng ngại ngùng. Bỏ thì thương vương thì tội, thôi thì cũng đành quẳng gánh lo đi nhẹ lấy mình. ngần ngừ moi hai "hạt bụi" thả vào thùng rác. Cát bụi lại trở về cát bụi, bồi hồi tiếc nuối...

Phí Ngọc Hùng / Trúc gia trang

New Orleans Yêu Dấu

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

The old man had gone out to the sea for 84 days without catching a fish...

(Ernest Hemingway – Ngư Ông và Biển Cả)

Tôi đến Mỹ năm 1975. 3 năm đầu, tôi cư ngụ ở thành phố Kansas City Missouri, vì người bảo trợ Mỹ của tôi ở đây. Năm ‘78, sau hai năm trời đèn sách ở Donnelly College ở Kansas City Kansas, thấy ở thành phố này buồn quá, tôi quyết định di cư lần thứ hai. Nhưng đi đâu? Đa số người Việt Nam thời đó thường đi qua Cali. Nghe nói dân bên đó chỉ lo ăn chơi thối chứ chẳng ai lo làm việc gì cả vì tiền chính phủ rất dễ xin, cho rất nhiều, lại còn cho thêm nhà cửa ở miễn phí. Hơn thế nữa, nhờ đó, tiệm cà phê, tiệm phở đầy dẫy, báo biểu đầy đủ đường, tha hồ mà đọc. Nghe nói còn có cả những chốn chơi bời, những sòng bạc ăn thua bạc chục ngàn nữa. Mỗi cuối tuần đều có ca nhạc nhảy đầm và thỉnh thoảng cũng có... oánh lộn tùm lum. Đủ thứ, giống y như ở Việt Nam mình ngày xưa vậy. Toàn là những thứ mà tôi rất thèm, rất... sở trường của tôi ngày xưa.

Nghe thấy lời cuốn hấp dẫn lắm, nhưng tôi bây giờ không còn là một tôi của ngày xưa nữa. Tâm hồn tôi đã chết, trái tim tôi đã bỏ lại bên kia bờ biển Thái Bình Dương. Giống như nhiều người Việt Nam ty nạn lúc ấy, tôi đã bị mặc cảm nặng nề bởi cuộc thua trận nhục nhã của quân đội mình. Linh hồn

tôi bây giờ là một linh hồn rướm máu, rục lửa đau đớn, rục lửa căm thù, tràn đầy tủi nhục. Tôi cảm thấy mình có tội với tổ quốc, có tội với anh em bạn bè đã bị bỏ lại ở Việt Nam. Tôi chẳng anh hùng hay ngon lành hay yêu nước gì hơn ai. Tôi chỉ là một con người, dù rất tầm thường với đủ mọi thứ tật xấu của một thằng đàn ông trên cõi đời này, nhưng tôi không phải là một con vật để có thể dễ dàng quên quê hương đất nước, quên anh em bạn bè, quên những ngày sống mái với quân thù, tuy gian khổ nhưng rất oai hùng.

Quan trọng hơn cả, tôi vốn xuất thân là một thằng con nhà nghèo. Từ thuở nhỏ, tôi đã theo thân phụ ra rẫy cuộc đất trồng cây, đã quen dầm mưa dãi nắng, chịu cực khổ, thức khuya dậy sớm và làm lụng như trâu như bò chứ không bao giờ thích nằm phè... chim trên giường, ăn của bố thí của chính phủ hay của bất kỳ ai. Tôi không muốn ở những chỗ đó. Nó sẽ làm cho con người mình hèn đi. Tôi có thể chịu được nhiều thứ trên cõi đời này, nhưng không bao giờ chịu hèn được.

Nhưng đi chỗ nào có nhiều đồng bào Việt Nam mình, có phở để ăn, có quán cà phê để lâu lâu vô làm vài ly lai rai với bạn bè như Cali đây. Nhìn tới nhìn lui, tôi thấy chỉ có New Orleans hoặc Houston là lý tưởng nhất. Tôi thích New Orleans hơn.

Trước hết, đồng bào mình ở đây khá đông, đa số dân đánh cá. Quan trọng hơn cả, nghe nói đi đánh cá ở New Orleans kiếm tiền dễ lắm. Mới sau có 3 năm, đã có nhiều người Việt Nam trở thành triệu phú rồi...

Dĩ nhiên, đây chỉ là những lời đồn đãi, tôi chưa hề nhìn thấy. Nhưng tôi là một con người vốn ngây thơ, nhẹ dạ và dễ

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

tin, nghe thiên hạ đồn như thế nào thì mình tin như thế ấy. Suốt đời tôi khổ bởi cái ngây thơ và dễ tin của mình.

Thế là, một buổi sáng mùa hè, tôi một mình một chiếc xe Van hiệu Ford cũ mèm, chất hết đồ đạc phía sau, lái về New Orleans với 2 ngàn đô la dành dụm được từ suốt 2 năm trong túi, tự nhủ với lòng mình và quyết tâm sẽ thành một triệu phú sau vài năm. Hoặc sau chục năm cũng được, miễn là sẽ trở thành triệu phú.

Tại sao không nhỉ? Mơ mộng thì ai cũng có quyền mơ mộng; vả lại, tuổi còn trẻ, với hai bàn chân gang thép, cộng thêm một linh hồn vũ bão, không bao giờ biết sợ khổ hay sợ cực, tôi có quyền mơ mộng. Sợ gì ai mà không mơ mộng nhỉ? Nếu được thì tốt, còn không được thì có sao đâu, có mất mát gì đâu. Không thành công thì thành... cái con khỉ gì cũng được, tôi đếch cần, miễn là mình phải thử.

Con đường từ Kansas City Missouri đến New Orleans, Louisiana dài 900 dặm, tôi lái hai ngày một đêm. Vừa lái vừa... cầu nguyện. Không phải cầu nguyện để thành triệu phú cho sớm, mà cầu nguyện cho xe đừng hư dọc đường.

Thành phố New Orleans lúc ấy, nói về phương diện và sinh hoạt của người Việt Nam tỵ nạn, là một thành phố sầm uất, sống động, vui tươi như một cảnh hoa mới nở. Tôi ngạc nhiên thích thú khi nhìn thấy những tiệm phở, quán nhậu, tiệm chạp phô Việt Nam luôn luôn chật cứng khách hàng, dù người Việt Nam mình mới qua Mỹ chỉ có 3 năm. Mỗi cuối tuần, ở một cái nhà hàng tên gọi là “Saigon Kitchen” có mở ball, vé vô cửa 5 đồng một người. Ball có ban nhạc đầy đủ, tuy tên tuổi không ai biết, nhưng hát nghe cũng được và toàn là những bản nhạc hay nhất thời đó.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Thành phố New Orleans bị chia đôi bởi dòng sông Mississippi nổi tiếng thế giới, một bên gọi là Westbank, bên kia gọi là Eastbank. Đa số dân đánh cá Việt Nam dồn hết ở bên Eastbank, sống theo từng làng, mỗi làng một khu, nhà cửa khang trang ngon lành, với những nhà thờ, chợ búa, tiệm tùng vân vân. Hồi đó gái thiếu trai thừa, ai muốn lấy vợ thì chỉ cần chịu khó... đi nhà thờ, trước sau gì rồi cũng ẵm về nhà được một mụ vợ, đẹp xấu không phải là chuyện quan trọng đối với những thằng lính lữ thầy lữ thợ như anh em chúng tôi. Có điều, lấy em về rồi thì tối ngày em bắt... đọc kinh chết mẹ. Tôi chẳng ham.

Nhờ những móc nối trước khi đi, tôi mượn được một căn phòng nhỏ với một gia đình Việt Nam bên Westbank, giá 35 đồng một tháng. Phòng trống trơn, không có giường, cũng chẳng có gì cả, ngoại trừ... cái mùi ẩm mốc vì căn phòng quá cũ. Chuyện nhỏ! Chuyện lớn là, tôi phải trở thành... triệu phú.

“Muốn ăn phải lăn vào bếp” là một câu tục ngữ của Việt Nam mà tôi đã áp dụng rất tận tình khi mới xuống đây. Từ sáng sớm cho đến tối mịt, tôi lái xe qua khu Eastbank, mất khoảng 45 phút, cà kê dê ngỗng và học hỏi và làm quen với những người đánh cá ở đây, mục đích để tìm mua một chiếc tàu nhỏ và học thêm cách... đánh cá của dân ở đây.

Cũng cần phải nói thêm, ở đây cũng có nhiều lính Việt Nam mình ngày xưa, đặc biệt lính nhảy dù, và dĩ nhiên, phải có lính Không Quân. Có một tay phi công trẻ tuổi đẹp giai con nhà giàu, hào hoa phong nhã vô cùng tên là Nguyễn Lập Đông, mở quán cà phê gọi là “Cà Phê Đôn”, bày biện đơn sơ nhưng trang nhã và thanh lịch đúng điệu Không Quân. Nhưng trang nhã thanh lịch chỉ được vào buổi sáng, buổi trưa, dân nhậu ủa

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

vào, từ từ biến cái quán thành một chỗ ồn ào náo nhiệt, vắng tục chữ bới om xòm, chẳng thua gì cái chợ cá ngày xưa. Lâu lâu cũng có... oánh lộn tùm lum, vui đáo để.

Cùng một tần số gặp nhau cho nên dễ sinh chuyện... nhậu nhẹt. Nhiều hôm tôi nhậu xỉn, không dám lái xe về và cũng không muốn ngủ nhà ai, tôi phải ngủ trong xe. Sáng sớm, tay chân và mặt mày đỏ ửng lên vì bị muỗi cắn.

Sau 3 tuần lễ tìm kiếm, tôi được giới thiệu một người có chiếc ghe đánh tôm muốn bán...

Người chủ ghe, dưới cặp mắt nhìn của tôi lúc ấy còn trẻ, có thể gọi là một ông già. Nghe nói ông sống độc thân, có chiếc ghe đánh tôm muốn bán vì nghe thiên hạ xúi, muốn giải nghệ để đi ăn tiền chính phủ sướng hơn, đỡ cực hơn. Đủ thứ tiếng đồn về ông như ngày xưa ông bỏ làng đi lính cho Tây rồi lưu lạc giang hồ mấy chục năm, rồi lại trở về trước khi mất nước nên mới đi được. Cũng có tiếng đồn ông ngày xưa ở Việt Nam đánh cướp tàu để đi Mỹ. Toàn là những thứ tin đồn, chẳng biết hư thực ra sao, nhưng chuyện này thì tôi biết rõ. Ai gặp ông cũng vái một cái kèm theo một lời hỏi thăm, chứng tỏ ông là một người được thiên hạ kính nể, chứ không phải phường đá cá lặn đưa.

Chúng tôi gặp nhau ở ngoài một tiệm chạp phô.

Ông khá lớn tuổi, nhưng vẫn còn tráng kiện với những bắp thịt, chẳng khác gì những người đánh cá mà tôi gặp hằng ngày. Tôi để ý một điều là ông ít nói, chỉ hút thuốc lá liên tục. Cổ ông có đeo một cái tràng hạt như nhiều người Công giáo thời đó.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Tôi xin ông cho tôi đi với ông ra khơi đánh tôm thử một chuyến trước khi nói chuyện giá cả. Không hiểu tại sao, nghe như thế thì ông chủ tàu nhìn tôi từ đầu tới chân một phát rồi nhả mặt lại, nhưng cũng gật đầu đồng ý cho tôi đi. Mãi sau này, sau chuyến tàu đi thử, tôi mới hiểu được cái nhìn và cái nhả mặt của ông ta...

Chúng tôi hẹn ngày giờ gặp nhau ở bến Empire, nơi tàu đậu cách thành phố khoảng gần hai tiếng đồng hồ lái xe.

Xin nói thêm ở đây là tàu đánh tôm nhỏ hơn tàu đánh cá nhiều, nhỏ hơn và rẻ hơn cả chục lần, nhưng nếu chịu khó, cũng kiếm tiền được dễ dàng. “Nhất phá sơn lâm, nhì đâm hà bá” là một câu mà tôi vẫn luôn luôn tâm niệm hàng ngày lúc ấy.

Ngày hẹn, tôi đến, tưởng đã sớm nhưng ông đã có mặt còn sớm hơn cả tôi, ngồi hút thuốc lá, tư lự nhìn ra biển cả. Tôi vốn đã không thích nói nhiều, nhưng ông còn ít nói hơn. Vì thế, sau cái bắt tay đơn giản, chúng tôi phóng lên chiếc ghe của ông...

Lòng tôi tràn đầy hy vọng. Như thế là ngày đầu tiên để trở thành triệu phú của tôi bắt đầu từ hôm nay đây.

Nhưng cuộc đời thường có những cái bất ngờ mà không một ai trong chúng ta có thể đoán trước được...

Chiều hôm đó, tôi trở về căn phòng trọ, quần áo nặng mùi hôi thúi và dơ dáy tả tơi, mặt mày hốc hác, tay chân bầm tím trầy trụa nhiều chỗ, bước không muốn nổi, đi đứng nghiêng ngả như một thằng say rượu, thở không ra hơi...

Bà chủ nhà vừa nhìn thấy tôi bước vào đã vội đưa tay lên... bịt mũi, quát to lên:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Chú làm gì mà mình mấy quần áo hôi hám xú uế như thằng ăn mày vậy?

Biết thân phận mình, tôi mắc cỡ nói nhỏ, dù chẳng muốn trả lời chút nào:

- Tôi đi... đi mua tàu đánh tôm.

- Trời đất, đi mua cái kiểu gì mà ghê vậy chú. Cha sinh mẹ đẻ tới giờ, tôi chưa bao giờ thấy ai đi mua tàu mà... dơ dáy khủng khiếp như vậy. Thôi thôi, ông làm ơn lẹ lẹ đi tắm rửa cho sạch sẽ đi, để tôi đi mở hết mấy cái cửa sổ cho nó bay hết mấy cái mùi xú uế ông mới đem vào nhà này...

Thật ra thì bà chủ nhà khỏi cần nói, tôi cũng chỉ muốn chui vào phòng tắm để lột rửa cái thân thể và bộ quần áo hôi hám của mình. Đúng hơn, không phải tôi chỉ muốn lột rửa cái thân xác, tôi muốn lột rửa luôn cái giấc mộng làm triệu phú... ngu dốt và lố bịch của mình...

Ôi, đời tôi sao có nhiều chuyện ngu dốt đáng kể ra co con cháu nghe để mà tránh.

Chuyện xảy ra là ông chủ tàu cứ tưởng tôi là một tay đánh cá lành nghề, muốn mua tàu đi làm riêng, không hề biết ngày xưa tôi là lính, lại sinh ra và lớn lên ở Ban Mê Thuật, miền cao nguyên xa tít, chẳng hề có dây mơ rễ má gì tới sóng tới biển, hay với tôm với cá. Nếu biết tôi xuất thân... bố lão như thế thì ông đã chẳng bỏ thì giờ mà tiếp tôi, nói gì đến chuyện cho đi đánh tôm với ông.

Tôi đứng trên tàu chỉ chừng 10 phút là đã thấy say sóng như vừa uống một két bia, đi đứng không vững, nói gì đến chuyện quăng lưới bắt tôm. Thành thật mà nói, tôi biết ngay,

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

cái giấc mộng triệu phú của tôi đã tan thành mây khói ngay lúc ấy.

Tội nghiệp ông chủ tàu, ông không hề biết chuyện này. Và dĩ nhiên, tôi cũng không đại gì mà khai ra. Có lẽ, ông đã nhìn thấy cái tướng tôi thư sinh mảnh khảnh, chẳng vai u thịt bắp như những anh đánh cá thứ thiệt, cho nên ông mới nhân mặt lại khi tôi muốn xin đi theo ông. Tuy nhân mặt nhưng, có lẽ vì muốn bán chiếc ghe, nên mới cho tôi đi theo.

Đến một lúc nào đó, ông quăng lưới. Hai người chúng tôi kéo lên được một mớ tôm, cộng thêm cua cá và rác rưởi đủ thứ. Rồi cũng đến một lúc nào đó, ông bảo tôi quăng lưới cho ông.

Một lần lần to lớn vô cùng của cuộc đời ông.

Đáng lẽ ra thì tôi nên thú thật rằng từ nhỏ tới giờ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái lưới nó như thế nào, nói gì đến chuyện quăng lưới. Nhưng tôi đã nhìn thấy ông quăng lưới mấy lần, coi có vẻ chẳng khó khăn gì nên tính bất chước, liều mạng quăng thử một lần xem sao. Nếu quăng lưới được, biết đâu chừng, tôi có thể trở thành một triệu phú thật. Ai bảo đánh tôm là khó, đánh tôm dễ lắm chứ...

Tôi quăng thế nào tôi chẳng nhớ, chỉ biết là cái lưới lại dính mệ nó vào cái chong chóng chân vịt. Chiếc ghe nhỏ tội nghiệp cả giật mấy phát rồi nằm xuôi lợ, rên rỉ như một con gà bị cắt tiết.

Lúc ấy tôi mới thấy hồi hận nhưng đã quá muộn rồi.

Tội nghiệp ông già. Nhìn thấy chiếc ghe của mình như thế, ông muốn phát khóc lên, cặp mắt trợn trừng, giận run lên từng đợt. Nhưng thay vì chửi thề văng tục, hoặc đấm cho tôi một

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

phát, ông ta cứ mở miệng than, hết “Lạy Chúa tôi” rồi đến “Giê Su Ma”, rồi đến “Ồi giờ ơi” rồi đến “Khổ thân tôi” vân vân...

Nhưng giữa đại dương mênh mông, trong hoàn cảnh đó, chúng tôi liền trở thành hai người bạn thân thiết. Cả hai hợp tác nhau để gỡ lưới. Gỡ không kịp thì lát nữa mặt trời lặn, sẽ chết chum một lũ.

Lúc thì ông lặn xuống biển mò mẫm, lúc thì tôi cũng nhảy tòm xuống biển phụ ông ta. Có lúc, cả hai cùng mò mẫm dưới nước để gỡ lưới. Tôi hồi hận đến độ chẳng dám nhìn mặt ông già.

Rồi cũng đến một lúc nào đó, sau khi đã gỡ lưới lên, chúng tôi ngồi xuống nghỉ ngơi. Ông già mời một chiếc thuốc, hỏi tôi một câu mà đáng lẽ ông phải hỏi từ khi chúng tôi vừa mới gặp nhau:

- Hỏi thật cậu, cậu có phải là dân... đi biển không?

Dân đánh cá ở New Orleans luôn luôn dùng danh từ “đi biển” để thay thế cho hai chữ “đánh cá” nghèo nàn. Trong hoàn cảnh đó, tôi đành thú thật:

- Thưa không, bác ơi.

- Lạy Chúa tôi. Thế thì ngày xưa cậu làm gì?

- Thưa, cháu đi lính.

- Lính Hải Quân hả?

- Dạ không, lính Không Quân.

Ông già nức nở như sắp khóc:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Lính Không Quân. Lính Không Quân thì biết cái quái gì về biển mà lại muốn mua tàu đi đánh cá. Thế thì cậu giết tôi rồi. Sao mà đời tôi lại bị xúi quẩy như thế này...

Nghe như thế thì tôi chỉ muốn nhảy tùm xuống biển tự sát cho đỡ hối hận. Ông lại hỏi:

- Sao cậu... cuồng thế? Cậu nghĩ sao mà cậu lại muốn đi mua tàu đánh tôm?

Chẳng lẽ lại nói thật là tôi muốn mua tàu để... trở thành triệu phú, tôi lắc đầu, lí nhí trong cuống họng:

- Nghe nói nghề này kiếm tiền dễ lắm, cháu muốn thử.

Ông chủ tàu lắc đầu, làm như hết ý kiến với tôi. Ông nhìn ra biển, thở ra một hơi khói thuốc lá thật dài như muốn thổi tắt cả những sự bức tức và đau đớn khỏi lòng mình ra khơi:

- Cuồng thật.

Tôi chỉ biết gật đầu. Mình cuồng thật chứ chẳng chơi. Chẳng những cuồng mà còn liều mạng và ngu dốt nữa.

Từ đó trở đi, ông già không nói gì thêm nữa. Ông cứ lẳng lặng làm việc một mình. Tôi cũng muốn phụ ông một tay nhưng hình như ông không còn muốn cho tôi rờ vào bất cứ một thứ gì trong chiếc ghe của ông nữa. Tôi cũng chẳng trách ông được chuyện này. Người ta chỉ đại một lần, ít có ai đại đến lần thứ hai.

Lại đến một lúc nào đó, sau chừng chục cú lưới, tôm cá bắt lên đã thấy nặng, ông ngừng tay, mở cái hộp Igloo, đưa cho tôi một lon nước ngọt. Ông cũng không nói thêm một lời nào. Chúng tôi ngồi uống nước trong im lặng, nhìn ra biển cả...

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Giữa đại dương mênh mông, nhìn ông già, tôi chợt nhớ lại truyện “Ngư Ông Và Biển Cả” của Ernest Hemingway mà tôi đã đọc ngày nào...

Câu chuyện Ngư Ông và Biển Cả của Earnest Hemingway là một tuyệt tác của nhân loại, dù chuyện rất đơn sơ. Cái ý chính của câu chuyện muốn nói về cái ý chí khủng khiếp của con người...

Chuyện bắt đầu bằng một câu đơn giản như sau, “Lão già ra khơi đã 84 ngày liên tiếp mà chẳng bắt được một con cá nào cả.” (The old man has gone out to the sea for 84 days without catching a fish.)

Nhưng cuối cùng, lão cũng câu được một con cá thật lớn. Lớn nhất trong cuộc đời của lão. Lớn đến độ nó vùng vẫy và kéo chiếc ghe nhỏ của lão ra biển khơi trở lại. Một mình một ghe giữa đại dương, lão cứ để mặc con cá kéo lão đi. Chẳng cần biết đi đâu. Lão cũng chẳng sợ. Lão biết trước sau gì thì con cá lớn cũng sẽ chết. Và lão sẽ kéo nó về. Đúng như lão nghĩ, sau mấy ngày, con cá chết. Lão giăng buồm, kéo con cá trở về bến. Nhưng đường dài quá, con cá chết của lão đã bị những đàn cá mập tấn công. Chỉ trong khoảnh khắc, con cá vĩ đại, chiến công lớn nhất của cuộc đời lão chỉ còn một bộ xương...

Nhưng lão ngư ông chẳng hề lấy thế làm buồn. Lão đã cố gắng hết sức mình. Lão đã chiến thắng, đã bắt được một con cá lớn nhất đời lão. Nhưng trời phụ lão. Nó bây giờ chỉ còn là một bộ xương khô vĩ đại...

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Lão đã ra khơi với hai bàn tay trắng, sau gần tuần lễ vật lộn với gió biển, với con cá khổng lồ và đã chiến thắng nó, nhưng cuối cùng lại trở về bến với hai bàn tay trắng.

Nhưng lão vẫn tỉnh bơ, chẳng coi chuyện đó là quan trọng. Cái quan trọng là lão đã cố gắng, đã làm hết sức mình. Còn được hay không, là do số mạng.

Tôi không biết ông lão là một Ngư Ông và Biển Cả, hay chính tôi là một Ngư Ông và Biển Cả. Có thể cả hai.

Cái đau đớn của tôi là ngày hôm ấy, tôi biết là mình sẽ không trở thành triệu phú được. Nhưng ít nhất, tôi cũng đã thử. Bây giờ, 45 năm đã qua đi, ngồi nghĩ lại, tôi chẳng thấy có gì phải hối tiếc cả.

Ngày hôm sau, không còn bị giấc mộng triệu phú ám ảnh nữa, tôi ghi tên đi học tiếp và đi làm lao công nhặt rác ở một xưởng đóng tàu địa phương...

Rồi thời gian qua đi, tôi cũng lớn lên và trưởng thành và khôn đi theo năm tháng. Cái giấc mộng triệu phú, tôi tưởng đã tan thành mây khói kể từ ngày đó, té ra vẫn còn nằm ở một chỗ nào đó trong trái tim mình. Nhưng, cuối cùng, tôi cũng đã không bao giờ thực hiện được giấc mộng ấy.

Tuy không thành triệu phú được, và cũng không biết mình có thành Nhân được hay không như người xưa thường nói. Nhưng tôi biết tôi đã trở thành một con người tử tế, sống lương thiện, biết giữ đạo làm người, làm tròn bổn phận của một người chồng, một người cha, theo đúng cái châm ngôn trong một bài đọc ở Tiểu Học mà Cụ Tú Lãm đã truyền lại cho con cháu mình như sau:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

“Thầy chết đi, chẳng có của cải gì, chỉ có ba thứ gia bảo quý giá sau đây để truyền lại cho các con. Một là giữ lòng vui, hai là giữ linh hồn trong sạch, và ba là đem hết nghị lực ra làm việc.”

Tôi không phải là con của cụ Tú Lãm, nhưng suốt đời tôi, luôn luôn lấy ba điều dạy dỗ đó làm căn bản để mà sống ở đời. Những lúc tức cực đáng cay, tôi luôn luôn giữ lòng vui, những lúc đặc thời, tôi luôn luôn giữ linh hồn trong sạch, và từ lúc mở mắt cho đến lúc đi ngủ, tôi luôn luôn làm việc bằng tất cả nghị lực của mình. Dĩ nhiên, ngoại trừ những lúc đi... ăn nhậu.

Tôi đã lập gia đình, đã sinh con đẻ cái, đã làm lụng cực khổ ngày đêm ở cái thành phố yêu dấu này. Ngày mùng 1 tháng 2 năm 2021, sau khi về hưu được đúng một năm, tôi lâm trọng bệnh, tưởng đã đi luôn. Nhưng không đi. Ngày 31 tháng 8 năm 2021, hai ngày sau khi thành phố tôi bị bão Ida tàn phá, vợ chồng chúng tôi rời New Orleans, trực chỉ Cali, một nơi chốn mà tôi rất ghét và khinh bỉ ngày xưa.

Buổi chiều ngày vợ chồng tôi lái xe đi, cả New Orleans và vùng phụ cận vẫn còn chìm trong bóng tối vì bị cúp điện. Đó đây vẫn còn đầy dẫy dấu tang thương của sự tàn phá. Nhà cửa tróc nóc siêu vẹo toí tả, cột điện gãy nằm đầy đường...

Queo xe lên xa lộ I-10 West, trực chỉ Cali, hai hàng nước mắt tôi bất ngờ đã chảy ra, chan hòa.

Tôi thấy bỏ thành phố này mà đi như thế là có tội. Có tội như ngày xưa tôi đã bỏ nước ra đi, nhưng không thể nào làm khác hơn được...

Bao nhiêu người dân New Orleans, trong đó có gia đình con cái tôi, có anh em dòng họ nhà tôi, đang chìm đắm trong

đau khổ, sao tôi không ở lại để chia sẻ những đau thương mất mát này với họ? Nhưng khổ một cái, nhà không có điện, nghĩa là không có gì cả, tôi còn đang bị ung thư chữa chưa lành, làm sao tôi có thể sống được?

Thật ra thì chúng tôi đã chuẩn bị hành trang từ cả năm qua, đã chuẩn bị nhà cửa sẵn sàng bên Cali, và cũng đang dọn nhà, nhưng bị bệnh ung thư nên kẹt lại, bây giờ sẵn cơn bão, thôi đành đi luôn.

Tôi đã khóc thật. Tôi thấy thương và tội nghiệp New Orleans quá. Tại sao tôi phải bỏ một thành phố mà đi trong lúc nó đang bị hoang tàn đổ nát như thế này? Tôi thấy thương từng người Mỹ đen, Mỹ trắng, người Mễ và Việt Nam ở đây. Nơi đây, tôi đã sống và lớn lên cùng với họ. Tôi đã chia sẻ với họ trăm cay nghìn đắng của cuộc đời trong một thành phố tuy nổi tiếng thế giới nhưng rất nghèo, rất dơ bẩn và đầy dẫy tội ác. Tôi đã chia sẻ với họ những khắc nghiệt của thời tiết, những cơn bão tàn độc khủng khiếp của mẹ thiên nhiên, những mùa hè cháy nắng, những mùa đông lạnh cóng. Tôi cũng đã chia sẻ những giây phút hạnh phúc sung sướng với những buổi lễ lạc như Mardi Grass, vân vân. Tôi đã kiếm được những đồng tiền quý hiếm, bằng mồ hôi nước mắt của mình để nuôi vợ nuôi con ở thành phố này. Tôi nhớ lại những ngày khởi đầu phải xin vào làm lao công cực khổ ở xưởng đóng tàu thành phố. Tôi nhớ lại những thảm cỏ xanh rì rì mát rượi với những cây thông già ở trường UNO mà tôi đã nằm ngủ như chết vì quá mệt. Những người bạn lính, những chiến hữu trong đoàn thể mà tôi đã kết thân ở thành phố này. Những cuộc nhậu nhẹt thâu đêm suốt sáng khi mình còn trẻ, những trận cười ngang ngửa, những bài hát Karaokê trong cơn say hay đến ngọt lịm

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

con tim. Những vui buồn, sướng khổ, có đủ mà tôi đã sống và đã chia sẻ với họ...

Tôi sinh ra và lớn lên ở Việt Nam chỉ có 24 năm, nhưng tôi đã ở thành phố này đến 44 năm. Gần gấp đôi thời gian tôi ở quê hương Việt Nam. Đã làm người, thử hỏi, ai có thể quên được một nơi chốn mà mình đã sống gần nửa thế kỷ với không biết bao nhiêu là kỷ niệm như thế? Nơi đây, các con tôi đã lớn lên và trưởng thành. Nơi đây, tôi đã dựng vợ gả chồng cho chúng nó. Nơi đây, tôi đã sống những giây phút cay đắng cũng như tuyệt vời nhất của đời mình. Nơi đây, tôi, từ một thanh niên trẻ tuổi, tôi đã trở thành một ông già. Một ông già... may mà còn sống được...

Nơi đây, thành thật mà nói, tôi đã bỏ lại linh hồn mình. Đúng hơn, chỉ một nửa linh hồn thôi. Còn nửa kia, vẫn còn lang du ở một nơi chốn nào đó bên kia bờ biển Thái Bình Dương, ở một vùng cao nguyên đất đỏ nằm trên rừng Trường Sơn tên gọi là Ban Mê Thuột...

Ôi, New Orleans yêu dấu, sao tôi nỡ bỏ người cho đành...

Garden Grove, CA, 6/1/2023

Trường Sơn Lê Xuân Nhị



Anh Đừng Đợi Nữa

Hoàng Thị Thanh Nga

Xếp gọn lại đồng bù loong, con tán, người khách vừa mua bới tung. Duy xoa tay khoan khoái, hôm nay trúng mỗi mở hàng, vừa bán nhiều, vừa được giá. Yên tâm với thu nhập, không còn phải sốt ruột trông đợi khách. Duy thả lỏng tâm hồn nhìn lên trời ngấm mây, với tính chất nghệ sĩ trong người, Duy thích ngấm trời mây. Trời trong xanh thăm, cụm mây trắng như bông bay lơ lửng. Với Duy, kỳ quan đẹp nhất trong vũ trụ là trời xanh, mây trắng. Cả hai hòa quyện, quyến luyến nhau không rời và không thể thiếu, một khoảng trời không có mây, trống vắng lạ lùng.

Nhìn trời chán, Duy nhìn sang bên khu chợ trời bán quần áo cũ. Những nhóm người tụ năm, tụ ba sẫm soi từng chiếc quần, chiếc áo, kỳ kèo trả giá, rất náo nhiệt. Người mua thật thì ít, cò mồi thì nhiều. Hễ thấy có người lạ mặt, có vẻ từ dưới quê lên thăm hàng về bán, cầm đến món gì, là lập tức vài ba người cò mồi ủa đến, làm bộ trả giá, giành giật. Người kia vội mua ngay, không dám kỳ kèo, vì sợ mua hụt món hàng; vì thế ai ngờ ngáo bị hớ là thường. Không có khách mua, họ mua qua, mua lại của nhau rồi tìm "con mòng" gạ bán, vậy mà cũng sống được, nhiều người còn khá giả với cách buôn bán này.

Xã hội sau tháng 4 năm 1975, "phát sinh" ra nhiều nghề trước đây không hề có.

Duy len lỏi đôi mắt, cố tìm trong đám đông huyên náo một người. Với vóc dáng mảnh khảnh, khoan thai, dù đứng lẫn giữa chợ đông, cũng dễ dàng nhận ra Mai, người thiếu phụ ba con, dù chính miệng cô nói ra, cũng khó thể tin. Mai còn rất trẻ, khuôn mặt ẩn chứa nỗi buồn, nhưng đôi mắt trong veo, ngơ ngác như một cô gái mới lớn. Mai hiền lành, thật thà nên khi cô "xông" ra chợ trời tìm kế sinh nhai thì luôn bị thua thiệt. Nơi đây chỉ dành cho những người khôn ngoan, lanh lợi mới có thể tồn tại.

Lăn lộn nơi chợ trời không sống được, khi nào túng bán lắm, Mai mới ra đây để bán... đồ nhà: một vài cái áo của dì, của Mai, của con...

Có lần Duy hỏi:

- Cô không bán... đồ cũ nữa, thì cô làm gì.
- Chiều tôi đi bán... bia ôm. Duy kinh ngạc, hỏi lại:
- Bia ôm?
- Dạ... bia ôm, tôi phải rán uống nhiều bia, vì chủ tính đầu chai.
- Rồi... cô có uống nhiều không?
- Không nhiều... cuối tuần lãnh tiền ít lắm, nên lâu lâu phải... bán đồ .
- Sao tôi thấy người ta... bán bia ôm nhiều tiền lắm mà.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Vì người ta chịu chiều chuộng khách, lại là con gái neo nhèo nên có tiền bo.

- Còn cô thì sao...

- Tôi nói thiệt là có ba con, đi bán kiếm tiền nuôi con, người ta không thích, nên ít cho tiền.

Duy phì cười:

- Ai biểu cô nói thiệt làm chi!? Cô không nói người ta đâu có biết. Mai cũng cười:

- Nhưng khi người ta hỏi, tôi không nói dối được, ngượng lắm.

Duy thăm thương cảm, một người hiền lành khờ khạo như Mai mà cứ "lăn" vào những nghề phức tạp, gian nan.

Duy cũng hiểu hoàn cảnh của Mai, 17 tuổi lấy chồng, mới ở tuổi 22 đã ba con. Sống với chồng tuy không có hạnh phúc, nhưng được an nhàn, đầy đủ vật chất, không chật vật mưu sinh. Nhưng chồng cô đã đi di tản cùng với gia đình ông sắp trước ngày cuối tháng tư, bỏ lại mấy mẹ con cô, không hề liên lạc.

Mai mồ côi cha mẹ từ nhỏ, sống với dì được thương yêu, học hành tử tế, không phải lo toan điều gì. Bây giờ Mai như một đứa trẻ bị bỏ rơi giữa chợ, hoang mang, sợ hãi không có điểm tựa bám víu, không có nghề nghiệp mưu sinh, nên nghề gì cũng làm.

Băng đi khá lâu, hôm nay mới thấy Mai ra chợ. Bán xong mấy cái áo, Mai đến ngồi bên Duy, hỏi thăm:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

- Lúc này anh bán được không?

- Được, lúc này tôi bán được lắm, còn cô, sao lâu rồi không thấy cô ra chợ?

Mai phá lên cười:

- Trời!... anh mà thấy tôi ra chợ hoài là chết luôn đó, cả nhà tôi không còn đồ mặc.

Duy lúng túng:

- Ồ há... tôi quên, ý tôi muốn nói, lâu rồi không gặp cô.

Mai nheo mắt:

- Gặp tôi làm chi, anh gặp tôi nhiều là tôi... mặt đó!

Mai nói chuyện vui vẻ, nhưng không tự nhiên, hai tay để sau lưng, Duy lấy làm lạ, hỏi:

- Cô giấu cái gì sau lưng vậy, sao không cho tôi coi?

Mai chối:

- Đâu có... đâu có cái gì.

- Không có, sao cô không để tay ra trước.

Mai lí nhí:

- Thôi mà... không có gì đâu, kệ tôi.

Duy không nhịn được, nắm cánh tay Mai kéo ra. Anh bàng hoàng, thẳng thốt:

- Tay cô sao lại đến nỗi này?

Đôi bàn tay trắng trẻo, với những ngón thon thả, nhỏ nhắn, nay sưng phồng lên như nải chuối sứ, những vết sước ngang

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

dọc mừng mủ, mụn nước nhỏ, to giăng đầy bàn tay, kẽ ngón.
Mai nói nhỏ:

- Tôi đi chẻ tăm nhang, làm không quen, nửa cắt, phần vọc nước ngâm lỗ ô thúi nên bị làm độc.

- Sao cô không mang bao tay?

- Mang bao tay làm chậm lắm, người ta tính số lượng trả tiền.

Duy vội vã xếp nhanh đồ hàng vào bao, chất lên xe, kéo Mai đứng lên:

- Đi... cô đi theo tôi... về nhà.

Mai ngơ ngác:

- Về nhà anh làm gì?

Duy nóng nảy, thúc giục:

- Đừng hỏi nữa, về nhà tôi... rửa tay cho cô.

Duy ở trong căn nhà nhỏ nơi làng thương phế binh Tân Qui Đông. Ngày ấy, khung cảnh nơi đây thanh bình, êm ả như một làng quê. Cánh đồng lúa xanh bát ngát, những đụn rơm trước sân, khói lam bay lên vào những buổi chiều khi mọi nhà chuẩn bị bữa cơm, những trái bầu, trái mướp lủng lẳng dưới giàn xanh mướt.

Nhà Duy không có bầu, có mướp mà có giàn hoa Thiên Lý thơm ngát, những chùm nhỏ phơn phớt hoa vàng, dễ thương làm sao. Mai quên bàn tay "chuối sứ" của mình, nhón gót với hái chùm hoa, bỗng cô khựng lại, nhăn nhó, tay đau đón vì bị đưa lên cao. Mai chưa bước vào nhà ngay, cô còn

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

mải nhìn dòng sông xa xa trước mặt. Dòng nước xanh lặng lờ xuôi chảy, vài con vịt trời lặn hụp, thông dong nhàn nhã. Bên bờ là hàng cây hoa gạo ai trồng, uốn lượn theo khúc sông, gió rì rào đong đưa mấy bông hoa đỏ thắm, soi mình xuống dòng nước trong. Cô tự hỏi, “Trên mặt nước hiền hòa phẳng lặng kia, có đợt sóng ngầm cuộn chảy dưới đáy?”

Tiếng Duy làm Mai giật mình, cắt ngang dòng suy tưởng:

- Thôi vô nhà đi, vô nhà tôi... rửa tay cho.

Mai theo Duy bước vô trong. Ngoài chiếc giường ngủ, một chiếc bàn, một cây đàn Guitar dựng trong góc, còn lại là máy móc ngổn ngang, bừa bộn. Duy làm nghề sửa chữa điện tử, nên trong nhà toàn là máy hư.

Duy đã chuẩn bị một thau nước muối nóng, kế bên là những lọ thuốc. Chỉ Mai ngồi xuống chiếc ghế nhỏ, Duy ngồi xổm trên nền nhà, kéo tay Mai ngâm vào thau nước. Nước muối mặn, nóng, làm tay Mai vừa xót vừa rát. Mai xuyết xoa:

- Đau quá!

Duy dỗ dành:

- Cô rán chút xíu, rửa vậy mới khỏi được.

Vừa nói, Duy vừa kỳ cọ, cào bật tróc mấy cái mảy mụn cho mủ xì ra. Mặt Mai đỏ ửng, khoé mắt rướm rướm. Duy nắm chặt tay cô ngâm xuống nước, không cho giựt lên. Một lúc sau, anh lấy khăn khô thấm nhẹ, rồi xúc thuốc. Thuốc thấm vào đau rát, hai bàn tay Mai run run, Duy xót xa, nâng tay Mai lên, thổi nhẹ nhẹ, hỏi:

- Còn đau không... em?

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Mai ngờ ngàng :

- Ủa... anh mới nói với tôi hả?

Duy giật mình, bối rối.

- Ổ ờ... tôi hỏi cô còn đau không?

- Đỡ rồi, cảm ơn anh nha.

- Có gì đâu. À... Tôi đề nghị chuyện này, tay cô đang đau, cô nghỉ mấy bữa cho khỏi hẳn, về quê tôi chơi, quê tôi cây trái nhiều lắm, đem về cho mấy đứa nhỏ ăn.

Mai ngân ngai:

- Thôi... tự nhiên... về quê anh, kỳ lắm, với lại mấy đứa nhỏ ở nhà...

Duy năn nì:

- Con cô lớn rồi, ở nhà với dì cô một bữa có sao đâu. Mai cô qua đây đi sớm, sớm về rồi.

Mai theo Duy về quê Vĩnh Long. Gia đình Duy từ sau tháng 4 năm 1975, trở về quê nội sinh sống, có ruộng, có vườn. Ruộng cò bay thẳng cánh, vườn hoa màu, cây trái theo mùa, cuộc sống khá sung túc.

Riêng Duy nấn ná ở lại thành phố vì nhiều lý do. Vì anh đam mê sửa máy móc, trên thành phố mới có nhiều máy hư cho Duy sửa. Vì cần có chỗ ở để sau này đám em lên đây ăn học. Và quan trọng nhất là... chờ tin người yêu. Giang theo gia đình di tản từ ngày đầu tháng tư, đến nay không có tin tức, hay cô đã lãng quên???

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Thanh Giang là mối tình đầu thơ mộng của Duy mà đã có lần anh kể cho Mai nghe.

Thanh Giang, dòng sông xanh êm đềm của Duy, nhưng sao anh không có cái cảm giác xao xuyến đến nao lòng như với Mai, Mai mỏng manh, đầm thắm như cánh Mai mùa Xuân, nhẹ như cụm mây trắng. Duy hiểu Mai mới chính là nửa đời của anh.

Một căn nhà ngói ba gian ẩn sau những tán lá. Vừa bước vào cổng, một đám trẻ lớn, nhỏ sần sần, ủa ra sân, reo:

- Anh Hai về... anh Hai về, má ơi.

Chợt thấy Mai đi sau, chúng khựng lại, tròn mắt nhìn. Duy nói:

- Chào chị đi!

Đám trẻ rụt rè "chào chị" rồi chạy biến vào trong rì rầm, “Anh Hai đưa chị Hai về.”

Mai ngượng ngùng, đỏ mặt. Duy trấn an:

- Con nít nói lung tung, cô đừng ngại.

Ba Duy hiền lành, thân thiện. Ông vui vẻ, vồn vã hỏi Mai đủ chuyện, như đã thân quen từ lâu. Chắc ông tưởng Mai là... người yêu của Duy. Má Duy mập mạp, nhìn hơi dữ. Có lần Duy kể, “Ngày xưa má mê chơi tứ sắc, làm tiêu của ba mấy chiếc xe hàng, bây giờ thỉnh thoảng cũng còn chơi, không bỏ được, bởi vậy Duy rất ghét ai chơi bài bạc.”

Mai nhớ có lần ở quán bia, còn sớm chưa có khách. Mấy đứa rủ nhau chơi bài cào. Mai chỉ biết chơi độc nhất một thứ

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

bài là bài cào, nên cũng tham gia. Bất ngờ, Duy xuất hiện, không biết tại sao lại tới đây?

Duy gọi Mai ra...

- Cô đừng chơi bài nữa, được không?

Mai hơi giận, nhăm nhẩn:

- Không sao đâu, chơi nhỏ thôi mà, nhưng... ăn thua gì tới anh.

Duy năn nỉ:

- Nhưng chơi riết rồi cô sẽ mê, không còn tiền nuôi con đâu.

Mai chột dạ, hơn nữa sau khi nghe Duy kể chuyện của má, Mai không dám chơi nữa.

Đám em Duy hét lạ, nô đùa tíu tít, giành nhau chơi với "chị Hai". Duy quay mặt đi, giấu nụ cười mỉm.

Trở về Sài Gòn, Duy đề nghị với Mai:

- Cô đừng đi chẻ tăm nhang và bán... bia ôm nữa, mấy nghề đó không hợp với cô đâu. Mỗi ngày ra đây, tôi chỉ cho cô bán mấy món đồ này, còn tôi đi vòng vòng thu mua, cũng sống được lắm. Mai từ chối ngay:

- Không được đâu, nghề của anh, anh làm, đâu có bao nhiêu mà còn chia sẻ cho tôi.

Duy cố thuyết phục:

- Tôi độc thân, xài không nhiều, ba má tôi cũng khá, đâu cần tôi giúp. Giúp cô cũng tốt mà.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Mai cười, chọc Duy:

- Anh lo dành dụm, mai một "dòng sông xanh" của anh trở về, còn có tiền mà làm đám cưới.

Duy cũng cười:

- "Sông xanh" trôi đi mãi rồi, không ngược dòng trở lại đâu, chỉ có Thiên Nga mới ở lại thôi.

Mai chột hiệu, bồi hồi... Duy năn nì:

- Mai chịu đi nghe, cô cứ suy nghĩ, tôi sẽ chờ, bao lâu cũng được... Tôi chờ.

Tiền Mai lên xe bus về nhà, nhìn theo khuất bóng. Duy tha thiết gọi thầm, “Mai ơi! sao em không hiểu tình anh, em như cụm mây trắng, anh sẽ như bầu trời, ôm mãi cụm mây vào lòng... suốt đời... Anh sẽ đợi.

Bóng Duy nhỏ dần, rồi khuất hẳn. Mai ngậm ngùi tự nhủ, “Em hiểu... em hiểu, nhưng... sao có thể được... anh ơi! Em không thể bỏ rơi mấy đứa con để nghĩ cho riêng mình. Em cũng không thể bỏ ngoài tai lời dè bủ cay độc của người đời "trai tân lấy gái nạ dòng..." Ngày mai em sẽ đi xa thành phố này, anh đừng nhớ tới em nữa!

Đừng đợi em nữa!

Hoàng Thị Thanh Nga

Lan Man Mùa Đông

Út Bạch Lan

Giữa không gian yên tĩnh của một sáng sớm mùa đông, tôi ngồi một mình bên khung cửa sổ với tách cà phê đang bốc khói. Ngoài kia đất trời dường như vẫn còn ngái ngủ chưa muốn cựa mình trong cơn gió nhẹ mơn man se se lạnh. Tôi thả hồn mình quyện theo khói thuốc để hồi tưởng lại những mùa đông của ngày xưa chinh chiến.

Hơi lạnh đầu mùa rớt rề, khe khẽ chạm vào thịt da, níu hồn người neo lại trong những hoài niệm xa vắng, phảng phất chút tư lự, mông lung trên từng hàng cây, góc phố. Đất trời buổi lập đông mang vẻ u hoài, trầm mặc, làn sương mờ màng nhẹ buông xuống bàng bạc, ẩm ướt, làm nổi buồn dịu dàng lắng lại sau những tất bật giữa dòng đời xuôi ngược. Chỉ còn lại bao vệt dài của nỗi nhớ khôn nguôi.

Lòng bỗng như chùng xuống khi nhớ lại mùa đông năm đó, mùa đông đầu tiên của đời tôi khi hứng chịu những cơn gió lạnh rét buốt từ Nam Lào thổi sang. Tôi cùng anh em đồng đội đứng co ro trong poncho ven bên cánh rừng trơ trụi lá vùng Khe Sanh Lao Bảo Quảng Trị. Cây cối trơ mình với những cành cây khô cằn như những cánh tay gầy guộc trơ trụi đang

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

cầu xin chút hơi ấm từ mẹ thiên nhiên. Những cơn gió trời đông bắc Lào cuốn hết những chiếc lá cuối cùng, để lại khu rừng một hàng cây khô quéo héo hon, không còn màu xanh của hoa lá.

Tuy vậy, bên trong những khô cằn lạnh lẽo ấy là cả một nguồn nhựa sống dồi dào và mãnh liệt đang chảy không ngừng trong thân cây, luôn chờ đợi xuân sang để hiển dâng sắc xanh cho đời, tựa như dòng máu nóng không ngừng chảy trong nhịp đập trái tim mỗi người. Bạn tôi cũng từng nói mùa đông là mùa của sự lạnh lẽo, chết chóc. Có vẻ như đúng trong khoảnh khắc này của mùa đông năm đó, năm 1971, Cuộc hành quân Lam Sơn 719 Nam Lào. Quả đúng là lạnh lẽo chết chóc cho hàng trăm các chàng trai áo hoa mũ đỏ đang hăm hở xông pha vào chiến trận.

Theo kế hoạch hành quân của Sư Đoàn

Nhảy Dù, Lữ Đoàn 1 ND được từng thiết tiến chiếm căn cứ A Lưới trên quốc lộ 9, Lữ Đoàn 3 ND trực thăng vận xuống đồi 31 phi bắc căn cứ A Lưới khoảng 10Km để làm bàn đạp cho Lữ Đoàn 2 sẽ nhảy xuống ngay thị trấn Tchepone cách biên giới Thái Lào khoảng 20Km. Tôi và đơn vị lặng lẽ đứng nhìn những làn sương mù mỏng manh ẩn hiện hàng đoàn trực thăng chở quân vượt biên giới, cùng với tiếng gào thét của chiến đấu cơ phản lực của Hoa Kỳ hoà âm điệu với tiếng rít của pháo binh từ bốn phương tám hướng.

Tôi là người miền Nam, mùa Đông của miền Nam êm đềm đến lạ. Quê hương miền Nam của tôi như được trút bỏ những gánh nặng nhọc nhằn của ngày để trở về với phong thái điềm đạm, an nhiên. Tôi lại được dịp trải lòng cùng những ký ức

chân phương, để lặng lẽ sưởi ấm đêm đông bằng nỗi nhớ dung dị bao tháng ngày xưa cũ. Nhớ những mùa Cải ngồng nở rộ trên những luống đất sau nhà, sắc vàng dân dã của loài hoa mộc mạc ấy như thấp lên giữa nền trời lạnh lẽo một màu ấm áp, an nhiên bình dị. Khói lam chiều lãng đăng mong manh, nhẹ tênh bay là là trên mặt sông tĩnh lặng, quán quýt tỏa lan bên những luống cải vàng. Đứng bên bờ sông nghe lau lách phát phơ chiều gió lộng, không dung lại xao xác nhớ những mùa đông êm đềm bến vắng, Mẹ lặng lẽ ngồi giặt áo bên sông. Dáng Mẹ liêu xiêu một đời tần tảo, như cồng cả bóng hoàng hôn nặng trĩu ưu tư.

Nghe giữa mênh mông tiếng Cuộc gọi chiều xa xốt đến nao lòng. Giờ đây, đứng bên cột mốc biên giới Việt Lào nghe khúc du ca mùa đông dệt bởi những nốt nhạc đi đùng găm thét của bom đạn, tôi chợt bồi hồi lo lắng cho chuyến lên đường sắp tới của mình. Chuyến đi như Kinh Kha xuống dò sang sông Dịch. Bởi theo tin tức mấy ngày qua, LĐ1 bị áp lực nặng nề, LĐ3 thất thủ, Đại Tá Lữ Đoàn Trưởng Nguyễn Văn Thọ và bộ chỉ huy Lữ Đoàn hầu hết bị bắt tại chỗ, và cũng chính nơi đây, đồi 31, đã đi vào quân sử với "Anh không chết đâu anh, người anh hùng mũ đỏ tên Dương..." Trong bối cảnh chiến trận này, LĐ2 ND nhảy xuống Tchepone và ĐĐ2TS của tôi là kẻ tiên phuông thì không như Kinh Kha đi không có ngày về, nghĩ tới mà không "lạnh căng" sao được. Và cuối cùng LĐ1 được lệnh triệt thoái, kế hoạch vào Tchepone của LĐ2 bị hủy bỏ, thay vào đó là một trung đoàn của SĐ1 BB. Vì trận chiến này mà Thành Phố Quảng Trị có con đường mang tên "Lê Huấn", vị Thiếu Tá K18 VBQG Tiểu Đoàn Trưởng của TR/Đ2BB.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Mùa đông kế tiếp 1972, những ngày tháng mùa Đông rét buốt gian khổ bên bờ nam sông Thạch Hãn, cơm gạo sảy như vừa lấy từ tủ lạnh ra, mũ sắt khăn quàng cổ không đủ ngăn cái buốt từ bên ngoài và hình như nó cũng buồn buốt tự bên trong. Giữa những cơn gió bắc hanh hao đó, chỉ cần nghe một chuyển động nhẹ trước mặt như khoảnh khắc có bao chiếc lá khô lia cành, rồi máu lửa tràn ngập trong hơi thở của mùa Đông.

Mùa Đông năm nay nơi xứ lạ quê người, bên tách cà phê nóng với tiếng rì rào của cái máy sưởi, nhưng hơi thở mùa đông dường như là chất xúc tác cho những nỗi buồn chớm nở trong tim, để khi đã đi qua bao trắc trở cuộc đời, một ngày kia ta khựng lại trước hoàng hôn mà lặng lẽ suy tư, chiêm nghiệm về con đường ta đã lựa chọn. Khẽ lắng nghe mùa đông thâm thì, để những hồi ức lại ùa về miên man. Ngoài kia đường sá vắng đi tiếng xe cộ, vắng đi hình ảnh các cô gái đi bộ mỗi buổi sáng, và lũ chim đã rủ nhau đi tìm giấc ngủ vùi cả tuần lễ nay rồi.

Mùa Đông năm nay cũng có cái là lạ bất thường. Thường thì vào mùa đông, miền bắc lạnh và tuyết phủ ngập đường phố hơn miền nam nhiều, cho nên những người lớn tuổi về hưu giàu có hay di chuyển về phương nam để trốn rét.

Trái tâm tình với tác giả: Dũng Bụi Trần qua lời thơ:

Một Ngày Đầu Đông

*Mùa lá rụng
rớt xuống đời khe khẽ
Ta nằm yên nghe tiếng gió kinh cầu
Thời gian cháy khiến hoàng hôn bỏng rát*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

*Khát cuối ngày
tia nắng bỗng ngủ say
Hoa cúc mỏng
ngập ngừng lời thú tội
Sương trắng bay mộng tưởng hóa mây trời
Vạt cỏ úa
cũng râm rì sám hối
Chỉ trái bàng còn lăn lóc rong chơi.
Chao đảo ngổ
ngả nghiêng từng góc phố
Biết tìm đâu giữa quên nhớ kiệt cùng
Dòng sông chảy ru thuyền trôi xuôi ngược
Đều ngoái đầu nhìn bến cũ
thăm mong.
Thoang thoảng lạ
mùi hương tình thân thuộc
Bởi thói quen hay lòng đã đổi thay
Giọt mật sánh liếm môi người tham vọng
Mặc buồn vui
trong khóe mắt vui đầy.
Đành bỏ lại
sau lưng màu hạnh phúc
Sải bước đi về phía trước xa xăm
Vì Ta hiểu
nụ hồng người đang nở
Cố chạm vào sẽ rớm máu
gai đâm.*

Út Bạch Lan



Lưu Linh Phó Hội

Chúc mừng các bạn tửu đồ, lưu linh bốn cõi.

Bữa nay Tết ở xứ người ngồi không ngửa miệng buồn tình định rà lại bài viết tản mạn về bạn hiền với rượu ngon.

Chợt nhớ hôm ấy, cái hôm mà nhà nhà lo cúng gia tiên, then cài cửa đóng thì xạo sự tôi lại hoan hỉ khai môn rước bạn hiền toàn là lính dữ ngày xưa. Cuối năm tụ về phó hội tửu đồ những tiên say lạc bước đường trần.

Từ đó rượu vào thơ ra hương bay khắp nhà, hoa khai mẫn địa ngất ngưỡng mê say.

Chùm thơ này kết hợp những câu "xuất khẩu" lúc tức cảnh sinh tình ngày hôm đó đó...

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Cái ngày cuối năm chạnh buồn hiu hắt, nói nói cười cười nhưng dường như mắt người đều róm rộ, có những lúc không khí như chùng xuống, u uất nhìn nhau khi những mái tóc không còn xanh nữa. Đồi đã về chiều mà gió đông vẫn còn se sắt lòng vẫn vương không khí tết quê nhà.

Quê tôi ở Gò công hai phía, đông hay tây đều dưa hấu đầy vườn, xanh vỏ đỏ lòng vui ngày tết, bàn cúng gia tiên không thể thiếu củ kiệu dầm chua trắng giòn thơm nức. Hương đất lúa thơm ngan ngát sân nhà, mà nhà nào cũng thể khói bếp quện vườn sau, ấm thêm nhà vườn trước làm nền cho hoa tết thêm tươi phối màu trong nắng mới.

Khác với ở đây những ngày cuối năm trở lạnh, lạnh lắm nhất là những gia đình đơn chiếc sẽ buồn hơn khi không có bạn viếng nhà. Vì vậy được gặp nhau là lòng luôn phơi phơi là có người nghe những sự tình, là người cùng ly say khướt, là có bạn già ôn cố tri tân. Cuối đời không còn bay nhảy nữa mới nghiệm ra có bằng hữu thân quen là trân quý biết bao.

Đặc biệt hôm ấy có sự hiện diện của bạn thơ Nguyễn Lập Đông người không xa lạ với anh em văn nghệ sĩ mà 5 năm qua vắng bóng. Nay tái xuất giang hồ, ai đó chợt đề nghị gom thơ mừng bạn mà phải là thơ “xuất khẩu” tự nhiên. Sau ly cạn người thơ Dương Thượng Trúc ra quân:

*Được gặp nhau một buổi chiều tháng chạp
Mới "Lập Đông" mà trời đã lạnh
Rượu đã cạn nhưng tình còn lại lóng
Xem chuyện đời như nước chảy mây trôi.
(Dương Thượng Trúc)*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Vâng đúng thế, sự đời cuối cùng rồi cũng là nước chảy mây trôi

Chỉ còn lại hơi thở buồn bất biến dù rượu đầy, rượu cạn, rượu như dòng chảy không ngưng. Sau vài giây định thần cho thắm, Túy hà lên tiếng với âm thanh khàn đục vì rượu vẫn chưa thông:

*Lập Đông thôi nhé, đừng đông nữa
Cho tháng ngày vui, với nắng mưa
Hãy là như thuở xanh xưa ấy
Đừng sợ nhìn nhau tóc trắng đầu.*

(Túy Hà)

Và thắm đậm thay khi nước xuôi dòng chảy nhưng đôi khi vẫn quán quít chân cầu, vẫn liu riu như giọng hò nam bộ, trôi bèo bồng trên sóng nước miền tây

Khi hơi thơ loảng tan trên khói sóng thì hồn phách người cũng theo gió nghiêng xiêu như Phạm tương Như nhả gỏi:

*Sóng say sóng nước Túy Hà
Cành hoa lan trắng mượt mà Bạch Lan
Huy Tâm hồn phách thơ văn
Tiệc vui Quý Mão thăng trầm có nhau.*

(PT Như)

Nếu tôi nhớ không lầm dù đã chệnh choáng say thì dường như bạn ta Nguyễn Lập Đông cũng lặng người vì cảm động hay vì hồn thơ thức dậy sau khi say giấc miên trường chợt cơn gió thoảng qua chạm vào những hư hao quá khứ, khiến cho thân bách chiến phải ngậm ngùi.

Nguyễn Lập Đông lên tiếng khó khăn nhưng không do dự:

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

*Ví chừng ta được cùng vui để
Nên có vài câu với chỗ ngồi
Chung tiền kiếp, một lần tẻ tịu
Một lúc, một đời lấy làm vui.
(Lập Đông)*

Và cứ thế đan xen thơ phú là rượu tràn ly, hết cạn lại đầy. Uống, uống nữa, gọi hồn Lương Sơn Bạc nhưng làm sao hành đạo thế thiên. Có chút gì ngậm ngùi chen tiếc nhớ, có chút gì như muối mặn nước mắt cay. Chung thân phận trích tiên lạc bước còn ham vui dù trần thế nhiều nhương. Không gian lặng im thời gian như ngưng đọng vì rượu hay vì tình mà xạo sự tôi cũng túy lúy thơ văn nổi máu lính vỗ bàn cầm nhịp:

*Rượu xuân một cặp chia đều
Tửu tiên thất lão đông thêm nổi niềm
Tưởng xuân túy lúy mình ên
May mà còn có bạn hiền chung mâm*

Chưa chưa hết:

*Rượu thân tình rót từ tâm
Cạn ly tay lại âm thầm rót thêm
Mừng xuân vừa đến bên thềm
Thất tiên ly xứ thiên bôi tửu phùng.*

Bạn a!

Ai đó bảo mỗi người viết là một nhà thơ, trước đây tôi không tin nhưng vừa qua dường như xạo sự tôi cũng mãn thơ đó nha.

Thật ra thì vì bạn vì rượu cao hứng nói cho vui coi như ghi lại chút kỷ niệm những ngày Tết tha hương

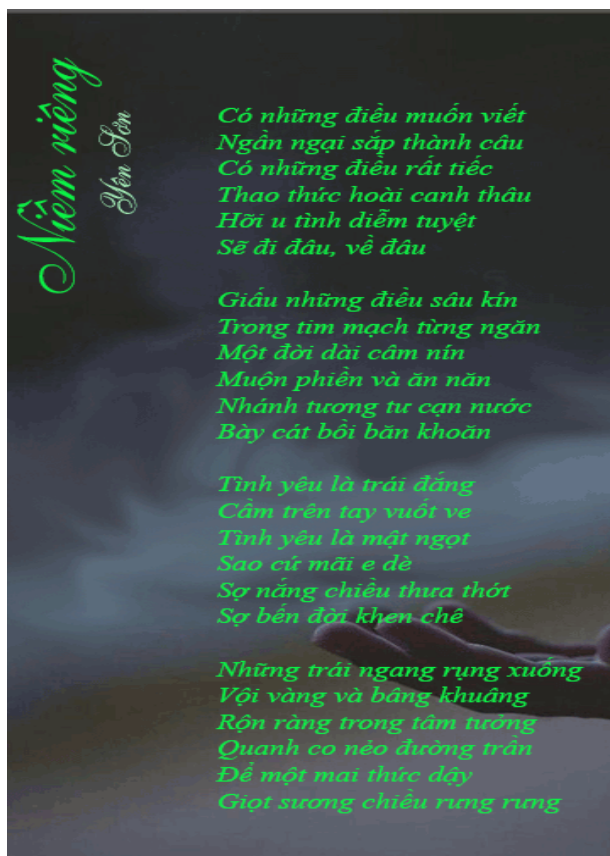
Khi ráng chiều đã đỏ trên đầu, tóc bạc màu sương tuyết nổi buồn rơi theo những cánh hoa tàn.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Dù gì thì việc gì đến sẽ đến; vì vậy, luôn hân hoan mở lòng với bằng hữu cùng thời lận đận nên vẫn phải mượn thơ thay lời kết:

*Chỉ một thoáng qua hết hai chai
Bảy người cưa đủ chẳng chừa ai
Những tưởng ta là người sinh rượu
Ai ngờ say khướt thật thiên tài.*

Út Trương Văn Xạo Sự





Nỗi Nhớ Muộn Màng

Vĩnh Tuấn

*Mai này còn nhớ tên nhau
thương yêu còn đọng chút sầu vẩn vương
đur âm vọng đến cuối đường
Ta nay sao vẫn chẳng buông được người*

*

*Em như vạt nắng bên trời
Đắng lòng ta đã một thời yêu em
Hồn ta bão rớt bên thềm
Sầu lên ngõ vắng đêm buồn cô liêu*

*

*Hỏi lòng sao quá quạnh hiu
Như trong ký ức một chiều tương tư
Tìm trong vô tự thiên thư
Vần thơ ai viết nét như hồn ta*

*

*Cố nhân tình đã chia xa
Thần tiên nay đã vời xa muôn trùng
Thôi thì trong cõi vô cùng
Lỡ làm cũng một trạm dừng nhân gian*

Thơ Nguyễn Lập Đông

Chuyện Cũ

*Khi chiếc máy bay
Trúng đạn phòng không
nổ tung cánh trái
như chiếc lá chúi mũi
quay tròn vùn vụt
rớt.
Dù đã bung ra
tránh qua mặt tử thần
treo lơ lửng giữa trời chiều
Tây Nguyên xám.
Dựa lưng đất cứng
một hố bom sâu
đưa tay vuốt máu
vết cắt trên trán
Làm choáng váng như một
con say
quanh ta đầy vết đôi
mím môi
vĩnh tại
nghe những âm thanh vỡ lá
kiếm tìm
thật lâu
im lặng*

*đốt điều thuốc thơm mùi
thành phố
cho dạt bột đi tử khí Tây
Nguyên.
Đêm đen sâu
Bạn với thù chẳng thể nhận
mặt nhau
(dù trời sáng chắc gì nhận
được!)
ta thiếp đi
ngay cạnh bờ sinh tử
trong chút mơ - thấy khuôn mặt
Việt Nam hung ác dị thường.
Người thi sĩ trở về
như một nhúm chỉ rối
nút thắt ở trong tim
càng ngày càng siết chặt.
(văn 96)*



Cơn Mưa Khác

(gởi Nguyễn Văn Trán
Tác giả: Viết cho Mẹ và Quốc hội
Ông cũng là vai Ông của vợ
người viết bài thơ này)

*Mưa phía đông
Kéo thấp ngày nặng trĩu
Nhập hai bờ sáng tối vào
chung
Kẻ phủ dụ nhân tình
Đang đu dây cùng sợi mưa
tháng tám.*

*Mùa cách mạng đi qua
Như những chiếc loa
Đã hoen rỉ cùng tuyên ngôn,
cương lĩnh.*

*Thấy co ro mùa đông việt
bắc
Cánh đồng chiêm ngập nước
Nhúm rom chiều không đủ
ấm niêu cơm.
Thấy miền Trung hấp hối
Cây ốt chỉ thiên
Mở bung từ kẽ đá
Để ba miền cay xé miệng
hôm nay.*

*Vùng địa linh nhân kiệt
Điểm gánh hai đầu
Đang oằn xuống biển sâu.
Thấy hậu giang hồ hững
Câu vọng cổ đêm nay
Không làm đầy hơi rượu đế
Con cá lóc nướng trui
Mở mắt đợi chờ
Đợi chờ
Một cơn mưa khác.*

Nguyễn Lập Đông

Uống Rượu Lính Say Biên Cương Hành

***phạm trương như**

*Sáu tên lính cũ gài độ nhậu
Hải Lục Không Quân trấn bốn Vùng
Tủi phận bại binh đau không thấu
Ngậm ngùi xa xứ rách như bươm*

*Lại nghe cột mốc bùng lòng đất
Gươm giáo nào đâm nát biên cương
Học hỏi sử xanh ngàn năm trước
Tiền nhân giữ nước đổ máu ròng
Mẫn Thanh, Mông Cổ đành lùi bước
Ngẩng đầu cao nòi giống Tiên Long*

*Năm xưa Nguyễn Trãi đưa khóc tiễn
Phụ thân Sứ giả Nguyễn Phi Khanh
Qua ải Nam Quan còn vang tiếng
Giờ cống sang Tàu cả địa danh*

*Giận cá sáu thằng toan chém thót
Trách hờn dân-tộc-tính ta đâu?
Câu thơ, chén rượu càng thao thức
Hùng khí trào dâng dầu bạc đầu*

*Nữ nhi Trung, Triệu như anh kiệt
Nam tử hèn đáng bậc Thánh nhân
Ngũ Tướng mất thành cam tuần tiết
Hoàng Diệu, Võ Tánh tử vì thân*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

*Không, Lục quân năm nào tử chiến
Đổ máu tươi tái chiếm Cổ Thành
An Lộc trai hùng thủ địa diện
“Biệt Cách Dù” vị quốc vong thân*

*Người vượt biên cương tìm đất mới
Liều chết vì hai chữ Tự Do
Chín chục triệu đồng bào nín đợi
Người về! Tự Do cứ làm ngơ!*

*Triệu người xa xứ nghe không chạnh
Dân khổ không hề đứt ruột gan
Tiền đồ vẫn đứng đưng mặt lạnh
Đất nước lâm nguy có biết chẳng?*

*Quốc nội vài người toan quật khởi
Lao lý gian truân bởi độc hành
Giận bọn Việt gian đang bán nước
Tàu Cộng vào khai mỏ phá rừng*

*Giờ thêm cắt biển dâng hải đảo
Chết Hán ngang nhiên mở phi trường
Lập căn cứ điểm, thêm quân cảng
Hoàng Sa hề trăm đấng ngàn thương!*

*Tội cho ngư phủ, con dân Việt
Lưới biển ta, Tàu bắt bỏ tù
Tài nguyên tôm cá thêm lục địa
Hoàng Sa! Hoàng Sa! Hận thiên thu!*

*Sáu tên lính cũ đau như cắt
Máu nhuộm biên cương đỏ lửa lòng
Nén tức đến nổ tung buồng phổi
Rừng thiêng sông núi có nghe không?*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

*Tự Do Dân Chủ luồng gió mới
Từ Bắc Phi thổi suốt Trung Đông
Thanh niên Việt chưa từng khiếp sợ
Dem máu xương tô thắm non sông*

*Lại nhớ Hoàng Sa mùa dâu bể
Tàu Cộng xâm lăng lãnh hải ta
Hải Quân Cộng Hòa dù yếu thế
Tử chiến! Đền xong nợ nước nhà!*

*Dân tộc quật cường, chí dững mãnh
Quang Trung, Quốc Tuấn hạ quyết tâm
Đoàn kết toàn dân làm sức mạnh
Giành quyền trị nước, chống ngoại xâm*

*Toàn vẹn biên cương niềm kiêu hãnh
Lịch sử ngàn năm giữ nước nhà
Hải đảo sóng xô cơn ảm lạnh
Vang vang pháo lệnh “Ngụy Văn Thà”!*

*Ai về chống giặc tôi cùng tiến
Nguyễn một lần da ngựa bọc thây
Chết vì Tổ Quốc càng vinh hiển
Thức với Trời, ngủ với cỏ cây!*



Phạm Tương Như

Câu Chuyện Mười Năm

Hoàng Lan

*Mười năm rồi mình xa nhau anh nhỉ?
Ai buồn hơn kẻ ở hay người đi??
Mười năm rồi em nhiều lần suy nghĩ
Sao vụng về không giữ bước chim di???*
*Mười năm rồi Anh chờ em tha thứ
Nhưng sao em không nói được thành lời
Để anh vẫn mãi làm thân viễn xứ
Về phương trời xa, xa tít mù khơi
Mười năm rồi em sống đời lặng lẽ
Một mình đi trên đường vắng thênh thang
Mới cảm nhận vắng trắng sâu đơn lẻ
Và mây trời vẫn hát khúc lang thang
Mười năm rồi bước chân em mòn mỏi
Muốn dừng chân để nhớ một tên đường
Muốn mở rộng đôi vòng tay trên lối
Để đón chào người hiểu nghĩa yêu đương
Mười năm rồi ta mới vừa gặp lại
Bên vai anh người tình trẻ thứ hai
Nhưng sao anh vẫn nhìn em sâu lắng
Như gửi thắm lời hối hận ăn năn
Mười năm rồi anh vẫn là thế đó
Vẫn dạt dào như từ thuở quen nhau
Anh ôm chầm gửi lời chào và bảo
Mười năm trôi em vẫn đẹp ngọt ngào
Anh bước đi em ngã nhào nước nở
Đến bao giờ mình sẽ gặp lại nhau?
Mười năm rồi, mười năm sau tiếp nữa
Nếu mưa đời mất người giữa phong ba
Thì anh ơi một người còn ở lại
Sẽ ngậm ngùi và sẽ lẩm xốt xa . . .*

Chiều trên đồi khu F

*Tưởng nhớ 249 đồng bào đã vĩnh viễn nằm lại trên đồi
thu F Pulau Bidong*

*Chiều trên đồi khu F
Nhìn biển và trời mây
Quê hương ta rộng lớn
Sao gửi thân chốn này?*

*Chiều trên đồi khu F
Mộ bia và cỏ cây
Tương lai còn trước mặt
Sao nằm lại nơi này?*

*Chiều trên đồi khu F
Vọng đồng hương gần phần
Dang dở bao mộng ước
Sóng vỗ buồn dưới chân!*

Nguyễn Mạnh An Dân

Xót xa!

*Synott-Sharpbill ôi! Quá thương!
Con đường này xưa từng có đôi
Nhưng nay chỉ mình ta còn lại!
Sớm tối đi về chẳng nói năng!*

*Biết nói gì đây?! Khi chính đây!
Con đường yêu dấu thân quen đó
Người đã ngàn năm vĩnh biệt rồi!
Và trong giây phút thiên thu ấy!
Ta thấy bầu trời bỗng tối tăm!
Có phải chia ly là định mệnh?
Định mệnh thì ôi! Cay nghiệt lắm!
Chia cắt người ta không xót thương!
Houston, những tháng tư buồn!*

Nguyễn Kim Kiều

Yên Sơn

A hermit crab appears from a smaller seashell nearby
and crawls into the bigger shell.

– Life is the beginning of love.

– Then, what is love?

Như con ốc mượn hồn

Rời bỏ vỏ ốc nhỏ

Chui vào vỏ lớn hơn

Nằm chông chênh gần đó

Yêu thương là khởi điểm

Cho cuộc sống bon chen

Sao người ta còn hỏi

Tình yêu là gì heng?

Thơ Như Phong

Ta Thấy Rồi

*Canh cánh bên lòng chuyện nước non
giang sơn giầy xéo bởi hung tàn
ta người có nước không về được
cúi đầu nhìn quốc phá gia vong
viễn địa lòng đau như xẻ thịt
trông về cố quốc ruột gan bầm
hỡi ơi! máu sôi tràn huyết quản
thương cho đời tóc đã hoa râu
qua vài năm nữa nòi giống Việt
cúi đầu nô lệ giặc ngoại xâm!*

*ta thấy máu người con giống Việt
chảy thành dòng trên khắp núi sông
ta thấy xác thây người giống Việt
chết ngổn ngang trên khắp ruộng đồng
ta thấy bé thơ trong trường học
đang ê a nét sổ, nét ngang (học tiếng tàu)
ta thấy Mẹ cơ cực làm than!
còng lưng tìm cơm nuôi thẳng con phản bội
ta thấy rồi ruộng nương cần cỗi
chúng cướp sạch rồi mảnh đất tổ tiên
ta thấy rồi một loài cướp biển
máu ngư dân trôi nổi bồng bềnh
ta thấy rồi giống nòi tuyệt lộ
chết dần mòn chẳng được an nhiên*

*ta muốn trở về làm một người điên
thét vào mặt lũ hèn buôn dân bán nước
ta muốn trở về ôm bom đi trước
nổ tan thành cái ổ quỷ, hang ma (ba đình)
cộng đảng kia chính là đảng gian tà
là ác quỷ là một bầy giặc cướp
ta sẽ trở về ngẩng cao đầu đi trước
cho giống nòi thức dậy bước theo sau*

*hỡi anh em, chiến sĩ, đồng bào!
chúng ta chỉ có một lần để chết!
máu ta đổ cho hồn thiêng núi bể
máu ta đổ cho đất nước trường sinh
đồng bào ơi! Hãy thức dậy vươn mình
nắm chặt tay nhau thành tường đồng vách sắt
góp một bàn tay mà truy lùng bắt giặc
chúng nó chính là cộng đảng Việt gian
chúng nó chính là cộng sản Việt Nam!*

Đau Hồn Con Chử

*Ngày dân tộc đi vào vòng nô lệ
không còn xa vì chúng sắp sẵn rồi
đưa tiếng tàu vào trường học hôm nay
cho con cháu ngày sau biết khom lưng quỳ gối
đường phía trước là con đường tăm tối
bởi giặc hồ đã bán nước từ lâu
giống nòi rồi sẽ làm kiếp ngựa trâu
cho giặc cướp đè đầu cỡi cổ*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

nòi giống Việt năm ngàn năm hùng liệt
có tôn nghiêm có "Quốc Ngữ" nhân văn
có Văn Hào, có Danh Nhân thế giới
chữ Quốc Ngữ là linh hồn nòi giống
là máu xương tâm huyết của tiền nhân
là trí tuệ, hun đúc mấy ngàn năm
dù trải qua thăng trầm
vẫn kiêu hùng giữ tôn nghiêm dân tộc
nay gian đảng rắp tâm làm tay sai cho giặc
dạy cháu con học chữ làm vong nô
không lâu nữa sẽ mất hết cơ đồ
không lâu nữa thế gian không còn nòi giống Việt

hỡi những kẻ sĩ phu trí thức
hỡi những người tiến sĩ hèn ngu
hỡi những ai còn biết chút tự tôn
còn biết được giống nòi ta Bách Việt
hãy lắng nghe tiếng giống nòi rên xiết
hãy lắng nghe lời tiền nhân thống thiết
hãy lắng nghe lời than oán của linh hồn chữ Việt
đang quặn đau bởi những kẻ vong nô
chúng đem dân tộc dâng cho rợ hán, giặc hồ
Ôi! Đau lòng thay cho linh hồn con chữ Việt
giống nòi ơi! Hãy đồng lòng đứng lên tiêu diệt
lũ cộng nô "Phản Động" lại giống nòi
cho cháu con ngàn sau đùa vui cùng con chữ
chữ của giống nòi, chữ Việt Quốc Tiên Long!

Như Phong LVK

Thơ Đông Khê

Khóc Ai

*Ta khóc ai? Bao mảnh đời,
Khóc người dưới mộ lúc trời vào Thu.
Khóc quê hương tắm đạn thù,
Khóc bà mẹ đứng mịt mù chờ con.
Khóc các em tuổi còn non,
Đầu đường xó chợ héo hon tháng ngày.
Khóc người lính cụt chân tay,
Dọc ngang hè phố đoạ đầy tháng năm.
Khóc cô em tuổi trắng rằm,
Hoa xuân đương độ tơ tằm bông không.
Khóc con tạo ở bất công,
Khóc người thiếu phụ ăm con chờ chồng.
Miệt mài Đông lại qua Đông,
Mỏi mòn con mắt nhận không tin về.
Ta khóc ta một lời thề,
Dãi đồng tâm đứt nẻo ruột gan.
Từ đi gió núi mưa ngàn,
Bao năm cải tạo giờ hoàn tay không.
Tìm con người bảo trời sông,
Tìm vợ vợ đã ba đông ăm mờ.
Quê hương sự nghiệp cơ hồ,
Chôn chung với bức dư đồ từ đây.*

Nhớ Nào

*Nhớ qua gió lạnh sương mờ,
Nhớ sao là nhớ dáng thơ bên nhà.
Nhớ tô cháo nóng đêm qua,
Nhớ bàn tay nhỏ ngón ngà nhẹ trao.
Nhớ làn mi mỏng vươn cao,
Nhớ đôi mắt liếc xôn xao cõi lòng.
Nhớ sợi tóc rối cong cong,
Nhớ màu phấn, má hồng hồng nét sương.
Nhớ móng tay màu tím hường,
Nhớ tà áo quện tình thương chúng mình.*

Dưa Em Muối

*Dưa muối ngọt mặn cơ mà,
Sao dưa em muối lại là ngọt ngay.
Chẳng hay em có quá tay,
Hay là em khéo tỏ đây tấm lòng?
Tính ngay nói rõ rày trông,
Ăn dưa em muối còn mong nỗi nào.
Càng ăn càng thấy ngọt ngào,
Nay mai chẳng biết thế nào đền ơn.
Thôi thì bằng cả nguồn cơn,
Lời thơ gọi chút đáp ơn em làm.
Dâu kia hết lá vì tầm,
Tình anh có cạn bởi nhằm thương em.*

Thơ Mỹ Nhung

Tâm sự Đời Ba

*Ba kể con nghe đời ba côی cút
Từ Hậu Giang trôi giạt xuống Cà mau
Ba nghèo tiền nhưng đức tính thanh cao
Nên ngoại thương cho ba vào ở rể*

*Nhọc nhần lắm nhưng lòng vui sao kể
Nhìn má cười ba quên cả nhọc nhằn
Ba năm trời làm rể cũng qua nhanh
Ngoại tác hợp má ba duyên cạm sắt*

*Rồi con đàn, rồi rể dâu cháu chắt
Ba má bây giờ tóc trắng như sương
Suốt một đời gắn bó với quê hương
Nên ba yêu từng bờ tre liếp lúa*

*Một mình con nơi xứ người vất vả
Chăm đàn con, lo cha mẹ tuổi già
Thương con nhiều nhưng ba chẳng muốn qua
Sợ con gái thương ba thêm gánh nặng*

*Gánh của con sao bằng ba lận đận
Cả một đời lo gầy dựng cơ ngơi
Nuôi dạy chúng con khôn lớn thành người
Ba yêu ời ba không côی cút nữa*

*Con sẽ về cùng chị em nhóm lửa
Sưởi ấm tim ba, ba gắng đợi chờ...*

Đêm Giao Thừa Mất lệ Rưng Rưng

*Anh đốt hộ em pháo giao thừa
Để hồi tưởng lại quãng ngày thơ
Đêm ba mươi canh nồi bánh tét
Mùi thịt kho thơm mãi đến giờ*

*Anh thắp hộ em một nén nhang
Kính nhớ mẹ cha đã khuất ngàn
Thắp thêm nén nữa giùm em nhé
Cho bạn bè ngủ giấc bình an*

*Anh sửa hộ em lại cành đào
Cờ vàng anh nhớ phải treo cao
Khấn nguyện đi anh niềm mơ ước
Và hộ em lau ngấn lệ trào*

*Anh cắt hộ em chiếc bánh chưng
Cạnh bát chè xanh đĩa mứt gừng
Mình cùng ôn lại bảo Xuân cũ
Xuân của chia lìa của nhớ thương*

*Anh đọc em nghe bài thơ Xuân
Giọng anh sao nghèn nghẹn nửa chừng
Hình như hạt bụi vương trong mắt
Đêm Giao Thừa mất lệ rưng rưng...*

Mỹ Nhung 2023

Nhớ Biển Quê Tôi

*Không biết từ bao giờ tôi yêu biển
Mà mỗi lần nhìn sóng vỗ lao xao
Cánh hải âu chập chờn bay ngược gió
Sóng lòng tôi bỗng dào dạt dâng cao*

*Biển quê tôi nước xanh màu lá đước
Bãi cát bồi năm tháng bởi phù sa
Mỗi hoàng hôn nắng trải vàng mặt nước
Thuyền cá về thấp thoáng cuối trời xa*

*Có lẽ từ một ngày hè xa lắm
Người tặng tôi con còng gió màu xanh
Nhắc rằng, “Còng ơi ta yêu nàng lắm
Còng thay ta mà tỏ thật ý tình.”*

*Biển quê người nước vẫn xanh biêng biếc
Mấy con còng hoảng sợ núp trong hang
Làm sao gợi nhớ thương về bên ấy
Nhớ biển xưa nhớ kỷ niệm ngút ngàn*

Mỹ Nhung 2022

Cà Phê Nhớ Người (1)

*Nắng xuyên qua chỗ tôi ngồi
Bên ngoài vương cửa đất trời vào Xuân
Nghe tim gõ nhịp băng khuâng
Cùng sương từng giọt ngập ngừng rụng rơi
Nhớ người nghìn dặm mù khơi
Nhớ ánh mắt, nhớ nụ cười liêu trai...*

Yên Sơn

Nguyệt
giọt nước mắt khô cho Ukraine



Ảnh (The Mendeleyev Journal)

như tiếng công đã nổi lên bắt đầu hiệp đầu
thế là lại tiếng gào rú ghê rợn của đủ loại những thứ âm
thanh
phi cơ hỏa tiễn xe tăng và đại pháo
những viên đạn đồng vãi tung từ những họng súng thép
lạnh lùng
cuộc chiến nào mà chẳng có lời biện minh
thây kệ những tang thương ngổn ngang đổ nát
hòa lẫn trong máu và nước mắt
vinh quang nào đây trên những xác người
xin hãy nhận diện thật rõ ràng để mà điểm mặt
cơn cuồng rồ của mưu toan ẩn khuất quanh co

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

những gã lãnh tụ tội đồ mồm miệng ngáp ngựa thú tính
hôi tanh
cất cao giọng nguy ngôn giả trá nhân danh
có gì khác đâu lửa đạn chiến tranh
chiêu bài nào thì cũng vẫn luôn chứa đầy xảo ngữ
Ukraine hôm nay
và những năm tháng Việt Nam quê hương tôi ngày cũ
cũng nổi buồn thân phận nhược tiểu tui hờn
dù màu vàng hay màu trắng của da
Ukraine ơi
thống kê đầy đủ chưa những nỗi thất thần hoảng sợ từng
ngày qua
hình ảnh quặn lòng người già em bé và bà mẹ trẻ đang
ôm chặt đứa con nhỏ trong tay
hối hả chạy tìm nơi trú ẩn
chông chênh giữa hai bờ tử sinh
con giận nào đây hay thêm một thử thách nghiệt ngã nữa
cho đất nước này
Chúa ơi sao Ngài chưa nguôi cơn thịnh nộ
luơng tri nhân loại dường như cũng đã không còn chỗ
sự lên tiếng đâu cần thiết nữa rồi sao
cái giá cho thiện ác và tự do độc lập
giọt nước mắt tôi đã cạn khô mắt từ bao giờ
nên chẳng thể nào rơi thấm rất vội
sao bỗng nhòe đi giữa dòng tin chiến sự sớm nay
hãy khóc thương cho mình
Ukraine.
ngoctự
26.02.2022

Minh Quốc Cung Văn

Hoa Mùa Đông

Sáng nay thức dậy
Ra trước sân nhà
Hit thở khí trời
Sâu vào tìm phổi
Theo nhịp bốn sáu
Điều hòa chân khí
Xuyên suốt chân tâm
Tập Dịch Cân Kinh
Bài học truyền thống
Từ mấy ngàn năm
Tổ tiên lưu truyền
Vòm trời Bách Việt...

* * *

Mặt trời ngái ngủ
Sau trận mưa đông
Giọt sương trên lá
Trên những phiến hoa
Trong vắt như ngọc
Pha lê tinh khôi.
Bông hoa mùa đông
Theo luật thời gian
Hoa tàn Nguyệt khuyết
Tự nhiên như nhiên...
Chẳng có chi lạ!

* * *

Tôi đi từng bước
Theo nhịp con tim
Đi tìm cảm xúc
Chiếc lá úa vàng
Lác đác trên sông
Dòng sông hoang vắng
Như cây sầu đông
Bên dòng sông lạnh
Tình người đông băng
Trong mùa bão tuyết...

* * *

Tôi đi tìm tôi
Trên những chiếc lá
Trên những phiến hoa
Còn chút dư hương
Trên những thân cây
Ấm thầm khép kín
Nhựa sống còn lưu ...
Chờ Mùa Xuân Mới
Vượt địa Nhân hoà.
Cành lá tươi xanh
Hoa ngàn cỏ nội
Thu thủy Xuân Sơn
Vươn lên mạch sống
Khát vọng Tình Thương
Tình yêu quê hương
Tình Người Tình Nước
Bốn mùa nở hoa...

Tháng 12-13,2022

Cô Gái Việt Nam

*Năm mới chào cô - người Việt ta
Tên cô dễ nhớ – Vanessa
Lưu vong tỵ nạn qua châu Úc?
Vẫn nhớ quê hương xứ Quảng Đà*

--O@O=--

A Vietnamese Girl

*Hello Vietnamese girl - in the new year.!
Her name is easy to call Vanessa
Refugee and exile to Australia?
Still remember the homeland of Quảng Đà*

--O@O=--

Une Fille Vietnamiene

*Charmante soeur de notre pays
Son nom est facile à appeler Vanessa
Exil de réfugiés en Australie – et pourquoi?
Rappelez-vous toujours la patrie de Quảng Đà*

Tình Vô

USA – 2023

(*) Ở Vanessa en Australia.

Đông Lạnh

*Thấm thoát đã vào giữa tiết đông
Cỏ cây xơ xác khắp nương đồng
Em đà mỗi một đời đơn chiếc
Anh vẫn sa đà bước ruổi giòng
Hồng mộng vừa qua mùa mộng quả
Cỏm thơm đã quá lứa thơm đồng
Lỡ làng ngày cưới thêm năm nữa
Lòng lạnh còn hơn cả rét đông.*

Sông Thu

(26/12/2022)

Mùa Đông năm nay quá tàn nhẫn, chẳng những bên Mỹ mà cả quê nhà ta cũng có nhiều thảm cảnh.

Xin gửi bài thơ Đông Tàn, Kính mời quý vị cùng đọc để phân nào thương nhớ quê xưa!

Đông Tàn

Độc Xuôi

*Đông tàn rét buốt gió tàn đông,
Đất nẻ trời đau héo úa đồng
Dòng kiệt suối sâu chìm lá đỏ,
Đập vùi sông thảm lụy đò dong
Đong đầy hận cảm đời chai đá,
Đắng chát sầu rơi lúa nát đồng!
Đông bão hơi ơ buồn lệ đầm...
Đông về khô lạnh rũ rầu đông*

Độc Ngược

*Đông rầu rĩ lạnh khổ về đông,
Đầm lẹ buồn ơi hồi bão đông.
Đòng nát lúa rơi sâu chát đắng,
Đá chai đời cảm hận đầy đông.
Dong dò lụy thấm sông vui đập
Đổ lá chìm sâu suối kiệt dòng.
Đồng úa héo đau trời nẻ đất...
Đông tàn gió buốt rét tàn đông!*

Nhật Hồng Nguyễn Thanh Vân

Thơ Tình Thời Thất Thập
Quan Dương

*Nhớ lần đó khi anh mới gặp em
Vì cứ tưởng do ông trời sắp đặt
Nên đã dọn đời anh vào đôi mắt
Mà lại không hỏi ý kiến chủ nhà*

*Em thương tình không nỡ đuổi anh ra
Anh được trốn cát luôn chòi ở lậu
Rồi tuyên bố đó là do duyên nợ
Rất hiên ngang anh cột sợi tơ hồng*

*Làm như vậy anh cứ tưởng mình ngon
Nhưng khi hiểu thì té ra không phải
Nói cho đúng em mới là cao thủ
Hai tay không bắt chiến tự nhiên thành*

*Hai tay không em bắt gọn tù binh
Rồi tuyên án một trăm năm mới đủ
Đâu ai mượn anh đưa đầu vô rọ
Đành dễ thương ở mãi tới bây giờ*

Thơ Ánh Nguyệt

Hãy Yêu Em Bằng Cả Trái Tim

*Người hãy yêu em bằng cả trái tim
Đừng dối gian khi đã mãi đi tìm.
Có chung cùng chỉ là bao thương nhớ
Dành cho nhau trọn vẹn một ước mơ*

*Người hãy yêu em như điều căng gió
Lòng lộng trời đâu sợ sẽ chia phôi.
Nắng mùa thu thương nhớ mắt ai cười
Bên hiên vắng lá còn rơi thắm đỏ.*

*Người hãy yêu những buổi chiều trước ngõ
Đợi người về cho môi ở trong môi
Hương hoàng lan thơm lẫn tóc em mời
Anh không dám chỉ âm thầm chờ đợi*

*Em bảo yêu, kéo gió vừa thổi tới
Hương bay đi anh tiếc nụ xuân thì
Hãy yêu nhau khi ta còn có thể
Ngắm trăng vàng nghe khúc hát Trương Chi.*

20/5/2022

Lá Thư Buồn

*Em tha thiết như lá thư buồn
Gọi tình về trăm năm vàng võ
Em- đôi mắt nai vì yêu anh từ đó
Em- đôi môi khô gầy vì nụ hôn bỏ ngõ*

*Tình như áng mây trôi theo chiều gió
Còn lại một người đơn cô mà thôi
Luyến lưu để mà chi khi đôi đường chia phôi
Yêu thương để được gì như dòng sông đôi ngả.*

*Tình chỉ là kỷ niệm đời nhau
Tình chỉ của đôi thiên nga khát khao suốt đời
Em -bức thư buồn dịu vợi
Còn trong anh nét son tươi màu mực mới*

*Còn trong anh mong chờ ngàn lối
Em đi về mùa thu có anh mong đợi
Thế mà một ngày ta ly tan
Đón đau nào lá thư tình chỉ còn tro than*

*Rồi một ngày anh ngỡ đời nhiệm màu
Ru anh những câu hẹn hò trăm năm gắn bó
Anh trong lăng kính muôn màu, bên ngoài lá rơi ngàn lối.
Em tha thiết như lá thư buồn.*

*Em yêu kiều một chiều buông.
Chỉ còn trong hồn anh lộng gió
Bay về cuối trời nơi ấy có đầy hoa?*

Ánh Nguyệt
28/5/2022

Thơ Mây Ngàn

Nhớ mãi hè

*Huế có chi mô nhớ mãi hè
Chỉ nghe tiếng nói “răng mô tê”
Gió lạnh đêm trường thương con nước
Sóng vỗ òa đưa Liễu tóc thế
Chiếc nón bài thơ hững nắng mai
Áo trắng tóc dài chấm ngang vai
Hương Giang xanh biếc lồng bóng nguyệt
Hoàng thành lưu dấu bước chân ai*

Cầu Kinh

*Vẳng nghe vang vọng tiếng kinh cầu
Nhớ thương Đất mẹ suốt đêm thâu
Sông hờn Bến Hải buồn năm tháng
Dấu tích tang thương nước về đâu
Quảng Trị Thừa Thiên địa linh ta
Nhân tài hào kiệt tiếng gần xa
Xông pha trận mạc lòng gan thép
Vị Quốc vong thân giữ đất nhà
Từ ngày bỏ nước hận phân ly
Sang giàu danh vọng chẳng mong gì
Non sông gấm vóc rồng Tiên Việt
Trung dũng anh hùng sách sử ghi*

Mưa

*Mưa chi mưa dũ rứa hè
Mưa qua thành nội mưa về Đông Ba
Mưa rơi thấm ướt mái nhà
Sát da áo trắng nồn nà dễ thương
Tràn lan nước ngập đầy đường
Nhớ thương cũng chịu đành vương nặng sầu
Giọt buồn theo nước về đâu
Mai tê một nọ in sâu đáy lòng
Gửi tình theo một dòng sông
Hương Giang nước biếc thuyền rong nặng chèo
Tại rằng Huế mãi mãi nghèo
Trời hành lũ lụt chèo queo dân lành
Nhiều khi nước ngập mái tranh
Gia tài sản nghiệp thôi đành trôi sông
May ra Huế được tắm lòng
Là người xa Xứ mãi mong ngày về.*

Mây Ngân

Cà Phê Nhớ Người (2)

*Cà phê từng giọt ngấn dài
Con tim gõ nhịp nhớ ai bồi hồi
Mơ xa sương xám lưng đồi
Nhớ xưa mình bước chung đôi bao lần
Sương đầu cành giọt rung rung
Cà phê từng giọt ngập ngừng nhớ ai./-*

Yên Sơn

Thơ Minh Xuân 538

Thuở Ấy Bây Giờ

*Biện đình còn mãi trong nỗi nhớ
Thuở ấy tóc em hãy còn xanh
Thường nhìn mây trắng bay viễn xứ
Nay viễn xứ rồi vẫn không đành*

*Đã xa bến nước khung trời cũ
Tây bắc tạm dung lại nhớ người
Thuyền ai thấp thoáng sông Thu ấy
Có nhớ em xa một bóng hình*

*Có nhớ ngày xưa em xuống phố
Guốc cao gõ nhịp dọc đường vui
Mát lạnh ly kem ngày nắng hạ
Tách cà phê nóng ngắm chiều trôi*

*Tuổi trẻ học trò qua rất vội
Em thành sáo nhỏ sổ lồng bay
Theo mây viễn xứ trời cao rộng
Chập chùng mây trắng mộng vờn xoay*

*Giờ đây chiều xuống thu tàn tạ
Mây trắng ngàn phương viễn khách xa
Chạnh lòng nhớ lại thời quá khứ
Thời gian hờ hững lạnh lùng qua*

*Mặc cho bóng sắc nhạt nhòa
Trong tim luôn nhớ hương hoa thuở nào*

Em Sẽ Về Thăm Bến Biện Đình

*Quanh co cũng một chữ tình
Hội an phố cổ Biện đình nắng mưa
Sông Hoài dòng vẫn dòng đưa
Nước xuôi cửa Đại người chưa quay về
Vẫn là những chuyện nhiều kẻ
Xoay quanh làng xã miền quê xa vời*

*Đã gần năm chục năm trời
Tuổi đời chồng chất lòng phơi nỗi niềm
Thoáng qua ngõ đã bình yên
Ngoảnh mặt nhìn lại ưu phiền nhân thêm
Chỉ còn vô cảm vô duyên
Chỉ cần chút lợi đảo điên tình người.*

*Em về thử nhập cuộc chơi
Anh ơi khó quá thói đời đảo điên
Thôi thì quanh quẩn thân quen
Một vòng là đủ biết nên làm gì
“Đầu tiên” hai chữ “thích nghi”
Là xong mọi việc mất chi lăm lờ
Thế thời nay đã đổi dời
Chỉ còn chút nhớ một thời bình yên.
Nhà không khóa cửa không niêm
Đồng bào làng nước tình thêm mặn nồng.*

Minh Xuân 538

Thơ Đào Lê

Buổi Sáng

Mặt trời ban ánh sáng đến mọi loài,
cho mặt trăng ánh sáng ban đêm
Ta mong chút hiền từ khi đối diện
Sáng chào mây trắng trời xanh
Tơ vương nắng sớm long lanh áo người
Mắt nhìn ghẹo đóa hoa cười
Đài môi chín đỏ chào tôi sáng này
Nắng vừa trốn giữa hàng cây
Chồi non nhú nụ, nhánh gầy lá ru
Ngập ngừng lời gió vì vu
Bàn chân ai nhẹ gót mù cỏ sương

Lòng em cánh bướm lạc đường
Quanh tim lối cỏ đơn phương ngóng chờ
Gieo thương nhớ cánh đồng thơ
Đôi chim hát lại giấc ngọt ngào
Sáng nay trộn với sáng nào
Mấy chồng thương nhớ gan bào ruột đau
Nắng lúng liếng, lá lao xao
Phát phơ hoa cỏ vẫy chào bướm ong
Hương hoa ngọt, trái cắn giòn
Màu thương trong mắt vẫn còn đọng đưa
Hình như những dấu yêu xưa
Bay theo hướng gió chạy ùa vào tim

Sáng mở cửa, thấy dáng em
Cái tôi quên băng, còn niềm vui chung
Em đừng làm vỡ tròn vương
Khi ta níu được nghìn trùng trên tay
Em cười, giòn nắng sớm mai

*Men đòi hạnh phúc ngất ngây duyên tình
Ta nhìn bướm lượn vườn xinh
Yêu đời, yêu bạn, yêu mình, yêu em !*

Đôi mắt

*Đôi mắt nhung huyền chứa cả ngàn thu
Vời vợi biển xa sóng gọi dạt dào
Để giấc mơ tôi ngủ vùi mi khép
Mộng ước muôn đời hai đứa bên nhau*

*Đôi ánh sao trời lung linh mắt em
Bao la minh nguyệt, chân mây ai tìm
Thức ngủ chập chờn chung niềm nhung nhớ
Còn ánh mắt nào rung rung trái tim!*

*Sao chẳng lau giùm giọt nước ướm mi
Từ thuở tình si, đời có vui gì?
Bờ sông song song trời làm ngăn cách
Giang vĩ giang đầu sâu mãi phân ly*

*Ngàn lá trong vườn như có linh hồn
Anh mắt lá xanh mòn mỏi chờ trông
Nhớ ai? Nhớ ai mỗi mùa lá đổ?
Nói gì đi mắt kéo môi ta buồn!*

*Trăng đáy nước như mắt em thân thờ
Để tôi hữu tình ru chữ nên thơ
Đôi mắt hư vô là khung cửa sổ
Hai đứa tìm nhau chỉ thấy bơ vơ!!!*

Đào Lê

Chiến Sĩ Vô Danh

Trần Quốc Bảo



*Nếu em hỏi, ai đi đầu tuyến lửa,
Trên Quê Hương, nửa thế kỷ đấu tranh?*

Xin trả lời:

“Người Chiến Sĩ Vô Danh”

*Chiếc nón sắt, cây súng trường là bạn.
Người kiêu hùng trước hòn tên mũi đạn!
Nhưng lu mờ hình ảnh ở hậu phương.
Khỏi lửa tạm ngưng, cuộc chiến dở dang,
Những người ấy giờ đây nơi nao nhỉ?*

Xin trả lời:

*Đã một phần yên nghỉ,
Xác tan hòa vào sông núi Việt Nam!
Những kẻ còn sống, buông súng tan hàng,
Ôm niềm quốc nhục chờ ngày phục hận.*

*Sẽ một ngày, lại hàng hàng vào trận,
Ào ạt xung phong, tiến chiếm mục tiêu!*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

*Dựng Cờ Vàng trên Đất Nước thân yêu,
Đem sự sống về cho bà con lối xóm.*

*Trải tin yêu khắp làng thôn phường xóm,
Cùng toàn dân viết trang sử vàng son.
Nước mất nhà tan, Tổ Quốc vẫn còn,
Còn rực sáng trong tim người chiến sĩ!*

*Ôi! Quê Hương ta, non sông hùng vĩ!
Dân tộc ta, dòng máu hùng anh!
Hàng triệu người là Chiến Sĩ Vô Danh,
Hồn linh hiển trên Quốc Kỳ pháp phới!*

*Lịch sử Việt Nam ngàn năm nhớ tới:
Người Anh Hùng:
“Người Chiến Sĩ Vô Danh”!*



Trần Quốc Bảo

Richmond, Virginia

Địa chỉ điện thư của tác giả:

[quocbao 30@yahoo.com](mailto:quocbao_30@yahoo.com)

Thơ Văn Nguyên Hoàng Bảo Việt

Thấp Nén Hương Lòng Tưởng Nhớ Hồn Thiêng Sông Núi

Trần Văn Bá

Lê Quốc Quân

Hồ Thái Bạch

Và anh em đồng đội

Vô danh

Vừa tuần tiết

"Việt Nam Muôn Năm"

Những tiếng hô sau chót

Dù máu tươi thuốc súng đã quánh khô

Ngực cháy bỏng lửa đạn

Vẫn còn âm vang

Át hẳn tiếng vỗ tay nguy hòa phản bội

Ước mơ của Anh Em

Đẩy lùi tội ác

Soi thấu đêm đen

Đang phủ trùm thiên đường chết

Quê hương tù ngục lưu đầy

Biết bao oán thù chờ cõi bỏ

Biết bao vết thương sâu chưa khâu vá

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Ước mơ của Anh Em

Nhỏ bật rẽ bắt công

Vun bón mầm Nhân Ái

Tâm sự không còn dây leo sợ hãi

Cây Hòa Bình thơm nức trái Tự Do (...)

(Trích “**Niềm Tin của chúng ta**” – Nguyên Hoàng Bảo Việt trong Tập thơ **Dấu Tích Phượng Hoàng, BẠN VĂN** xuất bản Paris 2008)

Nhắc lại, trong một đêm trước lễ Giáng Sinh năm 1984, hơn hai mươi bức thư Express đã được gửi đi từ nhà bưu điện chính của thành phố Genève. Địa chỉ những người nhận: Chủ tịch Quốc hội Âu Châu, Ngoại trưởng Thụy Sĩ và các chính phủ dân chủ (Anh, Pháp, Đức, Ý, Bắc Âu), giới truyền thông, các tổ chức Nhân Quyền Thụy Sĩ và quốc tế. Đầu Tháng Giêng 1985, nhiều văn thư phúc đáp báo tin những cuộc vận động chống án tử hình đã khởi sự hoặc sẽ tiến hành trong vài ngày sắp đến.

Trong một công hàm gửi Chủ tịch Quốc hội Âu Châu, Thủ tướng Ý đương nhiệm Chủ tịch Cộng đồng Âu Châu cho biết, song song với hành động riêng của chính phủ Ý, ông đang tìm một phương thức can thiệp hữu hiệu và được sự hậu thuẫn của tất cả các nước trong Cộng đồng. Nhưng Cộng sản Hà Nội đã nhanh tay ám sát đã man ba người con yêu dấu của Miền Nam Việt Nam Tự Do. Ngày 8 Tháng Giêng 1985, Trần Văn Bá, Lê Quốc Quân và Hồ Thái Bạch đã đi vào Lịch sử Dân tộc, nối tiếp truyền thống những anh hùng tử sĩ Trần Bình Trọng, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thái Học...

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Nhắc lại, sau Tháng Tư Đen 1975, trong số tử tù chính trị, có hai ông Nguyễn-Văn-Hoàng và Trần-Quang-Mân cũng đã bị hành hình ngày 31 Tháng Năm 1983. Cộng sản còn tuyên án tử hình các ông Phan-Văn-Khôi, Hoàng-Tùng, Mạc-Văn-Vây, Nguyễn Hữu Cầu, Chuon Bin Tân, Nguyễn Huân Huỳnh, Chu Văn Tấn, Ngô-Văn-Trường, Thích Trí Siêu, Thích Tuệ Sỹ, Trần Văn Lương, v.v... Chỉ có các tử tù Ngô-Văn-Trường, Thích-Trí-Siêu, Thích-Tuệ-Sỹ và Trần-Văn-Lương là những người đã thoát được hình phạt bất nhân này nhờ cuộc vận động rộng lớn của công luận quốc tế, của các tổ chức bên vực Nhân Quyền, Người Việt Nam tỵ nạn cộng sản, cùng sự can thiệp của nhiều chính phủ dân chủ, như Anh Quốc, Thụy Sĩ, Bắc Âu và Quốc Hội Âu châu. Không ai biết số phận của những nạn nhân khác, ngoài ông Nguyễn Hữu Cầu, sau 32 năm tù giam, khiếm thị, mất thính giác, nhiều thứ bệnh nặng làm sức khỏe kiệt quệ, “người tù thể kỷ” mới được cộng sản phóng thích cuối tháng Ba năm 2014 và vừa qua đời ngày 19 tháng Mười Hai năm 2022.

Án tử hình, áp dụng cho rất nhiều tội phạm quy định trong hình luật cộng sản là một công cụ trấn áp cực kỳ dã man. Những bạo chúa lãnh tụ ngự trị dưới chân tượng Lénine ở Hà Nội không bao giờ ngần ngại sử dụng án tử hình để khủng bố mọi tổ chức đối lập chính trị, nhứt là những chiến sĩ Nhân Quyền, Tự Do và Dân Chủ. Tưởng cũng cần nhắc lại bản tin của Pháp tấn xã AFP gởi đi từ Hà nội ngày 24 Tháng Mười Một 2004. Bản tin AFP cho biết nhà cầm quyền cộng sản tuyên bố rằng họ sẽ tiếp tục áp dụng án tử hình mặc dù có sự phản đối từ các tổ chức nhân quyền và một số chính phủ dân chủ Tây phương. Nhiều báo Thụy Sĩ đã loan tin đó. Đặc biệt,

nhật báo Tribune de Genève số ra ngày 26 tháng Mười Một 2004 đã đề tựa bài bình luận của ký giả Etienne Dumont như sau "*Le Vietnam a besoin de sang*", dịch ra Việt ngữ "*Nước Việt Nam cần đến máu*". Có thể viết rõ hơn: "Nhà cầm quyền Việt cộng cần đến máu của tử tù để củng cố chế độ độc tài và tham nhũng mà cả thế giới đều biết". Theo Tổ chức Ân xá Quốc tế, năm 2018, về thành tích hành quyết tử tù, Cộng sản Hà Nội chiếm hạng thứ 3 trên thế giới (85 người bị xử tử) sau Iran (253), Arabie Saoudite (149) và trước Iraq (52). Số liệu về án tử hình và hành quyết tử tù là "bí mật nhà nước" dưới bạo quyền CHXHCNVN. Cũng như Trung cộng tiếp tục bí mật thực hiện "hàng ngàn" vụ hành quyết tử tù. Hình phạt tử hình là một mối đe dọa rất nghiêm trọng đối với Nhân Quyền và Dân Quyền tại Việt Nam và là một yếu tố đe dọa khủng khiếp. Bởi vì đó là hình thức kiểm duyệt cuối cùng và man rợ.

Ngày 8 Tháng Giêng năm nay, chúng tôi thấp nén hương lòng tưởng nhớ ba anh hùng tử sĩ Việt Nam Trần-Văn-Bá, Lê-Quốc-Quân và Hồ-Thái-Bạch. Và chúng tôi không quên sự hy sinh cao cả của tất cả những người yêu nước, thương đồng bào, hiến thân cho lý tưởng dân tộc, tự do, dân chủ, nhân ái và bao dung, được biết tên hay còn vô danh.

Chúng tôi xin đọc lại một bài thơ của Nguyễn Hoàng Bảo Việt viết từ 38 năm trước:

HỒN THIÊNG SÔNG NÚI

Nhớ Trần Văn Bá

*Núi mãi trầm tư ngó xuống đồng
Bạn về thành phố bên kia sông*

*Trao giùm lá thư mình chép vội
Nội ngoại bà con đỡ nhớ mong*

*Giữa trái tim ương hạt ước mơ
Bông lúa chen bông lau dựng cờ
Ngày lên đường hẹn ngày sẽ đến
Nước Việt của người Việt tự do*

*Niềm tin nào đem so gang thép
Đường xa dần bước chỉ không sờn
Giặc dằng Tổ quốc cho Sô viết
Ta giữ nguyên tình nghĩa sắt son*

*Khói trắng vườn cau ai đốt lá
Âng khuâng hương lửa tối gia đình
Thao thức người đi tìm lịch sử
Sao trên rừng vì sao long lanh*

*Kín đáo bờ tre nhìn trù mển
Giọng nói như che giấu ngậm ngùi
Qua mấy nhịp cầu vùng tạm chiếm
Gần nhau mà tưởng quá xa xôi*

*Thương cảm hai triệu người bỏ nước
Vượt bình yên hay chết hãi hùng
Ở lại sống cuộc đời súc vật
Khổ sai tập thể tù tập trung*

*Sáng tháng giêng gió lùa buốt lạnh
Tin cầm tay nửa muốn hồ nghi
Ác mộng thấy sơn ca gãy cánh
Không gian đầy đặc khối mây chì*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

*Giặc say tra tấn - quân cuồng tín
Trói siết anh em sát bức tường
Đứng trước mũi súng vẫn điềm tĩnh
Thiên đường đỏ đâu bằng quê hương*

*Mùa tang núi cũng tan thành lệ
Sóng quặn đau lòng Mẹ Việt Nam
Bay từ Yên Bái về Yên Thế
Sài Gòn nghe tiếng Chim gọi Đàn.*

Nguyễn Hoàng Bảo Việt (1985)

Genève ngày 8 Tháng Giêng năm 2023

Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ

Ligue Vietnamienne des Droits de l'Homme en Suisse

Vietnamese League for Human Rights in Switzerland



Thơ Songthy

Đêm Mưa Buồn... Cuộn Nỗi Nhớ!

*Mưa dầm từ tối hôm qua
Nhu buồn thương khóc chia xa cuộc tình
Giọt sầu lắng đọng riêng mình
Đêm rơi trên tóc... bóng hình lạnh căm*

*Nhớ ai! Nỗi nhớ âm thầm
Xẻ niềem nhớ ấy từ tâm gửi người
Tìm rung cung bậc chơi vơi
Tiếng mưa nhưng nhớ tình ơi! Tình buồn!*

*Giọt mưa tí tách rơi buông
Cuộn bao nỗi nhớ, vọng chuông chiều tà
Biết là người đã xa ta
Mà sao cứ ngỡ như là quanh đây*

*Làm sao cho ấm đêm này
Khi mưa lệ vẫn rơi đầy trên mi
Cho dù Chúa Phật từ bi
Cũng không ngăn được biệt ly trong đời*

*Nhớ ai! Mưa vẫn đầy vơi
Rơi trong cô quạnh... buồn thôi là buồn!
Chao ôi! Hương vị nụ hôn
Còn trong hoài niệm ru hồn thương đau.*

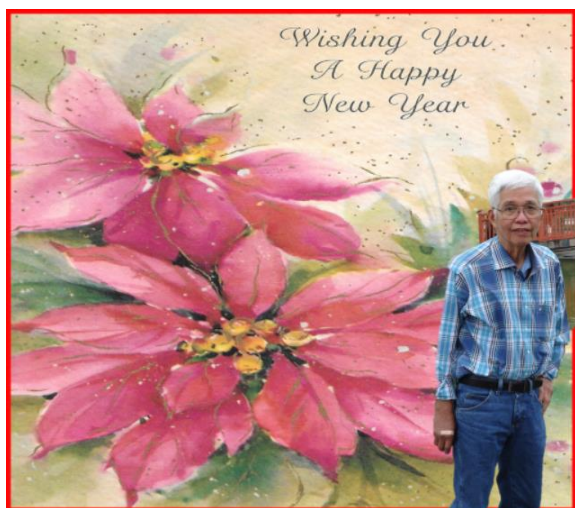
Tình Như Hoàng Hạc

Môi màu lá úa dật dờ
Tình như Hoàng Hạc
Cánh mờ chân mây
Lầu vàng ôm mộng sầu vầy
Ta ôm nỗi nhớ
Tình đây lại vui?!
Chén trà đắng chát vị đời
Tương tư tri kỷ
Mộng vời cổ nhân
Cổ nhân ơi hồi cổ nhân!
Vì sao nở bỏ
Đường trần an vui
Cho người ở lại ngậm ngùi
Nâng chung trà nguội
Nhặt mùi hương bay
Còn đâu tri kỷ đời này
Cho ta tìm lại
Tháng ngày xanh xưa
Chỉ còn lại xác trà thừa
Động trong đáy chén
Lặng đưa nỗi buồn...

Songthy

tuổi bây giờ như chiếc lá

Thylanthao



Cây này chồi non nắng chói chang
Buồn theo năm tháng xếp thành hàng
Lối đi đất nẻ khô cằn cỗi
Ước mộng theo chiều vỡ vụn tan
Hỏi tuổi tên biết trả lời sao
Tên theo thời thế đổi thay màu
Năm sinh nhắm tính xa vời vợi
Vui ở đâu? Tìm ở phương nào?!
Núi không cao lắm cây còi cọc
Cam quít rừng chẳng có trái ăn
Không có thứ gì ăn đỡ dạ
Suối khô cạn nước cỏ úa vàng...
Bạn ta lững thững trên triền núi
Lục kiếm tìm cây đón mang về

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Tóc cời khét nắng da xanh sạm
Địa ngục a tỳ sống thảm thê!!
31 bước qua 33 bước lại
Bước tới bước lui cũng vũng lầy
Ăn sẵn ngô bước run chân bước
Làm sao ngờ có được hôm nay
Nắng ở đây có gì đáng sợ
Cây vắn đâm chồi nụ trở hoa
Núi đá vôi Nam Hà đỏ lửa
Lưu đày biệt xứ cõi trời xa ...!
Cũng muốn quên cho lòng thanh thản
Nhưng mà vết hận khắc quá sâu
Đày đọa người tù cho đến chết
Sống sót nhờ ơn phước nhiệm mầu...
Thân vẫn còn nguyên mà rệu rã
Di chứng tội tù sinh ốm đau
Tuổi bây giờ thân như chiếc lá
Lung lay bám víu ứa sắc màu

thylanthảo

29-9-22



Một Đoạn Đường Kể Lại

Quan Dương

Tháng 1/70 tôi được đưa ra Đồng Đế để học giai đoạn hai khóa 6/69 sĩ quan trừ bị. Một buổi chủ nhật từ quân trường được 8 giờ phép ra Nha trang chơi. Khi chiếc xe lam chở đám sinh viên sĩ quan đến Xóm Bóng thì cầu bị đóng vì nghi bị Việt cộng thả mìn dưới chân cầu. Tôi đành phải xuống xe và leo lên Tháp Bà chơi quanh quẩn. Bất ngờ gặp lại Thức tay dắt hai đứa con cũng bị kẹt cầu như tôi. Thức với tôi là bạn học cùng một lớp tại Trường Trung học Trần Bình Trọng Ninh Hoà. Một bữa trên đường đi học về gặp một đoàn quân đi ngang qua, viên sĩ quan chỉ huy đoàn quân hỏi thăm đường, vậy mà nên duyên vợ chồng. Viên sĩ quan đó là Đại Úy Phạm Tín An Ninh là nhà văn nổi tiếng sau này nơi hải ngoại. Bạn bè cũ từ ngày Thức đi lấy chồng mới gặp lại nhau đã là một chuyện vui. Lại còn vui hơn nữa khi bên cạnh Thức kèm theo một cô nàng lạ hoắc nhưng đẹp gợi cảm. Thức giới thiệu đó là Đỗ bạn của Thức nhà ở trước Trường Đức Linh. Từ nhỏ đến lớn tôi sống quần quanh cái thị trấn bé nhỏ này, thiên hạ bước ra khỏi nhà là đụng mặt nhau bôm bốp, vậy mà Đỗ tôi mới thấy lần đầu. Cô nàng có dáng dong dỏng cao thân hình thanh thoát. Lúc này tôi đã là một thanh niên 20 tuổi từng trải qua một cuộc thất tình cho nên cũng học được vài ngón cua đào. Gặp Đỗ tôi sấp tới ngay. Đỗ đúng là mẫu người em gái hậu phương mà đám sinh viên sĩ quan còn độc thân như tôi mơ ước được làm quen. Sự tỷ Thức như đi guốc vô bụng bạn mình

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

giả đồ dắt hai đứa con đi mua nước uống. Thế là tám giờ phép ngày hôm đó tôi và Đỗ quen nhau.

Quen với Đỗ, tôi đã có lý do để viện cớ mò về Ninh Hòa mỗi ngày Chủ Nhật. Sự quen biết giữa một nam một nữ không máu mủ bà con mà lại quần quít nhau thì trước hay sau gì thế nào cũng sanh ra mè� mỡ. Gặp Đỗ nói chuyện với Đỗ, dù con tim tôi không ào ạt rung chuyển như thuở chớm dậy thì, nhưng lòng vô cùng êm ả. Chở Đỗ đi chơi quanh quần thị trấn trên chiếc Yamaha trong những giờ phép hiếm hoi, cảnh vật chung quanh cũng trở nên sinh động. Đoạn đường nhựa từ cổng xe lửa lên Dục Mỹ êm ru hơn. Cầu Bến Gành nước cũng dịu dàng hơn. Mỗi lúc tăng ga cho xe lướt nhanh, tôi có thể nghe tiếng bánh xe xào xạc như tiếng nhạc êm ái ma sát trên mặt đường. Những lúc như thế Đỗ thường ngả đầu trên lưng tôi, mặc gió thổi tóc bay ngược về phía sau.

Một lần Đỗ rủ tôi lên đập Bảy Xã. Tôi không biết đập Bảy Xã ở đâu.

- Sao anh cù lần dữ vậy, dân Ninh Hoà mà không biết đập Bảy Xã.

- Anh không biết thật mà.

- Thôi làm tài xế đi anh hai, Đỗ ngồi sau chỉ đường cho anh.

Ngồi sau thò tay ra phía trước chỉ đường, cánh tay trần đương nhiên phải tựa lên bờ vai tôi sát gần tầm mắt. Tôi có thể nhìn thấy hàng lông đen lay láy phủ chùm trên cườm tay trắng muốt mà của Đỗ. Tôi cảm nhận được hạnh phúc ở ngay trước mắt. Qua khỏi Đại Cát quẹo trái, đập Bảy Xã gần xít, sát bên nách thị trấn, cách đường nhựa chừng một cây số. Vậy mà

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

bấy lâu nay tôi cứ mãi mê chìm lặn ở đâu đâu không thấy được thiên nhiên của Ninh Hòa có nhiều nơi vô cùng đẹp, đâu thua gì danh lam thắng cảnh. Chỉ cách quốc lộ một khoảng không gian nhỏ bé vậy mà khung cảnh hoàn toàn khác hẳn. Đất nước đang trong thời ly loạn. Mỗi một ngày mỗi một giờ đều nghe súng nổ bất cứ nơi đâu, nhưng nơi đây tôi không nghe tiếng súng. Chừng như chiến tranh dừng lại ở ngoài kia, ranh giới của một con đường. Cảnh vật êm ả lạ kỳ, tôi có thể nghe được tiếng nước rì rào như thủ thi. Chung quanh tôi là một rừng cây bao bọc. Hít một hơi dài để lấy bình tĩnh, tôi biết với khung cảnh hữu tình đồng lõa như vậy dù tôi có đi tu tám kiếp cũng không thể nào thoát khỏi phạm giới "sát sanh". Nhìn dòng nước đang bị chặn lại bên này bờ nhấp nha nhấp nhòm chồm lên cứ muốn nhào xuống phía bên kia. Tôi vẫn vợ hỏi Đỗ:

- Đỗ có biết tại sao con nước nó không chịu đứng yên hay không?

- Tại vì nước luôn luôn di động

- Ai không biết nó di động. Bởi nó di động nên người ta mới đắp đập chặn nó lại. Nhưng tại sao đã chặn đầu nó lại mà nó cứ muốn chồm lên

- Tại sao

- Tại vì nó tham lam không muốn dừng lại ở bên này mà nó muốn tiến xa thêm chút nữa xâm lấn về phía bên kia

- Bên kia là chỗ nào

- Chỗ này nè

Tôi chỉ ngón tay lên trán Đỗ. Khuôn mặt tôi lúc đó chắc nét dè xồm biểu hiện một cách lộ liễu không cần giấu giếm nên Đỗ khẽ thốt:

- Đỗ sợ

Tiếng "sợ" nghe nhẹ như tiếng gió thoảng. Trong hoàn cảnh này, dấu ngu cách mấy tôi cũng ngầm hiểu rằng tiếng "sợ" thốt ra từ đôi môi ướt át kia, có nghĩa là "anh tiến tới luôn đi, mau lên, kéo em đổi ý". Thế là tôi ôm lấy Đỗ. Đỗ cũng vòng tay khoá chặt vòng lưng tôi.

Không gian chìm trong tiếng thở, tôi có thể nghe những con kiến đang ì ạch tha mồi đang thì thầm trên cành lá. Ví dụ như lúc đó có một đám Việt Cộng xuất hiện dí súng vô đầu (cũng có thể lắm vì đập Bảy Xã nằm trong vùng mất an ninh) bảo tôi nhả Đỗ ra nếu không thì lấy cò, chắc chắn đến chín mươi phần trăm là tôi không nhả. Bởi vì lúc này không hôn Đỗ thì lương tâm sẽ cắn rứt đến muôn đời. Không hôn lúc này có nghĩa là không còn cơ hội để thể hiện lòng can đảm. Tôi hôn Đỗ một nụ hôn dài. Đỗ nhắm nghiền hai con mắt hưởng ứng (sau này tôi cũng đã trải qua thêm nhiều mối tình, đương nhiên được hôn không phải là ít, thế nhưng tất cả những người con gái được hôn đều nhắm mắt? Tại sao hai con mắt nhắm nghiền mà không chịu mở. Thắc mắc này vẫn chưa có câu trả lời)

Đỗ dùng chiếc thẻ bài tôi đeo trên cổ khắc vào thân cây tên hai đứa dính lẹo vào nhau; lại còn cẩn thận khắc thêm quả tim to bằng hai ngón tay chụm lại đè lên. Tôi hỏi Đỗ sao không vẽ thêm một mũi tên xuyên qua cho đủ bộ. Đỗ nói làm như vậy ác lắm. Vậy mà không hiểu sao mấy tháng sau Đỗ đoạn

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

đánh bỏ tôi ôm cầm sang thuyền khác. Cũng may nhờ có thất tình một hai lần nên tôi mới đủ kinh nghiệm để tự mình chống chọi với khổ đau.

Cuối khóa, trước khi ra trường, đại đội được điều động đi chiến dịch chiến tranh chính trị tại Ninh Hòa. Trong khi tụi sinh viên sĩ quan dân miền Nam nghe địa danh Ninh Hòa không biết ở đâu có an ninh hay không, đứa nào cũng lo lắng thì tôi khoái chí vô cùng. Một tháng chiến dịch tha hồ dợt le. Tôi lọt về Ninh Hòa giống như cá lọt về sông. Các sinh viên sĩ quan cùng khóa theo nít đuôi tên thổ công là tôi, để hầu mong được giới thiệu vài em gái hậu phương làm bầu bạn. Tôi bạn theo Đỗ, thân mình đôi phó chưa xong đâu rảnh rang làm ông mai bà mối. Ban ngày đại đội chia nhau từng toán nhỏ đi làm công tác tại các xã ấp của quận lỵ, ban đêm về đóng quân ngay tại Trường Trung học Bán công. Từ địa điểm này chỉ cần sải vài ba bước là có thể băng qua đường đến nhà của Đỗ. Đúng là thiên thời địa lợi. Nhà của Đỗ có một khoảng sân trống phía trước được bao bọc chung quanh bởi một hàng rào. Hai đứa bắc ghế ngồi khuất sau hàng rào đó nói chuyện trên trời dưới biển không ăn nhập vào đâu. Chỉ cần nhìn ngắm khuôn mặt dễ thương của Đỗ lòng tôi cũng đủ thấy vô cùng ấm cúng.

Sau một tháng đi chiến dịch tôi trở lại quân trường để chuẩn bị làm lễ mãn khóa. Tháng 7/70, tôi chính thức là một sĩ quan trừ bị của quân lực Việt Nam Cộng Hòa với cấp bậc chuẩn úy được gắn trên cổ áo. Tôi có mười ngày phép để về thăm nhà trước khi ra đơn vị mới. Kể từ giờ phút này tôi mới thực sự là một người lính sẵn sàng nhập cuộc. Mừng vui lo âu lẫn lộn, tôi trở về nhà với tâm trạng của một người không còn

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

nhỏ nữa. Nhưng lạ thay, Đỗ đã không đón tôi về như tôi đã từng hy vọng. Tôi không hiểu vì sao. Có lẽ tình cảm cả hai chúng tôi chưa đủ sức để bước vào ranh giới của tình yêu. Tôi buồn bã trả lại Đỗ tấm hình hai đứa chụp chung dưới chân Tháp Bà ngày hai đứa mới quen nhau. Mười ngày phép thay vì là ngắn bỗng nhiên trở thành dài thượt. Tôi đón chiếc xe đồ lên Ban Mê Thuật trình diện đơn vị để được đưa ra chiến trường. Đỗ bỏ tôi đột ngột giống như đã từng đột ngột đến với tôi. Kể như giữa tôi và Đỗ không hề duyên phận.

Đôi khi duyên phận giống như một chiếc tắc xi. Khi không cần đến nó thì nó chạy ngờ ngờ trước mặt. Khi cần đến thì cho dù đứng đợi ráng căng suốt ngày vẫn không thấy bóng dáng một chiếc nào. Tôi là kẻ có lần đứng đợi. Đáng tiếc tôi cũng đã chờ nhưng người tài xế chê tôi ở quá xa nên không dừng lại

Quan Dương



Từ Sương Biên Thùy đến Lê Mai Lĩnh

Phạm Tín An Ninh



Năm đang học lớp Đệ Nhị C trường Trung học Võ Tánh Nha Trang, bọn tôi nghe bạn bè xầm xì có một “ông” học trò mới chuyển từ trường Nguyễn Hoàng, Quảng Trị vào học lớp Tam C. Thời ấy đặc biệt ở các lớp Ban C có nhiều giai nhân, nên đám nam sinh thường hay ngắm nghé. Nghe nói gã từ miền giới tuyến Đông Hà hay Gio Linh gì đó mới trôi giạt vào đây. Không biết tên là gì, nhưng thấy gã lúc nào cũng ăn mặc “à la mode”, choàng áo vest, mang giày da bóng loáng có cái đế kê cộp cộp, trong lúc hầu hết bọn tôi chỉ mang sandal hay dép Nhật. Đã vậy gã lại thường vào lớp trễ, nên học trò trong lớp đang ngồi chờ giáo sư, đều nhồm đứng lên chào, bởi nghe tiếng đế giày thông thả nện xuống nền ciment ngoài hành lang, cứ tưởng là thầy giáo đến! Chắc có nhiều tiếng rửa thầm trong miệng. Đã vậy gã ta lúc nào cũng ngược mặt nhìn trời, xem mấy lớp đàn anh cứ như cỏ rác.

Cùng năm ấy, còn có một “ông” khác, không biết vì sao bỏ “sào huyệt” từ cố đô Huế vào học lớp đệ Tứ, chuyên “xách động” bãi khóa biểu tình chống chế độ TT Ngô Đình Diệm,

tình nguyện đứng dưới trường một cô cùng lớp Tam C của ông Quảng Trị, rất phong độ nên sau đó cô nàng nổi tiếng với cái tên “Nữ Hoàng Xuống Đường”. Ông gốc Huế này, mới nghe cái tên, ai cũng biết. Đó là ông Trần Mậu Tý (sau này bị chính ông anh đồng chí Nguyễn Đắc Xuân bắn chết trong biển cỏ Mậu Thân 1968). Nhưng ông thân Mậu Tý này là đồ bỏ, chỉ “quậy” một năm chẳng tới đâu, rồi biến, trở về Huế (hình như bị trường đuổi học vì lý do kỷ luật). Chỉ còn có ông học trò gốc Quảng Trị là nổi đình nổi đám.

Bọn tôi đang ghét cay ghét đắng, chưa kịp “hỏi thăm sức khỏe”, thì bất ngờ gã được thầy hiệu trưởng Lê Nguyên Diệm “mời” thuyết trình trước toàn trường đề tài “Giới Hạn Tự Do Của Học Sinh Ở Trường Học”. Ghê gớm hơn, chỉ vài tháng sau đó, gã lại được tuyển chọn để thuyết trình một đề tài “đẳng cấp hơn” mang tính văn học xã hội: “Thân Phận Người Đàn Bà Qua Ca Dao Việt Nam” tại rạp ciné Minh Châu bẽ thế!

Mọi người bắt đầu nhìn gã với con mắt khác, và dường như gã cũng biết chọn thời cơ để làm cho thiên hạ thấy mình “đễ thương” hơn. Sau này chính gã tự thú: không biết vì sao mà lúc ấy không bị ăn đòn... mới lạ!

Đùng một cái, mới vào đầu niên học mới, không những chỉ trường Võ Tánh mà gần như cả thành phố Nha Trang “đậy sóng”: một tập thơ mới toanh của một ông nhà thơ cũng mới toanh được ra mắt trình làng (thời ấy hiếm lắm). Tập thơ với cái tựa “Nỗi Buồn Nhược Tiều” nghe đầy tính triết lý nhân sinh quan thời cuộc, và với cái tên tác giả “Sương Biên Thù” đượm mùi chinh chiến, làm nhiều người nghĩ tác giả phải là một kẻ gió sương, từng trải, giờ gác kiếm dừng bước giang hồ, theo cụ Nguyễn Bá Trạc “*vỗ gươm mà hát, nghiêng bầu mà*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

hỏi, trời đất mang mang, ai là tri kỷ, lại đây cùng ta cạn một hồ trường.” Nhưng không, cả thiên hạ ngạc nhiên khi nhận ra thi nhân Sương Biên Thùy này chính là ông học trò lớp đệ Nhị C mà năm trước cả trường đều gai con mắt khi hắn ta từ Quảng Trị nhập gia nhưng không thêm tùy tục. Cũng từ ấy chẳng ai thêm nhớ cái tên gã học trò Lê Văn Chính mà tất cả đều gọi hắn là Sương Biên Thùy. (có tiếng xầm xì: cái tên nghe cái lương bỏ mẹ!)

Tập thơ tuy rất “đăng cấp” từng vang tiếng một thời ở thành phố biển, vì quá lâu (nhưng không quá xưa) nên hiếm ai còn nhớ sau thời gian dài với biết bao thăng trầm dâu biển. Giờ chỉ xin ghi lại một vài bài tiêu biểu:

CHÂN DUNG TỰ HỌA

*Cha tôi còn, nhưng người theo kháng chiến
Phung phí một đời cho ảo tưởng hôm qua
Sống, chết đến nay, tôi không còn biết
Dư ảnh lu mờ, kỷ niệm phôi pha.*

*Từ cha tôi lên đường kháng chiến
Mẹ tôi về lo việc bán buôn
Mang tuổi thơ, tôi đã biết buồn*

*Không lúc cười, dù hoạt kê trước mặt
Mất không vui, dù đời không buộc chặt
Tôi ngủ nhòai vào vùng lớn suy tư
Mang niềm đau nhọc tiểu ưu tư
Tôi chối từ mọi tư vương vị ngã*

*Đi vào đời bằng Tân nhân bản
Xin kéo cờ các ngõ hồn nhân dân*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

*Tung hô tình thương, suy tôn thánh thần
Danh sáng yêu thương, khai hoa nở nhụy*

*Cho cuộc đời tròn thêm nghĩa lý
Cho bom đạn xâm lăng, bi kịch kéo màn
Bắc lại nhịp cầu, san bằng lòng huyết
Cho người người yêu nhau da diết*

*Đến khi chết
Xin làm cây cỏ thụ
Đứng giữa đất trời
Cười với thiên nhiên.*

BẢN CÁO TRẠNG

*Tuổi trẻ hậu chiến
Loài ác điều cướp mất
Chừ lớn lên
Mất bản tính con người .*

*Chúng tôi lớn lên
Ngôn ngữ phát âm
Là tiếng kêu kim khí
Con chim họa mi không hót lời thanh xưa
Con chim đại bàng không lời oang oác.*

*Rừng cây danh từ bạc màu biến sắc
Khuyết hướng nhân bản lệch lạc từ đầu
Tầm tay chúng tôi, chừ nay yếu đuối
Trước lưỡi lê quân thù*

*Chúng nó tiến hậu tả hữu
Phi lý chúng ta đơn côi kéo dài*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Hồi thợ thuyền, lao động, sinh viên

Những bàn tay xây nền mới

Hãy kết lên, Vạn lý thành

Vẽ vang phải trở lại

Lịch sử đất nước này

Bất khuất dòng Lê Lợi

Việt nam, muôn năm đây

Anh hùng Nguyễn thái Học

Tạ Thu Thâu, Trần Cao Vân

Các anh là thần thánh

Thành tự do muôn năm

Việt Nam muôn năm

Việt Nam muôn năm

Sương Biên Thùy (1961)

Khi Sương Biên Thùy đang “làm mưa làm gió” ở trường Võ Tánh thì tôi đã bỏ thành phố biển vào Sài gòn học, rồi chẳng thuộc dòng hào kiệt gì đâu tôi cũng phải “xếp bút nghiên theo việc kiếm cung”. Được bổ nhậm về một đơn vị tác chiến lưu động tận vùng núi rừng Hoàng Triều Cương Thổ, năm tháng cùng đồng đội miệt mài với chiến trường, súng đạn. Mãi bốn năm sau cả đại đơn vị chuyển xuống đặt bản doanh tại Sông Mao, thành phố Nùng, nơi có ông lính ĐPQ, nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn dám qua mặt bọn tôi hô hào: “Mai ta đặng trận ta còn sống/ Về ghé Sông Mao phá phách chơi/ Chia sót nỗi buồn cùng gái điểm/ Vung tiền mua vội một ngày vui”.

Tôi từng dẫn quân dẫm nát Mật Khu Lê Hồng Phong, từng bị thương và cũng từng: “Đêm nằm ngủ vông trên đồi cát /Nghe súng rừng xa nổ các cù /Chợt thấy trong lòng mình bát

ngát/ Nỗi buồn sương khói của mùa thu”, nhưng không có cơ hội nào tao ngộ với ông thiếu úy CTCT Lê Văn Chính, để nhìn mặt Sương Biên Thùy bấy giờ dễ ghét đến đâu. Bởi vì sau khi toàn bộ đại đơn vị tôi di chuyển lên Kontum vào Mùa Hè Đỏ Lửa, chặn Cộng quân từ Dakto tràn xuống, ông quan một CTCT Lê Văn Chính mới về trình diện TK Bình Thuận, và làm mưa làm gió ở vùng Ma Lâm, Tà Dôn, Nora này. Chàng ta cũng không kịp gặp ông bạn nhà văn Y Uyên bị VC phục kích bắn bị thương rồi đâm chết ngay bên ngoài căn cứ Nora gần ngọn núi Tà Dôn. Nơi chính tôi từng có nhiều kỷ niệm, khi chỉ huy đại đội bảo vệ cho đơn vị Công Binh Chiến Đấu xây dựng căn cứ này để kịp cho một pháo đội Pháo Binh đến đồn trú, yểm trợ trực tiếp cho đơn vị tôi hành quân giải tỏa Mật khu Lê Hồng Phong (tháng 9/1966). Sau này khi nghe ông thiếu úy Lê Văn Chính dám đơn thân độc mã ra ứng cử dân biểu tại đơn vị Bình Thuận này, tôi còn sợ ông hơn cái thời ông đẹp sang một bên mấy nhà thơ đàn anh đàn chị ở Nha Trang: Duy Năng, Sao Trên Rừng, Cao Hoành Nhân, Thanh Nhung...ra mắt tập thơ “Nỗi Buồn Nhược Tiếu”. Mới là quan một mà dám “giỡn mặt” với ông đại tá tỉnh trưởng, từng là trưởng Phòng Nhì nổi tiếng của Quân Đoàn! Biết ông...ngông, nhưng tôi cũng phải ngả nón bái phục!

Rồi gãy súng, tan hàng, rồi tù đầy, vượt biển... Hơn mấy chục năm sau, trôi dạt xứ người, bỗng đọc được những bài chính luận, bài thơ của ông Lê Mai Lĩnh nào đó. Những bài thơ khẩu khí, ngang tàng nhưng cũng đầy nhân bản, lãng mạn. Tôi buột miệng: Lại thêm một ông Quảng Trị nữa! Bởi cái tên Mai Lĩnh, cùng với Triệu Phong, Gio Linh, Đông Hà... luôn làm tôi nhớ tới những địa danh đẫm máu của vùng giới tuyến

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Quảng Trị ngày nào, nơi có biết bao đồng đội của tôi đã ngã xuống và dưới đáy sông Thạch Hãn vẫn còn xương cốt của hàng vạn những người trai trẻ ở phía bên kia!

Khi ấy tôi đâu có biết Lê Mai Lĩnh chính là hóa thân từ Sương Biên Thùy của Võ Tánh ngày xưa, nên một lần nữa tôi lại ngán thêm một ông nhà thơ Quảng Trị. Ua triết lý trong những cơn say và tự nhận mình là “khùng thi sĩ” mà yêu nước (và yêu cả giai nhân) nồng nàn chẳng kém thua ai:

Ký tên dưới đây là tôi

Lê Mai Lĩnh

Thi sĩ

Yêu quê hương như yêu chính bản thân mình

Và Tổ quốc, trong trái tim tôi hằng đêm thao thức

Bụi và lãng mạn

Thêm một chút khùng

Khi trái trời đổi gió biến thành điên

Có máu hiệp sĩ

Thích trừ gian diệt bạo

(Bản cáo trạng...)

Ở trong tù mà dám viết thư chất vấn Tổng Bí Thư Đảng, chửi cả Hồ Chí Minh và lên án chế độ:

Cha tôi là Lê Văn Thông,

Từ người kháng chiến yêu nước trước năm 75

Biết nói tiếng Pháp như gió

Sau trở thành đảng viên CS, chỉ biết cầm súng cắc-bụp-xòe

Giờ đã 80, nằm một chỗ chửi ông

và tập đoàn lãnh đạo đảng cộng sản Việt nam

Bồi theo các ông mà thân tàn ma dại

...

*Thêm một điều tôi muốn nói với ông
Là, hiện nay nhân dân đang nguyên rửa ông quá đồi.
Họ nguyên rửa ông làm tay sai cho CS Quốc Tế
Đem chủ nghĩa phi nhân, ngoại lai về giết hại dân lành
Họ nguyên rửa ông đã bản cùng hóa nhân dân
Đưa dân tộc vào tận cùng rách nát.*

(Bản cáo trạng...)

*Trông lên thấy cờ đỏ chói chang
Biểu ngữ, huy chương nghĩa chữ mập mờ
Ngó xuống, thấy dân đời điêu đứng
Máu đỏ, thấy phơi hàng nổi hàng*

(Thời đại Hồ Chí Minh)

Và Lê Mai Linh cũng đa tình, lãng mạn không ai bằng:

*Nửa trái tim tôi em cất giữ từ lâu
Nhớ cẩn thận đừng để rơi để rớt
Tôi sống được, nhờ nửa trái tim đó
Em để mất tiêu, là đời tôi mất tiêu.*

(Hãy giữ gìn nửa trái tim khú đế)

*Hơn 60 năm tìm lại được cô láng giềng
Mừng khắp khởi, hạnh phúc đếm từng giây từng phút
Đêm đêm ôm nỗi nhớ cô với lòng trai chết điếng
Cô láng giềng nằm bên ngoan như con mèo con*

...

*Ngẩn tim tôi cũng là lâu đài tình ái
Những gì cô muốn không thiếu một chi*

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

*Tôi, thi sĩ, nào đâu dám để cô thiếu thốn
Hễ thấy cô buồn, là tim tôi héo hon.*

(Buồn cô lảng giềng)

*Mỗi sáng mai, lời chào gửi em như thường lệ
Là một bài thơ tỏ tình như thuở mới đôi mươi
Thuở cùng nhau đến trường ngày hai buổi
Em bên kia, anh lẽ đẽo bên này*

(Mỗi sáng mai)

*70 tuổi thấy mình còn sung độ
Cơm ba bữa, quà vợ tháng ba lần
Gạo lúc, muối mè, thiên và thơ
Cứ tàng tàng, có tháng vượt chỉ tiêu.*

(Khai bút đầu năm)

Dù hết lòng yêu nước, thủy chung với đồng đội bạn bè cùng “những giai nhân”, nhưng cuộc đời Lê Mai Lĩnh cũng đã có lúc không tránh khỏi phong ba dông bão:

*Một mùa dông bão đã đi qua
Dông bão ngoài trời, dông bão trong lòng
Ta đi trong tả tơi rách nát
Rách nát gia đình, rách nát tình yêu
Tả tơi cuộc đời, tả tơi nhân thế*

(Bão ngoài trời, bão trong lòng)

Thôi thì, phải có tả tơi cuộc đời mới có tròn ý nghĩa, thi vị, để thi nhân còn khóc gió thương mây, viết nên những vần thơ tuyệt tác bằng những gió mưa được thổi ra từ chính trái tim mình.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Tôi là người may mắn được đọc thơ Sương Biên Thùy khi anh còn là người bạn đồng môn ở tuổi 16, 17 và sau này lại được đọc thơ Lê Mai Lĩnh với tuổi 80. Nếu thơ là tiếng lòng, thì Lê Mai Lĩnh đã thực sự trang trải hết lòng mình với quê hương đất nước và bè bạn, tha nhân. Với một phong thái ngay thẳng bộc trực có chút ngang tàng cùng những vần thơ khí khái, lãng mạn, đa tình, anh đã để lại trong tôi niềm mến mộ.

Viết mấy dòng này, ngoài tình bạn đồng môn, còn với tấm lòng “tầm trả nghĩa dẫu”, ghi lại chút tình thanh khí, niềm đồng cảm giữa người yêu thơ và thi nhân đất Quảng (Tri), vùng địa đầu một thời mịt mờ lửa đạn.

Tháng 5/ 2023

Phạm Tín An Ninh



Cười cho quên già

Năm 2010 có 1 đoàn tàu tốc hành xuyên quốc gia, đi qua tất cả các nước trên thế giới. Trên tàu có 1 ông giáo sư bảo rằng cứ đi qua đất nước nào ông ta không cần nhìn cũng biết. Mọi người không tin bèn bảo ông ta làm thử. Ông ta thò tay ra ngoài cửa sổ đoàn tàu:

“- Ở đây nóng quá! Chắc là Texas của Mỹ rồi”. Một thời gian sau ông ta lại thò tay ra ngoài và bảo:

“- Chà! Lạnh thật! Đến Matxcova rồi!!” Đúng 2h sau ông ta thò tay ra cửa sổ rồi rút vào nói:

“- Đúng đây là Việt Nam rồi.” Mọi người hỏi sao ông biết; giáo sư có vẻ tức giận, nói:

“Vừa mất mẹ nó cái đồng hồ đeo tay!” 🤪😂🤦🏻🙌



THƯ GỬI BẠN

MẮT - qua ca dao tục ngữ

Nguyễn Giu Hùng

Lời mở đầu: Tôi viết bức thư này gửi tới anh bạn của tôi vừa đi mổ mắt về và nhóm bạn cùng tôi thăm.

Thế này nhé, khi đi mổ mắt về, ta có nhiều điều vui và cũng lắm điều buồn. Vui vì ta *được nhìn thấy rõ* và ta cũng buồn vì *bị nhìn thấy rõ* những sự việc xảy ra quanh ta. Như tôi nhìn cô hàng xóm, trước khi mổ mắt thì thấy cô ấy "đằm đẹp" theo cái nhìn "mờ mờ nhân ảnh" của mình, và sau khi mổ mắt thì nhận ra cô ta có những cái đẹp lên nhưng cũng có cái xấu đi theo cái "tinh tường" của đôi mắt ấy.

Trong cuộc sống hàng ngày, đôi khi không cần phải đi mổ mắt mà vẫn được "sáng mắt ra" vì những nghịch cảnh luôn luôn xảy ra cho chính mình hay cho những người chung quanh. Tóm lại, ôi thôi, có đủ thứ làm ta "*sáng mắt sáng lòng*".

Nay tôi chỉ xin nói chuyện với các anh về vài điều liên quan tới "**mắt**" qua ca dao tục ngữ, tiếng nói tinh tế và chân chất của người Việt Nam ta.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Này nhé, tôi đổ các anh:

- Con gì trên lông dưới lông, tôi lông làm một?

- Đó là **con mắt**.

- Đúng!

Trước hết tôi xin nói về TÊN CỦA MẮT.

Vì mắt được ví von “*mắt là cửa sổ của tâm hồn*”, và ta cũng có thể ví “*mắt là cửa chính của tâm hồn*” tức là muốn đi vào tâm hồn của ai thì ta phải đi qua cái cửa ấy. Mắt là “cửa tâm hồn”, dù là cửa sổ hay cửa chính, nên mắt cũng có nhiều dáng kiêu và kích thước khác nhau như cửa nhà vậy và tên gọi của chúng cũng khác nhau theo đúng tinh thần “nhìn mắt đặt tên” (chứ không phải “nhìn mặt đặt tên”)

Khi đặt tên cho mắt, người ta thường dùng theo **hình dáng** của vật thể hay của sinh vật nào đó mà gán ghép cho chúng: Mắt to và lộ ra ngoài thì gọi là *mắt lồi*, *mắt ốc nhồi* hay *mắt cá vàng*; mắt nhỏ và dài như lá tre hay lá rau răm thì gọi là *mắt lá răm*. Mắt tròn và đen nháy như mắt chim bồ câu thì gọi là *mắt bồ câu*... Và cứ như thế ta có một số tên gọi của mắt như nào là (ti hi) *Mắt lươn*, *Mắt* (bé như) *hạt đậu*, *Mắt cú vọ*, *Mắt điều hâu*, *Mắt dơi* (mày chuột), (giương như) *Mắt ếch*, *Mắt lợn lộc*, *Mắt rắn ráo*, *Mắt sắc* (như dao cau), *Mắt thánh* (tai hiên), (lừ lừ) *Mắt voi*, (mày ngài) *Mắt phượng*. . .

“Thấy em nhỏ thó lại có hồng nhan,
chân mày loan con mắt lộ.

Anh đi giáp lục tỉnh này, không ai ngộ bằng em.”

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Ngoài hình dáng ra, mắt còn có tên theo *màu sắc* như *mắt đen, mắt nâu, mắt xanh, mắt long lanh, mắt thủy tinh, mắt đỏ, mắt trắng* (môi thâm) ...

Cầu đây có gái bán hàng
Có đôi rùa đá có nàng bán cau
Mắt xanh tươi thắm môi trầu,
Miệng cười núng má cho cầu thêm xinh.

Người khôn con *mắt đen sì*,
Người dại con *mắt nửa chì nửa than*.

Hồ ơ... Phù sa nước đục khó dòm,
Nhớ anh em khóc... (ờ)
Hồ ơ... nhớ anh em khóc *đỏ lòm con người*.

Mắt không phải chỉ được phân biệt bằng cái tên qua *hình dáng, màu sắc* không thôi mà mắt còn được áp đặt vào chúng bằng những cảm quan, nhận thức, sinh hoạt, triết lý... tùy theo tình huống của những cái "nhìn mắt đặt tên" và "xấu đẹp tùy người đối diện" của mỗi người. Nghĩa là tên của mắt còn được đặt để vào đó một *linh hồn* vô cùng sống động.

Người khôn con *mắt dịu hiền*,
Người dại con *mắt láo liên* nhìn trời!

Một thương tóc bỏ đuôi gà,
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên.

...

Chín thương em ngủ một mình,
Mười thương con *mắt hữu tình* cho ai.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Chém cha con *mắt đũa đoan*,
Càng lắm nhân ngãi càng mang tiếng thù.

Con *mắt tròng tròng*,
Thầy bưng cả đĩa.

Chồng em rõ sút rõ sì,
Chân đi chữ bát, *mắt thì ngưỡng thiên*.

Hai nách cô thơm như ổ chuột chù,
Mắt thì gián nhám, lại gù lưng tôm.

Chả tham nhà ngói anh đâu,
Tham vì con *mắt bồ câu* liếc người.

Rạng ngày mai con *mắt lim dim*,
Chân đi thất thểu như chim tha mồi.

Những người con *mắt lá rãm*,
Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.

Ông già ông chết đã lâu,
Con *mắt thao láo* hàm râu vẫn còn.

Cũng từ những cảm quan, nhận thức kể trên mà tên gọi của mắt cũng dựa vào những sự phê phán khen chê được diễn dịch qua ***trường số*** hay kinh nghiệm. Tất nhiên chúng ta không thể hoàn toàn tin vào sự *khả tín* của những lời phê phán có tính cảm quan này:

Con lợn mắt trắng thì nuôi,
Những người *mắt trắng* đánh rồi đuổi đi.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Máy mắt ăn xôi,
Máy môi ăn thịt,
Máy đít phải đòn.

Mắt ốc bươu làm cho ai sợ,
Miệng hỏa lò ăn vỡ nghiệp cơ.

Người khôn con *mắt đen sì*,
Người dại con *mắt nửa chì nửa than*.

Những người *ti hí mắt lơ*,
Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người.

Rèm xưa ba bức mảnh mảnh,
Mắt cô thế ấy tu hành được đâu.

Người khôn con *mắt dịu hiền*,
Người dại con *mắt láo liên* nhìn trời!

Kéo dài chi kiếp sống thừa,
Cho *cay mắt* thấy, cho chua lòng sầu.

Mắt dùng để NHÌN, để *ngó*, để *trông*, để *ngắm*, để *dòm*, để *liếc*... Và để diễn tả những tình cảm vui buồn, tức giận, nghi ngờ, thất vọng hay là những thông điệp của tình thương yêu dùng thay cho lời nói. Nói tóm lại mắt còn có đủ khả năng diễn tả đầy đủ sự "hỷ nộ ái ố" của con người.

Anh thương em không biết để đâu,
Để trong túi áo lâu lâu lại *nhìn (dòm)*.

Chiều chiều ra chợ Đông Ba,
Ngó về hàng Bột *trông* ra hàng Đường.
Nhìn mai, *ngắm* liễu, *xem* hường,
Cô nào đẹp nhất xin nhường cho tôi.

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Ra đường con mắt *ngó nghiêng*,
Về nhà chui chôn buồng riêng về mòng.

Tóc em như lông con chó xồm,
Xức dầu thì xức, ai thềm *dòm*, bớ em Hai.

Em là con gái cửa đình,
Qua đình cụ lớn, cụ *rình* cụ *nom*.
Của em chẳng để ai *dòm*,
Cáo già hết ngóm, mèo non cũng chừa.

Mẹ em tham thúng xôi rền,
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng.
Em đã bảo mẹ rằng đừng,
Mẹ *lườm* mẹ *nguyt* mẹ bưng ngay (xôi) vào.
Bây giờ chồng thấp vợ cao,
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng.

Ngó lên chữ ú,
Ngó xuống chữ ư.
Anh thương em thùng thảng em ừ,
Anh đừng thương vội, phụ mẫu từ nghĩa em.

Bất bình cũng cứ đứng đưng,
Cũng đừng *liếc xéo*, cũng đừng cười khinh.

Dao cau rọc lá trầu vàng,
Mắt anh anh *liếc*, mắt nàng nàng *đưa*.

Ô kìa con cái nhà ai,
Cái váy thì dài, áo ngắn ngang hông!
Thấy ai *dương mắt* ra *trông*,
Nghề nghiệp chẳng có, chồng mông kêu trời!

Ngoài những cái “*nhìn*” của thế gian, ta còn có cái “*nhìn của đạo Phật*”. Mắt là một trong sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), nó là nguyên nhân của vui sướng hoặc khổ đau trong nhận thức u minh về xấu đẹp khi ta tiếp xúc với những hình ảnh bên ngoài. Muốn tránh khổ đau ta phải “quán chiếu” để thấy được cái “thực tánh” của mắt và nhìn; nghĩa là, nói theo một vị Thiền sư thì những người đạt đạo, họ vẫn thấy cái đẹp và cái xấu nhưng họ không bị khống chế, lôi cuốn bởi những cái xấu đẹp ấy vì họ thấy được trong cái đẹp có sự góp phần của cái xấu và trong cái xấu có sự góp phần của cái đẹp. Cái nhìn ấy được chuyển thành lòng từ bi với tâm giải thoát. Đó chính là cái nhìn của trí tuệ bát nhã trong đạo Phật vậy.

Nói đến mắt ta không thể không nhắc đến KHÓC: *Khóc oà, Khóc thét, Khóc gào, Khóc nức nở, Khóc thầm, Khóc thút thít, Khóc vụng trộm, Khóc ti tỉ, Khóc tỉ tê, Khóc nỉ non, Khóc mùi, Khóc như ri, Khóc như mưa, Khóc như cha chết, Khóc đứng khóc ngồi...* Khóc là để diễn tả một trạng thái tự nhiên của xúc cảm, có thể do vui và cũng có thể do buồn một cách cao độ, trừ khi khóc “vờ”, hoặc để làm “vũ khí” tác động vào lòng thương của người khác, hoặc để “vòi vĩnh”:

Cha đòi con gái mười ba,
Đêm nằm với mẹ *khóc la* đòi chồng.
Mẹ giận mẹ phát ngang hông,
Đồ con “chết chủ” đòi chồng thâm đêm.

Chuối non giú ép chát ngằm,
Trai tơ đòi vợ, *khóc thầm* thâm đêm.
Khóc rồi bị má đánh thêm,
Tiền đâu cưới vợ nửa đêm cho mày?

Anh ở làm sao cho vợ anh thôi,
Bây giờ *khóc đứng, than ngồi* với ai?

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng, *tiếng khóc nỉ non*.
Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng.

Đã khóc thì không thể thiếu NƯỚC MẮT: *Khóc hết nước mắt, Đổ mồ hôi sôi nước mắt, Khóc không ráo nước mắt, Mau nước mắt, Mồ hôi nước mắt, Nước mắt cá sấu, Nước mắt chảy xuôi, Nước mắt lưng tròng, Nước mắt nước mũi, Tuần chay nào cũng có nước mắt, Trai khôn lắm nước dãi gái khôn lắm nước mắt, Cười ra nước mắt . . .*

Ai ơi đừng rơi nước mắt ớt,
Đừng rớt nước mắt gừng,
Nhân duyên trời định nửa chừng mà thôi.

Tay chùi nước mắt ướt nhem,
Tại anh chậm bước nên em lấy chồng.

Thôi thôi đừng nhỏ nước mắt hồng,
Đừng pha tiếng ngọc mà cầm duyên em.
Đừng vợ đừng chồng, đừng gì hết thấy,
Anh có nơi rồi rún rẩy duyên em.

Năm bảy tháng trước còn bụng, còn bọt,
Năm bảy tháng sau lỗ bọt, lỗ bụng.
Trực nhìn nước mắt rung rung,
Khai hoa nở nhụy, khổ quá chừng anh ơi!

Ớ chị em ơi!
Cho tôi xin tí nước mắt thừa,
Tôi về tôi khóc tiễn đưa mẹ chồng.

Anh về em chẳng dám đưa,
Hai hàng nước mắt như mưa tháng mười.

Tuy nhiên con mắt không phải là lúc nào cũng làm tròn

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

nhệm vụ của mình một cách hoàn hảo. Khi mắt nhìn không rõ thì gọi là *mắt mờ*, *mắt loà*; khi không nhìn thấy gì cả thì gọi là *mắt đui* hay *mắt mù*. Và cứ như thế ta còn có một loạt những BỆNH CỦA MẮT như *mắt già*, *mắt cận*, *mắt viễn*, *mắt thông manh*, *mắt lòi*, *mắt chột*, *mắt toét*, *mắt quáng gà*, *mắt lộ*...

Hoan hô các cụ trồng cây,
Mười cây chết chín, một cây gặt gù!
Các cháu *có mắt như mù*,
Mười cây chết tiệt gặt gù ở đâu?

Trăm lạy ông trời chó điếc, đừng *đui*,
Để hai con mắt coi người thế gian.

Đã có mắt thì xem đàn ông,
Có phải *cận thị* ngó quàng ngó xiên.

Thôi tôi biết vợ anh rồi,
Vợ anh *toét mắt* bán xôi chợ chùa.

Do mắt có thể có khuyết tật hay bệnh nên mắt cần được chăm sóc và bảo vệ vì "*thứ nhất đau mắt, thứ nhì dắt răng*".

Ngày nay, với nền văn minh tân tiến, mắt còn được những nhà giải phẫu thay hình đổi dạng theo ý muốn. Mắt đôi khi còn được trang điểm bằng những cặp lông mi dài, tô thêm quầng mắt, vẽ lông mày hay bằng những cặp kính gọng đắt tiền.

Phì phà thuốc điều kẹp tay,
Mắt đeo kiếng mát xem ai ra gì.

Rồi **MẮT** còn qua những câu *tục ngữ* phổ biến trong dân gian như:

Mắt tinh đời, Ăn phùng má trợn mắt, Mắt la mây lét, Mắt hau hâu như quạ thấy gà con, Có mắt không người, Con mắt

to hơn cái bụng, Đổ đom đóm mắt, Đổ mồ hôi sôi nước mắt, Gái một con trông mòn con mắt, Giàu hai con mắt khó hai bàn tay, Hai mắt đổ dồn lại một, Mắt lá răm kiêu căng có tiếng, Mắt lơ mây lảo, Bé người to mắt, Rậm râu sâu mắt, Che mắt thế gian, Cẩn răng chằng mắt, Chết không nhắm mắt, Mắt hau hấu như quạ thấy gà con, Chớp mắt bỏ qua, Chường tai gai mắt, Coi người bằng nửa con mắt, Mắt thấy tai nghe, Mắt tròn mắt dẹt, Mắt trợn trừng, Mắt trước mắt sau, Mắt xanh mờ đỏ, Lấy vải thưa che mắt thánh, Lựa được con dâu sâu con mắt, Lúa bông vàng thì vàng con mắt, Mong đỏ con mắt, Móc mắt moi mè, Múa riu qua mắt thợ, Ngang tai trái mắt, Nghe tận tai nhìn tận mắt, Ngủ ngày quen mắt, Người trần mắt thịt, Nhắm mắt đưa chân, Nhắm mắt làm ngơ, Nhắm mắt xuôi tay, No bụng đói con mắt, Quạ chẳng mổ mắt quạ, Thấy của tôi mắt, Tai nghe không bằng mắt thấy, Trêu cò cò mổ mắt, Trời cao có mắt, Tuần chay nào cũng có nước mắt, Thứ nhất đau mắt thứ nhì nhức răng, Tiếc rõ máu mắt, Tối mắt tối mũi, Trái tai gai mắt, Vừa mắt ta ra mắt người, Yêu gà gà mổ mắt yêu chó chó liếm mặt . . .

Tóm lại, cặp mắt là bộ phận vô cùng quý giá của con người. Thật là bất hạnh cho chúng ta biết bao nếu thiếu đi cặp mắt hay bị giảm đi một phần khả năng của nó. Có lẽ cũng chính vì cái quý giá, đa năng đa dụng của mắt nên mới có nhiều từ ngữ để nói về mắt và những gì liên quan tới mắt trong ca dao, tục ngữ mà trong giới hạn bài này tôi chỉ có thể liệt kê được một phần rất nhỏ trong cái muôn vàn từ ngữ hoặc tình huống liên quan đến mắt trong kho tàng ngôn ngữ dân gian phong phú của dân ta.

Và cũng qua đây, tôi xin được nói thêm, ta phải thấy vô cùng hãnh diện về sự giàu có và tinh tế của ngôn ngữ ta; đặc biệt được thể hiện trong văn chương bình dân truyền khẩu của ông cha để lại qua *tục ngữ ca dao*. Bồn phận của chúng ta phải

Tập San Tin Văn – Văn Bút Nam Hoa Kỳ

gìn giữ và phát triển ngôn ngữ ấy, nhất là thế hệ con cháu sống nơi hải ngoại.

Kết luận:

Hãy gìn giữ ngôn ngữ nước ta như ta đang gìn giữ con mắt của chính mình vậy.

Nguyễn Giự Hùng

Mời nghe

Thương Ca Tiếng Việt

<https://www.youtube.com/watch?v=0m-UM6KlMoM>

Sáng tác: Đức Trí

Lời: Hà Quang Minh

Biểu diễn: Kyo York & Ju Uyên Nhi

Thương Ca Tiếng Việt

<https://www.youtube.com/watch?v=S1aD9Bn5L0U>

Ca sĩ: Mỹ Tâm

Yên Sơn *thơ Haiku*

Đời Chim

*Một cánh chim bay ngang
Nhìn nghiêng tôi miệt mài, tất bật
Cát tiếng kêu... bay mất!*

Wings

*A lonely bird flies by
Glances at me, working hard and tirelessly
Sounds like crying... flies away!*

7 Bí Mật Về Người Việt Nam Trong Nước Có Thể Bạn Chưa Biết?

1. Họ có thể tranh luận cãi vã, thậm chí đánh nhau đổ máu vì Bóng Tròn, phẩm chất ô-tô Hàn, Nhật, Iphone, Samsung. Nhưng khi Trung + chiếm biển Đông, giết ngư dân Việt Nam thì không ai dám lên tiếng.

2. Họ có thể đứng xếp hàng cả đêm ngoài trời chỉ để mua Iphone, giày dép thời trang mới về... Nhưng chỉ mấy giây đồng hồ đèn đỏ giao thông họ cũng không thể đợi.

3. Họ miễn cảm, đau khổ, rơi nước mắt, thậm chí tự tử vì một bộ phim hoặc ngôi sao điện ảnh Hàn Quốc.v.v. Nhưng họ lại thờ ơ, vô cảm với những mảnh đời bất hạnh, khổ sở của đồng bào Việt Nam.

4. Họ có thể nổi giận kéo cả làng ra đốt xe, giết tên ăn trộm chó. Nhưng họ lại im lặng trước những kẻ trực tiếp gây ra cuộc đời họ nghèo nàn lạc hậu.

5. Họ luôn ca ngợi sự lãnh đạo tài tình của Đảng, sự phát triển kinh tế giáo dục của Việt Nam. Nhưng họ lại muốn sang các nước Tư Bản chủ nghĩa du học, định cư, xuất cảng lao động.

6. Họ chửi nước Mỹ không có dân chủ, sắp sụp đổ, phân biệt chủng tộc. Nhưng họ và gia đình lại muốn tiếp cận nền giáo dục, hàng hóa của Mỹ bằng mọi giá.

7. Họ có thể quyên góp tiền bạc cho ngôi sao nước ngoài, sang tận Châu Phi làm từ thiện. Nhưng họ lại ngoảnh mặt làm ngơ với những đói khổ với chính đồng bào mình...

Sưu tầm... phào mà đúng 1000%



Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ

www.vanbutnamhoaky.com

7103 Plaza Del Sol Dr. Houston TX77083

Chủ tịch Đào Vĩnh Tuấn: vinhtuan@sbcglobal.net

Tổng Thư ký Lê Thị Hoài Niệm:

lethihoainiem@yahoo.com

Thủ Quỹ Phạm Tương Như: muoinhu@yahoo.com

*** Tất cả chi phiếu gửi TTVBNHK xin vui lòng ghi:**

T. Pham VBNHK

PO Box 681822

Houston, TX 77268

• Bài vở gửi tạp chí Tin Văn
tinvanhk2018@gmail.com

• Bài gửi đăng Website VBNHK
tuyha007@gmail.com

Trung Tâm VBNHK trân trọng giới thiệu



LỊCH SỰ - TRANG NHÀ - ẨM CÚNG

Địa điểm 1: 5495 Jimmy Carter Blvd - suite #105 Norcross, GA 30093
Tel: 770-409-8886 Fax: 770-409-8680
Địa điểm 2: 4501 Buford Hwy, Atlanta GA 30345
Tel: 404-633-2400 www.namphuongatlanta.com

Giờ mở cửa:
Thứ hai - thứ sáu: 11am - 11pm
Thứ bảy: 10am - 11pm
Chủ nhật: 10am - 10pm
Nhiều món ăn thuần túy Việt Nam
Phở - Hủ tiếu - Mì - Bún - Cơm Tấm

CÁC MÓN ĐẶC BIỆT:
.Bò nướng lá - Chạo tôm - Nem nướng
.Canh chua - Cá kho tộ - Bánh Kèo
.Gỏi ngó sen - Bò lúc lắc - Bún chả hà nội
.Cơm phân gia đình 2, 4, 6, 8, 10 người
.Cá dứa lò - Lẩu Dê
PHÒNG ĂN RỘNG RÃI THÍCH HỢP
.Khoán đãi gia đình, thân nhân, bè bạn
.Giới thiệu một ăn Việt đến người ngoại quốc
.Nhận đặt tiệc cưới, hỏi, sinh nhật... đến 300 người
.Bãi đậu xe rộng rãi, miễn phí, an toàn
.Có phục vụ bia rượu và các loại giải khát
Nam Phuong Kính Mời
Nhận Visa - Master - Discover

JOHNNY DANG & CO "Proud To Be The Largest Custom Jewelry store!"



@JOHNNYDANGANDCO

TEL: (832) 846 - 9669

WWW.JYJOHNNY.NET

SHARPSTOWN LOCATION:

253 SHARPSTOWN CTR

HOUSTON, TX 77036

FLAGSHIP LOCATION:

6224 RICHMOND AVE

HOUSTON, TX 77057